In ấn kinh sách

Giảng rộng

Cho dù sẵn có món ngon vật lạ, nếu không nếm vào cũng không thể biết được vị ngon. Cho dù sẵn có đạo lý nhiệm mầu, nếu không học hỏi tu tập cũng không thể biết được chỗ vi diệu uyên áo. Trong cuộc đời này, thân người là điều mong manh dễ mất nhất,[1] mà Phật pháp là điều khó được nghe biết đến nhất.[2] Nếu như đức Như Lai không xuất thế độ sinh, rộng truyền Phật pháp, ắt hẳn cả hai cõi trời, người vẫn còn mãi mãi chìm trong đêm dài vô minh tăm tối.

Chẳng riêng gì những người thô thiển, kiến thức hẹp hòi, đến như các nhà Nho học rộng nghe nhiều thì chỗ thấy biết cũng còn giới hạn, không thể sánh với Phật pháp. Như ngẩng đầu quan sát trời cao, người đời thường nghĩ chỉ có một thế giới này với mặt trời, mặt trăng, mà không biết rằng còn có vô số cõi thế giới khác nữa. Hoặc như cho rằng con người đầu tiên được sinh ra từ thời Bàn Cổ, nhưng thật không biết là trong vô số kiếp từ trước đến nay, mỗi chúng ta đều đã trải qua không biết bao nhiêu đời sống. Hoặc cho rằng các vị Thiên đế, Thiên tiên là những bậc cao quý nhất, không ai sánh bằng, nhưng thật không biết rằng họ cũng chỉ là phàm phu chưa thoát khỏi luân hồi trong sáu nẻo.[3] Hoặc như cho rằng sau khi chết thì thân thể hư hoại, hồn phách tiêu tán, nhưng thật không biết rằng mỗi chúng ta đều sẵn có một điểm linh quang, dù trải qua bao nhiêu kiếp sống cũng chưa từng mất đi sự sáng suốt, làm sao có thể hoại diệt? Lại như cho rằng cha mẹ hoặc người thân khi đã qua đời thì không còn làm gì được nữa, nhưng không biết rằng một khi học được pháp Phật vi diệu này rồi thì dù có trải qua muôn ngàn kiếp sống cũng đều tự biết cách tu tập, thường gieo

---

[1] Đức Phật dạy: "Mạng người còn mất chỉ trong hơi thở." Người đời thường không lưu tâm, đến khi cái chết cận kề mới sinh lòng hối tiếc. Thậm chí thở ra không hẹn lúc thở vào, làm sao có thể lơ là chểnh mảng, lúc còn tu tập được lại không gắng sức tu?

[2] Trong Kinh điển thường dùng ví dụ con rùa mù để nói đến sự khó khăn của người gặp được pháp Phật. Ví như trong biển cả có con rùa mù, cứ 100 năm mới nổi lên mặt biển một lần, lại có một thân cây bộng trôi đi qua lại trong biển ấy, cứ 100 năm mới trôi ngang chỗ con rùa mù một lần. Cơ hội của mỗi chúng ta được làm người và được nghe biết, tin nhận Phật pháp cũng khó khăn như con rùa kia có thể gặp được thân cây bộng để chui vào.

[3] Sáu nẻo, hay sáu đường, hay lục đạo, chỉ cho sáu cảnh giới mà tất cả chúng sinh do nghiệp lực nên đều phải lưu chuyển trong đó. Sáu nẻo bao gồm: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ và cõi súc sanh.

nhân lành, gặt quả tốt. Hoặc như khi thấy người hiền lương gặp điều trắc trở, kẻ xấu ác được như ý muốn, liền cho rằng lẽ trời chẳng đáng tin theo, nhưng thật không biết rằng hết thảy đều do nghiệp nhân từ đời trước chiêu cảm, dù mảy may cũng không sai lệch.

Thật vĩ đại thay, Giáo pháp kinh điển của Như Lai! Quả thật là con thuyền từ bi đưa muôn người vượt qua bể khổ, là ngọn đuốc quý báu trên con đường tối tăm u ám, là bầu sữa mẹ lúc sơ sinh, là lúa gạo trong năm mất mùa đói kém. Vì thế, khi Tôn giả A-nan kết tập Kinh điển, Phạm vương, Đế thích đều cầm lọng che hầu, bốn vị Đại thiên vương đích thân quỳ nâng bốn chân tòa báu. Sách vở của thế gian thật không thể đem ra so sánh, dù chỉ trong muôn một. Cho nên, việc in ấn lưu hành Kinh sách quả thật là điều không thể không làm.

Đức Thế Tôn trước khi thành đạo, trong vô số kiếp đã vì cầu Phật pháp mà sẵn sàng xả bỏ thân mạng, có lúc chỉ cầu một câu kinh, một bài kệ mà bỏ cả ngôi vua, hoặc xa lìa vợ con, không việc gì không làm. Cho nên, pháp môn của Phật như cam-lộ quý báu, không phải lúc nào cũng sẵn có trong đời. Người đời không hiểu sự quý báu như thế, thường xem nhẹ Kinh Phật, đâu biết rằng đến vài ba ngàn năm sau nữa, dù muốn cầu được một câu, một chữ trong Kinh điển cũng không thểđược.

Trong kinh *Pháp diệt tận*[4]có dạy rằng: Khi Chánh pháp sắp mất đi, màu áo cà-sacủa tỳ-kheocòntự nhiên hóatrắng, huống hồ Batạng[5]Kinh văngiáo điển.[6]Rồi từ khi Chánh pháp mất đi, phải trải qua hơn 8.806.000 năm,[7]Bồ Tát Di-lặc từ cungtrời Đâu-suất hạsanh, thế gian mới lại có Phật.[8]Bốn tiểu kiếp từ thứ 11 đến

---

[4] Tên đầy đủ là Phật thuyết Pháp diệt tận kinh (佛說法滅盡經), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ở tập 12, kinh số 396, mất tên người dịch. Ở đây chỉ trích ý kinh, không phải nguyên văn.

[5] Ba tạng (Tam tạng): chỉ Kinh tạng (những kinh điển do Phật hoặc đệ tử Phật thuyết dạy), Luật tạng (những giới luật do đức Phật chế định) và Luận tạng (những luận giảng do đức Phật, chư vị Tổ sư, Luận sư... giảng rộng các vấn đề được đề cập trong Kinh điển.)

[6]Kinh Lăng Nghiêm sẽmất trướcnhất, Kinh Di-đà sẽmất sau cùng. (Chú giải của soạn giả)

[7]Phần trước hơn 8.406.000 nămlà thuộc tiểu kiếp thứ chín; phần sau 400.000 nămthuộc tiểu kiếp thứ mười. (Chú giải của soạn giả)

[8] Đức Phật Di-lặc là vị Phật thứ năm trong kiếp Hiền. (Chú giải của soạn giả)

thứ 14 đều không có Phật.[9]Đến tiểu kiếp thứ15, sau khi đức Phật SưTử xuất thế, lại có các vị Phật nối nhau thành đạo, gồm cả thảy 993 vị, có thể xem là giai đoạn Phật pháp hưng thịnh nhất.Nhưng rồi 4 tiểu kiếp từ thứ 16 đến thứ 19 lại không có Phật.Mãi đến tiểu kiếp thứ 20, sau khi đức Phật Lâu-chí[10] xuất thế, vừa đủ số 1.000 vị Phật thì thế giới Ta-bà này cũng hoại diệt mất.Từ đó, lại trải qua60 tiểu kiếp[11]rồi mới có Đức Phật Nhật Quang ra đời.[12]

Pháp Phật thật khó gặp như thế, nay ta may mắn sinh ra vào thời gian còn có pháp Phật lưu truyền, lẽ nào lại như người vào núi châu báu mà trở về tay không?[13]Người ởchâu Bắc-câu-lô, tuổi thọ trung bình đến hơn nghìn tuổi, nghĩ tưởng đến y phục liền tự nhiên có được y phục, nghĩ tưởng đến thức ăn liền tự nhiên có được thức ăn, mắt không thấy cảnh đau buồn, tai không nghe tiếng tranh đoạt, so với các đời Đường, Ngu,Tam đại[14]thật vượt hơn đến trăm ngàn lần. Theo như thế tục mà nóithìđời sống nơi ấy quả là hưng thịnh phi thường, nhưng theo Phật pháp lại xếp vào một trongTám nạn,[15]vì người cõi ấy chỉ hưởngphước si mê,[16]không tin Tam bảo, không biết đến Giáo pháp xuất thế.[17]

---

[9] Tuổi thọcon người một lần tăng một lần giảm là một tiểu kiếp, mỗi tiểu kiếp có 16.800.000 năm. (Chú giải của soạn giả)

[10] Tức Bồ Tát Vi Đà. (Chú giải của soạn giả)

[11] Bao gồm 20 tiểu kiếp của giai đoạn thế giới Ta-bà này hoại diệt, 20 tiểu kiếp của giai đoạn thế giới rỗng không, và 20 tiểu kiếp của giai đoạn hình thành thế giới tương laithuộc kiếp Tinh Tú. (Chú giải của soạn giả) Như vậy là trọn vẹn 4 giai đoạn của mỗi một thế giới, gồm *thành*, *trụ*, *hoại* và *không*. Mỗi giai đoạn là 20 tiểu kiếp. Thế giới Ta-bà của chúng ta hiện đang trong giai đoạn *trụ*, nên tiếp tới sẽ là các giai đoạn *hoại* và *không*. Sau đó mới đến giai đoạn hình thành một thế giới mới, cũng kéo dài 20 tiểu kiếp.

[12] Đức Phật này là vị Phật đầu tiên của kiếp Tinh Tú. (Chú giải của soạn giả)

[13] Ý nói gặp được pháp Phật mà không khởi lòng tin sâu tu tập nên không được hưởng sự lợi lạc từ pháp Phật, chẳng khác nào kẻ đã vào được núi châu báu lại trở về tay không, chẳng thu nhặt được gì.

[14] Tam đại: chỉ 3 đời nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu trong lịch sử Trung Hoa.

[15] Tám nạn (Bát nạn): chỉ 8 hoàn cảnh khiến cho chúng sinh rất khó tu tập Phật pháp, bao gồm: (1) địa ngục,(2) ngạ quỷ,(3) súc sinh, (4) sinh vào châu Bắc Câu-lô (tức châu Uất-đan-việt),(5) sinh lên cõi trời Trường thọ,(6) sinh làm người đui mù, câm điếc, (7) sinh làm người thế trí biện thông,và(8) sinh ra trước hoặc sau khi Phật xuất thế.

[16] Do đời trước chỉ làm việc phước đức một cách si mê, thiếu trí tuệ. (Chú giải của soạn giả)

[17]Bồ Tát Vi Đà không cảm hoá được người ở châu này, nên chỉ thấy nói đến ba châu cảm ứng (Chú giải của soạn giả) Ba châu bao gồm Nam Thiệm bộ châu, Tây Ngưu hóa châu và Đông Thắng thần châu.

Pháp Phật quý báu như thế, nên khi tôi đọc đến câu *“buộc tăng hoàn tục, đốt hết kinh Phật”* của Hàn Dũ,[18]thật không sao kiềm chế được lòng thương xót cho kẻ si mê ấy!

Dưới đây phụ đính Biểu đồ Pháp giới theo như được trình bày trong Kinh Phật.

Biểu đồ pháp giới duy tâm

Bốn bậc thánh, sáu cõi phàm đều do tâm tạo.[19]

Phật là bậc thầy dẫn dắt Ba cõi,[20]là đấngcha lành chung của bốn loài,[21]dù khắp cõi trời, người, thế gian hay xuất thế gian,không ai sánh bằng Phật.

Bồ Tát gồm năm mươi mốt bậc: Mười tín, Mười trụ, Mười hạnh, Mười hồi hướng, Mười địa và Đẳng giác.[22]

Duyên giác là các vị do nghe biết Mười hai nhân duyên mà giác ngộ, chỉ tự độ mình, chưa thể cứu độ người khác, nhưng tự thân các vị đã vượt ngoài Ba cõi.

Thanh văn là các bậc tu chứng nhờ được nghe Pháp âm, tức bốn thánh quả:Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Chúng sinh tu Mười điều lành(Thập thiện) thì sinh lên các cõi trời, hưởng sự khoái lạc.Trong Ba cõi có tổng cộng 28 cảnh trời.

Chúng sinh giữ trọn được Năm giới thì sinh vào cõi người, tuy vậy có kẻ hiền người ngu chẳng đồng.Trong số đó, người tạo nhiều phước đức đến mức cùng cực là bậc thánh nhân.

---

[18] Câu này nằm trong một bài biểu văn bài xích Phật giáo của Hàn Dũ (韓愈), tức là bài Nguyên Đạo (原道). Trong đó ông hết lời bài bác đạo Phật và kiến nghị triều đình bắt tất cả tăng ni phải hoàn tục, đốt hết tất cả kinh Phật, và phá hủy tất cả chùa chiền, tự viện.

[19] Bốn bậc thánh là chư Phật, Bồ Tát, Duyên giác và Thanh văn. Sáu cõi phàm là các cõi trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

[20] Ba cõi gồm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới). Chúng sinh theo nghiệp lực lưu chuyển, dù thiện dù ác cũng không ra ngoài ba cõi này. Chỉ riêng những bậc tu hành theo pháp xuất thế mới có thể dứt trừ nghiệp lực, ra khỏi ba cõi, tức không còn sinh tử luân hồi.

[21] Ở đây phân biệt bốn loài hay tứ sanh bao gồm các loài sinh ra từ trứng (noãn sanh), các loài sinh ra từ bào thai (thai sanh), các loài sinh ra từ chỗ ẩm thấp (thấp sanh) và các loài sinh ra do sự biến hóa (hóa sanh). Tất cả chúng sinh hữu tình đều sinh ra bởi một trong bốn cách này.

[22] Theo âm Hán Việt là Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác.

A-tu-la là những chúng sinhcó đủ phước như chư thiên nhưng không có đức hạnh như chư thiên.

Chúng sinh có bốn cách sinh ra là: sinh ra từ trứng (noãn sinh), sinh ra từ bào thai (thai sinh), sinh ra từ sự ẩm thấp (thấp sinh) và sinh ra do sự biến hóa (hóa sinh).

Những kẻ ngu si tà kiến, nợ nần không trả, khi chết sinh làm súc sinh, bị người giết hại, tuy có miệng nhưng không tranh biện gì được.

Những kẻ keo kiệt không bố thí, sau khi chết sinh làm quỉ đói, trải nhiều đời kiếp không được ngheđến tên gọi thức ăn nước uống, nói gì đến việc được ăn uống,nỗi khổ đó thật khôn cùng.

Những kẻ bác bỏ nhân quả, làm đủ các việc ác, sau khi chết sinh vào địa ngục, một ngày một đêm trải qua muôn lần chết đi sống lại mà chịu khổ.

Thế giới Ta bà

Nói "ba ngàn đại thiên" có nghĩa rằng: từ một, hai, cho đến một ngàn cõi Tứ thiên hạlà một tiểu thiên thế giới; lại từ một, hai, cho đến một ngàn tiểu thiên thế giớilà một trung thiên thế giới;lại từ một, hai, cho đến một ngàntrung thiên thế giớilà một đại thiên thế giới.Vì có ba lần số ngàn như vậy mới thành một đại thiên thế giới cho nên gọi là "ba ngàn đại thiên"nhưng thật ra là chỉ cho một đại thiên thế giới mà thôi.

Núi đại Thiết vi

Đây là tên gọi chung chỉ thế giới mà đức Phật Thích-ca đã ra đời,cùng với toàn cõi thế giới ba ngàn đại thiên này. Nếu tính hết trong toàn cõi thế giới thì có đến 100.000.000 cõiTứ đại thiên hạ bao quanh ngọn núi này.

Tứ đại thiên hạ

Bao gồm 4 châu, đều nằm ở khoảng giữa đường đi của mặt trời và mặt trăng, chính giữa là núi Tu di, trên đỉnh là cung trời Đao-lợi.

Châu Nam thiệm bộ có 16 nước lớn, 500 nước trung bình, 100.000 nước nhỏ, nước Thiên Trúc nằm ngay chính giữa.[23]

Châu Đông thắng thần, chính là nước Trung Hoa,nằm về phía đông nam nước Thiên Trúc, nên còn gọi là nước Đông Chấn Đán, cũng gọi là nước đông China, là một quốc gia có văn hiến.

Năm phước báocủa người ấn tống kinh điển

Một là được trường thọ, hai là được giàu có, ba là được thân thể đoan chính, bốn là được sanh vào nhà tôn quí, năm là được thông minh.

Phước báo của người tụng kinh

Do không sát sinh, không trộm cắp, giữ hòa khí, tin Phật và giác ngộ nên không rơi vào tám hoàn cảnh khó tu tập Phật pháp, bao gồm:

Bốnhoàn cảnh trong cõi người: (1) sinh ra trước hay sau lúc Phật xuất thế, (2) sinh vào châu Bắc-câu-lô, (3) sinh làm người đui mù, câm điếc,(4) sinh làm người thế trí biện thông.

Bahoàn cảnh trong ba đường ác:(5) địa ngục,(6) ngạ quỷ, (7) súc sinh.

Mộthoàn cảnh trong cõi trời:(8) sinh vào cõi trời Vô tưởng.

Trưng dẫn sự tích

Rồng cầu trai pháp

Ngày xưa, có vị quan giữ vườn thượng uyển,một hôm hái được thứ quả quý hiếm bên bờ hồ, liền dâng lên vua.Vua rất thích, nhân đó hạ lệnh cho ông mỗi ngày đều phải dâng thứ quả đó, nếu không có sẽ xử tội chết.

Viên quannày kinh hoảng, oan ức kêu trời.Lúc đó, trong hồ có vị long vương hiện thành hình người, bưng mâm vàng đựng quả, an ủi vị quan rằng: "Ông đừng lo sợ nữa, hãy mang mâm quả này dâng vua, chỉ cầu xin một điều thôi. Thuở xưa, sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn,[24]tôi với vua này cùng thọ

---

[23] Thiên Trúc là tên gọi được dùng để chỉ Ấn Độ thời xưa.

[24] Đức Phật Ca-diếp là vị Phật ra đời trước đức Phật Thích-ca, vào lúc tuổi thọ trung bình của con người là 20.000 năm. (Chú giải của soạn giả)

giới Bát quan trai.Vua giữ trai giới đúng pháp, sau giờ ngọ không ăn, nên đời này được làm vua.Tôi bị người khác xúi giục, sau giờ ngọ vẫn cứ ăn, vì thế mới đọavào loài rồng.Nay tôi mong muốn có được pháp Bát quan trai giới ấy để rộng khuyên mọi người cùng thọ trì. Nếu vua nhanh chóng mang giáo pháp ấy đến đây, tôi sẽ hết lòng giúp đỡ đất nước này.Bằng không, tôi sẽ nhấn chìm cả nước."

Nhưng thuở ấy không có pháp Phật, biết tìm đâu ra giáo pháp Bát quan trai giới? Vua hết sức lo buồn sầu khổ.Bấy giờ, có người cha của một vị đại thần nói với vị ấy rằng: "Trong cây cột nhà ta thường phát ra ánh hào quang sáng rực, nên chẻ cây cột ấy ra thử xem."

Vị đại thần nghe lời cha, lúc chẻ ra liền thấy có hai quyển kinh: một quyển kinh Mười hai nhân duyên và một quyển Bát quan trai pháp. Liền mang dâng lên vua.Vua hết sức vui mừng, đưa quyển Bát quan trai pháp choLong vương.

Long vương sau đó cùng với 500đứa con cùng nhau tu tập pháp Bát quan trai giới.Sau khi mạng chung,tất cả đều được sanh lên cõi trời Đao-lợi.

Pháp Bát quan trai giới

*Thứ nhất, không giết hại:*Bất kỳ loài nào có mạng sống đều không được giết hại;

*Thứ hai, không trộm cắp:*Bất kỳ vật gì không phải sở hữu của mình, nếu người khác không tặng chothì không được giữ lấy;

Thứ ba, không dâm dục: Năm giới của người tu tại gia chỉ cấm việc tà dâm, nhưng trong ngày thọ Bát quan traithì dứt hẳnsự dâm dục;

*Thứ tư, không nói dối:*Lời nói và tâm ý đều phải như nhau, hoàn toàn không có sự gian dối;

*Thứ năm, không uống rượu:*Rượu làm rối loạn tâm tánh, uống vàosinh ra mọi tội lỗi;

*Thứ sáu, không dùng hương, hoa trang điểm, không ướp hương thơm vào thân thể:*Vì dứt trừ sự tham đắm chấp trướcnên không tô điểm làm đẹp thân thể;

*Thứ bảy, không đàn ca, hát xướng, nhảy múa; không đi nghe, xem người khác đàn ca, hát xướng, nhảy múa:*Tự mình đàn ca, hát xướng hay xem, nghe người khác đàn ca, hát xướng đều làm rối loạn tâm tu tập.Nói đàn ca là chỉ chung việc sử dụng tất cả các loại nhạc khí như đàn, tiêu, sáo, quyển...

*Thứ tám, không ngồi, nằm trên giường ghế cao rộng:*Vì đề phòng việc khởi tâm tham trước, phóng túng;

Thứ chín, không ăn sai giờ:[25]Người ăn sai giờ tâm trí dễ bị tối tăm, mê muội.

Tám điều trước gọi là *giới*, điều thứ chín gọi là *trai*. Chữ *quan*(關) có nghĩa là đóng lại, chữ*trai*(齋) là nghiêm túc tề chỉnh.Dùng tám *giới* trước để đóng lại tất cả các cửa ác, dùng một pháp *trai*cuối cùng đểgiúp cho tinh thần sáng suốt, tỉnh táo, giữ được chính niệm.

Không ăn sai giờnghĩa là quá giữa ngày[26]thì không ăn.Đây là đức Phật giúp cho người tại gia được thọ giới như người xuất gia, dùng đó làm phương tiện để gieo trồng căn lành xuất thế.

Vì người tại gia còn sống đời vợ chồng, không dễ dứt bỏ sự dâm dục;lại mỗi người đều vướng mắc công ăn việc làm, không dễ giữ theo giới không ăn sai giờ, nên chỉ thiết lập kỳ hạn trong một ngày một đêm, tức là thọ giới từ buổi sáng sớm cho đến sáng sớm ngày hôm sau là hoàn mãn.Nếu muốn thọ trì nhiều lầnvẫn phải thọ theo từng ngày một. Hết thảy các giới khác đều thọ trì suốt đời, chỉ riêng Bát quan trai giới có kỳ hạn chỉ trong một ngày một đêm.Nếu có thể phát tâm Bồ-đề, giữ giới này được thanh tịnh thì được vãng sinh Tây phương Cực Lạc, huống chi là việc sanh lên các cõi trời. Bằng như không thật giữ được theo đúng pháp thì việc thọ giới ắt chỉ là hình thức hư huyễn mà thôi.

Lúc thọ giới nên thỉnh một vịtỳ-kheo đến trước bàn thờ Phật để thuyết giới.Nếu không có tỳ-kheo thì tự mình đến trước bàn thờ Phật tác bạch để thọ giới.Nếu không có tượng Phật thì đối trước Kinh Phật để thọ giới cũng được. Nhưng nếu có tỳ-kheo mà không cầu vị ấy truyền giới, lại tự mình tác bạch thọ giới thì phạm lỗi khinh Pháp, khinh Tăng, lợi ích của việc trì giớisẽ do tâm khinh mạn đó mà giảm bớt.

---

[25] Người thọ Bát quan trai giới chỉ ăn một lần trong ngày vào trước giờ ngọ, gọi là ăn đúng giờ. Nếu sau giờ ngọ mà ăn thì gọi là ăn sai giờ (phi thời thực), tức là phạm giới.

[26] Tức sau giờ ngọ, sau 12 giờ trưa.

Bất kể là người chưa thọ giới, hoặc đã thọ Năm giới, hay đã thọ giới Bồ Tát, đều có thể thọ trì Bát quan trai giới, vì giới này thuộc về giới gia hành.[27]

Chép kinh thoát khổ[28]

Niên hiệu Long Sóc năm thứ ba đời Đường Cao Tông,[29] mẹ vợ của ông Lưu Công Tín ở Trường An qua đời.Không lâu sau, vợ ông là Trần thị cũng đột nhiên chết đi.Trần thị khi ấy nhìn thấy mẹ bà bị giam trong ngục đá, chịu nhiều cực hình, buồn bã nói với con gái: “Hãy mau mau vì mẹ mà chép một bộ kinh Pháp Hoa,giúp mẹ có thể thoát tội.”Vừa nói dứt lời, ngục đá lập tức đóng chặt, Trần thị liền sống lại.Bà đem việc ấy thuật lại với chồng. Lưu Công Tínliền nhờ người em rể là Triệu Sư Tử chép kinh.Họ Triệu bèn lấy một bộ kinh Pháp Hoa đã chép sẵn trước đó, đưa cho họ Lưu trang trí lại rồi dâng cúng. Kỳ thật, bộ kinh đó là do một người họ Phạm trước đây bỏ tiền thuê chép nhưng Lưu Công Tín không hề hay biết. Không lâu sau, Trần thị lại mộng thấy mẹ về giục chép kinh. Trần thị nói đã chép xong, bà mẹ khóc nói rằng: “Mẹ vì bộ kinh đó mà chịu thêm khổ sở. Đó là phúc đức của nhà họ Phạm tạo ra, sao lại cướp công người ta?” Tỉnh dậy bèn tra hỏi, quả nhiên nhà họ Phạm đã bỏ hai trăm lạng bạc thuê chép kinh.Do đó, liền chép riêng một bộ kinh Pháp Hoa khác để cúng dường.

Lời bàn

Đất Dương Châu có người tên Nghiêm Cung, vào năm đầuniên hiệu Thái Kiến đời Trần[30] chép kinh Pháp hoa để lưu truyền.Lúc bấy giờ, có vị thần miếu ở hồ Cung Đình báo mộng cho mộtngười khách buôn, bảo lấy hết tài vật trong miếu mang đến chỗ ông Nghiêm, để ông ấy dùng vào việc chép kinh. Lại có một hôm, ông Nghiêm vào chợ mua giấy nhưng thiếu mất 3.000 đồng, chợt thấy

---

[27] Gia hành: dịch từ Phạn ngữ *prayoga*, trước đây được dịch là phương tiện. Gia hành hàm nghĩa là “gia công dụng hành”. Ở đây, giới gia hành có thể được hiểu là giới để hỗ trợ, củng cố thêm cho sự tu tập. Vì thế có thể thọ trì riêng giới này hoặc cùng với các giới khác đều được.

[28] Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). Sách này có 100 quyển, được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 53, kinh số 2122. Câu chuyện này được chép ở quyển thứ 57, bắt đầu từ dòng thứ 26, trang 721, tờ c. Nội dung ở đây được lược kể lại, không trích nguyên văn.

[29] Tức là năm 663.

[30] Tức là năm 569.

trong chợ có một người mang 3.000 đồng đến, nói là giúp ông mua giấy.Nói xong liền biến mất.

Đến cuối đời Tùy, giặc cướp kéo nhau đến tận Giang Đô, đều bảo nhau không được xâm phạm vào làng của ông Nghiêm chép kinh Pháp Hoa.Nhờ đó mà người làngphần lớn đều được sống sót.

Đến cuối đời Đường, nhà họ Nghiêm vẫn còn tiếp tục việc chép kinhPháp Hoa.

Cho nên biết rằng,trong khi kinh sách được in ấn lưu truyềnthì các vị thần linh đều rõ biết.

Gối đầu lên kinh không thi đỗ[31]

Cao Thiên Hựu, người huyện Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy, trước đây đã từng cùng hai người bạn đồng học đến Giang Ninh dự thi.Mọi người nghe danh thiền sư Thủ Nguyên ở núi Kê Minh là người đạo hạnh, liền rủ nhau đến tham bái.

Thiền sưnhân đó nói với ba người rằng: “Hai vị này đều sẽ thi đỗ, chỉ riêng ông Cao không thể đỗ vì đãmê muội dùng kinh Lăng nghiêm làm gối kê đầu.”

Nghe thế, Cao Thiên Hựu ngạc nhiên lắm, nhưng bình tĩnh suy nghĩ lại hồi lâu, mới nhớ ra trong tráp có một bộ kinh Lăng nghiêm, lúc nằm nghỉ chẳng bao giờ lấy ra, lạidùng cái tráp ấy gối đầu.

Đến lúc có bảng báo kết quả thi, quả thật đúng nhưlời thiền sư.

Lời bàn

Có người thắc mắc rằng,tất cả sách vở kinh thư đều nên tôn trọng, sao lại chỉ tôn sùng riêng Kinh điển nhà Phật?Những người ấy không biết rằng, tuy chữ nghĩagiống nhau, nhưng giáo pháp của NhưLai làm lợi ích khắp cả chúng sanh, hết thảy tám bộ trời rồng, không ai là không tin tưởng làm theo, nên những sách vở thư tịch thông thường không thể nào sánh kịp. Cũng như chiếu chỉ vua ban, không thể đánh đồng như các văn bản khác.

---

[31] Trích từ sách Cảm ứng thiên chú sớ (感應篇註疏).

Xem như Cao Thiên Hựukhinh thường kinh Phật mà phải chịu hậu quả đi thi không đỗ như thế, thì người phát tâm in ấn lưu truyền Kinh điểnđược công đức lợi ích như thế nào hẳn có thể biết được.

Xây dựng, tu sửachùa chiền, tu viện

Giảng rộng

Phật, Pháp và Tăng-già là Ba ngôi báu, là thửa ruộng tốt để chúng sinh gieo trồng phước đức.Nhưng muốn cúng dường trang nghiêm lên Tam bảo,ắt chỉ có thể thực hiện được ở nơi chùa chiền, tu viện.Nếu không có chùa chiền, tu viện, ắt không có tượng Phật, Kinh điển giáo pháp. Hàng tăng ni nói riêng, bốn chúng Phật tử[32] nói chung, dù muốn gieo trồng vào ruộng phước, lễ bái dâng hương, thọ trì đọc tụng Kinh điển, cũng không có nơi để thực hiện. Xét theo đó thì biết, công đức của người xây dựng, tu sửa chùa chiền, tu viện là hết sức lớn lao.

Kinh Chánh pháp niệm xứ[33] dạy:"Nếu chúng sanh nào nhìn thấy chùa chiền, tháp miếu hư hỏng liền ra sức tu sửa, lại khuyên dạy người khác cùng làm việc tu sửa, thì sau khi mạng chung được sinh về cõi trời, thân thể tươi sáng đẹp đẽ, vào rừng san hô quý cùng các thiên nữ vui hưởng năm món dục lạc.Khi nghiệp cõi trời đã hết, liền được sinh làm người, thân thể cũng được tươi sáng đẹp đẽ."[34]

Trong kinh Pháp diệt tận[35] lại có nói rằng: "Về sau, khi thế giới khởi sinh tai kiếp lửa thiêu, nơi nào đã từng xây dựng chùa chiền, tháp Phậtsẽ không bị thiêu đốt."[36]

---

[32] Bốn chúng Phật tử bao gồm 2 chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, 2 chúng tại gia là ưu-bà-tắc (cư sĩ nam) và ưu-bà-di (cư sĩ nữ).

[33] Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh (正法念處經), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 17, kinh số 721, tổng cộng có 70 quyển, do ngài Cù Đàm Bát Nhã Lưu Chi dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy.

[34] Đoạn này thật ra là trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林) do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường, được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển. Phần văn trích bắt đầu từ dòng thứ 11, trang 583, tờ b, quyển 38, mở đầu bằng câu: Chánh pháp niệm xứ kinh vân - 正法念處經云(Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy rằng). Có lẽ tiên sinh An Sĩ đã dẫn chú dựa theo câu này. Khi đối chiếu nội dung trong chánh văn kinh (Chánh pháp niệm kinh, quyển 24), chúng tôi thấy có đôi chút khác biệt nhưng ý nghĩa vẫn tương đồng.

[35] Tên đầy đủ là Phật thuyết Pháp diệt tận kinh (佛說法滅盡經), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ở tập 12, kinh số 396, mất tên người dịch.

Đức Phật có dạy: "Ví như có người bỏ ra trăm ngàn lượng vàng để xây dựng một ngôi chùa, lại được một vị tỳ-kheo giữ giới từng trú trì nơi đó, thì cho dù ngôi chùa ấy về sau có bị lửa cháy, nước lụt mà hủy hoại mất đi, công đức của người xây dựng chùa ấy cũng không bị mất."Theo đó mà xét thì việc xây dựng chùa chiền, tu viện nếu được thành tựu, trở thành ruộng tốt để chúng sinh gieo trồng phước đức, công đức sẽ lớn lao biết đến dường nào!

Trưng dẫn sự tích

Tu-đạt-đa cúng vườn[37]

Trong thành Xá-vệ có vị đại trưởng giả tên là Tu-đạt-đa,[38] muốn tìm một nơi thắng địa thích hợp để xây dựng tinh xá dâng lên cúng Phật.Cuối cùng chỉ tìm được khu vườn cây của thái tử Kỳ-đà, rộng tám mươi khoảnh,[39] cây cối um tùm xanh tốt, thật là một nơi thắng địa thích hợp nhất.

Tu-đạt-đa liền đến thưa với thái tử xin mua, thái tử nói: "Nếu đem vàng trải kín khắp vườn, ta sẽ bán cho ông." Tu-đạt-đa mừng nói: "Nếu vậy thì vườn này sẽ là của tôi." Ông lập tức cho người chở vàng đến trải, không bao lâu đã sắp kín hết khắp vườn. Thái tử thấy vậy liền nói: "Ta chỉ nói đùa thôi." Tu Đạt đáp: "Ngài là thái tử cao quý, không nên có lời đùa cợt."Liền quyết lòng mua cho bằng được, thái tử cuối cùng phải thuận ý bán.

Thái tử khi ấy cũng không nhận vàng,mà dùng số vàng ấy để tạo dựng trong tinh xá một ngàn hai trăm phòng ốc.Ngay trong lúc chuẩn bị nền móng xây dựng, tôn giả Xá-lợi-phất bỗng nhiên mỉm cười. Tu-đạt-đa thưa hỏi nguyên nhân, tôn giả đáp:"Nay tuy ông chỉ vừa khởi công xây dựng tinh xá ở đây để dâng cúng lên Phật và chư tăng, nhưng phước báu đời sau sẽ được thọ hưởng

---

[36] Đoạn này thật ra được trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, tập 53, kinh số 2122), được tìm thấy trong quyển 38, bắt đầu từ dòng thứ 2, trang 584, tờ a. Tiên sinh An Sĩ đã dẫn chú theo sách này.

[37] Trích từ sách Kinh luật dị tướng (Chú giải của soạn giả). Sách Kinh Luật Dị Tướng (經律異相) được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 53, kinh số 2121, tổng cộng có 50 quyển, do ngài Bảo Xướng soạn vào đời Lương. Đoạn trích này nằm trong quyển 35, bắt đầu từ dòng thứ 5, trang 194, tờ c. Nội dung được lược kể lại chứ không trích nguyên văn.

[38] Tên gọi này phiên âm từ Phạn ngữ Sudatta.

[39] Vào thời quá khứ, đạo tràng của đức Phật Ca-diếp cũng ở nơi đây (Chú giải của soạn giả).Mỗi khoảnh là 100 mẫu theo đơn vị đo lường ngày xưa. Như vậy, khu vườn này rộng 80 khoảnh tức là 8.000 mẫu.

cung điện nơi cõi trời đã được định rồi.”Tôn giả nói xong liền dùng thần thông, khiến cho Tu-đạt-đa nhất thời có được thiên nhãn, cùng quan sát cung điện nơi cõi trời. Tu-đạt-đa được thấy như vậy rồi, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền thưa hỏi tôn giả xem cõi trời nào là an lạc nhất.Tôn giả Xá-lợi-phất dạy: “Tầng trời thứ tư của cõi Dục là cung trời Đâu-suất, hiện có Bồ Tát Di-lặc đang thuyết pháp, chính là nơi an lạc nhất.”Trưởng giả Tu-đạt-đaliền nói: “Conxin phát nguyện sinh về cõi trời ấy.”

Lúc tinh xá xây dựng hoàn thành, đức vua cùng các các quan đại thần, nhân dân, cả thảy hơn một trăm tám mươi vạn người, cùng đến thành Vương Xá cung thỉnh đức Phật và chư tăng.Khi đức Thế Tôn quang lâm, hào quang chiếu sáng khắp nơi, nhạc trời tự nhiên vang lên, nơi thế gian trống không người đánh cũng tự nhiên vang tiếng, bao nhiêu người mù, điếc, câm, ngọng đều tự nhiên được sáu căn đầy đủ như người bình thường.

Lời bàn

Trong Kinh điển thường nói đến *“Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên”* (Vườn ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ-đà), chính là nơi này. Do khi bán vườn cho trưởng giả Tu-đạt-đa, thái tử có giao ước chỉ bán đất vườn, không bán cây cối, rồi lại mang tất cả cây cối trong vườn ấy dâng lên cúng dường Phật, nên gọi là “Kỳ thọ” (cây của thái tử Kỳ-đà). Trưởng giả Tu-đạt-đa vốn thường chu cấp cho những người nghèo khổ, cô độc, nên được người đời xưng tụng là Cấp Cô Độc. Nhân đó mà khu vườn do ông dâng cúng được gọi là “vườn Cấp Cô Độc”.

Phước báo tu sửa tháp Phật[40]

Sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có bảy ngôi tháp được xây dựngđể thờ phụng xá-lợi Phật.Sau nhiều năm, các tháp ấy hư hỏng, không ai tu sửa. Có một vị trưởng giả thấy vậy liền bảo mọi người rằng: “Rất khó được sinh vào thời có Phật pháp, lại cũng rất khó được sinh làm người.Tuy được làm người, nhưng nếusinh vào những nơi xa xôi hẻo lánh chậm phát triển, hoặc sinh vào nhà tà kiến, ắt không khỏi bị đọa lạc.Nay chúng ta được sinh vào thời còn có Phật pháp, không thể để luống mất nhân duyên tốt đẹp này.”

---

[40] Trích từ kinh Xuất Diệu (出曜經), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 4, kinh số 212, tổng cộng có 30 quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào đời Diêu Tần.

Nói rồi liền cầm đầu 93.000 người khác, cùng tu sửa các tháp Phật, lại cùng nhau phát lời nguyện rằng: “Nguyện cho đời sau không rơi vào ba đường dữ, tám hoàn cảnh khó tu tập Phật pháp, được gặp đức Phật Thích-ca ra đời, trong Pháp hội đầu tiên thảy đều được độ thoát.”

Về sau, tất cả những người này sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời, cuối cùng được gặp đức Phật Thích-ca xuất thế, quả đúng nhưlời phát nguyện ngày trước.

Lời bàn

Đức Phật kể lại chuyện này xong lại dạy rằng: “Vị trưởng giả đứng đầu ngày ấy, nay chính là đức vua Bình Sa nước Ma-kiệt-đề. Còn 93.000 người cùng tu sửa tháp Phật ngày xưa, nay đều ở trong số những người được gặp Phật, nghe pháp.”

Chư thiên rải hoa cúng dường[41]

Thuở xưa có một người nông dân, xây căn phòng nhỏ dâng cúng cho một vị tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán, hiệu là Ly Việt. Căn phòng nhỏ đến mức chỉ vừa đủ cho ngài tạm đặt thân nghỉ ngơi mà thôi. Người ấy lại sửa dọn chung quanh căn phòng để có chỗ cho ngài đi kinh hành.

Về sau, người nông dân ấy qua đời liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi, được sống trong một cung điện rộng vuông vức mỗi bề 4.000 dặm. Người ấy tự biết phước báo được hưởng đó là do nhân duyên đời trước đã xây dựng căn phòng nhỏ cúng dường vị tỳ-kheo chứng quả A-la-hán, liền mang hoa tươi cõi trời đến rải xuống cúng dường nơi căn phòng vị tỳ-kheo Ly Việt cư ngụ, khấn rằng: “Ta ngày xưa bất quá chỉ xây dựng một căn phòng nhỏ vách đất sơ sài, không ngờ

---

[41] Trích từ kinh Tạp thí dụ (雜譬喻經) (Chú giải của soạn giả), hiện có 3 bản khác nhau trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, đều xếp vào tập 4. Trong đó kinh số 204 có 1 quyển, do ngài Chi Lâu Ca Sấm dịch vào đời Hậu Hán, kinh số 205 có 2 quyển, đã mất tên người dịch, và kinh số 207 có 1 quyển, do ngài Đạo Lược soạn. Tuy nhiên, theo tra cứu của chúng tôi thì ở đây An Sĩ toàn thư dường như đã có sự nhầm lẫn khi dẫn chú, vì câu chuyện này không tìm thấy ở cả 3 bản kinh trên, mà lại được tìm thấy trong Cựu Tạp thí dụ kinh (舊雜譬喻經), thuộc tập 4, kinh số 206 trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, tổng cộng có 2 quyển, do ngài Khương Tăng Hội dịch vào đời Ngô. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 26, trang 515, tờ b, quyển 1.

ngày nay được hưởng phước báo lớn lao như thế này, nên đặc biệt mang hoa đến đây rải xuống cúng dường."[42]

Lời bàn

Ngài Xá-lợi-phất có lần nhìn thấy một vị thiên nhân đến rải hoa lên một xác chết, hết sức cung kính, liền hỏi nguyên do.Vị thiên nhân đáp: "Đây chính là thân xác đời trước của con.Lúc con còn sống, nhờ có thân này để hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sa-môn, làm nhiều việc lành, giờ đây mới hưởng phước cõi trời, nên con rải hoa cúng dường thân này."

Không bao lâu sau, ngài lại thấy vô số quỷ dữ,mỗi con quỷ ấy đều dùng roi quất vào một xác chết, liền đến hỏi nguyên do.Các quỷđều đáp rằng: "Đây chính là thân xác đời trước của con.Lúc còn sống, do thân này làm những việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, ngỗ nghịch với cha mẹ, hủy báng Tam bảo, khiến cho ngày nay phải chịu đủ các khổ não, nên con giận mà dùng roi đánh."

Xét như trên thì có thể hiểu được việc thiên nhân đến rải hoa lên căn phòng của tỳ-kheo Ly Việt để cúng dường.

Nối nghĩa vợ chồng[43]

Trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả từng xây dựng chùa chiền, tháp Phật.Sau khi ông qua đời liền được sinh lên cõi trời.[44]Từ đó, người vợ thương nhớ chồng, thường đến quét dọn ngôi chùa do chồng bà xây dựng trước đây. Một hôm, người chồng từ xa lên tiếng nói với bà rằng: "Ta là chồng của nàng ngày trước, nhờ công đức xây dựng chùa nên đã được sinh lên cõi trời.Vì thấy nàng luôn thương nhớ ta nên đặc biệt từ cõi trời giáng hạ xuống đây.Chỉ tiếc vì thân người ô uế chẳng được thanh tịnh như chư thiên, nên chúng ta không thể

---

[42] Tiếng Phạn dùng chữ Thủ-đà, Hán văn dịch nghĩa là "nông phu", tức chỉ giai cấp thứ tư của Ấn Độ thời cổ. Trong văn dùng "đệ tứ tánh" chỉ giai cấp này, tức là nông dân. (Chú giải của soạn giả)

[43] Trích từ kinh Tạp bảo tạng (雜寶藏經) (Chú giải của soạn giả). Kinh này được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 4, kinh số 203, tổng cộng có 10 quyển, do ngài Kiết Ca Dạ và ngài Đàm Diệu cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 19, trang 473, tờ b của quyển 5. Chúng tôi đã đối chiếu nội dung thấy soạn giả đã kể lại chuyện này chứ không trích nguyên văn trong kinh. Tiêu đề của chuyện này trong kinh là *Trưởng giả phu phụ tạo tác phù đồ sinh thiên duyên* - 長者夫婦造作浮圖生天緣 (Nhân duyên vợ chồng trưởng giả cùng xây dựng chùa tháp được sinh về cõi trời).

[44] Theo trong Kinh văn thì vị này sinh lên cõi trời Ba mươi ba, tức cõi trời Đao-lợi (Phạn ngữ: Trāyastrimśa).

gần nhau được nữa.Nếu nàng vẫn muốn làm vợ ta thì nên thường cúng dường Phậtvà chư Tăng, quét dọn chùa chiền tháp Phật, phát nguyện được sinh về cùng một cõi trời với ta.”

Người vợ làm theo đúng như lời ấy, sau khi mạng chung quả nhiên được sinh lên cùng một cõi trời ấy, cùng nhau nối nghĩa vợ chồng.Cả hai cùng đến lễ Phật, được đức Phật thuyết pháp cho nghe, liền chứng quả Tu-đà-hoàn.[45]

Lời bàn

Trong Kinh có dạy rằng: “Quét chùa trong khắp một cõi Diêm-phù-đề không bằng quét một ngôi tháp Phật chỉ lớn bằng bàn tay.”Cho nên, công đức quét tháp Phật là hết sức lớn lao.

Khó thành chồng vợ[46]

Trong thành Xá-vệ có hai vợ chồng hết sức kính tin Tam bảo.Khi họ còn chưa có đứa con nào với nhau thì người vợ đã mất sớm, được sinh lên làm thiên nữ trên cõi trời Đao-lợi, thân thể vô cùng đoan nghiêm xinh đẹp không gì sánh bằng.Khi ấy, vị thiên nữ khởi lên ý nghĩ không biết trong cõi người có ai là người xứng đáng để làm chồng mình.Nghĩ rồi liền dùng thiên nhãn quán xét, thấy người chồng cũ xuất giathành một vị tỳ-kheo, tuổi tác cũng đã cao, ngày ngày lo việc quét dọn chùa chiền, tháp Phật.Thiên nữ liền phóng chiếu hào quang cõi trời, soi đến chỗ người chồng cũ khiến cho ông được nhìn thấy, khuyên ông hãy tinh tấn tu hành để ngày sau được sinh lên cõi trời, lại cùng nhau kết thành chồng vợ.

Vị tỳ-kheo nghe biết người vợ trước đây của mình giờ đã được sinh lên cõi trời, lại càng tu tập tinh tấn hơn nữa.Thời gian sau, thiên nữ lại hiện đến, thấy vậy nói rằng: “Ngày nay đức hạnh của ngài đã vượt xa tôi, tôi thật không thể làm vợ ngài được nữa.”

---

[45] Tu-đà-hoàn, tức Sơ quả, là quả vị đầu tiên trong bốn Thánh quả, còn gọi là quả Nhập lưu. Người chứng đắc quả vị này còn 7 lần sinh lên cõi trời, 7 lần trở lại nhân gian, sau đó mới dứt trừ được sinh tử. (Chú giải của soạn giả, có bổ sung)

[46] Trích từ Luận Phân biệt công đức (分別功德論) (Chú giải của soạn giả). Luận này được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 25, kinh số 1507, tổng cộng có 5 quyển, đã mất tên người dịch. Câu chuyện này được chép trong quyển 3, bắt đầu từ dòng thứ 7, trang 38, tờ c.

Vị tỳ-kheo nghe thiên nữ nói vậy thì càng tu tập tinh tấn nhiều hơn nữa, cuối cùng chứng đắc quả A-la-hán.

Lời bàn

Vì phước đức và nghiệp báo phải tương đồng với nhau mới có thể kết duyên chồng vợ,nên có thể thấy rằng việc người vợ bao giờ cũng phải nương theo chồng, cùng nhau chia sẻ vinh nhục sang hèn, ấy đều là do nghiệp đời trước chiêu cảm mà thành.

Dùng nhà làm chùa[47]

Vào đời Bắc Tống có vị cư sĩ tên Phạm Trọng Yêm,[48]tên tự là Hy Văn,suốt đời thường rộng làm đủ mọi việc thiện, dốc lòng tin sâu Phật pháp.Khi làm quan, mỗi lần nhận chức ở bất cứ đâu, ông đều bỏ tiền ra xây dựng chùa chiền, tạo điều kiện khuyến khích người khác xuất gia tu hành, đem lòng tôn kính mà làm hưng thịnh Tam bảo.

Phạm Trọng Yêm cùng với hai vị thiền sư Lang Gia Huệ Giác và Tiến Phước Thừa Cổ có giao tình đạo vị hết sức mật thiết. Hồi còn trẻ, Trọng Yêm có lần đến chùa đọc sách tại núi Trường Bạch, tình cờ phát hiện một chỗ chôn giấu vàng.Ông che kín chỗ ấy lại mà đi, không động đến một mảy may. Sau này ông ra làm quan rồi, mới đến chỉ cho chư tăng trong chùa nơi giấu vàng ấy, bảo các vị dùng vàng để xây dựng, tu sửa lại chùa.

Có lần ông vâng mệnh đến Hà Đông truyền đạt lệnh vua và phủ dụ quân dân địa phương, tình cờ gặp được một bản kinh Phật cổ xưa rất quý, tên là Thập lục La-hán nhân quả tụng.[49]Ông đích thân viết lời tựa, trao cho thiền sư Huệ Triết để lưu hành.

---

[47] Trích từ sách Kim thang biên. (Chú giải của soạn giả) Đúng ra tên đầy đủ của sách này là Phật Pháp Kim Thang Biên (佛法金湯編), hiện xếp trong Vạn tân toản Tục tạng kinh, thuộc 87, kinh số 1628, tổng cộng có 16 quyển, do ngài Tâm Thái biên soạn vào đời Minh.

[48]Phạm Trọng Yêm sinh năm 989, mất năm 1052.

[49] Sách Phật Tổ thống kỷ, quyển 45, có nhắc đến việc này. Theo sách này thì tên kinh là Thập lục La-hán nhân quả thức kiến tụng (六羅漢因果識見頌). Bản này sau được xếp vào Vạn tân toản Tục tạng kinh với tên là Thập lục Đại La Hán nhân quả thức kiến tụng (十六大羅漢因果識見頌), thuộc tập 2, kinh số 207, 1 quyển, do ngài Xà-na-đa-ca dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Đường.

Những năm về già, ông dùng nhà ở của mình sửa sang lại thành một ngôi chùa, lấy tên làchùa Thiên Bình, cung thỉnh thiền sưPháp Viễn ở Phù Sơn đến trú trì.[50]

Vào đời vua Tống Nhân Tông, ông được thăng chức quan Khu mật, tham gia việc chính sự quốc gia.Sau khi ông mất, vua truy phong tước Sở Quốc công, ban thụy hiệu là Văn Chính, con cháu đời sau đều nối nhau vinh hiển, thành đạt.

Lời bàn

Nhà cửa ruộng vườn, bất quá chỉ như quán trọ tạm ghé trong một đời, khi có được thì nên vui mừng hoan hỷ dùng để bố thí, tu phước.

Đời Đông Tấn, Trấn Tây Tướng quân là Tạ Thượng,[51]nhờ được cha là Tạ Côn về báo mộng mà thoát nạn, nhân đó nên vàoniên hiệu Vĩnh Hoà thứ tư[52]liền sửa sang nhà ở của mình làm thành chùa Trang Nghiêm.[53]Quan Trung thư lệnh là Vương Thản Chihiến đất vườn nhà xây dựng thành chùa An Lạc.[54]Quan Thứ sử thời Đông Tấn là Đào Phạm, vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ nhất[55]cũng sửa sang nhà ở của mình, xây dựng thành chùa Tây Lâm.[56]Đời Bắc Tống có Lý Tử Ước,[57]vào năm mất mùa đói kémtổ chức việc nấu cháo phát chẩn, cứu sống được đến hàng chục ngàn người, về sau cũng dùng nhà ở của mình xây dựng thành ngôi chùa thờ Phật.[58]Đời nhà Đường, Vương Ma Cật[59] nhân lúc thọ tang

---

[50] Học phủ Tô Châu cũng chính là do Phạm Trọng Yêm hiến tài sản riêng để sáng lập thành.

[51] Tạ Thượng sinh năm 308, mất năm 356, con quan Thái thú Dự Chương là Tạ Côn. Ông có người em là Tạ An Tùng cũng làm đến chức Thái phó đời Đông Tấn.

[52] Tức là năm 348.

[53] Xem trong sách Kiến khang lục (建康錄). (Chú giải của soạn giả)

[54] Xem trong sách Sưu thần ký (搜神記). (Chú giải của soạn giả)

[55] Tức là năm 324.

[56] Xem chuyện này trong sách Tấn thư (晉書). (Chú giải của soạn giả)

[57] Còn có tên là Lý Soạn.

[58] Xem chuyện này trong sách Pháp hỷ chí (法喜志). (Chú giải của soạn giả)

[59] Tức Vương Duy, sinh năm 701, mất năm 761, là một họa sĩ, nhà thư pháp, và đặc biệt là nhà thơ danh tiếng của đời Đường. Ông được mệnh danh là Thi Phật, cùng với Đỗ Phủ (Thi Thánh) và Lý Bạch (Thi Tiên) được xem là 3 nhà thơ nổi tiếng nhất đời Đường.

mẹ liền dâng biểu lên triều đình,thỉnh cầu cho phép ông mang toàn bộ cơ sở đã kiến lập ở núi Lam Điền thuộc Võng Xuyên sửa sang thành chùa thờ Phật. Lại như các ông Bạch Lạc Thiên,[60] Vương Giới Phủ[61]cũng đều dùng nhà ở của mình để xây dựng lại thành chùa thờ Phật.[62]

Nếu đem so những bậc hiền nhân đời trước như thế với những kẻ đời nay chỉ biết bóc lột, bòn rút tài sản người khác để xây dựng nhà cửa to lớn cho mình, để rồi đành chịu để cho những đứa con cháu hư hỏng hủy phá tiêu tan hết, trong khi một đời chẳng chịu bỏ ra một đồng một cắc để làm việc phước thiện, thì quả thật là khác biệt nhau một trời một vực, như rồng thiêng đem so với thằn lằn nhỏ nhoi hèn mọn!

Giúp thuốc thang cứu người bệnh khổ

Giảng rộng

Trong cõi Diêm-phù-đề này có cả vạn giống cây, tám ngàn giống cỏ, bảy trăm bốn mươi giống cây thuốc lẫn lộn, bốn mươi ba giống cây với đủ loại hương thơm, một trăm hai mươi mốt giống cây quý, hết thảy đều có thể dùng vào việc cứu người. Đối với người đang mang tật bệnh thống khổ, ắt không gì có thể quý hơn thuốc men chữa trị cho họ.

Dùng thuốc cứu người, đó chính là tu hạnh thí xả. Chỉ bày phương thuốc cho người, đó cũng là tu hạnh thí xả. Chữa trị cho người nghèo khổ không tính toán so đo chi phí lợi hại, đó là tu hạnh thí xả. Khuyên người khác không bán thuốc giả, đó cũng là tu hạnh thí xả. Phương pháp tu tập hạnh thí xả tuy có rất nhiều, nhưng tựu trung quan trọng nhất vẫn là phải xuất phát từ tấm lòng bi mẫn thương người.

Vào thời thế gian suy mạt, tật bệnh cứ dần dần ngày càng nhiều hơn, mà thuốc men lại dần dần ngày càng khan hiếm. Hãy lấy ví dụ như bệnh đậu mùa ở trẻ

---

[60] Tức Bạch Cư Dị, một nhà thơ danh tiếng của đời Đường.

[61] Tức Vương An Thạch, sinh năm 1021, mất năm 1086, từng làm đến chức Tể Tướng triều Bắc Tống. Ông cũng là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, được xếp vào một trong Đường Tống Bát đại gia. Bảy người kia là: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt và Tằng Củng.

[62] Xem những chuyện này trong truyện kể về mỗi vị. (Chú giải của soạn giả)

con, từ đời Ngụy, Tấn về sau mới có, bệnh trúng phong chỉ bắt đầu có từ năm cuối niên hiệu Thuận Trị đời Thanh.[63] Gần đây, trẻ sơ sinh thường hay bị chứng đường lang tử,[64] phải cắt bỏ đi mới bú mẹ được, bằng không chỉ trong một hai ngày có thể tử vong. Những bệnh quái lạ như vậy, vào thời tôi còn nhỏ thật chưa từng nhìn thấy.

Cách đây mười ngàn năm, nước uống vào có vị hết sức ngon ngọt, như mùi vị của sữa đặc. Đến thời ông Kỳ-bà,[65] tại Ấn Độ vẫn còn giữ được một cây quý gọi là dược vương, có thể dùng soi chiếu thấy được thấu trong nội tạng của con người. Vào triều Minh, loại nhân sâm tốt nhất, phần rễ đã phát triển rõ rệt thành hình người, vẫn còn rất nhiều, giá bán mỗi cân cũng chỉ tương đương như một cân bạc trắng. Ngày nay, giá bán đã cao hơn gấp bốn, năm lần mà màu sắc, mùi vị đều không được như trước. Trong tương lai khoảng 5.000 năm nữa, tuổi thọ trung bình của con người giảm xuống chỉ còn 20 năm, tai kiếp dịch bệnh khởi sinh, người chết nằm phơi xác khắp ngoài đồng nội.Tai kiếp này kéo dài đến bảy tháng bảy ngày mới dứt. Lúc ấy, các thứ nhu yếu thông thường như đường, muối... cũng không tìm ra được, huống hồ là các loại thuốc quý giá như nhân sâm, phục linh, nhục quế, phụ tử...

Luận Bà-sa có nói rằng: “Như có người mang một quả a-lê-lặc[66] dâng lên cúng dường cho một vị tăng bị bệnh, thì trong tương lai người ấy nhất định sẽ không gặp phải những tai kiếp dịch bệnh.”

Bệnh tật khổ não không sẵn có lúc ta mới sinh ra, đều phải có nguyên nhân mới sinh khởi. Kinh Đại phương quảng Tổng trì[67] dạy rằng: “Khởi tâm xấu ác lấy

---

[63] Tức năm 1661.

[64] Bệnh chứng ở trẻ em, làm sưng tấy chân răng hai bên khoang miệng, khiến trẻ em không thể bú mẹ, nên còn gọi là bệnh phương nhũ (妨乳), tên Anh ngữ là ootheca mantidis.

[65] Kỳ-bà là một vị vương tử ở Ấn Độ, là bậc thánh trong ngành y. (Chú giải của soạn giả) Tên gọi này được phiên phiên âm từ Phạn ngữ là Jīvaka. Vị này sống cùng thời đức Phật Thích-ca, là một trong các đệ tử thuần thành tin Phật, thường giữ việc chăm sóc sức khỏe cũng như thuốc thang trị liệu cho các vị tỳ-kheo có bệnh trong tăng đoàn thời Phật tại thế.

[66] Ở đây chỉ dùng tên loại quả này để nêu ví dụ, không nhất thiết phải dùng quả này, mà có thể là bất kỳ loại dược phẩm, thuốc men nào... (Chú giải của soạn giả)

[67] Tên kinh đầy đủ là Đại thừa phương quảng Tổng trì (大乘方廣總持經), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 9, kinh số 275, có 1 quyển, do ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi dịch vào đời Tùy. Phần trích kinh văn bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 381, tờ a.

mắt nhìn người phát tâm Bồ-đề nên phải chịu quả báo đui mù. Dùng lời xấu ác hủy báng người phát tâm Bồ-đề nên phải chịu quả báo sinh ra không có lưỡi." Lương hoàng sám[68] nói rằng: "Sinh ra làm người câm ngọng, là do nhân đời trước hủy báng người khác. Sinh ra làm người thấp bé, là do nhân đời trước khinh miệt người khác. Sinh ra làm người xấu xí đen đủi, là do nhân đời trước ngăn che ánh sáng Phật pháp. Thân thể sinh ung nhọt đau đớn là do nhân đời trước đánh đập hành hạ các chúng sinh khác."Kinh Pháp hoa dạy rằng: "Người mắc các bệnh phù nề, đau đầu, ghẻ lở, phong hủi... là do nhân đời trước hủy báng kinh này nên phải chịu quả báo như thế."

Theo đó thì có thể biết rằng, mỗi một chứng bệnh đều có nguyên do tạo nghiệp đời trước. Cấp phát thuốc thang chữa trị,ấy là cứu giúp người sau khi bệnh tật đã sinh khởi; khuyên người không tạo nghiệp ác, ấy là cứu giúp người từ khi bệnh tật còn chưa sinh ra. Nếu mượn lời dạy của Khổng tử để so sánh thì một đàng giống như "phân xử công minh việc tranh tụng của dân", một đàng là "khuyên dạy để dân không còn tranh tụng".[69]Cả hai việc đều có thể cùng lúc thực hiện, không có gì trở ngại cho nhau.

Trưng dẫn sự tích

Nhiều đời không bệnh tật[70]

Vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời,[71] tôn giả Bạc-câu-la là một người nghèo khổ. Tôn giả nhìn thấy một vị tỳ-kheo mắc chứng đau đầu, liền phát tâm chí thànhdâng cúng một quả a-lê-lặc,[72] vị tỳ-kheo nhờ đó được khỏi bệnh.

---

[68] Tên chính thức của sách này là Từ bi đạo tràng sám pháp (慈悲道場懺法), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 45, kinh số 1909, tổng cộng có 10 quyển, do nhiều vị đại pháp sưhợp soạn vào đời Lương, nên cũng thường gọi là Lương hoàng sám hay Lương hoàng bảo sám. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 21, trang 932, tờ b, quyển 3.

[69]Khổng tử có nói rằng: "Phân xử việc tranh tụng phải đặt mình vào vị trí của người để lắng nghe, đạt đến sự công minh, nhưng cũng không bằng làm sao khiến cho người không khởi việc tranh tụng."

[70] Trích từ kinh Phó pháp tạng. (Chú giải của soạn giả) Tên gọi chính xác của sách này là Phó pháp tạng nhân duyên truyện (付法藏因緣傳), không phải là kinh. Sách này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 50, kinh số 2058, tổng cộng có 6 quyển, do các ngài Kiết-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy.

[71] Đây là vị Phật thứ 998 trong kiếp Trang nghiêm thời quá khứ.

[72] A-lê-lặc: tên gọi được phiên âm từ Phạn ngữ Haritaki, nên trong một số kinh luật cũng được đọc là ha-lê-lặc. Theo Phật Quang Đại từ điển thì loại cây này có tên khoa họclà *terminalia chebula*,là loại cây ăn trái sinh sản ở các vùng Lĩnh Nam

Do nhân duyên ấy, từ đó về sau trong suốt 91 kiếp,[73]Tôn giả dù sinh trong cõi trời hay cõi người cũng đều không mắc phải bệnh khổ.

Lời bàn

Người thế tục,lúc tuổi già hay khi có bệnh đều được vợ con, người thânchăm sóc, nhưng các vị tăng ni khi mắc bệnh phải nằm liệt thì hoàn toàn không có ai chăm sóc, nhìn quanh chẳng có ai thân cận, hoàn cảnh thật hết sức thê thảm.[74] Cho nên,trong Kinh điển khuyến khích mọi người nên cúng dường các vị tăng ni bị bệnh,sẽ được phước báo lớn lao nhất.

Ung nhọt biết nói[75]

Vào đời Hán Cảnh đế,[76]chư hầu bảy nước lộng quyền kiêu ngạo xem thường hoàng đế, Ngô vương Lưu Tỵ lại có ý mưu phản. Quan ngự sử đại phu là Triệu Thố lo lắng sự biến loạn, khuyên vua nên cắt bớt đất đai phong cho chư hầu để giảm thiểu quyền lực của họ.Bảy nước chư hầu nghe tin hoàng đế muốn cắt bớt đất đai được phong, liền đồng loạt nổi loạn.[77]Hán Cảnh đế hết sức lo sợ, hội triều thần bàn cách đánh dẹp, nhưng Viên Áng vốn có tư thù với Triệu Thố nên thừa dịp khuyên hoàng đế nên giết Triệu Thố để yên lòng chư hầu.Hoàng đế nghe lời, bắt Triệu Thố mang chém ngang lưng tại chợ Đông.Về sau, quan Bộc xạ Đặng Công dâng thư kêu oan, hoàng đế hết sức hối hận nhưng sự đã rồi.[78]

(Trung quốc), bán đảo Trung Nam, Ấn Độ v.v... Thân cây giống như cây dâm bụt, lá dài và nhọn, hoa màu trắng, kết quả vào đầu mùa thu,quả hơi tròn như quả trứng, màu vàng chanh, dùng làm thuốc chữa được nhiều loại bệnh.

[73] Tức là thời gian hoàn tất một chu kỳ tăng, giảm tuổi thọ trung bình của con người, hay một tiểu kiếp. (Chú giải của soạn giả)

[74] Ở đây muốn nói đến các vị tăng ni theo hạnh xuất ly như thời Phật tại thế, không có trú xứ, thường khất thực du phương. Các vị tăng ni ngày nay hầu hết đều có trú xứ, nên huynh đệ tỷ muội có thể cùng chăm sóc cho nhau những khi có bệnh. (Chú giải của soạn giả)

[75] Trích từ các sách Hán thư (漢書) và Thủy sám duyên khởi (水懺緣起). (Chú giải của soạn giả)

[76]Hán Cảnh Đế (汉景帝), sinh năm 188 trước Công nguyên, mất năm 141 trước Công nguyên, tên thật là Lưu Khải (劉啟), là hoàng đế thứ 6 của nhà Hán. Ông trị vì từ năm 157 đến năm 141 trước Công nguyên.

[77] Bảy nước chư hầu dấy loạn vào tháng 1 năm 154 trước Công nguyên, do Ngô vương Lưu Tỵ khởi xướng và cầm đầu, bao gồm: Ngô vương Lưu Tỵ (劉濞), Sở vương Lưu Mậu (劉戊), Triệu vương Lưu Toại (劉遂), Tế Nam vương Lưu Tịch Quang (劉辟光), Tri Xuyên vương Lưu Hiền (劉賢), Giao Tây vương Lưu Ngang (劉卬), Giao Đông vương Lưu Hùng Cừ (劉雄渠).

[78] Khi Ngô vương lôi kéo chư hầu nổi loạn có nêu cao khẩu hiệu là “diệt gian thần Triệu Thố”, bởi các nước chư hầu đều cho rằng việc hoàng đế muốn cắt bớt đất đai của họ là do Triệu Thố xúi giục. Viên Áng nhân việc này mới có thể thuyết phục

Đến đời Đường Ý tông[79] có quốc sư Ngộ Đạt.Khi còn là một vị tỳ-kheo chưa mấy người biết đến, ngài có tình cờ gặp gỡ một vị tăng ở kinh đô.Vị tăng này thân mang bệnh dữ, mọi người đều xa lánh, chỉ riêng ngài Ngộ Đạt hết lòng chăm sóc, không hề tỏ vẻ chê chán.Đến lúc chia tay nhau, vị tăng cảm thâm tình ấy nên dặn lại rằng: “Ông sau này sẽ gặp nạn, lúc đó có thể đến tìm ta ở núi Trà Lũngthuộc Bành Châu, Tây Thục.Trên núi ấy, cứ tìm đến nơi nào có hai cây tùng sẽ gặp nhau.”

Về sau, ngài Ngộ Đạt ở Trường An,đức hạnh ngày một vang xa, được hoàng đế Ý tông kính lễ tôn làm Quốc sư, ban tòa báu bằng gỗ trầm hương, đối đãi ngày càng cung kính, trọng hậu hơn.Khi ấy, bỗng nhiên nơi đầu gối của ngài phát sinh một cái nhọtđộc hình dáng như mặt người, cũng đầy đủ mắt, mày, răng, miệng, lại cũng ăn uống được như người không khác.Nhọt độc ấy làm cho ngài Ngộ Đạt đau đớn cực kỳ, hết thảy lương y đều không ai biết được ấy là bệnh gì, vô phương cứu chữa.

Chợt nhớ lại lời dặn lúc chia tay của vị tăng ngày trước, ngài Ngộ Đạt liền tìm đến núi Trà Lũng.Lúc đến nơi trời đã xế chiều, bốn phía không một bóng người, cỏ cây um tùm mù mịt. Đang lúc còn băn khoăn chưa biết định liệu thế nào, chợt thấy xa xa trong làn khói mây mờ ảo có hai cây tùng ẩn hiện, vội theo hướng ấy tìm đến.Quả nhiên gặp được vị tăng ngày xưa tại đó.

Ngài Ngộ Đạt liền đem hết những nỗi khổ sở bấy lâu nay của mình ra trình bày.Vị tăng nói: “Không có gì phải lo lắng cả, dưới chân núi này có một con suối.Đợi đến sáng mai, dùng nước suối ấy rửa qua một lần là khỏi bệnh thôi.”

Sáng sớm hôm sau, có một đồng tử đưa ngài xuống núi, đến chỗ con suối. Vừa chụm hay tay vốc nước suối định rửa, bỗng nghe cái nhọt phát ra tiếng kêu lớn: “Chưa rửa được, chưa rửa được! Tôicòn có chuyện nhân duyên đời trước muốn

---

Hán Cảnh đế giết Triệu Thố, vì cho rằng chư hầu sẽ không còn cớ để làm loạn. Không ngờ Ngô vương vốn đã có ý làm phản từ lâu, việc Triệu Thố chỉ là cái cớ nêu ra để lôi kéo các chư hầu khác. Vì thế, sau khi giết Triệu Thố, chư hầu vẫn không chịu rút quân. Cuối cùng, Hán Cảnh đế phải nhờ có Chu Á Phu cầm quân ra đánh mới dẹp yên được loạn này.

[79] Đường Ý Tông, sinh năm 833, mất năm 873, tên thật là Lý Thôi (李漼), là vị hoàng đế thứ 17 của nhà Đường, trị vì từ năm 859 đến năm 873.

nói.Thầy là người thông bác chuyện xưa nay, vậy đã từng đọc qua chuyện Viên Ánghại chết Triệu Thố trong sách Tây Hán thư hay chưa?”

Ngài Ngộ Đạt đáp: “Có đọc qua rồi.”

Cái nhọt mặt người liền nói: “Thầy chính là Viên Áng ngày trước, còn tôi là Triệu Thố. Xưa tôi bị chém ngang hông ở chợ Đông, oan ức không thể nói hết!Tôi trải qua nhiều đời luôn muốn báo mối thù ấy, nhưng thầy trong mười đời qua đều làm cao tăng, giới luật tinh nghiêm, tôi muốn báo thù cũng không biết làm sao. Nay thầy nhận sự đãi ngộ của bậc nhân chủ, được nhiều ân huệ lớn, tâm danh lợi khởi sinh, đức độ có phần thương tổn, tôi nhân dịp ấy mới báo được thù xưa.Nay nhờ có Tôn giả Ca-nặc-cadùng nước Tam-muội rửa sạch oán thù cho tôi, từ nay tôi với thầy không còn oan kết nữa.”

Ngài Ngộ Đạt nghe xong câu chuyện rùng mình run sợ, liền vốc nước suối lên rửa.Khi cái nhọt vừa chạm vào nước, ngài đau thấu xương tủy, đến nỗi ngất đi một lúclâu rồi mới tỉnh lại thì cái nhọt đã biến mất.

Ngày nay vẫn còn lưu truyền bộ Thủy sám gồm 3 quyển, chính là do ngài Ngộ Đạt sau khi khỏi bệnhsoạn ra để người đời sau dùng làm phương pháp sám hối.[80]

Lời bàn

Tôn giả Ca-nặc-ca là một vị A-la-hán, đệ tử của đức Thế Tôn.Quốc sư Ngộ Đạt lúc gặpngài chỉ biết đó là một vị tăng bị bệnh, nào biết đó là một vị thánh tăng.Đến như thánh hiệu Ca-nặc-ca, cũng phải nhờ cái nhọt mặt người nói ra mới biết.Những nghiệp báo thuộc loại này, thuốc men của người thế gian làm sao có thể trị dứt được?

Nay xin kính cẩn nương theo lời dạy của bậc Đại Y vương,[81] vì lưu lại cho đời sau những món thuốc hay nên ghi chép ra sau đây những phương thuốc vô cùng thần hiệu.

---

[80] Bộ sám văn này có tên gọi đầy đủ là Từ bi thuỷ sám pháp (慈悲水懺法), được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 45, kinh số 1910, tổng cộng 3 quyển, nhưng không chính thức ghi tên người soạn.

[81] Đại Y vương là danh hiệu được dùng để tôn xưng đức Phật, vì chỉ có ngài mới có khả năng chỉ bày phương pháp dứt trừ được tất cả các loại bệnh khổ.

Phương thuốc thần hiệu trừ dứt các loại bệnh ung nhọt đau đớn

- Khi làm quan không vô cớ hành hạ đánh đập người khác.
- Không dùng đòn roi đánh đập người làm công, giúp việc.
- Không đánh đập, hành hạ các loài động vật.
- Tay chưa rửa sạch không được cầm vào Kinh sách.
- Giúp thuốc thang trị bệnh cho người khác.
- Không ghê tởm, nhờm gớm những người bị mụn nhọt, ghẻ lở.

Phương thuốc thần hiệu trừ dứt các bệnh đui điếc câm ngọng

- Không khinh miệt những người bị đui điếc câm ngọng.
- Nỗ lực lưu truyền những lời Phật dạy như Kinh điển, giáo pháp...
- Dâng cúng dầu, đèn, hương trầm...
- Không nhìn ngắm những chuyện dâm dục, giết hại...
- Không dòm ngó, xoi mói những chuyện riêng tư, muốn che giấu của người khác
- Không khởi tâm xấu ác mà nhìn cha mẹ, các bậc sư trưởng, tăng ni với sự hằn học, hung ác.
- Người có mắt sáng không học phép bói toán,làm ngăn trở sinh kế của những kẻ không may đã bị mù lòa.
- Không ngăn che, bịt mắt các loài cầm thú.
- Không nghe lời gièm pha, nói xấu của vợ mà đối xử nhạt nhẽo, thờ ơ với cha mẹ.
- Không nghe và tin theo các tà thuyết.
- Không lén nghe những việc riêng tư, bí mật mà người khác muốn che giấu.
- Không tin thuyết đoạn diệt, cho rằng sau khi chết là dứt hết, không có nhân quả báo ứng.
- Không hủy báng Tam bảo.
- Không lén lút chê bai cha mẹ, thầy tổ, các bậc trưởng thượng.

- Không dùng khả năng biện thuyết khéo léo để làm đảo lộn lẽ trắng đen, phải trái.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh suy nhược, nhút nhát

- Phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ không nề khó nhọc.

- Tinh cần lễ bái Tam bảo.

- Cúng dường, chu cấp các vị tăng ni bị bệnh.

-Thay người bệnh làm những việc khó nhọc.

- Không ép buộc những người giúp việc cho mình hoặc những người nghèo khó phải làm việc quá sức.

- Sử dụng sức trâu cày, ngựa kéo có mức độ vừa phải.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh chết yểu, chết bất đắc kỳ tử

- Hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, ông bà...

- Giữ giới không giết hại, thường làm việc phóng sinh, cứu sống vật mạng.

- Không vì lợi dưỡng cho mình mà nuôi các loài dê,lợn, gà, vịt... để giết thịt hoặc bán cho người giết thịt.

-Không làm ra những loại khí cụ, bẫy rập, chài lưới...để giết hại các loài sinh linh trên cạn, dưới nước.

- Khuyên bảo, khuyến khích những người làm nghề giết mổ, chài cá, lưới chim...chuyển đổi sang các nghề nghiệp khác, tránh sự giết hại.

- Góp sức in ấn,phân phát lưu hành những sách khuyến thiện, khuyên người phóng sinh, bỏ việc giết hại, tin sâu nhân quả.

-Nếu học nghề thuốc chưa đến mức tinh tường, thông thạo thì quyết không nên hành nghề.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh gia đình ly tán

- Không phá tổ bắt các loài chim.

- Không đào hang bắt các loài thú.

- Không đuổi bắt các loài dế, côn trùng...

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh giam cầm tù ngục

- Không dễ dãi khinh suất khởi sinh việc kiện tụng khi không thực sự cần thiết.
- Không giam nhốt các loài chim, thú.
- Không nuôi nhốt các loài dế, côn trùng... để làm trò vui.
- Không làm ra những khí cụ để hành hình, tra tấn...
- Không làm ra các loại lồng, chuồng để nhốt chim, thú, hoặc các loại phên, lưới để ngăn nhốt giam hãm các loài cá, côn trùng...

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh nghèo khốn khổ sở

- Phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ, ông bà... không được so đo tính toán phí tổn.
- Thường thiết trai cúng dường chư tăng ni.
- Giúp đỡ, chu cấp cho thân bằng quyến thuộc, cứu giúp người nghèo khó bần hàn không tính toán chuyện lợi hại.
- Khi có cơ hội, không từ chối việc dùng tiền của, tài vật giúp đỡ người khác.
- Tài vật không phải của mình thì không tìm cách tranh đoạt, giữ lấy.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh hình dung xấu xí

- Chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, ông bà... điều quan trọng là phải giữ vẻ mặt vui vẻ kính thuận.
- Luôn giữ dáng vẻ cung kính nhu hòa khi phụng sự các bậc tôn trưởng, thầy tổ.
- Vẽ tranh, đắp tượng chư Phật, Bồ Tát...
- Tu sửa tranh, tượng chư Phật, Bồ Tát...
- Cúng dường các loại đèn, dầu, hương trầm...
- Khuyên người khác từ bỏ việc thưa kiện, tranh tụng...
- Đối xử với người luôn giữ lòng khiêm tốn, cung kính giữ lễ.
- Không khởi tâm sân hận nóng nảy, hung bạo xúc phạm người khác.

- Không khinh bỉ, chế nhạo những người khuyết tật, giác quan không trọn đủ (như người mù, điếc, câm...)

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh ngu si, tà kiến

- Tôn kính, hết lòng tin sâu Tam bảo.
- Tôn trọng, quý tiếc các loại giấy có chữ viết.
- Tôn sùng, kính trọng thầy dạy.
- Thọ trì, tụng đọc Kinh điển Đại thừa.
- Thân cận, gần gũi các bậc cao tăng đức hạnh.
- Giảng giải, chứng minh, làm rõ với người khác về thuyết nhân quả ba đời, khiến cho tự mình cũng như mọi người đều tin sâu nhân quả.
- Loại trừ, thiêu hủy các loại sách hủy báng, bài xích Phật pháp.
- Dạy bảo, khuyên răn người khác phải có tâm nhẫn nại, không hề chán nản, mỏi mệt.
- Không khinh thường những người ít học, kém trí.

Mỗi một phương thuốc vừa kể trên đây đều bao gồm đủ ba phần: (1) tự thân mình nỗ lực làm, (2) khuyên bảo, chỉ dạy, khuyến khích người khác làm, (3) khi thấy người khác làm được thì sinh tâm hoan hỷ vui mừng, ngợi khen, tán thán.

Giúp nước uống giải cơn khát cho người

Giảng rộng

Người người đều biết rằng đói ăn có thể phải chết, nhưng không biết rằng khát nước cũng có thể sinh bệnh. Với người tuổi trẻ cường tráng còn có thể chịu đựng, nhưng với người già yếu thật khó qua khỏi. Với người khỏe mạnh bình thường có thể chịu đựng, nhưng với người sẵn mang nhiều bệnh tật ắt rất khó chịu đựng. Với người qua lại gần gũi có thể chịu được, nhưng với người đi trên đường xa thật rất khó vượt qua cơn khát. Những khi thời tiết ôn hòa mát dịu còn

có thể chịu được, nhưng gặp những lúc rét lạnh hoặc nóng bức thật không dễ chịu đựng.

Người xưa dạy rằng: "Chớ nên chê việc thiện nhỏ mà không làm."[82]Giúp nước uống giải khát cho người cũng là một trong các việc thiện nhỏ nên làm.

Trưng dẫn sự tích

Phước báo của việc giúp nước uống cho người[83]

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả giàu có vô cùng. Vợ ông sinh được một người con trai hình dung tuấn tú xinh đẹp. Từ lúc sinh ra không hề bú sữa mẹ, từ trong kẽ răng tự nhiên tiết ra chất nước có đủ tám công đức,[84] dùng nước ấy để tự nuôi dưỡng thân mình.

Người con ấy tên là Da-xoa-mật-đa, về sau lớn lên theo Phật xuất gia,[85]tu tập chứng quả A-la-hán. Có vị tỳ-kheo thưa hỏi Phật về nhân duyên đời trước của Da-xoa-mật-đa, đức Phật dạy rằng: "Vào thời đức Phật Ca-diếp trong quá khứ, có một ông trưởng giả già yếu rồi mới xuất gia làm tỳ-kheo,lại thêm thân mang bệnh nặng nên không thể tinh cần tu tập. Thầy thuốc khuyên ông dùng món sữa

---

[82] Theo Tam quốc chí thì đây là lời di ngôn của Lưu Bị trước lúc lâm chung, dặn lại con là Lưu Thiện, gồm đủ 2 câu là: 勿以善小而不為，勿以惡小而為之- Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi. (Chớ nên chê việc thiện nhỏ mà không làm, chớ xem thường việc ác nhỏ mà phạm vào.)

[83] Trích từ Bách duyên kinh (百緣經). (Chú giải của soạn giả) Tên đầy đủ của kinh này là Soạn tập bách duyên kinh (撰集百緣經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 4, kinh số 200, tổng cộng có 10 quyển, do ngài Chi Khiêm dịch vào đời Ngô. Câu chuyện này được lược kể lại từ nhân duyên thứ 85 trong kinh, tức Da-xoa-mật-đa duyên (耶舍蜜多緣), bắt đầu từ dòng thứ 7, trang 246, tờ b, quyển 9. Quý vị có thể xem chuyện này trong bản Việt dịch với tên là Một trăm truyện tích nhân duyên Phật giáo, do Đoàn Trung Còn - Nguyễn Minh Tiến Việt dịch và chú giải, NXB Tôn giáo, 2010, trang 299 – 302. Nguyên bản An Sỹ toàn thư có một số chi tiết khác biệt, trong khi dịch chúng tôi đã căn cứ kinh văn chỉnh sửa lại cho chính xác hơn.

[84] Nước có đủ tám công đức (bát công đức thủy), tức là có đủ tám tính chất: 1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyễn: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn. Trong kinh A-di-đà có nhắc đến loại nước này ở thế giới Cực Lạc: "舍利弗極樂國土有七寶池，八功德水充滿其中 - Xá-lợi-phất! Cực Lạc quốc độ hữu thất bảo trì, bát công đức thủy sung mãn kì trung" (Xá-lợi-phất! Nơi cõi Cực Lạc có ao xây bằng bảy món báu, trong chứa đầy nước tám công đức.)

[85] Theo An Sỹ toàn thư thì vị này xuất gia rồi mới có tên là Da-xoa-mật-đa, nhưng theo kinh văn thì đây là tên do cha mẹ đặt cho từ nhỏ. Tên này được phiên âm từ Phạn ngữ là Yacomitra, có nghĩa là "rất vinh hạnh". Sở dĩ có tên này vì khi sinh ra thì trời đổ cơn mưa lớn, ai cũng cho là nhờ phước đức của đứa bé, nên cha mẹ liền đặt tên như vậy. Chúng tôi đã chỉnh sửa lại chi tiết này theo đúng kinh văn.

đặc pha với thuốc.Về đêm, chất thuốc ấy làm cho cả người ông nóng nảy, trong miệng khô khốc, khát nước vô cùng. Ông thức dậy tìm nước uống nhưng tìm khắp nơi đều không có nước. Cuối cùng ông chạy ra bờ sông để tìm nước uống, nào ngờ thấy sông cũng đã cạn khô. Ông không còn biết làm sao, đành phải chịu đựng cơn khát vô cùng khổ sở.

"Hôm sau ông đem chuyện không tìm được nước uống kể lại với thầy. Thầy ông dạy rằng: 'Nỗi khổ mà ông kể lại đó rất giống với nỗi khổ trong cảnh giới ngạ quỷ. Nay ông hãy lấy nước trong bình của ta mà dùng thử xem.' Vị tỳ-kheo nghe lời thầy, đến lấy nước trong bình. Khi vừa đến nơi, xem lại đã thấy nước trong bình tự nhiên cạn khô. Vị tỳ-kheo ấy trong lòng hết sức lo lắng kinh sợ, tự biết mình sau khi chết nhất định sẽ phải đọa vào cảnh giới ngạ quỷ. Ông liền tìm đến kính lễ trước đức Phật Ca-diếp, chí thành sám hối tất cả những tội chướng trước đây của mình. Đức Phật Ca-diếp dạy rằng: 'Từ nay ông nên phát tâm lo việc cung cấp nước sạch cho chư tăng dùng, như vậy có thể thoát được ác nghiệp sinh vào cảnh giới ngạ quỷ.'

"Vị tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy hết sức vui mừng, từ đó phát tâm thường lo việc cung cấp nước sạch cho chư tăng dùng, mãi cho đến khi tuổi thọ đủ 20.000 năm mới thôi.[86]

"Do nhân duyên ấy, từ đó về sau vị tỳ-kheo này dù sinh ra ở bất cứ nơi nào, nơi kẽ răng cũng thường tiết ra chất nước có đủ tám công đức. Cho đến ngày nay được gặp Phật, xuất gia tu hành chứng đắc đạo quả."

Lời bàn

Chúng sinh trong cảnh giới ngạ quỷ, trải qua nhiều kiếp cho đến tên gọi của nước cũng không được nghe, nào chỉ là không có nước uống. Những chúng sinh ngạ quỷ, ví như sinh ra bên cạnh bờ sông, cũng vẫn không được nghe đến tên gọi của nước. Tỳ-kheo Da-xoa-mật-đa nếu trước đây không được gặp đức Như Lai Ca-diếp, làm sao có thể chuyển họa thành phúc được như vậy?

---

[86] Tuổi thọ trung bình của con người vào thời đức Phật Ca-diếp trong quá khứ là 20.000 năm. (Chú giải của soạn giả)

Dùng nước để bán kiếp nghèo[87]

Ở nước A-bàn-đề một có ông trưởng giả hết sức giàu có, của cải nhiều không kể xiết, nhưng hết sức keo kiệt, để cho người nữ tỳ trong nhà phải sống hết sức nghèo hèn, áo mặc không đủ che thân, cơm ăn không đủ no bụng, lại thường bị đánh đậphành hạ, dù đã già yếu.Người ấy muốn chết đi cho thoát khổ mà không chết được.

Một hôm nọ, người nữ tỳ già nua ấy mang bình ra bờ sông lấy nước, tủi thân khóc lóc thảm thiết.Một vị đệ tử Phật là ngài Ca-chiên-diên thấy vậy thương xót liền hỏi: "Nếu như bà chán ghét kiếp nghèo khổ, sao không mang bán nó đi?"

Lão nô tỳ thưa: "Có ai lại chịu mua cái nghèo?"

Ngài Ca-chiên-diên nói: "Được, cái nghèo khổ của bà đó quả thật có thể bán đi được."

Lão nô tỳ liền hỏi: "Làm cách nào để bán được?"

Ngài Ca-chiên-diên dạy: "Nếu lão bà quả thật muốn bán cái nghèo đi, thì phải hết lòng tin theo lời ta. Trước hết hãy súc rửa bình này cho thật sạch, sau đó lấy nước sạch vào bình mang đến cúng dường chư tăng."

Lão nô tỳ hỏi: "Bình này là tài sản của chủ nhân, chẳng phải của tôi, làm sao có thể mang cúng dường?"

Ngài Ca-chiên-diên đáp: "Cái bình tuy không phải của bà, nhưng nước trong bình chẳng lẽ bà không có quyền sử dụng hay sao?"

Lão bà hiểu ra, liền mang bình lấy nước cúng dường. Ngài Ca-chiên-diên đích thân thọ nhận sự cúng dường đó, rồi lại truyền dạy Tam quy, Ngũ giới cho bà, sau đó lại dạy bà niệm Phật.

Đêm hôm ấy, lão bà mạng chung trong nhà chủ nhân. Sáng ra, người chủ thấy vậy nổi giận, mang xác vất vào trong rừng Lạnh.[88] Thần thức lão bà khi ấy đã

---

[87] Trích từ kinh Hiền ngu nhân duyên (賢愚因緣經). (Chú giải của soạn giả) Tên kinh này trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh là Hiền ngu kinh (賢愚經), thuộc tập 4, kinh số 202, tổng cộng có 13 quyển, do nhóm ngài Huệ Giác cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy. Câu chuyện này được lược kể lại từ phẩm kinh có tên là Ca-chiên-diên giáo lão mẫu mại bần - 迦旃延教老母賣貧品, bắt đầu từ dòng thứ 29, trang 383, tờ c, thuộc quyển 5.

sinh lên cung trời Đao-lợi, làm vị thiên nhân nơi đó, từ xa nhìn thấy thân xác cũ liền cùng với chư thiên quyến thuộc hiện đến rải hoa trời lên thi thể ấy.

Lời bàn

Nếu biết thực hành bố thí cúng dường có thể “bán đi sự nghèo khổ”, tất nhiên sẽ biết rằng việc kính lễ chư Phật có thể “bán đi sự hèn kém”, thực hành phóng sinh có thể “bán đi sự chết yểu”, siêng năng học hỏi có thể “bán đi sự ngu si”. Người có trí tuệ, chỉ nghe qua một điều có thể hiểu thấu ra trăm ngàn lẽ. Đối với hết thảy những nghịch cảnh bất như ý trong chốn thế gian này,há có điều gì lại không thể “bán đi” như thế?

Hoặc bỏ tiền mua vật sống phóng sinh

Giảng rộng

Pháp luật trừng trị tội nhân, không có hình phạt nào nặng hơn tội chết; cha mẹ thương yêu con cáicũng không làm gì khác hơn là ban cho và nuôi dưỡng chu toàn sự sống. Cho nên có thể biết rằng, việc xấu ác nhất chính là giết hại,mà việc hiền thiện nhất chính là cứu mạng phóng sinh. Hãy xem khi các con thú bị đuổi bắt, chúng cũng kinh sợ trốn chạy, phát tiếng kêu la thảm thiết, cố sức vượt rào leo tường để mong chạy thoát. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp khi bị lệnh vua bắt bớ đuổi giết, cha mẹ kinh hoàng chẳng biết phải làm sao, vợ congia quyến bị đẩy vào cảnh chết không đường thoát, nỗi hãi hùng kinh sợ ấy nào có khác gì nhau?

Lại hãy xem khi con vật bị giết hại, như khi cắt tiết một con gà, cả bầy gà kinh hãi kêu la, mổ thịt một con heo, cả đàn heo buồn bã bỏ ăn. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp lúc loạn lạc giặc cướp lộng hành, trước mắt nhìn thấy cha mẹ bị giết hại, vợ con bị bắt bớ đưa đi, tình cảnh bi thương ấy cũng tương đồng không khác.

Lại hãy xem khi con vật bị cắt xẻ giết mổ, ruột gan phơi ra mà nơi miệng còn thều thào hơi thở, hoặc cổ họng đã bị cắt đứt mà đôi mắt vẫn còn mở to chưa

---

[88] Nguyên bản dùng Hàn lâm (khu rừng lạnh lẽo), chỉ một khu rừng nằm bên ngoài thành Vương Xá, nguyên tên tiếng Phạn là Śītavana, dịch âm là Thi-đa-bà-na, nên cũng gọi là Thi-đà lâm. Khu rừng này từ lâu được người trong thành Vương Xá dùng làm chỗ vất bỏ những xác chết không người mai táng, để cho cầm thú ăn.

kịp nhắm. Nếu đem so với con người chúng ta, lúc lâm chung đớn đau thống khổ, toàn thân bất động, chỉ biết đưa mắt nhìn, đành cam tâm bất lực nào có khác chi nhau?

Nếu trong lúc ấy mà nhẫn tâm giết hại, thì nỗi oán hận của con vật bị giết biết nói sao cho hết? Nếu trong lúc ấy lại có người bỏ tiền mua để cứu mạng thả ra, thì sự cảm kích tri ân cũng nói sao cho hết?

Việc phóng sinh không nên làm theo kỳ hạn thường xuyên nhất định, e rằng có người biết được ngày tháng ta mua vật phóng sinh nên sẽ cố sức đuổi bắt để mang đến bán. Việc phóng sinh cũng không nên chọn một địa điểm cố định, e rằng có người biết được sẽ đợi sau khi ta phóng sinh vật mạng rồi tìm cách bắt chúng lại. Phóng sinh cũng không giới hạn đối với một loài vật nào, dù vật mạng lớn nhỏ cũng đều nên cứu sống.

Các hội phóng sinh ở vùng Côn Lôn nơi tôi sống, chỉ có am Thanh Lương là làm tốt nhất, do từ khi khởi lậpcó vị thiện hữu trước hết đã bỏ ra một số tiền lớn, đưa vào ký gửi lấy lãi,[89] mỗi tháng dùng tiền lãi ấy vào việc phóng sinh. Mỗi lần tổ chức phóng sinh, cứ khoảng 4, 5 ngày trước đó liền có báo cáo gửi đến từng hội viên để thông báo số tiền sử dụng, đến kỳ hạn các hội viên cùng chia nhau quyên góp vào cho đủ số đã chi ra, hoàn toàn không dựa vào số tiền ký gửi sinh lợi. Nhờ cách ấy mà có thể hoạt động được lâu dài. Vào ngày mở hội phóng sinh, mỗi người đều cung kính tụng đọc 5 quyển kinh Hoa nghiêm,[90] chi phí hương hoa trà nước có 3 người chia nhau gánh chịu. Ấy là nhờ tất cả hội viên đều đồng tâm hiệp lực nên hoạt động của hội mới được thành công dễ dàng, có thể làm khuôn mẫu cho những nơi khác học làm theo.

---

[89] Nguyên bản dùng chữ điển phố (典鋪), đồng nghĩa với đương phố (當鋪), tức chỉ tiệm cầm đồ. Ở đây có thể hiểu là gửi tiền vào đó để lấy lãi hằng tháng.

[90] Tên kinh đầy đủ là Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh (大方廣佛華嚴經), hiện được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh có 3 bản dịch, bản dịch của ngài Phật-đà-bạt-đà-la thuộc tập 9, kinh số 278, tổng cộng có 60 quyển, dịch vào đời Đông Tấn; bản của ngài Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường thuộc tập 10, kinh số 279, tổng cộng có 80 quyển, và bản của ngài Bát Nhã dịch vào đời Đường thuộc tập 10, kinh số 293, tổng cộng có 40 quyển. Mỗi người tụng đọc 5 quyển có nghĩa là phân chia nhau để tiếp nối mà tụng hết cả bộ kinh.

Trưng dẫn sự tích

Tha lợn tức tha con[91]

Triều Đông Tấn có người tên Đỗ Vĩnh Bình, là người Phù Châu, thuộc huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên.Nhà ông Bình hết sức giàu có, sinh được một đứa con trai đặt tên là Thiên Bảo, vừa được 10 tuổi, hết sức thương yêu. Vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ ba,[92] Thiên Bảo bị bệnh nặng mà chết. Không bao lâu sau đó, trong nhà có con lợn nái sinh được 5 con.Vĩnh Bình chọn một con béo mập nhất, định giết thịt làm lễ biếu quan. Bỗng nhiên có một vị tỳ-kheo đến nói với Vĩnh Bình rằng: "Con lợn ấy là con trai ông trước đây đó, sao vừa mất mới hơn trăm ngày mà ông đã vội quên?"Vị tỳ-kheo ấy vừa nói xong thì hốt nhiên mất dạng, chỉ còn lưu lại một mùi hương thơm lạ đến suốt ngày chưa tan hết.

Đỗ Vĩnh Bình liền thả con lợn ấy ra, không giết thịt, lại thương yêu nuôi dưỡng trong nhà.

Lời bàn

Đức Phật có dạy: "Hết thảy chúng sinh, trải qua nhiều kiếp lưu chuyển luân hồi nên hầu hết đều là cha mẹ, quyến thuộc của nhau." Người đọc sách Nho không hề biết đến đạo lý lưu chuyển luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế nên cho rằng không nỡ khởi lên ý tưởng xem tất cả chúng sinh như cha mẹ nhiều đời của mình. Nhưng rồi do chỗ không nỡ suy tưởng như thế, nên mới giết hại chúng sinh mà làm món ăn của mình, như vậy gọi là không nỡ được chăng? Nói một câu khái quát, ấy là do không chịu suy nghĩ cho cặn kẽ đó thôi.

---

[91] Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm thấy câu chuyện này trong Pháp uyển châu lâm như dẫn chú này, mà chỉ thấy xuất hiện ở 2 tác phẩm khác là: Tập thần châu Tam Bảo cảm thông lục (集神州三寶感通錄), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 52, kinh số 2106, tổng cộng có 3 quyển, do ngài Đạo Tuyên soạn vào đời Đường, chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 23, trang 433, tờ a, thuộc quyển 3, và trong Lục Đạo Tập (六道集), được đưa vào Vạn tân toản Tục tạng kinh, thuộc tập 88, kinh số 1645, tổng cộng có 5 quyển, do ngài Hoằng Tán soạn vào đời Thanh, chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 23, trang 150, tờ c, thuộc quyển 4. Cả 2 sách này đều nói chi tiết hơn về tên người: ông này tên là Đỗ Nguyện, tên tự là Vĩnh Bình.

[92] Tức là năm 378.

Bán lợn hóa ra bán con[93]

Vào đời nhà Tùy, trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ 8,[94]tại huyện Nghi Châu, tỉnh Quảng Tây, có người tên Hoàng Phủ Thiên,lấy trộm 60 đồng tiền của mẹ.Người mẹ mất tiền không tìm thấy, truy xét tra hỏi khiến cho tất cả người trong nhà đều phải chịu đòn roi.

Qua năm sau, Phủ Thiên chết, lại thác sinh thành một con lợn trong nhà.Lợn lớn lên rồi, người nhà liền bán cho ông xã trưởng ở một thôn xa, được sáu trăm đồng tiền.Đêm đó, người vợ của Phủ Thiên vừa ngủ thiếp đi thì mộng thấy một con lợn nói với bà: “Tôi là chồng cô trước đây, vì lấy trộm sáu mươi đồng tiền của mẹ nên khiến cho cả nhà đều bị đòn roi. Do tội ấy phải sinh làm thân lợn, nay lại bị đem bán đi.Mong cô hãy mau mau chuộc tôi về, nếu để chậm ắt là tôi sẽ bị người giết thịt.”

Người vợgiật mình tỉnh dậy, trong lòng hoàn toàn không tin. Nhưng khi thiếp ngủ lại thì cũng mơ thấy như vậy nữa, lại còn nghe lợn hối thúc khẩn thiết hơn. Khi tỉnh dậy suy nghĩ rằng tình hình đã gấp rút lắm, liền lập tức mặc áo vào sang gõ cửa phòng mẹ chồng.Hóa ra bà mẹ Phủ Thiên cũng đã thức giấc từ lâu, vì bà cũng nằm mộng thấy giống hệt như cô. Khi ấy đã quá nửa đêm, mà nhà ông xã trưởng mua lợn cách đó đến ba mươi dặm.Bà mẹ sợ không chuộc được lợn, liền lấy ra 1.200 quan tiền, sai người con cả cùng đi với đứa con trai của Phủ Thiên sang chuộc. Nào ngờ lễ tế của làng đã sắp xếp đâu vào đó, nên ông xã trưởng nhất quyết cự tuyệt không cho chuộc lợn.

Nhân lúc còn đêm tối, gia đình Phủ Thiên liền nhờ một đám hung đồ có thế lực đến ép buộc xã trưởng phải cho chuộc lại. Xã trưởng bất đắc dĩ không dám chống cự, đành thả lợn ra.Trên đường về, khi đi ngang qua một bãi đất hoang rộng lớn, người anh cả liền nói với lợn: “Nếu đúng là em ta thì hãy đi lên trước.”Lợn lập tức chạy lên phía trước, theo đúng đường về nhà.

Sau đó, xóm giềng biết chuyện đều cười chê, đàm tiếu.Con cái của Phủ Thiên lấy làm xấu hổ lắm, suy nghĩ rồi bàn với nhau: “Nếu để cha ta thế này, ắt con

---

[93] Trích từ Minh báo ký (冥報記). (Chú giải của soạn giả)

[94] Tức là năm 612.

gái trong nhà chẳng ai nhìn đến.Trước đây cha ta rất thân với nhà họ Từ, có thể mang gửi nhờ bên ấy, chúng ta định kỳ chu cấp thức ăn là được.”

Lợn nghe qua những lời ấy, nước mắt chảy ra ràn rụa, liền vẫy đuôi rồi tự đi đến nhà họ Từ, cách đó bốn mươi dặm. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ 11,[95] lợn chết ở nhà họ Từ.

Lời bàn

Một khi đã thay hình đổi dạng, hết thảy người nhà đều không thể nhận biết được.Cho nên nói rằng, trong chốn luân hồi thì gia đình quyến thuộc xét cho cùng cũng chỉ là những quan hệ giả tạm, không chân thật.

Cứu dê hóa ra cứu con gái[96]

Vào đời Đường, ở Trường An có phong tục sau tết là mọi người lần lượt thay nhau tổ chức yến tiệc đãi khách.Có ông chủ hiệu văn phòng phẩm tên là Triệu Đại, đến phiên đãi tiệcmời khách về nhà.Đúng ngày, quan khách vừa tới thì thấy phía trên chiếc cối giã gạo có một bé gái khoảng 13 - 14 tuổi, bị buộc vào một sợi dây, trên người mặc quần xanh, áo trắng. Bé gái ấy khóc lóc nói với quan khách rằng:“Tôi vốn là con gái của ông chủ nhà này.Năm xưa tôi lấy trộm của cha mẹ một trăm quan tiền, định dùng mua son phấn, nhưng rồi chết đi chưa kịp mua.Số tiền ấy hiện vẫn còn đặt nguyên ở nhà bếp, trong một cái lỗ ở góc phía tây bắc. Tôi vì tội ấy mà nay phải làm thân dê.”

Đứa bé gái vừa nói xong, quan khách nhìn kỹ lại thì chỉ thấy một con dê xanh đầu trắng.Mọi người kinh hoảng báo lại với chủ nhà là Triệu Đại.Họ Triệu gạn hỏi về hình dáng đứa bé, thì quả thật rất giống với con gái của ông, đã chết cách đây hai năm.Lập tức vào tìm trong nhà bếp, quả nhiên có số tiền còn nằm nguyên nơi bé gái đã nói. Triệu Đại liền mang dê vào chùa phóng sinh, lại phát nguyện từ đó cả nhà đều giữ giới, ăn chay.

---

[95] Tức là năm 615.

[96] Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả) Sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林) được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Câu chuyện này được bắt đầu từ dòng thứ 29, trang 486, tờ c, quyển 74. Ngoài ra cũng thấy chuyện này được chép trong sách Minh báo ký (冥報記), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinhthuộc tập 51, kinh số 2082, tổng cộng có 3 quyển, do Đường Lâm soạn vào đời Đường, bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 798, tờ a, quyển 3.

Lời bàn

Số tiền trộm cắp vẫn còn nguyên chưa dùng đến, mà quả báo khổ sở đã đến rồi, nhưng cũng không phải là chịu tội oan uổng.Đó quả thật là:

Trăm ngàn muôn thứ đều bỏ lại,
Chỉ riêng nghiệp báo vẫn mang theo.

Xét theo đó lại càng tin sâu nhân quả hơn nữa.

Đánh ngựa hóa ra đánh mẹ

Vào đời nhà Đường, ở huyện Văn Thuỷ thuộc Tịnh châu,[97]có người tên là Lý Tín, làm vệ sĩ ở phủ Long Chính.Vào một mùa đông trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh đời Đường Cao tông,[98]Lý Tín theo thông lệ đến Sóc Châu nhận việc, khi đi cưỡi con ngựa ký[99] màu đỏ, có dắt theo một chú ngựa non.Bấy giờ đang lúc trời rất lạnh, gió rét, tuyết rơi dày,đi được hơn mười dặmthì ngựa không cất bước nổi.Lý Tín dùng roi quất ngựa, đến roi thứ mười thì ngựa bỗng cất tiếng nói như người, bảo Lý Tín rằng:"Tôi vốn là mẹ của ông trước đây.Bởi lúc còn sống phản bội cha ông, lấy trộm hơn một thạch gạo đưa cho đứa con gái nhỏ, nên bây giờ phải chịu quả báo thế này.Con ngựa non kia chính là em gái của ông, nhận số gạo ăn trộm ngày trước nên nay cũng chịu quả báo trả nợ đó."

Lý Tín nghe qua không cầm được nước mắt, liền tháo dây cương với yên ngựa ra, tự mình mang lấy và nói với ngựa: "Nếu đúng là mẹ ta thì xin tự đi về nhà."Ngựa lập tức theo đường quay về nhà.

Từ đó, mấy anh em nhà Lý Tín liền dựng một căn nhà riêng để nuôi dưỡng con ngựa ấy, anh em cùng nhau chăm sóc. Có người bạn đồng nghiệp của bà trước đây thường vì bà mà cúng dường trai tăng, lễ sám.Cả nhà Lý Tín từ đó đều tinh tấn tu tập hành trì.

Quan Công bộ Thị lang là Ôn Như Ẩncùng với quan tư pháp Kỳ châu là Trương Kim Đìnhđều đang lúc ở nhà để tang cha mẹ, nghe biết chuyện này lấy làm lạ lùng kinh sợ, tìm đến tận nơi tra vấn, quả nhiên thấy ngựa vẫn còn đó.

---

[97] Nay là tỉnh Sơn Tây.

[98] Niên hiệu Hiển Khánh kéo dài từ năm 656 đến năm 661.

[99] Ngựa ký là một giống ngựa hay, mỗi ngày có thể đi được đến ngàn dặm, tính rất thuần, dễ điều khiển.

Lời bàn

Tiền bạc của cải có thể chung nhau sử dụng, ắt không đâu bằng trong gia đình vợ chồng con cái với nhau,ấy vậy mà trộm lấy của trong gia đình vẫn phải chịu quả báo nghiêm khắc, tơ hào không sai lệch. Những ai làm cha mẹ mà yêu ghét không công bằng, thiên vị với con cái, lấy của đứa này mang cho đứa khác, nên lấy đó mà răn mình, chẳng đáng sợ lắm sao!

Chuyện đời trước của Tào Hàn[100]

Vùng Tô Châu có Lưu Tích Huyền, tên tự là Ngọc Thụ.[101]Vào mùa thu năm Nhâm Tý, niên hiệu Vạn Lịch triều Minh,[102]Ngọc Thụ đến QuýChâu nhận chức quan khảo thí. Trên đường đi thuyền ngang qua vùng Hồ Quảng ghé vào nghỉ đêm,nằm trên thuyền mộng thấy có một người to lớn, mặt dài, đến nói rằng: "Tôi là tướng Tào Hàn đời nhà Tống.[103]Trước kia, vào đời nhà Đường,[104]tôi là một người đi buôn. Tình cờ đi ngang qua một ngôi chùa thấy có vị pháp sưđang giảng kinh Tứ thập nhị chương[105]nên phát tâm thiết trai cúng dường, lại theo ngài nghe kinh trong nửa ngày.Nhờ gieo nhân lành đó nên trải qua nhiều đời đều được làm chức quan nhỏ, cũng như không bao giờ bị cách chức cả. Đến đời Bắc Tốngtôi được làm tướng quân, tức là tướng Tào Hàn.Khi ấy từng mang quân vây đánh Giang Châu, suốt 3 năm không hạ được, nhân một lúc nóng giận không kiềm chế đã ra lệnh tàn sát hết nhân dân trong thành.Do nghiệp giết hại đó nêntrải qua nhiều đời phải làm thân lợn để đền tội.Năm trước tôi từng sinh ra

---

[100] Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Vạn tân toản Tục tạng kinh, thuộc tập 88, kinh số 1642, tổng cộng có 4 quyển, do ngài Giới Hiển ghi chép vào đời Minh. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 20, trang 43, tờ a, thuộc quyển 3. Soạn giả đã lược kể lại chứ không trích nguyên văn.

[101] An Sỹ toàn thư chép người này tên Lưu Ngọc Thụ, húy Tích Nguyên, nhưng Hiện quả tùy lục ghi rõ người này tên Lưu Tích Huyền (劉錫玄), tự là Ngọc Thụ (玉受), hiệu là Tâm Thành (心城), đỗ tiến sĩ vào khoa thi năm Canh Tuất. Chúng tôi theo Hiện quả tùy lục để sửa lại cho đúng.

[102] Tức là năm 1612.

[103] Nhà Tống cầm quyền trong khoảng từ năm 960 đến năm 1279. Trong Tăng bảo truyện có nhắc đến tướng quân Tào Hàn của Bắc Tống, sống cùng thời với thiền sư Duyên Đức (897-977). Như vậy, có thể biết Tào Hàn đã sống vào khoảng đầu triều Bắc Tống (960 - 1127).

[104] Nhà Đường cai trị trong khoảng từ năm 618 đến năm 907.

[105] An Sỹ toàn thư chỉ nói là đang giảng kinh Phật. Trong sách Hiện quả tùy lục nói rõ hơn là vị Pháp sư này đang giảng kinh Tứ thập nhị chương. Chúng tôi dịch theo sách Hiện quả tùy lục.

làm lợn trong một nhà làm thuê ruộng của ông, nhờ ông thương xót đến mà được sống.[106]Nay chỗ ông đỗ thuyền vào đây chính là nơi ngày mai tôi sẽ bị giết.Con lợn bị giết trước nhất trong ngày mai chính là tôi đó. Nay đã có duyên gặp nhau, xin ông rủ lòng thương xót cứu mạng tôi một lần nữa."

Khi Lưu Ngọc Thụ giật mình tỉnh giấc, liền nhìn ra qua khe hở xem thuyền đậu chỗ nào, quả nhiên đúng là trên bờ có một lò mổ.Trong giây lát liền thấy người khiêng ra một con lợn, kêu la thảm thiết. Lưu Ngọc Thụ liền bỏ tiền xin chuộc lấy, cứu mạng cho lợn.

Lời bàn

Con lợn này được thả ra, mang đến phóng sinh tại Vườn phóng sinh Xương Môn ở Tô Châu, nếu có ai gọi tên Tào Hàn nó liền nhận biết chạy lại,hàng vạn người đến đó đều tận mắt chứng kiến.

Nhờ phóng sinh cùng được thi đỗ[107]

Huyện Cối Kê thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Đào Thạch Lương,một hôm cùng đi với Trương Chi Đình ngang qua chùa Đại Thiện, nhân đó mua lươn phóng sinh lên đến hàng vạn con.

Năm ấy, vào mùa thu Thạch Lương nằm mộng thấy một vị thần hiện ra bảo rằng: "Khoa thi này lẽ ra ông chưa thi đỗ, nhưng nhờ công đức phóng sinh nên sẽ thi đỗ,sớm hơn một khoa."

Đến khi bảng vàng đề tên, quả nhiên đúng thật.Nhân đó Thạch Lương liền nói:"Việc phóng sinh cũng dựa vào sự tán trợ của Trương Chi Đình, lẽ nào công đức chỉ mình ta được hưởng?"

Cách mấy hôm sau, có danh sách từ Nam Kinh đưa đến, hóa ra Trương Chi Đình cũng đỗ.

Lời bàn

Vào cuối đời Minh, có một nho sinh đất Thục[108] là Lưu Đạo Trinh, từng viết một bài văn khuyên người đời từ bỏ sự giết hại.Vào tháng bảy năm Tân

---

[106] Trong sách Hiện quả tùy lục không có chi tiết về lần cứu mạng đầu tiên này.

[107] Trích từ sách Quảng từ biên (廣慈編). (Chú giải của soạn giả)

Dậu,[109] có người bạn của Lưu Đạo Trinh nằm mộng thấy đi đến điện Văn Xương, gặp Đế quân đưa cho xem một tờ giấy, bảo rằng: “Đây là bài văn khuyên người đời từ bỏ sự giết hại do Lưu Đạo Trinh viết ra.Khoa thi năm nay Đạo Trinh sẽ đỗ.”

Người bạn ấy tỉnh dậy vẫn nhớ, đem sự việc kể lại cho Lưu Đạo Trinh nghe, nhưng Đạo Trinh không tin.Đến khi bảng vàng đề tên, quả đúng nhưvậy. Cho nên, nếu muốn thăng tiến thênh thang trên đường công danh sự nghiệp, nên biết rằng trong sự tu tập cũng có cách để hỗ trợ cho việc ấy.

Hoặc ăn chay từ bỏ sự giết hại

Giảng rộng

Khuyên người từ bỏ sự giết hại, hẳn cũng có người tin theo, nhưng nói đến việc ăn chay, không khỏi sẽ có người cho rằng chỉ là chuyện viển vông.Đó là vì họ không hiểu rằng,bởi có người ăn thịtnên mới có người giết mổ loài vật để cung ứng, lại bởi có người giết mổ loài vật, nên mới có người ăn thịt.Cả hai hạng người ấy cùng tác động qua lại, dẫn dắt và thúc đẩy lẫn nhau.

Người đời ngày ngày đều giết hại, ăn thịt chúng sinh, chỗ thấy nghe như vậy đã huân tập thành thói quen, do đó mà không còn nhận hiểu được về sự giết hại một cách sáng suốt, chân thật.Giá như mỗi ngày vào lúc trời sắp sáng, mỗi người đều có được thần thông thiên nhãn, tự mình nhìn thấy vô số lò sát sinh ở khắp mọi nơi, mỗi nơi đều có đồ tể cầm dao sắc, mang tất cả những dê, lợn, trâu, chó... trói chặt trên nền đất, sau đó ra tay giết hại hành hình... Lúc bấy giờ, tất cả những sinh vật ấy đều cất tiếng kêu la thảm thiết, hồn xiêu phách lạc, run rẩy kinh hoàng, kêu với trời cũng chẳng thể lên trời, khóc với đất cũng không chui được vào đất. Chỉ trong một chớp mắt, dao sắc đã cắt ngang cổ họng; trong một chớp mắt, dao sắc đã đâm tận ruột gan. Trong một chớp mắt, máu nóng đã theo dao phun trào lênh láng; trong một chớp mắt, nước đun sôi đã theo vết dao tuôn sâu vào da thịt. Nước sôi vào mắt, như đinh sắt trui nóng đâm nơi nhãn cầu; nước sôi xối trên lưng, như sắt nấu chảy nung nóng khắp thân thể; nước sôi

---

[108] Tức là vùng Tứ Xuyên.

[109] Tức là năm 1621.

tràn đến lưỡi,như nước đồng nấu chảy ngập tràn trong khoang miệng; nước sôi vào đến ruột, như nước thiết nấu chảy ngập cả lưng...

Vào thời khắc ấy, hết thảy những con vật bị mang ra giết, vì quá đau đớn nên vội nhắm nghiền mắt lại; vì quá đau đớn nên tiếng kêu dần dần nhỏ lịm đi; vì quá đau đớn nên toàn thân bỗng chốc co rúm lại; vì quá đau đớn nên ruột gan như bị kéo bị rút.

Giá như người đời có thể được thần nhãn như thế, sẽ thấy rằng chỉ trong phút chốc thôi mà khắp cõi thế giới Diêm-phù-đề này có biết bao nhiêu muôn vạn sinh linh phải chịu cảnh đầu một nơi, tứ chi một nẻo, xương thịt nát tan phơi bày la liệt... Những con vật bị giết hại ấy, nếu gom thân xác lại ắt chất chồng hơn cả núi cao, máu huyết ắt nhuộm đỏ cả dòng sông đang chảy...

Nhìn thấy được thực trạng ấy rồi, quả thật thê thảm không khác nào toàn dân trong cả một thành vừa bị giết sạch; nghe được những âm thanh kinh hoàng bi thương ấy rồi, quả thật hãi hùng kinh khiếp như sấm sét bên tai.

Sở dĩ bao người nhúng tay vào vô số những tội lỗi hung bạo tàn ác như thế, chung quy cũng do từ những bữa ăn có thịt của chúng ta mà ra! Cho nên, vạch rõ ra thì quả báo ác nghiệt của việc ăn thịt không hề nhỏ nhặt. Lại nếu như những sinh mạng mà chúng ta giết hại để ăn thịt đó, trong đời trước đã từng là cha mẹ, anh em, vợ chồng của ta thì biết nói sao đây? Lại nếu như chúng đã từng là bà con quyến thuộc của ta thì biết nói sao đây? Cho dù không phải thế, thì nếu như trong đời vị lai chúng lại sinh ra làm cha mẹ, anh em, chồng vợ hay bà con quyến thuộc của ta thì biết nói sao đây? Ví bằng cũng không phải thế, thì nếu như trong đời vị lai ta cũng có thể sinh vào loài súc sinh như vậy, hoặc anh em, cha mẹ, vợ chồng, bà con quyến thuộc của ta cũng có thể sinh vào loài súc sinh như vậy thì biết nói sao đây?

Tục ngữ có câu: “Một ngày ăn chay, việc giết hại trong thiên hạ bớt đi phần của ta. Một ngày không ăn chay, việc giết hại trong thiên hạ ắt có sự góp phần của ta.” Như vậy há không phải là đáng sợ lắm sao?

Trong Kinh điển có nói rằng: “Trải qua sáu ngàn năm nữa, tuổi thọ trung bình của con người chỉ còn được 10 năm, sẽ có tai kiếp binh đao nổi lên, khi ấy hết thảy chúng sinh đều giết hại lẫn nhau. Cây cỏ mọc lên từ đất có cành lá sắc nhọn như dao bén, chạm vào là mất mạng. Qua bảy ngày bảy đêm như vậy, tai kiếp ấy mới chấm dứt.”

Đức Phật dạy: “Những ai chết vì nạn đói kém, binh đao, đều sinh vào các đường dữ. Những ai chết vì dịch bệnh, đa phần được sinh lên cõi trời. Vì sao vậy? Vì khi có dịch bệnh, người ta thường chỉ an ủi, thăm hỏi lẫn nhau, không khởi tâm ác độc giết hại hay tranh giành cướp đoạt.”

Luận Bà-sa nói rằng: “Nếu có người trong một ngày một đêm giữ theo giới không giết hại, trong đời vị lai người ấy chắc chắn sẽ không gặp phải tai kiếp binh đao.”

Trưng dẫn sự tích

Đảo lộn kẻ oán người thân[110]

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một người Bà-la-môn giàu có nhưng hết sức keo kiệt.Mỗi khi trong nhà ănuống thì đóng chặt cửa lại vì sợ có khách đến. Ngày nọ, nhà ấy giết thịt một con gà làm cỗ, hai vợ chồng cùng ngồi ănvới một đứa con nhỏ ngồi giữa, thỉnh thoảng lại bốc một miếng thịt gà đút vào miệng cho con.

Đức Phật biết rõ người bà-la-môn này ngày trước có tu tập, phước duyên nay đã thuần thục có thể cứu độ, nên ngài liền hóa thành một vị sa-môn, hốt nhiên hiện ra ngay trước mặt người ấy. Người bà-la-môn vừa nhìn thấy thì nổi giận, quát rằng: “Người tu hành sao không biết xấu hổ, tự nhiên xông vào nhà ta?” Vị sa-môn kia liền đáp: “Chính ông mới là người ngu si, giết cha ăn thịt, cưới mẹ làm vợ, nuôi dưỡng kẻ oán thù, thế mà lại dám bảo ta là người tu hành không biết xấu hổ!”

Người Bà-la-môn kinh ngạc hỏi lại:“Ông nói thế là ý nghĩa gì?”

Vị sa-môn đáp: “Con gà trên bàn kiavốn là cha của ông trong đời trước, vì tham lam keo kiệt nên thường sinh trong loài gà. Còn đứa con ông đó, trước đây là quỷ la-sát, những đời trước thường hay làm hại ông.Nay nghiệp cũ của ông chưa dứt hết, nên nó lại sinh vào nhà ông để tiếp tục làm hại.Người vợ hiện nay

---

[110] Trích từ kinh Pháp cú dụ (法句喻經). (Chú giải của soạn giả) Tên kinh đầy đủ là Pháp cú thí dụ kinh (法句譬喻經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 211, tổng cộng có 4 quyển, do 2 ngài Pháp Cự và Pháp Lập cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 28, trang 601, tờ c, thuộc quyển 4. Ở đây soạn giả lược kể lại, không trích nguyên văn.

của ông chính là mẹ ông trong đời trước, bởi sự ái luyến sâu nặng nên quay lại tái sinh làm vợ ông.Những sự luân chuyển xoay vần như thế, người ngu si không biết, chỉ có bậc tu hành giác ngộ mới thấy rõ tất cả.”

Ngaylúc đó,đức Phật thị hiện thần thông, khiến cho người bà-la-môn kia tự thấy rõ các đời trước.Bà-la-môn liền phát tâm sám hối tội nghiệp, xin được thọ giới.Đức Phật lại thuyết pháp cho nghe, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.[111]

Lời bàn

Cha ông Đô-đềsinh làm chó trong nhà con trai mình, ăn vụng thịt trên bàn.[112] Cha ông Chiên-đàn tái sinh làm người ăn mày đến trước nhà con trai, bị người giữ cổng đánh gãy một cánh tay.[113]Những việc tưởng như hết sức hãi hùng kinh dị trong chốn nhân gian, nhưng thật ra lại là hết sức thông thường,vẫn luôn xảy ra từ xưa nay nhưng người đời chỉ vì si mê không biết mà thôi. Cho nên, đối với hết thảy muôn loài có sinh mạng, nói chung đều không nên giết hại.

Chó đói hiện hình cho thấy báo ứng[114]

Thời Nam Bắc triều, ở vùng thuộc Lưu Tống có vị sa-môn hiệu Trúc Tuệ, quê ở huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam, tu tập ở chùa Tứ Tằng, huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc. Vào niên hiệu Vĩnh Sơnăm thứ hai,[115] sư qua đời. Các đệ tử vì thầy mà thiết lập trai đàn trong bảy ngày để cầu nguyện.Ngay trong ngày trai đàn viên mãn, có vị tăng là Đạo Hiền bỗng nhìn thấy thầy Trúc Tuệ đứng trước phòng, ăn mặc không khác lúc sinh thời, nói với Đạo Hiền rằng:“Sao thầy vẫn chưa bỏ việc ăn thịt?Tôi chính vì ăn thịt mà phải đọa vào địa ngục làm chó đói.”

Đạo Hiền khi ấy hết sức kinh hãi, chưa kịp đáp lờithì Trúc Tuệ lại nói tiếp:“Nếu thầy không tin, cứ thử nhìn vào lưng tôi khắc biết.”Nói rồi liền quay lưng lại, Đạo Hiền bỗng nhìn thấy một con chó vàng ba khoang, nửa phần giống như con

---

[111] Tu-đà-hoàn là quả vị đầu tiên trong 4 thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Người chứng quả Tu-đà-hoàn cũng gọi là Nhập lưu, nghĩa là bắt đầu được dự vào cảnh giới của các bậc thánh.

[112] Xem chuyện này trong kinh Trung A-hàm (中阿含經). (Chú giải của soạn giả)

[113] Xem chuyện này trong sách Kinh luật dị tướng (經律異相). (Chú giải của soạn giả)

[114] Trích từ sách Minh tường ký (冥祥記). (Chú giải của soạn giả)

[115] Tức là năm 421.

lừa, đôi mắt sáng rực như hai ngọn đuốc, phảng phất có hình dáng như Trúc Tuệ.Đạo Hiền sợ quá kêu thét lên, hình dáng kia liền biến mất.

Lời bàn

Người tu tại gia còn nên kiên trì giữ giới ăn chay, huống chi người xuất gia sao lại phá giới ăn thịt như vậy?Trúc Tuệ sở dĩ có thể hiện hình để khuyên răn Đạo Hiền giữ giới, chẳng phải là nhờ pháp lực của trai đàn trong bảy ngày đó sao?

Một đồng tiền cầu nguyện cho vua[116]

Vào đời Bắc Chu (559-581), Chu Vũ đế[117]rất thích ăn trứng gà.Khi ấy người giữ chức quan Giám thiện là Bạt Hổ, phụ trách việc nấu ăn cho vua, được Vũ đế hết sức sủng ái.

Đến thời Tùy Văn Đế,[118]Bạt Hổ vẫn được giữ chức quan Giám thiện ấy.Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ tám,[119]Bạt Hổ bỗng dưng đột tử.Người nhà thấy ngực còn ấm nên chưa cho nhập quan.Sau ba ngày bỗng dưng sống lại, nói: "Tôi muốn gặp hoàng thượng để truyền lại lời Chu Vũ đế."

Tùy Văn đế nghe báo sự việc liền sai người mang kiệu đến đón vào triều kiến, Bạt Hổ trình lên Văn đế rằng:"Tôi bị bắt dẫn đến trước điện U minh thì thấy Chu Vũ đế đã ở đó từ trước rồi.Minh vương tra hỏi rằng: 'Ngươi nấu ăn cho vua, đã cùng ăn hết bao nhiêu quả trắng?'Tôi thật không biết 'quả trắng' là gì, những người đứng hầu liền giải thích rằng đó là trứng gà.Tôi thú thật không biết đã ăn bao nhiêu trứng gà.Minh vương phán:'Người này không nhớ, thôi cho ra.'

"Khi ấy tôi nhìn thấy Chu Vũ đế sắc mặt chuyển sang bi thảm, bỗng nhiên trước điện hiện ra một cái giường sắt cùng mười tên ngục tốt.Vũ đế bị bắt nằm lên trên giường, liền thấy ngục tốt dùng một cây đà sắt ép lên thân thể, hai bên sườn bị ép vỡ, có vô số gà con thoát ra chạy tứ tán, chỉ trong thoáng chốc đã chất

---

[116] Trích từ sách Tùy Đường kỷ sự (隋唐紀事). (Chú giải của soạn giả)

[117] Chu Vũ đế tên thật là Vũ Văn Ung, sinh năm 543, mất năm 578, cầm quyền cai trị từ năm 560 đến năm 578.

[118] Tùy Văn đế tên thật là Dương Kiên, sinh năm 541, mất năm 604, cầm quyền cai trị từ năm 581 đến năm 604. Dương Kiên vốn là bề tôi của Chu Vũ đế, sau dần dần nắm được quyền lực rồi buộc hoàng đế Bắc Chu là Tĩnh đế phải nhường ngôi, lập ra nhà Tùy.

[119] Tức năm 588, nghĩa là 10 năm sau khi Chu Vũ đế qua đời.

chồng lên nhau cao ngang với giường sắt.Vũ đế không ngừng than khổ, gấp rút gọi tôi đến mà nói rằng: ‘Ông về nói với hoàng đế Đại Tùy rằng, tất cả ngọc ngà vải lụa trong kho hiện nay đều là của ta ngày xưa thu gom chất chứa.Ta vì tội lỗi hủy diệt Phật pháp nên ngày nay cực kỳ khổ sở, hoàng đế hãy mau mau dùng những thứ ấy mà làm việc công đức cho ta.’”

Tùy Văn đế khi ấy liền ban chiếu thư, lệnh cho tất cả dân chúng mỗi người đều bỏ ra một đồng tiền, rồi dùng số ấy để làm việc phúc thiện cầu nguyện cho Vũ đế. Vua cũng truyền ghi chép việc này vào sử sách.[120]

Lời bàn

Tội hủy diệt Phật pháp của Võ đế gây hại khắp trong thiên hạ, nên việc dâng cúng cầu nguyện cho ông cũng phải nhờ đến khắp thiên hạ. Khi được nhân dân cả nước thay vua mà sám hối tội lỗi, thì tội của vua mới được tiêu tan.

Xưa kia, Âu Dương Tu từng giữ chức Tham tri chính sự,[121] kiêm nhiệm việc nhuận sắc các bản dịch Kinh Phật.Vào tháng 8 nhuần của niên hiệu Gia Hữu thứ sáu,[122]Âu Dương Tu nằm mộng thấy mình đi đến một nơi có 10 người đội mũ miện[123] cùng ngồi xoay quanh, liền hỏi: “Các ông có phải Thập điện minh vương mà kinh Phật thường nhắc đến đó chăng?”Những người ấy đáp: “Đúng vậy.”Âu Dương Tu liền hỏi: “Thưa các ngài, người đời thường cúng dường chư tăng, tụng Kinh Phật, vì người đã chết mà tu phước để hồi hướng cầu nguyện,

---

[120] Chúng tôi y theo Hán văn mà chuyển dịch, nhưng trong câu chuyện này nhận thấy có vài chi tiết không hợp lý, không biết có sự sai lệch, nhầm lẫn khi ghi chép hay không. Thứ nhất, nếu Minh vương (tức Diêm vương) quả thật nói rằng ‘Người này không nhớ, thôi cho ra’ (此人不記，當須出之- thử nhân bất ký, đương tu xuất chi), thì e rằng có đến chín phần mười kẻ phạm tội trong thiên hạ đều không nhớ như ông này! Thứ hai, lời dặn của Vũ đế là muốn dùng những tài sản quý giá do ông trước đây tích chứa trong kho để làm việc công đức cầu phước cho ông, nghe cũng có phần hợp lý, có thể chuộc lại đôi chút lỗi lầm, nhưng Tùy Văn đế lại lệnh cho người trong thiên hạ xuất tiền làm việc này, xem ra chỉ làm khổ thêm cho dân mà nào có ai tự nguyện, vậy làm gì có phước đức hướng đến việc giải tội cho Vũ đế? Trong lời bàn của tiên sinh An Sỹ lại nói: “Nhân dân cả nước thay vua mà sám hối tội lỗi”, thì e là trong câu chuyện còn có những chi tiết khác chúng ta không được biết.

[121] Âu Dương Tu sinh năm 1007, mất năm 1072, tự Vĩnh Thúc, hiệu Túy Ông, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thời Bắc Tống. Ông từng giữ nhiều chức quan lớn như Hàn lâm học sĩ, Khu mật viện phó sứ, Tham tri chính sự... Đến thời Tống Thần Tông, ông giữ chức Binh bộ Thượng thư. Sau khi mất được vua ban tên thụy là Văn Trung.

[122] Tức là năm 1061.

[123] Là loại mũ có tua chung quanh, một phần trong quan phục. Chỉ các quan từ hàng đại phu trở lên đến vua chúa mới được đội loại mũ này.

như vậy có thật được lợi ích gì chăng?”Các vị ấy đều đáp: “Thật có chứ sao không.”

Âu Dương Tu kể từ đó trong lòng hoang mang, tự xét lại chỗ tin hiểu sai lệch của mình, hết sức hối tiếc về việc trước đây đã sai lầm bài bác Phật giáo.[124] Từ đó có viết ra những lời dạy con,dùng răn nhắc, cảnh tỉnh người đời sau.[125]Lúc lâm chung, ông tụng kinh Hoa Nghiêm đến quyển thứ tám rồi mới đi.[126] Ôi! Trong đời này những người từng sai lầm như Âu Dương Tu nào có ít đâu!

Giết dê hóa ra giết con gái[127]

Đời nhà Đường, trong khoảng niên hiệu Trinh Quán,[128]quan Trưởng sứ Ngụy vương phủ ở Kinh Triệu là Vi Khánh Trị có đứa con gái mất sớm. Cả hai vợ chồng đều hết sức đau đớn, thương tiếc. Sau đó 2 năm, Vi Khánh Trị có dịp đãi khách, mua về một con dê để chuẩn bị giết thịt. Đêm đó, người vợ của Khánh Trị nằm mộng thấy con gái hiện về, mặc quần xanh, áo trắng, trên đầu giắt đôi trâm ngọc, khóc nói với mẹ rằng: “Khi con còn sống, thường lấy tiền bạc của cha mẹ tiêu dùng mà không hỏi xin, nay phải đọa làm thân dê để trả nợ. Sáng ngày mai con sẽ bị giết, con dê xanh đầu trắng chính là con đó, xin mẹ thương mà cứu vớt.”

Người mẹ thức giấc kinh hãi, lập tức đích thân đi xem, thấy con dê sắp bị giết thịt quả nhiên nửa thân màu xanh, đầu trắng, lại có hai chòm lông trắng trên đầu phảng phất giống như đôi trâm ngọc. Bà lập tức bảo gia nhân dừng lại không được giết.

Lát sau thì Vi Khánh Trị đến, thấy khách đã tới mà việc nấu nướng còn chưa xong thì giận lắm, quát nạt nhà bếp. Nhà bếp sợ tội, lập tức phải giết dê. Đến khi dọn lên, khách mời không ai động đũa. Khánh Trị thấy lạ gạn hỏi, quan

---

[124] Chuyện này trích ra từ Âu Dương công hành trạng (歐陽公行狀) và Vận ngữ dương thu (韻語陽秋). (Chú giải của soạn giả)

[125] Xem trong sách Cát an cựu phủ chí (吉安舊府志). (Chú giải của soạn giả)

[126] Xem trong sách Kim thang biên (金湯編). (Chú giải của soạn giả)

[127] Trích từ sách Minh Báo Ký (冥報記). (Chú giải của soạn giả) Sách nàyđược đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinhthuộc tập 51, kinh số 2082, tổng cộng có 3 quyển, do Đường Lâm soạn vào đời Đường. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 13, trang 800, tờ c, thuộc quyển 3. Soạn giả lược kể lại, không trích nguyên văn.

[128] Tức trong khoảng từ năm 627 đến năm 649.

khách đều đáp rằng: “Trong lúc giết dê, chúng tôi từ xa đều nhìn thấy đó là một đứa bé gái.”

Đến khi Khánh Trị hỏi lại người vợ mới biết rõ sự việc, trong lòng đau đớn muôn phần, không lâu sau phát bệnh mà chết.

Lời bàn

Chuyện này tương tự như chuyện *“Cứu dê hóa ra cứu con gái”* đã thuật ở trước. Cũng là trộm tiền của cha mẹ, cũng làbị đọa làm thân dê.Nhưng trong chuyện trước thì dê không bị giết, còn trong chuyện này thì cuối cùng dê vẫn bị giết. Đó không phải do may mắn hay rủi ro, mà là do số tiền lấy trộm vẫn chưa dùng đến nên khỏi chết, còn đã chi dụng rồi thì phải chịu chết để đền tội.

Giết dê hóa ra giết vợ[129]

Đời Bắc Tống, Lưu Đạo Nguyên từng làm quan huyện lệnh Bồng Khê.Sau khi thôi việc về quê, một hôm đến chơi nhà họ Tần, nghỉ lại một đêm. Nửa đêm nằm mộng thấy một phụ nữ khóc nói với ông rằng: “Tôi là vợ của chủ nhà họ Tần này, từng đánh chết một người thiếp của chồng, vì thế phải đọa làm thân dê.Hiện đang bị nhốt trong chuồng, sáng mai sẽ bị giết để đãi ông. Thân tôi dù chết cũng đáng tội chẳng tiếc gì, hiềm vì trong bụng đang có dê con, nếu lại vì tôi mà chết thì tội của tôi càng thêm nặng.”

Lưu Đạo Nguyên đợi đến sáng mới đem chuyện ấy ra nóithì dê đã bị giết rồi.Cả nhà họ Tần nghe chuyện đều hết sức kinh sợ,liền đặt dê con trở lại vào bụng mẹ rồi mang ra đồng chôn cất.

Lời bàn

Người gầy dựng cơ nghiệp gia đình không dám dễ duôi vay mượn tiền bạc, vì sợ lời lãi sinh ra ngày càng nhiều không dễ hoàn trả. Người có trí tuệ không dám vay mượn sinh mạng của chúng sinh, vì sợ rồi sẽ phải đem sinh mạng của chính mình ra mà thường bồi.Do đó mà bậc tu hành phát đại nguyện phải cầu vượt thoát Ba cõi,có đủ *ngũ nhãn,*[130] chứng đắc *lục thông,*[131]rõ biết hết mọi việc

[129] Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

[130] Ngũ nhãn bao gồm: 1. Nhục nhãn (māṃsa-cakṣus): Mắt của người phàm tục. 2. Thiên nhãn (divya-cakṣus): Mắt của người trời ở cõi Sắc nhờ tu Thiền định mà đạt được. Mắt này có khả năng thấy hết mọi thứ xa gần, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới... 3. Tuệ nhãn (prajñā-cakṣus). Mắt này có thể thấy rõ chân không vô tướng; tức là thấu suốt hết thảy hiện

trong quá khứ, vị laicũng như hết thảy những việc của thế gian và xuất thế gian,được như vậy mới xem là thành tựu.

Giết hại để cúng tế hại đến người đã chết[132]

Vào thời Tiền Đường,[133]có người cư sĩ họ Kim, thành tín kiên trì giữ gìn trai giới.Sau khi chết,người này có lần nhập vào một đứa bé trai mà nói với người nhà rằng: "Ta tuy có tu hành nhưng nghiệp lành vẫn còn chưa đủ để được vãng sinh Tịnh độ.Nay đang ở cõi âm nhưng được an vui lắm, có thể tự do đi lại."

Sau đó một thời gian, họ Kim cũng nhập vào đứa bé trai ấy mà trách mắng vợ con rằng: "Tại sao lúc xây mộ cho ta lại giết gà cúng tế? Vì việc ấy mà bây giờ ta đi đâu cũng có 2 người theo giám sát, không còn được tự do nữa."

Khi ấy, đứa con dâu của họ Kim đang mang thai, người nhà liền đem việc ấy ra hỏi, họ Kim nói: "Lần này sẽ sinh con trai, mẹ tròn con vuông. Nhưng lần sau cũng sinh con trai nữa, mẹ con đều chết." Mọi người đều lấy làm lạ,liền ghi chép lại lời ấy. Sau quả nhiên xảy ra đúng như vậy.

Lời bàn

Có lần đức Phật cùng ngài A-nan đi dọc theo bờ sông, nhìn thấy 500 ngạ quỷ vừa đi vừa ca hát. Ngài A-nan thưa hỏi, đức Phật dạy: "Con cháucủa những ngạ quỷ này đều vì họ mà tu phước, nên họ sắp được thoát kiếp ngạ quỷ. Vì thế mà họ vui mừng ca hát."

Tiếp đó lại thấy khoảng mấy trăm người hình dung tốt đẹp vừa đi vừa khóc, ngài A-nan lại thưa hỏi, đức Phật dạy rằng: "Con cháu những người này giết hại

---

tượng đều là không tướng, định tướng. 4. Pháp nhãn (dharma-cakṣus): Mắt của Bồ tát. Mắt này thấy được tất cả các pháp môn. 5. Phật nhãn (buddha-cakṣus): Mắt Phật. Mắt này có đủ công năng của cả 4 loại mắt trên, thấu suốt hết thảy mọi pháp, không có gì mà chẳng thấy biết.

[131] Lục thông bao gồm: 1. Thần thông (神通) hoặc Như ý thông (如意通; Sanskrit: ṛddhividdhi-abhijñā); 2. Thiên nhĩ thông (天耳通; Sanskrit: divyaśrotam-abhijñā), nghe được tất cả mọi âm thanh; 3. Tha tâm thông (他心通; Sanskrit: cetaḥpayyāya-abhijñā), tức là rõ được ý của kẻ khác; 4. Túc mệnh thông (宿命通; Sanskrit: pūrvanivāsānusmṛti-abhijñā), biết các tiền kiếp của chính mình; 5. Thiên nhãn thông (天眼通; Sanskrit: divyacakṣur-abhijñā), nhìn thấy địa ngục, chư thiên…; 6. Lậu tận thông (漏盡通; Sanskrit: āśravakṣaya-abhijñā), biết rõ mình đã giải thoát, đoạn diệt ô nhiễm, là thắng trí xuất thế.

[132] Trích từ sách Trúc song tùy bút (竹窗隨筆). (Chú giải của soạn giả)

[133] Nhà Đường cai trị từ năm 618, đến năm 690 thì Võ Tắc Thiên lập ra nhà Võ Chu. Đến năm 705, Đường Trung Tông lên ngôi nối lại nhà Đường nên gọi là Hậu Đường. Giai đoạn trước nhà Võ Chu được gọi là Tiền Đường.

sinh mạng để cúng tế, không chịu tu phước, nên họ sắp phải đọa vào địa ngục bị lửa dữ thiêu đốt.Vì thế mà họ khóc lóc.”[134]

Người đời si mê không biết, cho rằng việc cúng tế thịnh soạn là làm vinh hiển, rạng rỡ tổ tông, mà không biết rằng những việc ấy thực sự là làm hại đến người đã chết.

Thần sông xin thọ giới[135]

Vùng Giang Tây có mũi Tầm Ngư, khúc sông nơi đó vô cùng hiểm trở,người đời vẫn đồn rằng có khi không gió mà sóng vẫn cuộn cao đến ba thước. Nơi ấy có miếu thờ Long Vương, thần miếu hết sức linh hiển. Những người buôn bán qua lại nơi đây đều ghé vào cầu đảo, giết hại vật mạng để cúng tế nhiều không kể xiết.

Vào triều Minh, trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh,[136]một hôm có Luật sư Tam Muội trên đường sắp đi ngang qua miếu.Ông từ giữ miếu trong đêm ấy mộng thấy thần sông hiện ra bảo rằng: “Ngày mai sẽ có một vị tăng đi qua đây.Vị ấy với ta đời trước cùng xuất gia,là huynh đệ đồng sư.Do ngài thấu suốt chánh nhân xuất gia nên đời này vẫn là cao tăng, còn ta do một niệm sai lầm mà đọa vào cảnh giới quỷ thần thọ hưởng huyết thực. Nay nghiệp giết hại của ta quá nhiều, ngày sau chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Ngày mai ông hãy thỉnh cầu ngài truyền giới cho ta.Từ nay về sau,việc cúng tế cho takhông được dùng rượu thịt nữa.”

Hôm sau, ông từdò hỏi trên đường, quả nhiên gặp được Luật sư Tam Muội vừa đến, liền thưa rõ với ngài mọi việc. Luật sưnhận lời đến miếu thuyết giới cho

---

[134] Xem trong Đại tạng nhất lãm (大藏一覽). (Chú giải của soạn giả) Sách này có 10 quyển, hiện chỉ thấy trong Gia Hưng Tục tạng kinh, kinh số B109. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tìm được đoạn trích ở trong sách Liên tu khởi tín lục (蓮修起信錄), trong Vạn tân toản Tục tạng kinh, thuộc tập 62, kinh số 1204, tổng cộng có 6 quyển. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 21, trang 710, tờ b, thuộc quyển 6.

[135] Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Vạn tân toản Tục tạng kinh thuộc tập 88, kinh số 1642, tổng cộng có 4 quyển, do ngài Giới Hiển ghi chép vào đời Minh. Thật ra, chúng tôi đã tìm thấy câu chuyện này ở sách Liên tu khởi tín lục (蓮修起信錄), trong Tục tạng kinh, thuộc tập 62, kinh số 1204, tổng cộng có 6 quyển. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 710, tờ a, quyển 6, mở đầu bằng câu: - 善果錄云- Thiện quả lục vân (Sách Thiện quả lục có nói rằng). Rất có thể tiên sinh An Sỹ xác định rằng Thiện quả lục và Hiện quả tùy lục chỉ là cùng một quyển nên dẫn chú như chăng? Bởi chúng tôi không tìm thấy sách “Thiện quả lục” trong Đại tạng kinh.

[136] Tức vào đời Minh Tư Tông, trong khoảng năm 1628 đến năm 1644.

thần. Từ đó về sau gió yên sóng lặng, người qua lại vùng này đều không cần phải cúng tế nữa.

Lời bàn

Các vị quỷ thần trên cạn dưới nước, nếu thọ hưởng sự cúng tế của người đời bằng máu thịt chúng sinh thì tất cả đều phải đọa vào địa ngục.Ngài Đông Nhạc Thánh đế, từ niên hiệu Vĩnh Thuần triều vua Đường Cao Tông[137] trở về trước cũng thọ hưởng cúng tế bằng rượu thịt, sau đó phải thỉnh cầu Thiền sư Nguyên Khuê truyền thọ Năm giới,[138]nhờ đó mới thoát khỏi tội.Hiện nay, những vị như Văn Xương Đế quân, Quan đế,đều tuyệt đối không chấp nhận cái lý lẽ dâng cúng rượu thịt.Tăng tử[139]có nói rằng: "Người quân tử thương yêu người khác ắt phải dựa vào đức hạnh." Lẽ nào hai vị Đế quân lại không được giống như Tăng tử sao?

Không giữ trai giới phải trả nghiệp cũ[140]

Ở Côn Sơn có người tên Ngụy Ứng Chi, ngụ tại trấn Chân Nghĩa, là cháu họ của Ngụy Tử Chiêu.[141]Trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh, vào mùa xuân năm Canh Ngọ,[142]Ứng Chi nằm ngủ cùng giường với Tử Thiều, mắt đang nhắm mà bỗng khóc to rồi niệm Phật. Tử Thiều thấy vậy rất sợ, tra hỏi. Ứng Chi đáp:

---

[137] Tức là khoảng trước năm 682. Niên hiệu Vĩnh Thuần là những năm từ 682 đến 683.

[138] Xem trong sách Truyền đăng lục (傳燈錄). (Chú giải của soạn giả) Câu chuyện này trước đây cũng được soạn giả dẫn chú đến sách Đường Cao tăng truyện (唐高僧傳).

[139]Tăng tử (曾子), tên thật là Tăng Sâm (曾参),sinh năm 505 trước Công nguyên, mất năm 435 trước Công nguyên. Ông tên tự là Tử Dư, là học trò xuất sắc của Khổng tử,là người đã soạn ra phần Truyện trong sách Đại học (10 thiên), một trong Tứ thư của Nho giáo. Tăng tử cũng là một trong Nhị thập tứ hiếu (24 người con hiếu). Một lần bị mẹ đánh, ông khóc rất thảm thiết. Bà mẹ ngạc nhiên hỏi: "Xưa nay ta đánh con chẳng bao giờ khóc, sao hôm nay lại khóc lóc thảm thiết như vậy?" Tăng tử thưa: "Mọi lần mẹ đánh con thấy đau, nên con không khóc, vì biết mẹ còn sức khỏe. Hôm nay mẹ đánh không thấy đau, con biết mẹ đã già yếu đi nhiều nên buồn mà khóc."

[140] Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Vạn tân toản Tục tạng kinh thuộc tập 88, kinh số 1642, tổng cộng có 4 quyển, do Giới Hiển ghi chép vào đời Minh. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 24, trang 33, tờ c, thuộc quyển 1.

[141] An Sỹ toàn thư khắc là Tử Thiều (子韶), nhưng trong Hiện quả tùy lục thấy khắc là Tử Chiêu (子詔). Hai chữ này khá giống nhau nên e rằng An Sỹ toàn thư khi trích lại đã khắc nhầm. Hiện quả tùy lục là văn bản được trích nên chúng tôi đã theo đó mà sửa lại.

[142] An Sỹ toàn thư khắc là Canh Thìn (庚辰), nhưng trong Hiện quả tùy lục khắc là Canh Ngọ (庚午). Xét đoạn bên dưới nói 3 năm sau là năm Quý Dậu thì ở đây Canh Ngọ mới đúng. Rõ ràng An Sỹ toàn thư đã khắc nhầm. Năm Canh Ngọ này tức là năm 1629 theo Tây lịch.

“Cháu nằm mơthấy mình đi xuống âm phủ,gặp vị tào quan ôm sổ sinh tử đến, nhìn thấy có tên cháu bị chết treo cổ, bên dưới lại có ghi chú rằng: ‘Ba năm sau, vào ngày đó tháng đó... sẽ tự treo cổ chết trong phòng đọc sách.’Cháu cố gạn hỏi tội gì,nhưng tào quan chỉ nói: ‘Nghiệp báo nhất định phải thế, khó lòng tránh được.’Cháu lại hỏi: ‘Có cách nào tránh được không?”Vị ấy đáp: ‘Không có cách nào bằng ăn chay trường và niệm Phật, tinh tấn tu hành thì may ra có thể khỏi.’”

Sau đó, Ứng Chi liền nói với Tử Chiêu: “Từ nay cháu xin chuyên tâm tu hành.”Rồi từ đó phát tâm ăn chay trường, sớm tối niệm Phật, tinh tấntrải qua 8 tháng như vậy. Sau đó lại nghe lời bạn bè bàn tán rằng: “Chỉ là giấc mộng thôi, sao lại tin đó là thật?”Thế là dần dần bỏ không ăn chay nữa.

Mùa xuân năm Quý Dậu,[143]Ứng Chi bỗng dưng vô cớ đóng chặt cửa phòng đọc sách rồi treo cổ tự vẫn. Bấm đốt tay tính lại thì từ lúc nằm mộng đến khi ấy quả đúng ba năm.

Lời bàn

Những kẻ học theo Nho giáo, vì tham miếng ăn ngon nên thường viện dẫn rằng Khổng tử không ăn chay, để biện minh cho việc ăn thịt uống rượu của mình. Nhưng họ không chịu suy nghĩ kỹ để thấy rằng, trong sách Luận ngữ rõ ràng có lời dạy của Khổng tử rằng: “Những lúc giữ trai giới không được ăn thịt cá.” Như vậy đâu thể nói rằng đức Khổng tử chưa từng răn dạy việc không nên ăn thịt uống rượu? Nho gia cũng chủ trương trước mỗi kỳ tế lễ đều phải trai giới thanh tịnh, ấy là vì việc ăn chay giữ giới sẽ giúp cho thân tâm đều được trong sạch, nhờ vậy mới có thể cùng các vị thần linh giao cảm. Từ đó có thể suy ra rằng việc ăn thịt uống rượu làm cho con người hôn ám mê muội. Người đời nay hành xử không được như Khổng tử, chỉ riêng muốn học theo Khổng tử việc không ăn chay, như vậy há có thể bước vào cửa thánh được sao?

---

[143] Tức là năm 1632.

Bán công ăn chay lập tức mất mạng[144]

Huyện Ma Thành, tỉnh Hồ Bắc, có người họ Vương ăn chay trường được ba năm.Bỗng nhiên thân thể bị ghẻ lở đau đớn không chịu nổi,do đó sinh tâm thối thất, không tin vào công đức của việc ăn chay.

Có người bạn của họ Vương đến thăm bệnh, an ủi rằng: "Anh là người ăn chay, chắc chắn sẽ được trời Phật gia hộ."Họ Vương nói: "Tôi ăn chay đã ba năm, nay lại chịu nghiệp báo xấu ác như thế này,xem ra ăn chay nào có ích lợi gì?"

Người bạn liền nói: "Nếu anh không muốn ăn chay nữa, anh có thể bán công ăn chay của anh cho tôi được chăng?"

Họ Vương hỏi:"Bán như thế nào?"

Người bạn nói: "Cứ mỗi ngày anh đã ăn chay, trị giá một phân bạc;cộng cả ba năm anh sẽ được 10 lạng 8 cân bạc."[145]

Họ Vương nghe vậy mừng lắm, liền viết giấy bán rồi nhận đủ tiền, dự tính hôm sau sẽ thôi không ăn chay nữa.Đêm ấy nằm mộng thấy hai con quỷđến mắng rằng: "Mạng sống của ông lẽ ra đã dứt từ mười tháng trước,nhờ ăn chay trường mới kéo dài được đến hôm nay.Nay ông bán công ăn chay, vậy tính ra ông đã sống vượt quá số năm đáng sống rồi." Mắng như vậy rồi, lập tức muốn xông vào bắt mà dẫn đi. Vương van nài xin chậm lại cho một đêm,định sẽ trả tiền lại cho bạn và phát nguyện ăn chay trường nhưtrước.

Hôm sau, họ Vương nói với người bạn kia đòi lại giấy bán công ăn chay.Người bạn nói: "Ngay hôm qua lúc mang về tôi đã khấn trước bàn Phật mà đốt giấy ấy đi rồi."Họ Vương hết sức hối hận về việc ấy.Quả nhiên sau đó thì chết.

Lời bàn

Người muốn mua công ăn chay, quả là chuyện lạ, mà người chịu bán cũng thật kỳ lạ!Bán rồi, hai bên lại tức thời giao nhận tiền bạc xong ngay,thật càng lạ lùng

---

[144] Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách đã dẫn trên. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 16, trang 34, tờ a, thuộc quyển 1.

[145] Theo cách tính ở đây thì mỗi lạng bạc có 10 đồng cân, mỗi đồng cân có 10 phân bạc. Mỗi năm có 360 ngày, cộng 3 năm thành 1080 ngày, nên trị giá thành 10 lạng 8 cân bạc.

ít có. Cứ theo như việc này mà xét thì có thể thấy, những người bỏ tiền bạc ra để thỉnh người khác thay mình tụng kinh lễ sám, không phải là không được phước đức.

Người phát tâm ăn chay trường, trước tiên nên khởi năm phép quán bất tịnh, nhờ đó mà đối với các món ăn nấu bằng thịt cá có thể sinh tâm chê chán không còn thèm muốn.

Năm phép quán bất tịnh ấy là:

1. *Nguồn gốc bất tịnh:*Quán xét rằng hết thảy các món thịt cá đều có nguồn gốc từ máu thịt, tinh huyết của loài súc vật, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;
2. *Sự nuôi dưỡng bất tịnh:*Quán xét rằng hết thảy những gì các loài heo, dê, gà, ngỗng... ăn vào đều toàn là những thứ nhơ nhớp, dơ bẩn, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;
3. Chỗ ở bất tịnh: Quán xét rằng hết thảy các loài súc vật mà ta giết mổ để ăn thịt đó đều ăn ngủ trong chuồng trại dơ bẩn, hôi hám, ngay nơi chỗ đại tiện, tiểu tiện, suốt đời sống chung với phân dơ, nước tiểu, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;
4. *Ruột gan đều bất tịnh:* Quán xét rằng bên trong thân thể hôi hám của các loài mà chúng ta ăn thịt thực sự chứa đựng toàn những máu mủ, phân dơ, nước tiểu, đờm dãi...cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;
5. *Chết đi rồi bất tịnh:* Quán xét rằng sau khi đã chết, thân thể các loài ấy cũng đều phân rã thối nát, so với xác người chết không có gì khác, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh.

Cất bước phải quan sát, không giẫm đạp côn trùng

Giảng rộng

Người đời cũng có những kẻ biết thương xót các loài trâu, dê,chó, ngựa...Nhưng nếu nói đến việc thương xót các loài côn trùng,kiến, mối...hẳn ai cũng chê cười cho là ngu ngốc. Ấy là vì người đời không biết suy xét rằng, hình thể tuy có lớn nhỏ khác nhau, nhưng thể tánh của muôn loài đều không có lớn nhỏ. Nếu cho rằng giết những con vật lớn thì có tội lớn hơn, còn hại chết những loài vật nhỏ lại không có tội, như vậy ắt con người tuy lớn nhưng vẫn còn nhỏ hơncon trâu, vậy thay vì giết trâu chẳng bằng giết người để thay sao? Lại nếu xét theo cáchđó

thì bậc tôn quý nhất trong thiên hạ phải là loài cá lớn ma-kiệt[146] chứ chẳng phải con người, vì chúng to lớn nhất.

Lời dạy này của Đế quân là muốn cho mọi người trừ bỏ đi cái nhìn phân biệt lớn nhỏ như trên đối với vật mạng, khiến cho mỗi khi cất bước đều phải thận trọng không dám vô tình mà phạm vào sự giết hại.

Người đời động chân nhấc tay, không làm sao khỏi phạm vào tội lỗi. Chỉ lấy riêng như chuyện đi đường mà nói, trong suốt một đời đã hại chết không biết đến bao nhiêu ngàn vạn sinh mạng... Tôi từng được thấy trong quyển Luật sa-di có bài kệ và chú nói về việc đi đứng không làm tổn hại đến côn trùng, sâu kiến, thật hết sức giản dị mà ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Mỗi buổi sáng sớm, trước khi đặt chân xuống giường nên niệm mấy câu Phật hiệu, sau đó nhất tâm đọc kệ rằng:

從朝寅旦直至暮，

一切眾生自回護，

若於足下誤傷時，

願汝即時生淨土。

Tùng triêu dần đán trực chí mộ,
Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ.
Nhược ư túc hạ ngộ thương thời,[147]
Nguyện nhữ tức thời sinh Tịnh độ.

Tạm dịch:

Sáng sớm đến chiều tối,
Nguyện muôn loài chúng sinh,
Thảy thảy tự phòng hộ.
Chúng sinh nào vô tình,
Bị giẫm đạp mất mạng,

---

[146] Loài cá ma-kiệt to lớn đến nỗi mỗi khi chúng thấy ngứa bên trong vảy thì lấy thân cọ vào núi pha-lê, máu chảy ra có thể làm cho toàn bộ nước biển quanh đó đều bị nhuộm hồng.

[147] Chúng tôi ghi lại theo như nguyên bản An Sỹ toàn thư, nhưng theo Sa-di luật nghi yếu lược tăng chú (沙彌律儀要略增註), thuộc tập 60 của Tục tạng kinh, kinh số 1118 (tổng cộng có 2 quyển), bắt đầu từ dòng thứ 10, trang 258, tờ a, quyển 2, thì câu này là: 若於足下喪身形 - Nhược ư túc hạ táng kỳ hình. (Nếu dưới chân tôi bị tan nát hình hài.) Nhiều bản văn khác cũng chép giống như câu này.

Xin nguyện cho tất cả,
Đều sinh về Tịnh độ.

Kèm theo bài kệ này cũng trì tụng 7 lần câu chú: *"Án, địa lợi chi lợi ta bà ha."*[148]

Sau khi trì tụng đủ 7 lần câu chú trên rồi mới đặt chân xuống giường, với tâm tỉnh giác thận trọng đó thì sẽ tránh được sự vô tình giẫm đạp giết hại các loài côn trùng. Việc trì tụng kệ và chú này không phân biệt kẻ trí người ngu, aicũng có thể trì tụng được.Con cháu từ khoảng 6, 7 tuổi nên dạy cho biết hành động và suy nghĩ theo cách này.Lâu ngày thành thói quen, nề nếp, nên ý niệm nhân từ sẽ sớm được vun bồi từ thuở nhỏ. Mạnh tử nói: *"Gà gáy sớm lập tức vùng dậy, chuyên tâm nuôi dưỡng vun bồi cho tâm thiện ngày càng thêm lớn."* Làm được như trên, chẳng phải lại càng giúp ích thêm cho lời dạy của Mạnh tử đó sao?

Trưng dẫn sự tích

Nhịn khát để bảo vệ côn trùng[149]

Khi đức Phật đang thuyết pháp tại tinh xá Kỳ Viên, có hai vị tỳ-kheo mới học Phật pháp chưa bao lâu, nên từ nước La-duyệt-kỳ phát tâm tìm đến để được gặp Phật, nghe Pháp.

Đường đi quá xa xôi, lại gặp lúc trời khô hạn,hai vị bị thiếu nước uống nên khát đến mức sắp chết. Bỗng gặp một hố sâu, bên dưới có một ít nước, nhưng trong nước lại có rất nhiều trùng nhỏ li ti, theo giới luật thì không thể uống nước ấy.

Một vị nói: "Chúng ta nên uống nước này, vì như thế sẽ cứu được thân, sau mới đó mới còn có thể đến gặp Phật, nghe Pháp."

Vị kia liền nói: "Giới luật của Phật chế định không giữ theo thì việc đến gặp Phật liệu có ích gì?"Liền chịu khát mà chết.Thần thức vị này lập tức sinh lên cõi

---

[148] Câu chú này cũng được ghi theo An Sỹ toàn thư: 唵地利日(音支) 利娑婆訶- nhưng theo Tỳ ni nhật dụng thiết yếu (毗尼日用切要), thuộc tập 60 của Tục tạng kinh, kinh số 1115, có 1 quyển, thì câu chú này là: 唵逸帝律尼莎訶- Án dật đế luật ni sa ha.

[149] Trích từ kinh Pháp cú dụ (法句喻經). (Chú giải của soạn giả) Tên kinh đầy đủ là Pháp cú thí dụ kinh (法句譬喻經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 211, tổng cộng có 4 quyển, do 2 ngài Pháp Cự và Pháp Lập cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Tấn. Câu chuyện này nằm trong phẩm Hộ giới, bắt đầu từ dòng thứ 6, trang 578, tờ a, quyển 1. Nội dung kinh văn có nhiều chi tiết quan trọng nhưng do lược kể nên soạn giả đã bỏ bớt.

trời Đao Lợi.Vị này tự biết được nhân duyên trước khi sinh về cõi trời, liền mang hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên cúng dường đức Phật.

Vị tỳ-kheo kia uống nướccó trùng nên khỏi chết khát, hôm sau đến được Kỳ Viên, khóc trình nỗi khổ của mình lên Phật, lại nhắc đến người bạn đồng hành đã chết khát.

Đức Phật dạy: "Ta đã biết trước rồi."Liền đưa tay chỉ vị trời vừa đến cúng dường mà nói: "Đây chính là người bạn hôm trước cùng đi với ông, đã đến đây rồi. Ông đến đây chỉ nhìn thấy hình tướng bên ngoài của ta, nhưng không giữ gìn giới luật do ta chế định, tuy nói là đến gặp được ta, nhưng ta thật không gặp ông. Những ai dù ở cách xa ta ngàn dặm, nhưng nếu thực hành theo Kinh điển, giữ gìn theo Giới luật, thì người ấy lúc nào cũng như ở trước mặt ta."[150]

Lời bàn

Phật dạycác tỳ-kheo rằng những chum, vại... rỗng đều nên lật úp lại hoặc đậy kín, không nên để ngửa lên. Vì sao? Vì khi để ngửa lên mà không đậy kín,tất nhiên sẽ chứa đọng nước mưa, từ đó sinh ra các loài trùng.Khi có người dùng đến, đổ nước ra tức là giết hại các loài trùng ấy.

Trong mùa hè thu, nước mưa đọng thành vũng trên đất, sau một hai hôm thế nào cũng phát sinh các loài trùng trong nước.Mà những con trùng ấy, hầu hết đều phải chết khi cạn nước.Do đó, nên khai thông cống rãnh để quanh nhà không chỗ nào có nước đọng thành vũng.Không dùng nước đọng trong lòng cống rãnh để tưới cây, tưới hoa, vì nước khô cạn đi cũng giết chết nhiều trùng trong đó. Nước mưa mới hứng vào chum, vại... nên dùng than sạch cho vào bên trong để không sinh trùng.Không vất xương cá, thịt, các thức ăn thừa có mùi hôi tanh... bừa bãi trên mặt đất, vì như vậy tức là nhữ cho đàn kiến kéo đến, ắt sẽ bị người giẫm đạp mà chết. Hết thảy các loại nước có chất kiềm, nước muối, nước sôi, nước vôi sống... đều không được đổ bừa lên mặt đất làm chết côn trùng.[151]

---

[150] Câu này chúng tôi y theo kinh văn mà bổ sung cho trọn ý nghĩa lời Phật dạy, vì An Sỹ toàn thư lược kể nên có phần thiếu nghĩa.

[151] Câu này trong nguyên bản khắc vào phần dưới đây: "Không đốt lửa gây cháy rừng, cháy núi". Nhưng xét kỹ, rõ ràng là nội dung thuộc về phần này nên chúng tôi đã xếp lại cho đúng với ý nghĩa cả đoạn. Đây rất có thể là lỗi nhầm lẫn khi khắc bản in.

Những điều như trên đều là để tránh sự vô tình giết hại các loài côn trùng.

Không đốt lửa gây cháy rừng, cháy núi

Giảng rộng

Người ta dù gặp hỏa hoạn, cũng chưa hẳn đã phải mất mạng, nhưng khi núi rừng bị cháy thì tất cả các loài dù bay, dù chạy, dù kêu, dù nhảy, hoặc không có chân, hoặc có hai chân, bốn chân, cho đến nhiều chân...thảy đều phải chết trong lửa dữ. Tội ác như thế này, phần lớn thường do những thiếu niên kém đạo đức nghịch ngợm mà gây ra.Ngăn cấm được việc đốt phá rừng núi là việc làm có công đức lớn nhất.[152]

Trưng dẫn sự tích

Xả thân cứu muôn loài[153]

Vô số kiếp về trước, trong một khu rừng già có rất nhiều cầm thú.Một hôm, không biết lửa từ đâu bùng lên,từ ba hướng cùng lúc lan nhanh tới thiêu rụi cả khu rừng này.Khi ấy chỉ duy nhất một hướng không có lửa, nhưng lại có con sông chắn ngang. Muôn loài cầm thú đều bị dồn đến chỗ bế tắc, không còn đường thoát.

Đức Phật dạy rằng: “Vào lúc ấy, ta là một con nai chúa thân hình vô cùng to lớn và có sức mạnh. Ta liền đạp hai chân trước đến tận bờ sông bên kia, hai chân sau trụ tại bờ sông bên này, lấy thân mình làm cây cầu để muôn loài đạp trên lưng ta mà qua sông. Muôn loài cầm thú quá đông, giẫm đạp đến nỗi da thịt ta bị giập nát đau đớn, nhưng ta dùng nguyện lực từ bi mà nhẫn chịu,dù chết cũng quyết cứu hết muôn loài. Khi cầm thú đã thoát hết sang bên kia sông, cuối cùng chỉ còn lại một con thỏ. Ta khi ấy sức cùng lực kiệt, nhưng vẫn phải nỗ lực hết

---

[152] Vị trí này còn có thêm câu: 城水,鹽汁,沸湯,石灰漿,皆不可潑於有蟲處所。- Kiềm thủy, diêm hiệp, phí thang, thạch hôi tương, giai bất khả bát ư hữu trùng xứ sở. (Hết thảy các loại nước có chất kiềm, nước muối, nước sôi, nước vôi sống... đều không được đổ bừa lên mặt đất làm chết côn trùng.) Xét thấy ý nghĩa hoàn toàn phù hợp với phần trước mà không thích hợp với phần này, nên chúng tôi đã dời câu này lên phần trước.

[153] Trích từ luận Đại trí độ (大智度論). (Chú giải của soạn giả) Trong thực tế, An Sỹ toàn thư đã trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Phần trích này bắt đầu bằng câu: 如大智度論云- Như Đại trí độ luận vân (Như trong luận Đại trí độ có nói rằng), và đây là lý do An Sỹ toàn thư dẫn chú đến luận Đại trí độ. Đoạn trích trong Pháp uyển châu lâm bắt đầu từ dòng thứ 9, ttrang 783, tờ c, quyển thứ 65.

sức để giữ thân cho con thỏ ấy qua sông. Khi thỏ vừa qua sông rồi, ta lập tức gãy xương sống, rơi xuống dòng sông mà chết.”

Đức Phật lại dạy rằng: “Nếu ta tự kể lại những sự tu tập khổ hạnh như thế từ bao đời trước, thì dù đến hết kiếp cũng chưa thể nói hết.”

Lời bàn

Đức Phật kể lại chuyện này xong, có dạy rằng: “Muôn loài cầm thú được ta cứu qua sông ngày trước, bây giờ đều là các đệ tử của ta.Con thỏ sang sông cuối cùng,nay là ông Tu-bạt-đà.”[154]

Đốt lửa giết hại côn trùng phải chịu tội báo[155]

Ở Dương Châu có người tên Hạ Tự Minh, mở quán trà phía trước chùa Thạch Tháp. Chung quanh nhà có nhiều cây lớn, mỗi ngày ông đều quét lá gom lại đốt.Sau ông mắc bệnh nặng, sắp chết, bỗng nhiên tự nói ra rằng: “Ta suốt một đời đã đốt không biết bao nhiêu lá cây, ban đầu thật không nghĩ như vậy lại là có tội, nhưng ngẫm lại trên những lá cây ấy thật có vô số trùng kiến, thảy đều bị ta đốt mà chết. Nay Diêm vương mang việc ấy mà trách tội ta,sợ rằng chẳng còn cách nào chuộc lại.” Nói xong thì chết.

Lời bàn

Các loại tre, gỗ khi hư mục thường sinh ra rất nhiều mối, mọt... bên trong, nên đều không thể dùng làm củi đốt, đâu chỉ riêng lá khô? Cứ theo như trong Kinh thì phía trên ngọn lửa đèn còn có rất nhiều chúng sinh cực kỳ nhỏ bé, ăn nuốt khói đèn để sống. Nếu có hơi người thổi vào, ắt sẽ chết cả. Người phàm mắt thịt đều không thấy biết, chỉ người đã chứng đắc thiên nhãn mới có thể thấy. Cho nên, Phật dạy các vị tỳ-kheo không được dùng miệng thổi tắt các ngọn lửa đèn, nến...

---

[154] Tu-bạt-đà, phiên âm từ Phạn ngữ Subhadda, là vị đệ tử được đức Phật hóa độ cuối cùng ngay trước khi nhập diệt. Lúc ấy ông đã 120 tuổi, được nghe đức Phật thuyết dạy về Bát chánh đạo, liền ngay trong đêm đó phát nguyện xuất gia, thọ giới, giữa đêm chứng quả A-la-hán, liền nhập Niết-bàn ngay trước khi đức Phật diệt độ.

[155] Trích từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

Đêm tối giúp người đi đường có đèn soi sáng

Giảng rộng

Đang đêm tối mịt mùng khó cất bước đi, bỗng nhiên có được một ngọn đèn sáng, thật chẳng khác nào người mù bỗng dưng được sáng mắt, lại cũng giống như lúc trời đã sụp tối lại có thể lưu giữ chút ánh tà dương để soi chiếu khắp mặt đất. Đối với người đang rơi vào hoàn cảnh phải đi trong đêm tối, còn có ân huệ nào lớn hơn?

Người đi trong đêm có được ngọn đèn, ắt có thể nhìn thấy rõ ràng mọi thứ phía trước để dễ dàng tiến bước. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường có mắt sáng tinh tường.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt trong lòng không còn lo lắng sợ sệt. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường đầy đủ mọi niềm vui sướng, hoan hỷ.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không phải giẫm đạp lên những chỗ bùn lầy nhơ nhớp. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường được sạch sẽ, tinh khiết.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt nghe tiếng chó sủa trong lòng không hoảng hốt kinh sợ. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường an ổn không sợ sệt.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị người khác nghi ngờ là kẻ gian tà. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường hành động quang minh chính đại.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị vấp ngã gây thương tích. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường không bệnh khổ, thân thể tráng kiện, khỏe mạnh.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị mối nguy rơi xuống mương rãnh, khe suối, hố hầm, giếng nước... Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo tuổi thọ dài lâu.

Đêm tối giúp người đi đường có đèn soi sáng, ắt sẽ được nhiều điều lợi lạc như trên, đâu thể nói rằng đó chỉ đơn thuần là soi đường cho người đi thôi sao?

Người đời si mê, sinh ra vốn chẳng biết mình từ đâu đến, chết đi cũng thật chẳng biết sẽ về đâu. Trong khoảnh khắc đã nhập vào một bào thai, lại trong khoảnh khắc đã ra khỏi một bào thai. Hết thảy đều là lưu chuyển xoay vòng trong chỗ tối tăm mù mịt, ai là người có được ngọn đèn sáng để soi chiếu đường đi?

Đức Phật có dạy rằng:

欲知前世因，

今生受者是；

欲知後世果，

今生作者是。

Dục tri tiền thế nhân,
Kim sinh thọ giả thị;
Dục tri hậu thế quả,
Kim sinh tác giả thị.

Tạm dịch:

Muốn biết nhân đời trước,
Hãy xem quả ngày nay.
Muốn biết quả đời sau,
Hãy xem nhân đời này.

Nếu theo đúng lời dạy này mà suy xét quán chiếu, thì tự nhiên đời trước, đời sau thảy đều sáng rõ như có được một ngọn đèn soi chiếu. Người tu hành theo Mười điều lành, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn được sinh lên cõi trời. Người thọ trì Năm giới, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn được sinh trong cõi người. Người đã quy y Ba ngôi báu, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn không còn rơi vào Ba đường dữ. Quán chiếu như thế chính là đã có được ngọn đèn trí tuệ.

Bà lão nghèo thắp đèn cúng Phật[156]

Thuở xưa, vua A-xà-thế muốn cúng dường đức Phậtnên dùng đến trăm hộc[157]dầu để thắp đèn sáng rực,dọc theo đường từ cung điện cho đến tinh xá Kỳ Viên,[158]không một chỗ nào là không có đèn sáng.

Bấy giờ trong thành có một bà lão nghèo khó, thấy vua làm việc cúng dường tạo phúc lớn lao như thế thì hết sức cảm kích,[159] liền tự mình cũng mang 2 đồng tiền đi mua dầu để thắp đèn cúng Phật. Hai đồng tiền của bà chỉ mua được 2 cáp dầu, nhưng người bán dầu ngợi khen tâm chí thành của bà nên tặng thêm cho 3 cáp nữa, cả thảy được 5 cáp.[160] Tuy vậy, số dầu này ắt cũng không đủ để đèn của bà cháy sáng đến quá nửa đêm. Khi ấy, bà lão mang dầu thắp đèn cúng Phật, tự phát lời thệ nguyện rằng: "Nếu tôi ngày sau có thể chứng đắc đạo quả như Phật, nguyện cho số dầu này sẽ cháy được suốt đêm, ánh sáng không bao giờ tắt mất." Phát thệ nguyện xong, kính cẩn lạy Phật rồi về. 1800000

Trong đêm ấy, những ngọn đèn của vua A-xà-thế tuy có sai người chăm sóc châm dầu, nhưng vẫn có ngọn còn sáng,có ngọn bị tắt, không được đều đặn như nhau. Chỉ riêng ngọn đèn của bà lão nghèo vẫn luôn sáng rực suốt đêm đến sáng.

Lúc trời đã sáng, ngài Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy đi tắt đèn, dùng áo cà-sa quạt cho ngọn đèn của bà lão nghèo tắt đi, nhưng đèn không tắt mà ngược lại còn sáng thêm lên. Đức Phật dạy: "Ánh sáng của ngọn đèn ấy không phải oai thần của ông có thể dập tắt được. Bà lão này đời trước đã từng cúng dường mười tám triệu đức Phật, sau ba mươi kiếp nữa sẽ thành tựu quả Phật, hiệu là

---

[156] Trích từ kinh A-xà-thế vương thọ quyết (阿闍世王授決經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 14, kinh số 509, 1 quyển, do ngài Pháp Cự dịch vào đời Tây Tấn. Chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 26, trang 777, tờ a.

[157] Hộc: đơn vị đo lường thời xưa, dùng đo dung tích. Mỗi hộc có 10 đấu, mỗi đấu có 10 thưng, mỗi thưng có 10 cáp.

[158] Tinh xá Kỳ Viên nằm về phía nam thành Xá-vệ, cách thành 6 dặm. (Chú giải của soạn giả)

[159] Chỗ này An Sỹ toàn thư khắc là cảm thương (感傷), chúng tôi xem trong kinh văn thấy chép là cảm kích (感激), quả thật thích hợp hơn. Vì thế đã dịch theo kinh văn.

[160] Mỗi cáp chỉ bằng một phần ngàn của hộc, nên số dầu này có thể hình dung là rất ít.

Tu Di Đăng Quang Như Lai.Bà ấy chỉ do một đời trước không thường tu hạnh bố thí, nên đời này phải chịu nghèo khổ.”

Lời bàn

Như trường hợp này, quả thật là:

> *Tu huệ không tu phước,*
> *La-hán thường đói thiếu.*

Cho nên, đối với việc tu tập hạnh lành bố thí, quả thật không thể xem thường mà bỏ qua.

Trộm dầutrên bàn Phật chịu quả báo tức thì[161]

Ở trấn Thạch Phố vùng Côn Sơn có một điện thờ Quán Âm, không người chăm sóc nên hết sức hoang tàn lạnh lẽo.Vào niên hiệu Khang Hy năm đầu tiên,[162] có người mang con thỏ vào điện thờ giết thịt, muốn nấu nhưng không có củi đốt.Khi ấy có người chỉ cho ông ta biết trước bàn Phật có dầu thắp trong đèn.Ông ta liền lấy dầu ấy mà đốt nấuchín thịt thỏ để ăn. Vừa ăn xong thì hai mắt bỗng nhiên bị mù.Từ đó về sau phải chịu mù lòa đến suốt đời.

Lời bàn

Căn cứ theo giới luật thì dầu đèn trước bàn Phật không được dùng để dâng cúng Bồ Tát, huống chi là người phàm lại dám lấy trộm dầu ấy!Hơn nữa, lại trộm dầu ấy để nấu thịt thỏ!Tuy đã chịu báo ứng mù mắt ngay, nhưng như vậy hẳn là vẫn còn chưa hết tội.

Sông rộng giúp thuyền bè đưa người qua lại

Giảng rộng

Đang lúc trên đường đi gặp dòng sông chắn ngang phải dừng lại, hoang mang không biết phải trù liệu cách nào, còn đang than thở sao chỉ cách một dòng sông mà muốn vượt qua còn khó khăn hơn cả ngàn dặm đường, bỗng nhiên lại được thuyền bè đưa ngay sang sông. Đó chính là ở nơi bế tắc tuyệt lộ mà được mở ra

---

[161] Chuyện này do chính tôi được nghe biết nên kể lại ở đây. (Chú giải của soạn giả)

[162] Tức là năm 1662.

con đường sống. Kẻ đã giúp cho người khác từ nơi tuyệt lộ có được sự sống, chắc chắn tự thân họ rồi cũng sẽ được từ nơi tuyệt lộ có được con đường sống.

Trong dòng sông rộng mà có thể giúp đưa người vượt qua, tất nhiên được công đức rất lớn. Trong biển khổ sinh tử mà có thể giúp đưa người vượt qua, công đức còn lớn hơn bội phần.

Đưa người qua sông, ân huệ ấy bất quá cũng chỉ là nhất thời. Đưa người vượt qua biển khổ sinh tử, ân huệ ấy quả thật sẽ nối dài đến đời đời kiếp kiếp.

Hết thảy người phàm chúng ta đều đang ở bờ bên này của biển khổ sinh tử luân hồi, chỉ có thể nhờ đến sáu công hạnh lớn lao mới có thể giúp chúng ta vượt qua được đến bờ giác ngộ bên kia. Bờ bên kia đó, chính là bờ giải thoát của chư Phật, Bồ Tát đã vượt thoát ra ngoài Ba cõi.Sáu công hạnh lớn lao chính là tu tập theo sáu pháp ba-la-mật. Đó là, công hạnh bố thí ba-la-mật giúp ta vượt qua biển tham lam, keo lận; công hạnh trì giới ba-la-mật giúp ta vượt qua biển ác nghiệp; công hạnh nhẫn nhục ba-la-mật giúp ta vượt qua biển sân hận; công hạnh tinh tấn ba-la-mật giúp ta vượt qua biển lười nhác phóng túng; công hạnh thiền định ba-la-mật giúp ta vượt qua biển tán loạn tâm ý; công hạnh trí tuệ ba-la-mật giúp ta vượt qua biển vô minh si ám.

Trưng dẫn sự tích

Nỗ lực hết sức cứu người chết đuối[163]

Triều Minh, có quan Thiếu sưlà Dương Vinh,tên tự là Miễn Nhân,quê ở huyện Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến. Tổ tiên ông nhiều đời làm nghề đưa đò để sinh sống. Gặp một năm có lũ lớn, tràn ngập các vùng dân cư, người chết đuối cứ theo dòng sông mà trôi xuống. Những người có thuyền đều tranh nhau vớt lấy những tài sản quý giá trôi trên sông, chỉ riêng ông cố và ông nội của Thiếu sư, hai người đều hết sứclo việc cứu người, hoàn toàn không vớt lấy một chút tài vật nào. Người làng đều cười họ là ngu, hai người nói: “Chúng tôi đưa đò tự thấy cũng đã đủ sống, không muốn trộm lấy những tài sản không phải của mình.”

[163] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

Đến khi cha của Thiếu sư sinh ra,gia đình dần dần khá giả lên.Bỗng có một đạo nhân đi ngang qua vùng,bảo người nhà rằng: “Tổ phụ các người có âm đức lớn, con cháu sẽ được giàu có vinh hiển, nên cải táng vào chỗ đất này.”Nói rồi chỉ cho một chỗ đất. Người nhà y theo chỉ dẫn của đạo nhân mà cải táng.Chỗ ấy sau này các thầy địa lý đều gọi là gò bạch thố.Sau sinh ra Thiếu sư,còn nhỏ tuổi đã đỗ đạt làm quan, dần dần thăng tiến, tước vị lên đến hàng Tam công.[164] Ông cố và ông nội của Thiếu sư đều được triều đình truy tặng quan tước như vậy.

Lời bàn

Trong khoảng niên hiệu Khang Hy, vào năm Bính Tý,[165]ngày mồng một tháng sáu,lúc nửa đêm thủy triều ở huyện Sùng Minh dâng lên quá cao, chìm ngập cuốn trôi đến mười tám nơi trong vùng Sa trấn, người và súc vật, tài sản đều trôi nổi theo dòng nước.Có một người nép mình nằm trên đống củi lớn theo dòng nước lênh đênh, còn chưa kịp tấp vào bờ. Trên bờ có một người tham đống củi lớn, liền dùng móc câu đưa ra để kéo mạnh vào, do đó làm cho đống củi tách đôi, người nằm trên đó rơi xuống nước mà chết.

Đến lúc trời sắp tối, người vớt củi kia bỗng tự nhiên điên loạn, tự nói ra rằng: “Nhà tao có bốn người đều đã chết, chỉ mình tao may ra được sống sót.Nhưng mày lại hại chết tao, tao quyết không tha cho mày.”

Trong đêm ấy, người này chết thảm. Theo đó có thể thấy,đem hết sức làm lợi cho người khác, tự mình cũng chẳng bao giờ bất lợi;dốc hết sức vào sự tham lam tài vật, cuối cùng cũng chẳng được tài vật. Quả thật đúng là: “Người thiện vui mừng vì được làm người thiện; kẻ ác thật uổng đời đã chọn làm kẻ ác.”

---

[164] Tam công: ba chức quan cao nhất trong triều đình. Cách gọi này bắt đầu từ đời Chu, bao gồm các chức quan: Thái sư, Thái phó và Thái bảo. Đến triều Bắc Ngụy thường gọi là Tam sư. Thời Đông Hán, các chức quan đầu triều được đổi thành Tư đồ, Tư mã và Tư không, nên gọi chung là Tam tư.

[165] Tức là năm 1696.

Không dùng lưới bắt các loài chim thú trên cạn[166]

Giảng rộng

Tuy cùng là loài mang lông cánh,nhưng chim muông so với gia súc gà vịt có sự khác nhau rất lớn. Nghiệp đời trước của gà vịt rất nặng nề nên chiêu cảm quả báo nhất định sẽ bị giếtthịt, nghiệp đời trước của chim muông có phần nhẹ hơn nên quả báo không nhất định phải bị giết thịt. Nếu người giăng lưới để bắt chim muông, đó là làm cho nghiệp nhẹ của chúng mà phải chịu quả báo nặng là bị giết hại, vậy thì tội giết hại đó chẳng phải là do chính ta tạo ra đó sao?

Kinh Phạm võng có dạy:[167]"Người Phật tử khi nhìn thấy các loài chúng sinh khác, nên thầm niệm rằng: 'Các vị hiện nay tuy là súc sanh, cũng nên phát tâm Bồ-đề để ngày sau được giải thoát.'Nếu không khởi tâm khuyên dạy khuyến tu như vậy là phạm vào tội *khinh cấu*."[168]

Theo như ý nghĩa đó thì khi nhìn thấy các loài chim muông, phát tâm thương xót cứu độ cho chúng thoát khỏi nghiệp súc sinh còn e là chưa được, huống gì ngược lại còn muốn giăng lưới bắt chúng về ăn thịt, sao có thể như thế? Trong chốn rừng núi ở cõi Diêm-phù-đề có đến bốn nghìn năm trăm loài chim muông,[169] tuy hình thể khác biệt nhưng sự tham sống sợ chết ắt đều giống nhau.Các loài ấy lấy núi rừng làm nơi trú ngụ,nay nhất thời bị người giăng lưới bắt đi, khiến cho mẹ con đành phải vĩnh viễn xa lìa. Tội lỗi đó nhất định sẽ chiêu cảm nghiệp báo xấu ác nặng nề.

---

[166] Nguyên tác là "勿登山而網禽獸" (Vật đăng sơn nhi võng cầm thú), nếu dịch sát nghĩa là "không lên núi lưới bắt chim thú". Nhưng xét vì ngày xưa người ta chỉ lên núi, vào rừng để giăng lưới, còn ngày nay thì việc làm này xảy ra ở bất cứ nơi đâu, thậm chí ngay giữa phố thị, có những nơi chim chóc tụ tập nhiều cũng bị giăng lưới bắt. Vì thế chúng tôi đã dịch thoát nghĩa đi cho phù hợp.

[167] Kinh Phạm Võng (梵網經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 24, kinh số 1484, tổng cộng có 2 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần.

[168] Tội khinh cấu: là các tội tuy nhẹ nhưng làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh, nên gọi là tội khinh cấu. Theo Phạm võng kinh bồ tát giới bản sớ, quyển 4, giải thích rằng: "Vì phân biệt với các tội nặng nên gọi là khinh; so với các tội nặng khác thì không phạm, nên gọi là cấu; vì làm ô nhiễm hạnh thanh tịnhnên gọi là cấu; vì thể của các tội này không quá nặngnên gọi là khinh."

[169] Nguyên tác chỗ này dẫn chú là "Trích từ Đại tạng kinh", quả thật có phần hơi mơ hồ, vì không thể biết soạn giả đã căn cứ theo kinh nào. Tuy nhiên, chúng tôi đã tìm thấy thông tin này trong sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trước), quyển thứ 44, bắt đầu từ dòng thứ 11, trang 627, tờ a.

Chim muông không chỉ bị giăng lưới giết hại mà thôi.Khi lưới bắt không được, lại còn dùng đến cung tên, súng bắn, cho đến leo cây phá tổ lấy trứng...Tất cả những việc như thế đều ác hại như nhau, quyết không được làm.

Trưng dẫn sự tích

Truyện tích chim oanh vũ[170]

Trong thành Xá-vệ, nhà ông trưởng giả Tu-đạt có hai con chim oanh vũ, hết sức tinh khôn, hiểu được tiếng người. Khi thấy có tỳ-kheo đến nhà, chúng liền vào báo để người nhà ra nghênh đón.

Ngài A-nan thấy vậy liền vì chúng thuyết pháp Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo.Hai con chim nghe pháp đều tỏ ý vui mừng hoan hỷ.

Hai con oanh vũ này thường ngủ trên cây, do nghiệp ác đời trước nên một hôm bị chồn hoang ăn thịt. Nhờ đã được nghe phápnên thần thức cả hai đều sinh lên cõi trời Tứ thiên vương.[171]

Nhân việc này, Đức Phật dạy rằng: “Hai con chim ấy khi đã hết thọ mạng ở cõi trời Tứ thiên vương sẽ sinh về cõi trời Đao-lợi, khi thọ mạng ở cõi trời Đao-lợi đã hết, sẽ sinh về cõi trời Dạ-ma, khi thọ mạng ở cõi trời Dạ-ma đã hết, sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất,[172] khi thọ mạng ở cõi trời Đâu-suất đã hết, sẽ sinh về cõi trời Hóa Lạc, khi thọ mạng ở cõi trời Hóa Lạc đã hết, sẽ sinh về cõi trời Tha Hóa Tự Tại, khi thọ mạng ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đã hết, sẽ quay trở lại sinh về cõi trời Hóa Lạc, rồi cứ thế sinh trở lại dần cho đến cõi trời Tứ thiên vương mới dứt một chu kỳ. Lại tiếp tục qua lại cho đến bảy chu kỳ như thế, rồi sẽ sinh

[170] Trích từ kinh Hiền ngu nhân duyên (賢愚因緣經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh với tên Hiền ngu kinh (賢愚經), thuộc tập 4, kinh số 202, tổng cộng có 13 quyển, do nhóm của ngài Huệ Giác dịch vào đời Nguyên Ngụy. Câu chuyện này nằm trong Phẩm thứ 51, có tên là Nhị oanh vũ văn Tứ đế phẩm (二鸚鵡聞四諦品- 第五十一), bắt đầu từ dòng thứ 7, trang 436, tờ c, thuộc quyển 12. Tuy nhiên, đối chiếu nội dung thấy có nhiều khả năng là An Sỹ toàn thư đã trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trước), với câu mở đầu là Hiền ngu kinh vân - 賢愚經云. Đoạn trích này trong Pháp uyển châu lâm được bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 412, tờ b, quyển 17.

[171] Tên Phạn ngữ là Caturmahārājika-deva, là cõi trời thứ nhất trong 6 cõi trời thuộc cõi Dục, cũng gọi là Tứ vương thiên. Do có 4 vị thiên vương hộ thế cùng thiên chúng trấn giữ 4 phương đông, tây, nam, bắc nên cũng gọi là Tứ thiên vương thiên hay Tứ đại thiên vương chúng thiên.

[172] An Sỹ toàn thư chép thiếu việc sinh về cõi trời Đâu-suất, nên 6 cõi trời Dục giới chỉ còn 5. Chúng tôi căn cứ kinh văn bổ sung vào.

vào cõi người, xuất gia tu hành,một người có tên là Tu-đàm, người kia có tên là Tu-đàm-ma, đều sẽ chứng quảthành Bích-chi Phật.[173]

Lời bàn

Tuy đã được nghe pháp Tứ đế mà vẫn bị chồn ăn thịt, nên biết là nghiệp đã tạo nhất định phải chịu thọ báo, khó lòng tránh được. Tuy bị chồn ăn thịt, nhưng cuối cùng rồi cũng vượt thoát ra ngoài Ba cõi, chứng quả A-la-hán, nên biết là pháp Phật rất nên cầu nghe. Người phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, nếu như ngày thường luôn tinh tấn tu trì, phát thệ nguyện rộng sâu, cho dù không được ngồi mà xả thân hay đứng để thị tịch, lại có bị rắn rết làm hại hay hổ báo ăn thịt, cũng không ngăn trở việc vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Chim sẻ được sinh làm người[174]

Vào đời Đường, vùng Tịnh Châu[175] có một vị tăng già tu ở chùa Thạch Bích, mỗi ngày thường tụng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang. Vào niên hiệu Trinh Quán năm cuối,[176]có con chim sẻ vào làm tổ trong căn phòng thầy, không lâu thì thấy có hai chú sẻ con.Mỗi ngày vị tăng già đều lấy cơm cho ăn.Ít lâu sau,cả hai con sẻ đều bị rơi xuống đất mà chết, thầy liền mang xác đi chôn cất.

Khoảng một tuần sau, vị tăng nằm mộng thấy có hai đứa trẻ đến thưa: “Trước kia chúng con có chút tội nhỏ phải đọa làm thân chim sẻ, nhờ được nghe thầy tụng kinh nên thoát khỏi kiếp chim, nay được sinh làm người tại nhà ấy, ở thôn ấy...Sau mười tháng nữa chúng con sẽ sinh ra.”

Mười tháng sau, vị tăng liền tìm đến nhà ấy, thôn ấy... theo như lời trong mộng, quả nhiên tìm được, trong nhà vừa sinh được hai đứa con trai.Vị tăng liền gọi

[173] An Sỹ toàn thư chép là “thành A-la-hán”, nhưng căn cứ kinh văn cũng như đoạn trích lại trong Pháp uyển châu lâm thì đều thấy chép là “thành Bích-chi Phật”. Có lẽ tiên sinh An Sỹ căn cứ việc nghe pháp Tứ đế nên sửa lại là thành A-la-hán, nhưng chúng tôi nghĩ vẫn phải giữ theo kinh văn thì đúng hơn. Hơn nữa, việc thành đạo xảy ra nhiều đời sau chứ không phải ngay sau khi nghe pháp Tứ đế.

[174] Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả) Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 3, trang 665, tờ c, thuộc quyển 50. (Sách đã dẫn trước.)

[175] Nay là vùng Sơn Tây thuộc tỉnh Thái Nguyên.

[176] Tức là năm 649.

“chim sẻ”, cả hai đứa bé sơ sinhđều ứng tiếng “dạ”.Sau tiếng “dạ” ấy, phải đợi một năm sau chúng mới biết nói.

Lời bàn

Chư thiên lúc mới sinh ra cũng nhớ được những việc đời trước, đến lúc gặp thiên nữ liền mê muội quên mất bổn tâm, không thể nhớ lại được nữa. Hai đứa bé nghe gọi “chim sẻ”mà ứng tiếng đáp là do mới sinh vẫn còn chưa quên chuyện đời trước.

Xương cốt gãy vụn[177]

Từ cửa phía đông của Côn Sơn đi ra khoảng ba dặm có ngọn tháp Ngọc Trụ được xây dựng ngay ven bờ sông, trên tháp có rất nhiều chim đến làm tổ.Có một đứa trẻ thường lên đó lấy trứng chim.Một hôm, khi đứa trẻ ấy vừa leo lên đến tầng cao nhất, vừa lúc sắp phá tổ chim, bỗng sẩy chân té xuống.Khi ấy, trên sông có một thuyền buôn từ Thái Thương đi ngang qua đó, người trên thuyền đều tận mắt nhìn thấy đứa trẻ ấy rơi từ trên nóc tháp, lộn nhào nhiều vòngtrên không trước khi chạm đất, không nghe kêu la gì.Khi người ta đến xemthì thấy xương cốt đều gãy vụn.[178]

Không dùng thuốc độc bắt các loài cá tôm dưới nước

Giảng rộng

Trong ao, hồ, sông, biển ở khắp cõi Diêm-phù-đề có khoảng sáu nghìn bốn trăm loài cá.[179] Tuy có rất nhiều giống loài như vậy, nhưng xét ở sự tham sống sợ chết thì tất cả đều giống như nhau. Hết thảy các loài này đều dựa vào nước để làm nơi cư trú, bỗng nhiên vô cớ bị người đầu độc,khiến cho tuyệt diệt cả giống nòi, sao có thể như thế được?

Nhưng nỗi sợ bị giết hại của cá tôm không chỉ riêng có thuốc độc. Đãcấm không được dùng thuốc độc, ắt những phương thức như dùng chài, lưới, mồi

---

[177] Chuyện này người ở Côn Sơn tận mắt chứng kiến, nên chép vào đây. (Chú giải của soạn giả)

[178] Chuyện này xảy ra trong khoảng niên hiệu Khang Hy thứ 25-26. (Chú giải của soạn giả) Tức là khoảng năm 1686-1687.

[179] Nguyên tác dẫn chú là “Trích từ Đại tạng kinh”, quả thật không có sự xác định. Tuy nhiên, chúng tôi đã tìm thấy thông tin này trong sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trước), quyển thứ 44, bắt đầu từ dòng thứ 11, trang 627, tờ a (cùng dòng với dẫn chú về các loài thú ở phần trước).

câu...hoặc ngăn dòng nước chảy để bắt cá,hết thảy những việc như thế đều không được làm.

Trưng dẫn sự tích

Cá thần giúp người có connối dõi[180]

Ở gần thôn Yến Đường thuộc huyện Hưu Ninh, tỉnh An Huy có một cái đầm lớn. Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 3,[181] trong đầm bỗng có một loài cá rất lạ.Ngư dân bắt được một ít mang đi bán, nhưng cá ấy có mùi rất tanh nên hiếm người mua.

Lại có một con cá thần, gặp lưới bắt cá là xuyên thủng qua, không có cách gì bắt được nó. Có một ngư dân tên Trình Nhị giận lắm, dùng một cái chĩa lớn nhắm đâm vào cá.Cá tránh thoát được, còn nhảy lên dùng đuôi đâm vào mắt Trình Nhị, khiến ông mù một mắt. Trình Nhị càng thêm tức giận, liền chuẩn bị mang vôi sống đổ xuống khắp đầm để giết hết cá.Cá thần liền hiện lên trong mộng báo việc ấy với ông lý trưởng. Lý trưởng lập tức báo lên quan huyện.Quan huyện ra lệnh ngăn cấm việc ấy, Trình Nhị đành phải thôi.

Nửa tháng sau, ông lý trưởng lại nằm mộng thấy cá hiện đến nói rằng: “Tôi vâng lệnh Long vương đến dự thiết triều ở núi Tề Vân,[182] tạm ngụ lại trong đầm này, nhưng quân lính đi theo bị ngư dân ở đây hại chết quá nửa.May nhờ có ông mới giữ được mạng sống mà quay về, nay xin từ biệt.Tôi xem số mạng của ông vốn không có con, nay xin giúp ông có một đứa con trai để nối dõi tông đường, cũng xem nhưđể báo đáp ân đức của ông.”

Hôm sau, gió bão sấm chớp bất ngờ nổi lên, nhà tranh ở ven đầm chỉ chớp mắt bị thổi tung tan tác, cá thần từ đó không biết đi về đâu, chẳng còn thấy nữa.

---

[180] Chuyện này do tiên sinh Viên Ngọ Quỳ ở Triết Giang thuật lại. (Chú giải của soạn giả)

[181] Tức là năm 1664.

[182] Núi Tề Vân nằm trong địa hạt của huyện Hưu Ninh.

Lời bàn

Năm sau đó, tiên sinh Viên Ngọ Quỳ đến Tề Vân, có thuê một chiếc thuyền ở huyện Hưu Ninh, gặp người chèo thuyền lại chính là anh ruột của ngư dân Trình Nhị. Viên Ngọ Quỳ nhân đó biết được chuyện này, liền viết thư kể lại với tôi.

Lươn cứu lửa trả ơn[183]

Vùng Lan Khê thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Đồng Tế Phi, mở một hiệu bán thuốc ở Sùng Minh.Trong khoảng niên hiệu Khang Hy, vào năm Quý Sửu,[184]Tế Phi mua một số lươn mang đi phóng sinh.Mấy ngày sau, nằm mộng thấy lươn phun nước dập lửa, có vị thần đứng bên nói rằng: “Ấy là để đền ơn.”

Tỉnh dậy cũng không hiểu được ý nghĩa giấc mộng ấy là thế nào.Chẳng bao lâu sau, nhà hàng xóm phát hỏa, lửa bốc cao đã sắp lan đến nhà Tế Phi, bỗng nhiên trời đổi hướng gió nên lửa không lan đến nữa.Lúc ấy mới biết là nhờ phước báo của việc phóng sinh lươn.

Lời bàn

Trong năm xảy ra việc này, tôi có nhờ người họ Từ (cũng ở Sùng Minh) tạo một pho tượng Bồ Tát Địa Tạng.Tháng giêng năm sau,tôi thỉnh tượng đến Côn Sơn, họ Từ có gửi kèm cho tôi một phong thư, bên trong ghi chép rõ chuyện này, nhân đó mới được biết mà đưa vào đây.

Không giết thịt trâu cày

Giảng rộng

(Trong nguyên bản Hán văn phần này bị mất 5 hàng, mỗi hàng 20 chữ, cả thảy là 100 chữ Hán.)

... ... Trâu có thể thay người kéo cày, nhưng không tự thoát được việc bị người giết hại, đó là vì nó không nói được tiếng người.Chúng ta có miệng nói được thành lời, có tay viết được thành văn, vì sao không thay những con vật tội nghiệp ấy mà lên tiếng kêu van xin tha mạng? Vì thế nên làm ra khúc ca ngắn dưới đây, hy vọng có thể cảm động lòng người:

---

[183] Chuyện này do tiên sinh Từ Thiện ở Sùng Xuyên thuật lại. (Chú giải của soạn giả)

[184] Tức là năm 1673.

Khúc ca trâu cày xin tha mạng

Roi lớn quất trâu cày,
Sao không nhanh nhanh bước?
Trâu cày mắt rướm lệ,
Mỗi bước mỗi ngoái nhìn.

Cổ nặng ách, chân mỏi,
Khổ sở không nói được.
Mong ruộng lúa được mùa,
Trâu bệnh, xơ xác lông.

Nỡ quên công nhọc nhằn,
Gọi đồ tể thịt trâu.
Oan ức không nói được,
Lôi đi còn nán lại.
Hốt nhiên nói thành lời,
Vừa lạy vừa khóc lóc:

"Từ khi đến nhà ông,
Đền đáp ông không bạc,
Đã hết sức cày bừa,
Lại cam chịu roi vọt.
Ăn uống toàn cỏ, nước,
Chưa từng chê đạm bạc.

Chịu muôn ngàn khổ nhọc,
Lúa mới trổ thành bông.
Nay lúa vừa nặng hạt,
Bán tôi cho người giết.

Ông lấy tiền của tôi,
Trả tôi sự tàn độc.
Ruột đứt, xương buốt đau,
Lột da khi còn sống.

Tha tôi sống qua đông,
Trời ban ông phước lành.
Ông đã có con yêu,
Tôi cũng thương cốt nhục.

Nếu đã quyết giết tôi,
Mong thương tha nghé nhỏ.
Xin dặn dò trẻ chăn,

Đừng hành hạ trâu cày.

Tự hận tôi đời trước,
Sao lại tham thịt trâu?
Nửa cân trả tám lạng,[185]
Lẽ ấy quá rõ ràng.

Khi quan cấm giết trâu,
Tôi nhận tiền đút lót,
Tha cho bọn đồ tể,
Nuôi vợ con no đủ,
Đâu biết có ngày nay,
Báo ứng nhanh đến thế!

Không thấy người từ tâm,
Đọa súc sinh, cầm thú.
Chỉ thấy kẻ giết hại,
Lâm chung quỷ ác lôi.

Ba đời kiêng thịt trâu,
Khoa bảng sớm vinh hiển.
Oan trái ăn nuốt nhau,
Xoay trong vòng luẩn quẩn.

Tôi đã tạo nghiệp ác,
Ông đừng giẫm chân theo.
Trâu khóc trâu sau nữa,
Khổ não nối nhau chịu.[186]

Bài xin tha mạng này,
Mong ông thường đọc lại.

---

[185] Đơn vị đo lường xưa mỗi cân có 16 lạng, do đó mà có thành ngữ "Bên nửa cân, bên tám lạng" để chỉ sự ngang sức ngang tài. Câu này ý nói sự trả vay theo nhân quả luôn công bằng không sai lệch.

[186] Ý nói nếu người này không nghe lời khuyên, tiếp tục giết trâu tạo nghiệp thì chắc chắn rồi cũng sẽ thác sinh làm trâu, tiếp nối mãi mãi sự khổ não.

Trưng dẫn sự tích

Ba mươi hai cái đầu

Trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả, người thiếp nhỏ nhất của ông tên là Tỳ-xá-ly, hết sức thông minh tài trí, được vua Ba-tư-nặc thương đối đãi như em gái.

Nhà ông có 32 người con, người nào cũng có sức mạnh địch nổi ngàn người.Người con út một hôm cưỡi voi đang đi qua cầu, bỗng gặp con trai của quan Tể tướng, lại lấn ông ta ngã xuống cầu bị thương.Con trai Tể tướng ôm hận trong lòng, bí mật nghĩ cách báo thù,liền chế tạo 32 cây roi ngựa bằng thất bảo, mỗi cây đều giấu dao nhọn bên trong.Xong mang đến nhà Tỳ-xá-ly, tặng cho 32 người con của ông mỗi người một cây.

Sau đó lại mật tâu lên vua rằng 32 người con của ông Tỳ-xá-ly ỷ sức thiên hạ không ai địch nổinên đã âm thầm có ý phản nghịch, hiện đã giấu dao nhọn bên trong roi ngựa, chờ dịp sẽ ra tay. Vua cho cho người tra xét thấy đúng là có việc giấu dao nhọn trong roi ngựanên tin lời, lập tức ra lệnh bắt 32 anh em nhà Tỳ-xá-ly chém đầu tất cả.Chém xong, lại mang 32 cái thủ cấp cho vào thùng niêm kín rồi gửi đến nhà ông Tỳ-xá-ly.

Cùng ngày hôm đó,ông Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chư tăng đến nhà thiết trai cúng dường, thấy nhà vua cho mang đến một cái thùng lớn thì nghĩ rằng chắc hẳn đức vua góp phần cùng gia đình mình cúng dường lên đức Phật,lấy làm hoan hỷ định mở ra ngay, nhưngđức Phật ngăn lại.

Sau khi chư tăng thọ trai, đức Phật vì ông Tỳ-xá-ly mà thuyết pháp. Nghe xong, ông liền chứng quả A-na-hàm.[187]Bấy giờ mọi người mới mở cái thùng của đức vua gửi đến, liền nhìn thấy 32 cái đầu của những người con ông Tỳ-xá-ly.Khi ấy trưởng giả đã chứng thánh quả, dứt trừ ái dục nên không còn sinh tâm oán hận.

Tuy nhiên, gia đình phía vợ của 32 người kia đều là các nhà đại quý tộc, nhiều quyền thế. Những người này tức giận lắm, cùng nhau tập hợp binh mã quyết

[187] A-na-hàm là thánh quả thứ 3 trong 4 thánh quả, chỉ sau quả A-la-hán.

báo thù nhà vua. Nhà vua bấy giờ hết sức kinh hãi, nhanh chân chạy trốn đến tinh xá Kỳ Hoàn[188] là nơi đức Phật đang ngự.Quân lính các nhà kia cùng kéo đến vây kín tinh xá, chờ giết cho bằng được đức vua.

Khi ấy, tôn giả A-nan liền thưa hỏi nguyên do việc này.Đức Phật dạy: "Trong đời quá khứ, 32 người này cùng nhau bắt trộm một con trâu, mang về nhà một bà lão để giết thịt.Bà lão này rất vui mừng, liền chuẩn bị đầy đủ dao thớt các thứ để giết mổ trâu. Giết trâu rồi, mọi người cùng nhau ăn uống no say. Con trâu bị giết,nay chính là đức vua.Những kẻ bắt trộm trâu,nay là 32 người vừa bị giết.Lão bà tán trợ việc giết trâu, nay chính là trưởng giả Tỳ-xá-ly. Do tội giết hại, nên 32 người này trải qua nhiều đời vẫn thường bị người khác giết hại. Lão bà thấy người khác ra tay giết hại mà sinh tâm vui mừng, tán trợ, nên trải qua nhiều kiếp vẫn thường rơi vào cảnh phải đau buồn sầu khổ vì thấy 32 người kia bị giết."

Khi đức Phật nói ra nhân duyên đời quá khứ như thế, những gia đình phía vợ của 32 người kia lập tức nguôi giận, không còn dám chống nghịch với vua, cùng xin nhận lỗi. Đức vua cũng hoan hỷ bỏ qua không bắt tội.

Lời bàn

Việc 32 người này được sinh vào nhà giàu có quyền quý cũng có nguyên do. Đức Phật dạy rằng: "Vào thời đức Phật Ca-diếp trong quá khứ, có một phụ nữ dùng bột hương thơm đắp lên tháp Phật để cúng dường,có 32 người cùng đến trợ giúp cho công việc ấy. Do nhân duyên đó nên những người ấy trải qua nhiều kiếp thường được sinh vào nhà tôn quý, thường làm mẹ con với nhau.Đến nay được gặp Phật, tất cả đều được dẫn dắt vào Chánh đạo.

Một con trâu trả ba món nợ[189]

Triều Minh, trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch, vào năm Kỷ Sửu,[190]ở vùng Thái Nguyên thuộc tỉnh Sơn Tây có người chủ thuyền là Vương Ngạn Tu,có vay của nhà phú ông nọ một lượng tám quan tiền, chưa kịp trả thì đã chết.

---

[188] Kỳ Hoàn là tên khác của tinh xá Kỳ Viên, cũng tức là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, là khu tinh xá do ông trưởng giả Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-bà cùng dâng cúng lên đức Phật và chư tăng.

[189] Trích từ sách Cảm ứng thiên giải (感應篇解). (Chú giải của soạn giả)

Một hôm, phú ông bỗng nhìn thấy Vương Ngạn Tu mang thắt lưng màu trắng chạy vào chuồng trâu.Chẳng bao lâu sau, người nhà báo trâu mẹ sinh được một con nghé.Phú ông đến xem, liền thấy bênhông trâu có một vệt lông dài màu trắng như hình cái thắt lưng.

Đến lúc trâu lớn, phú ông bảo người chăntrâu mang đi bán, dặn chỉ bán đúng một lượng tám tiền thôi. Giữa đường, gặp người mổ trâu họ Hà liền bán được trâu đúng theo giá ấy.Ngay sau đó, có người nông dân thấy trâu khoẻ mạnh, muốn mua về cày ruộng nên trả lên đến hai lượng sáu tiền để mua. Con trâu về cày ruộng rất giỏi, lại tự ý đi không cần người thúc đẩy.Nhưng rồi một hôm,trâu tự nhiên ngã lăn ra chết dưới sườn núi.

Người nông dân giận lắm, tìm biết được trâu ấy do nhà phú ông nọ bán ra,liền đến cật vấn, vì sao con trâu như thế mà chỉ bán với giá một lượng tám tiền. Phú ông nói: "Con trâu ấy chính là Vương Ngạn Tu thác sinh.Ông ấy chỉ nợ tôi một lượng tám tiền, nên bán đúng giá đó thôi." Đồ tể họ Hà nghe như vậy mới chợt nhớ ra, liền nói: "Vương Ngạn Tu còn thiếu tiền thịt của tôi tám tiền, hóa ra vì thế mà tôi bán trâu lại được lãi đúng tám tiền."Người nông dân suy nghĩ một lúc lâu, cũng chợt nhớ ra, nói: "Tôi cũng có thiếu tiền Vương Ngạn Tu chưa trả,nay mua trâu bị chết, ấy là đã trả lại số tiền ấy."

Mọi người nghe biết sự việc,ai ai cũng cho là hết sức kỳ lạ.

Lời bàn

Triều đình cấm giết trâu cày, luật ấy đã có văn bản rõ ràng.Chỉ có điều thật uổng treo bảng cấm, vì chuyện giết mổ thịt trâu vẫn y nguyên như trước chẳng hề thay đổi, lệnh cấm do đó không đạt được hiệu quả.

Giá như có thể lệnh cho nhân dân, bất kỳ ai nhìn thấy thịt trâu cũng đều có thể xem đó là tang vật mà mang đến báo quan.Nha dịch cũng một lòng không ngăn trở, lập tức bắt giữ người bán thịt trâu, từ đó truy xét tận cùng cho đến nơi đã giết trâu, rồi tịch thu phá hủy toàn bộ những dụng cụ giết mổ, nồi nấu.... Mỗi lần như thế, nên phạt nặng người chủ lò mổ, rồi dùng tiền phạt ấy mà thưởng cho những người tố giác việc giết, bán thịt trâu. Ngoài ra, hàng tháng đều bí mật

---

[190] Tức là năm 1589.

phái người điều tra, dò hỏi trong dân chúng. Làm được như thế, ắt sẽ không còn tệ nạn bao che giấu giếm việc giết thịt trâu cày.

Không vất bỏ giấy có chữ viết

Giảng rộng

Con người sở dĩ có thể trở thành tôn quý nhất trong muôn loài là vì miệng có thể nói thành lời, tay có thể viết thành văn. Tay có thể viết thành văn chương, đó cũng xem như tay có thể nói được thành lời. Nhưng lời từ miệng nói ra, chỉ những người gần gũi chung quanh mới nghe được, còn văn chương được viết ra lại có thể truyền xa vạn dặm.Lời từ miệng nói ra chỉ nghe được nhất thời, còn văn chương có thể lưu truyền mãi mãi cho hậu thế.Lời từ miệng nói ra phải dùng tai để nghe, còn văn chương có thể dùng mắt để đọc.Lời từ miệng nói ra, người nghe chốc lát đã thấy mỏi mệt, còn văn chương để lại đến ngàn đời sau người đọc cũng không chán mệt.

Thế nên, chữ viết thật có công lao to lớn biết bao đối với con người!Trong đời này nếu không có chữ viết, ắt quan lại chẳng dựa vào đâu để trị dân, chính lệnh đưa ra chẳng lấy gì làm bằng cứ. Như vậy đâu chỉ khôngan ổn được việc nhà,mà cũng chẳng thể nào trị yên việc nước. Con người chịu ơn chữ viết lớn lao như thế, há có thể khinh rẻ vất bỏ giấy có chữ viết được sao?

Giấy có chữ viết tất nhiên không thể vất bỏ, ý nghĩa của chữ viết lại càng không được vất bỏ.Như người cãi lời cha mẹ, đó là suốt đời vất bỏ ý nghĩa của chữ “hiếu”; không đối xử tốt với anh chị, đó là suốt đời vất bỏ ý nghĩa của chữ “đễ”. Cứ như thế mà lần lượt suy xét lại từng điểm một, ắt là những ý nghĩa của chữ viết bị ta vất bỏ quả thật không ít!

Có những người dùng giấy có chữ viết để bao gói hàng hóa, dán phết cửa sổ,rồi vất bỏ lung tung, lại cho rằng những thứ mình vất bỏ đó bất quá cũng chỉ là giấy có chữ viết mà thôi. Lại có người nghi ngờ chuyện Thương Hiệt sáng tạo chữ viết, khai mở nguồn văn tự cho muôn đời thì trời mưa xuống lúa thóc cũng hợp lý, nhưng sao có chuyện quỷ thần khóc lóc về đêm?[191] Đó là vì thật không biết

[191] Sách Hoài Nam tử - Bản kinh huấn chép rằng: “Ngày xưa Thương Hiệt tạo ra chữ viết mà trời mưa xuống lúa thóc, quỷ thần khóc lóc ban đêm.”

rằng, văn tự của thế gian nếu đã có chỗ dùng chính đáng, ắt cũng có chỗ dùng tà vạy. Do chỗ dùng chính đáng nên trời mưa xuống lúa thóc, lại do chỗ dùng tà vạy nên quỷ thần khóc lóc về đêm.

Trưng dẫn sự tích

Đốt kinh bị tuyệt tự[192]

Ở tỉnh Thiểm Tây, về phía tây huyện VũCông có một ngôi chùa, trong chùa từng có một tạng kinh Phật bị hư hoại. Thuở còn niên thiếu, Khang Đối Sơn[193]có lần cùng với năm người bạn học chung trường đến chùa đọc sách. Khi ấy đang tiết trời mùa đông giá rét, bốn người trong bọn bèn lấy những quyển kinh bị rách mang ra đốt để sưởi ấm, một người thì đốt để đun nước rửa mặt.Khang Đối Sơn trong lòng chê trách những người ấy nhưng không dám nói ra.

Đêm đó, Đối Sơn nằm mộng thấy có ba vị quan thiết lập án đường uy nghiêm xét xử, đều tỏ vẻ giận dữ phẫn nộ đối với những người đốt kinh sưởi ấm, phán rằng:"Cả nhà các ngươi rồi sẽ chết sạch, không người nối dòng." Lại quay sang người đốt kinh đun nước, phán rằng: "Ngày sau ngươi sẽ không bao giờ được vinh hiển."Các vị ấy lại quở trách Khương Đối Sơn rằng: "Tại sao ngươi thấy việc ấy mà không nói gì?"Đối Sơn thưa: "Con nhỏ tuổi hơn bọn họ, dù biết việc ấy không nên làm, nhưng chẳng dámnói ra."Vị quan nói: "Một lời khuyên can, giải thích cũng có thể được miễn tội.Nhưng thôi nay tạm tha cho ngươi."

Khương Đối Sơn tỉnh dậy, liền chép chuyện này vào phía sau của một quyển sách để ghi nhớ. Chưa được mấy năm sau, cả bốn người từng đốt kinh sưởi ấm đều mắc bệnh dịch chết sạch cả nhà.Còn người đốt kinh đun nước, trải bao nhiêu lần thi cử đều gặp trắc trở, cuối cùng cả đời chỉ loay hoay với nghề dạy trẻ.

---

[192] Sưu tập từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

[193] Khang Đối Sơn, tên là Hải, đỗ Trạng nguyên trong khoảng niên hiệu Thành Hóa (1465-1487) triều Minh Tuyên Tông. Ông là người văn chương, đức hạnh đều kiêm toàn.

Lời bàn

Sách vở thế gian khi hư hoại không còn đọc được đều có thể đốt đi, nhưng riêng kinh Phật thì dù gì cũng không thể đốt. Bởi vì kinh Phật mang đến phước đức và trí tuệ cho người, vượt xa mọi sách vở của thế gian. Tuy cùng là một chữ, nhưng trong đó ý nghĩa lại có thể nặng, nhẹ, khinh, trọng khác nhau một trời một vực, không hề giống nhau. Như các thiên văn chương *điển, mô, thệ, cáo* mẫu mực trong kinh Thư tất nhiên không thể xếp cùng loại với văn chương tiểu thuyết. Nay lấy người biết chữ mà so sánh với người mù chữ, ắt người biết chữ được xem là hơn; lấy người biết chữ qua loa sơ lược mà so sánh với người học nhiều hiểu rộng, thông suốt việc xưa nay, ắt người học nhiều hiểu rộng phải được xem là hơn. Sách vở thế gian chỉ có thể nói về những chuyện thế sự trong thiên hạ, không thể rõ biết thấu suốt những gì vượt ra khỏi vòm trời này. Nếu người rộng đọc nhiều kinh Phật, ắt sâu thì có thể hiểu đến tận những chuyện thần kỳ nơi chốn long cung, dưới đáy biển, rộng xa thì có thể hiểu đến những chuyện đời trước đời sau, cho đến chỗ mênh mông của biết bao nhiêu cõi nước trong mười phương, hết thảy những việc như thế đều có thể hiểu qua đại lược, mà chỗ hoài bão cũng được nuôi dưỡng vượt xa hẳn những kẻ tầm thường.

Đối với người mù chữ, nếu nói với họ chuyện trị nước các đời vua Đường, Ngu, Tam đại, hoặc những danh xưng như Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng...ắt họ phải hết sức kinh ngạc khi được nghe. Cũng vậy, đối với kẻ xưa nay chỉ đọc sách vở của thế gian, nếu cho họ nghe những lời văn trong Ba tạng kinh điển của nhà Phật, những điều đức Phật đã thuyết dạy trong bốn mươi chín năm,ắt họ cũng sẽ kinh ngạc, khó lòng cứu xét. Những khuynh hướng như vậy cũng là lẽ tất nhiên. Theo đó mà xét, những lời dạy về nhân duyên bỏ ác tu thiện, về tông chỉ truyền riêng ngoài giáo điển, vốn là kinh điển do đức Phật nói ra, nếu đem đốt bỏ đi thì sao có thể không mắc tội? Huống chi lại xem thường đến mức dùng đốt để sưởi ấm, đốt để đun nước, ắt là rồi sẽ phải đọa vào địa ngục mãi mãi, chịu khổ não đời đời kiếp kiếp, không có lúc được thoát ra. Chỉ riêng trong đời này bị chết sạch cả nhà, bị rơi vào cảnh cùng khốn, quả thật cũng chưa đủ để đền hết tội nghiệt.

Hỏi: Kinh điển còn nguyên vẹn, tất nhiên không thể đốt, nhưng kinh sách đã hư nát thì làm sao?

Đáp: Nếu đã hư nát quá nhiều, đến nỗi không đọc được nữa thì có thể đốt, rồi dùng túi sạch đựng tro ấy mang rải ra sông biển. Đến như chữVạnlà tâm ấn của đức Như Lai thì càng không thể xem thường.

Đổ tro bừa bãi phải giảm tuổi thọ[194]

Ở trấn Tra Khê, huyện Tân Hóathuộc tỉnh Hồ Nam có người tên Chu Ninh Ước, tự là Sỹ Phong, rất thích môn thư pháp.Trong khoảng niên hiệu Khang Hy triều Thanh, vào tháng 2 năm Ất Sửu,[195]ông bất ngờ mắc bệnh nhẹ rồi chết,bạn bè thân thiết đều đến khóc thương. Bỗng nhiên ông sống lại,bảo mọi người rằng: "Tuổi thọ của tôi vốn được 42 năm, nhưng vì thường ngày chuyên cần luyện viết chữ, viết rồitùy tiện đốt bỏ,mang tro đổ vất bừa bãi, không có sự kính trọng quý tiếc.Âm ty ghi chép lỗi lầm đó của tôi, giảm bớt 5 năm tuổi thọ, nên nay 37 tuổi đã mà số mạng đã dứt. Quý vị nên biết,khi đốt giấy có chữ viết, phải cẩn thận không đổ vất tro bừa bãi."

Nói xong thì nhắm mắt qua đời.

Lời bàn

Nếu nói rằng chữ viết đã đốt thành tro có thể vứt bỏ, thì các đạo sỹ đốt tấu chương cũng xem như vứt bỏ. Đến nhưcác loại đồ dùng bằng tre, gỗ, sành sứ mà có chữ viết trên đó, hay các loại gạch ngói có in những chữ phúc, thọ làm hiệu,lại để chôn vùi lâu ngày trong những chỗ phẩn dơ ô uế, những việc như vậy cũng cần phải ngăn cấm.

Đốt sách dơ nhớp chịu quả báo tức thì[196]

Ở Tường Sinh, Côn Sơn có người tên Cát Tử Hòa.Vào triều Thanh, niên hiệu Khang Hy năm thứ 26,[197]thường đọc sách dưới lầu phía tây điện Dược Sư, phía trên là phòng nằm nghỉ. Một hôm ở phòng trên lỡ tay làm nghiêng đổ nước trong bô phẩn, nước phẩn dơ theo kẽ ván sàn chảy xuống nhằm chỗ quyển sách Tử Hòa đang đọc, làm nhớp một đoạn có mấy chữ "Thành Gián[198]nói với Tề Cảnh Công".Tử Hòa bèn xé trang sách bị dơ ấy ra, nhúng vào nước, nhưng chưa rửa thật sạch đã lấy ra rồi để khô mà đốt bỏ.

---

[194] Cũng sưu tập từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

[195] Tức là năm 1685.

[196] Chuyện này do Cát Hòa đích thân thuật lại. (Chú giải của soạn giả)

[197] Tức là năm 1687.

[198] Thành Gián là bề tôi của Tề Cảnh Công. Nhân vật này có được Mạnh tử nhắc đến.

Không ngờ đến kỳ thi,đề mục thứ ba lại rơi đúng vào đoạn “Thành Gián nói với Tề Cảnh Công”. Tử Hòa viết bài này, đến câu “Chu Công há lại dối gạt ta sao?” chẳng biết vì sao lại vô ý bỏ sót mất một chữ,do đó mà bị đánh rớt.

Lời bàn

Giấy có chữ viết bị dơ nhớp mà mang đốt, tội ấy không nhỏ. Đúng ra phải rửa cho thật sạch, sau đó mới có thể để khô rồi đốt,mang tro rải xuống sông biển.

Không mưu mô lấy tài sản người khác

Giảng rộng

Tài sản riêng mà mỗi người có được đều do phước đức của tự thân, hoàn toàn không thể do mưu mô mà có. Khổng Tử nói: “Nếu giàu sang phú quý có thể cầu mà được, dù bảo ta cầm roi theo hầu đánh xe ngựa, ta cũng xin vui vẻ làm.[199]Bằng như phú quý không thể cầu mà được, ắt ta sẽ làm theo những gì tự ta thấy là tốt đẹp vậy.”Cầu còn không thể được, huống chi lại dùng mưu mô mà có được sao?

Mưu mô chiếm đoạt tài sản của người, chung quy chỉ vì muốn nuôi sống gia đình mình, cũng mong để lại tài sản một đời cho con cho cháu, thậm chí có thể vì vợ con mà cam tâm làm những việc xấu xa hèn hạ, người như thế thật khó tính đếm hết.

Luận Tỳ-bà-sa nói rằng: “Cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc trong gia đình chỉ làm tăng thêm sự tham cầu, chẳng bao giờ thấy đủ, thấy chán. Nếu như biết được rằng con cái là người đến đòi nợ ta, gia đình là chỗ tụ hội bao điều oan nghiệp, ắt có thể bừng tỉnh giấc mộng đời,[200] hết thảy bao nhiêu tâm bệnh khổ não không cần trị liệu cũng tự nhiên dứt sạch.” Dù chưa được như thế, lẽ nào lại muốn kết thêm nhiều oan nghiệp oán thù, nhúng tay vào nhiều điều xấu ác?

---

[199] Cầm roi theo hầu đánh xe ngựa là ý muốn nói làm người thấp hèn, có địa vị hết sức kém cỏi, phải theo hầu người khác.

[200] Người xưa có nói: Mộng giác tiểu sinh tử, sinh tử đại mộng giác - 夢覺小生死, 生死大夢覺– (Giấc mơ là cuộc trần ai, tử sinh một giấc mơ dài mà thôi.)

Quỷ oan báo mộng cho mẹ[201]

Thời Nam Bắc triều, đời Lưu Tống, trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia,[202] Gia Cát Hộ làm quan thái thú Nguyên Chân, bất ngờ mắc bệnh qua đời. Khi ấy, gia quyến đều đang ở Dương Đô, chỉ có đứa con trưởng mới 19 tuổi là Nguyên Sùng theo đưa linh cữu về quê.Có tên gia nhân của Gia Cát Hộ là Hà Pháp Tăng, tham tiền nên cố ý đẩy Nguyên Sùng xuống sông rồi cùng một tên đồng bọn cướp lấy tiền bạc chia nhau.

Đêm ấy, mẹ của Nguyên Sùng là bà Trần thị nằm mộng thấy Nguyên Sùng hiện về kể rõ chi tiết việc cha chết như thế nào, cho đến lúc mình bị Hà Pháp Tăng xô xuống sông chết, đau thương không nói hết. Sùng lại nói: "Đường xa đi gấp nên mệt lắm, để con nằm nghỉ tạm chốc lát trên giường bên cửa sổ." Nói xong thì nằm dài ra trên giường, đầu tựa vào song cửa sổ.Quang cảnh nhìn thấy trong mộng rõ ràng như thật, Trần thịđau đớn khóc lóc rồi mới giật mình tỉnh dậy,liền cầm đèn soi trên giường, quả nhiên thấy có chỗ hơi ấm giống như người nằm.Cả nhà đều hoảng hốt gào khóc.

Bấy giờ, Trần thị có mấy người em cô cậu là Từ Đạo Lập đang làm Trưởng sử[203] Giao Châu, Từ Sâm Chi làm Thái thú Giao Châu, liền nhờ họ điều tra sự việc. Quả nhiên đúng thật như những lời trong mộng, liền bắt lấy hai tên hung thủ mang ra xét xử theo pháp luật.

Lời bàn

Nếu suy xét cho cặn kẽ thì việc thừa cơ hội người khác đang chịu tang trong ba năm mà giết hại chỉ để mưu cướp tài sản, rốt cùng là do đạo đức chính nghĩa không đủ giúp ích cho người, hay bởi con người đã cô phụ đạo đức chính nghĩa?

---

[201] Trích từ sách Oan hồn chí (怨魂志). (Chú giải của soạn giả)

[202] Tức là từ năm 424 đến năm 453.

[203] Trưởng Sử: chức quan trợ giúp cho quan Thái Thú.

Cầm giáo tự đâm[204]

Vùng Huy Lăng thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Lương Thạch Trụ,nhà giàu có,sinh được một đứa con trai, hết sức thương yêu. Niên hiệu Thuận Trị năm cuối cùng,[205]đứa con ấy được mười chín tuổi, bị bệnh nặng,Thạch Trụ đau buồn lắm.Một hôm, đứa con bỗng gọi tên Thạch Trụ mà nói rằng: "Tôi đời trước chính là người mang tên ấy họ ấy... ở Từ Châu, có 300 lượng bạc, cùng ông đi buôn chung.Tôi bị bệnh ly, giữa đường vào nhà xí đi tiêu, ông thừa cơ hội dùng mũi nhọn xuyên qua một lỗ trống ở vách nhà xí mà đâm vào giữa ngực tôi đến chết. Sau đó ông tự cắt tay cho chảy máu để làm bằng chứng nói với gia đình tôi là giữa đường tôi bị bọn cướp giết chết. Sau khi chết, tôi thác sinh vào nhà họ Vương ở Huy Lăng.Cách đây 20 năm, tôi chính là người họ Vương mang tên ấy... Ngày đó, sau khi tôi chết thì 3 năm sau ông chết, rồi cũng thác sinh ở Huy Lăng,chính là thân ông ngày nay. Những năm trước tôi tìm ông không gặp, tình cờ một hôm vào huyện nộp tiền, bỗng gặp ông ngay phía trước.Khi ấy tôi lập tức nổi giận,dùng nắm đấm nện ông, nhưng tự mình cũng chẳng hiểu vì sao lại giận dữ như thế.Khi ấy ông cho là tôi kẻ mất trí nên không lưu tâm. Tôi không trả thù được ông, trở về sinh lòng buồn giận phẫn uất, mấy ngày sau thì chết, cuối cùng lại thác sinh làm con ông, nay đã mười chín tuổi. Tính ra từ khi tôi bị bệnh đậu mùa, ông tốn kém một số tiền, mời thầy dạy học cho tôi tốn kém một số tiền, cưới vợ cho tôi tốn kém một số tiền, tôi đi thi lại tốn kém một số tiền,cộng thêm các khoản tốn kém linh tinh khác nữa cũng đã trả đủ số tiền cướp đoạt của tôi, tuy là mạng sống của tôi vẫn chưa đền lại được. Nhưng bao năm qua ông đối đãi với tôi quá nặng tình, tôi thật không nỡ nhắc lại chuyện cũ nữa,nay xin từ biệt.Tôi chỉ sợ Diêm vương nơi âm phủ không tha thứ cho tội của ông mà thôi."Nói xong thì chết.

Từ đó Lương Thạch Trụ đêm ngày than khóc,lại nói với mọi người rằng: "Con tôi hiếu thảo, thông minh, vì sợ tôi đau buồn nên mới bịa ra những chuyện như vậy.Trong thiên hạ liệu ở đâu lại có được tình cha con như thế chăng?"

---

[204] Trích từ Tú hổ hiên thứ tập (繡虎軒次集). (Chú giải của soạn giả)

[205] Tức là năm 1661.

Rồi không lâu sau,Thạch Trụ lấy một cây thương mài thật sắc, có ai hỏi thì nói: “Năm nay mất mùa, nhà tôi lại ở cuối thôn vắng vẻ nên phải chuẩn bị để khi cần thì có thể tự vệ.” Một hôm, Thạch Trụ đặt cán thương quay vào tường,quay đầu nhọn ra ngoài hướng vào ngực mình rồi bỗng nhiên kêu lớn: “Con đợi ta tự đâm là được rồi.”Liền hướng về phía mũi nhọn, lấy hết sức mà lao vào. Mũi thương đâm sâu vào ngực đến bảy tám tấc, ghim thấu tận xương.

Lời bàn

Dương gian có thể có những người chịu ơn không báo đáp, nhưng âm phủ thì không một món nợ nào có thể không đền trả.Người đời chỉ biết món nợ trong đời này là nặng,chẳng biết rằng món nợ để qua đời sau lại càng nặng hơn. Người đi đòi món nợ trong đời này,chỉ đến trước cửa chứ không dám vào nhà vì sợ chủ nhà giận tức, căm ghét. Nhưng người đi đòi món nợ từ đời trước để lại thì vào tận trong nhà kẻ trốn nợ, an nhiên nằm đó mà khiến cho cả vợ chồng kẻ mắc nợ phải đủ điều trân quý mình, phải chăm lo bú mớm bồng ẵm,cho đến lúc lớn khôn thì lập tức phá sạch cả sản nghiệp, ruộng vườn nhà cửa, đến một cây kim ngọn cỏ cũng không chừa. Nhớ lại nửa đời khổ công gầy dựng, không khỏi như người bỏ vốn cầu lãi, cuối cùng lại uổng công làm thân trâu ngựa cho người, chẳng phải thật ngu si mà đáng thương lắm sao?

Ba lần thác sinh[206]

Tỉnh An Huy, huyện Đồng Thành có nhà nho tên Diêu Đông Lãng, sinh được một đứa con trai, lên mười tuổi thì bệnh nặng, sắp chết.Cha mẹ đau buồn thương tiếc, nói với con rằng: “Con quả thật không có duyên làm con chúng ta nữa sao?”

Đứa trẻ bỗng nói giọng người phương bắc, bảo Diêu Đông Lãng rằng: “Trước đây tôi là một vị tăng ở Sơn Đông, mang tên ấy họ ấy... Tôi dành dụm tích chứa được 30 lượng bạc, có vị sư huynh rình biết được nên xô tôi xuống nước để đoạt lấy tiền.Khi ấy tôi kêu cứu với Bồ Tát Quán Âm, liền thấy ngài hiện ra bảo rằng: “Số mạng ngươi đã hết nên mới gặp việc xấu ác này.”Thế là tôi chết chìm. Người dân ở đó báo sự việc lên quan, lúc bấy giờ chính ông đang làm quan huyện ở đó.Sư huynh tôi liền lấy ba mươi lượng bạc của tôi mà dâng cho ông,

[206] Trích từ Tú hổ hiên thứ tập (繡虎軒次集). (Chú giải của soạn giả)

nhân đó sự việc liền bị ém nhẹm. Tôi vì nỗi oan chưa rửa sạch nênthác sinh làm em trai ông, tức là Diêu Tung Thiệu đã chết.Khi ấy tôi theo ông suốt hơn 20 năm mà chưa đòi được nợ cũ, nên lúc chết rồi lại thác sinh làm con ông.Mười năm qua, ông tốn kém với tôi cũng đã hoàn trả gần đủ số bạc30 lượng rồi, tôi phải đi thôi. Hiện trong nhà ông có một cây gậy mà tôi rất thích, xin ông đốt tặng tôi,cũng là thêm vào vừa đủ số tiền ngày xưa. Vị sư huynh ngày trước của tôi nay cũng vì muốn đòi số tiền đó mà thác sinh làm con gái đầu của ông, nay đã gả cho nhà họ Phan ở Lật Dương,hiện có thai sắp sinh nở. Bây giờ sau khi chết, tôi sẽ thác sinh vào nhà đó để đòi món nợ sinh mạng." Đứa trẻ nói xong những lời này thì chết.

Lời bàn

Chuyện này xảy ra hồi trước tháng 5 năm Ất Mão trong khoảng niên hiệu Khang Hy triều Thanh.[207] Cho nên có thể thấy rằng, cha mẹ, anh em, vợ chồng, quyến thuộc với nhau, hết thảy đều có quan hệ oan trái theo nhau.Lúc chưa nói rõ sự việc ra thì nhìn thấy trước mắt đều là những người ruột thịt thân thích, nếu được người sáng suốt thấu rõ chỉ ra cho biết sự thật, hẳn sẽ thấy chung quanh mình đều toàn là những kẻ theo đòi nợ cũ.Thế nhưng người đời lại muốn vì những kẻ theo đòi nợ đó mà tích lũy tiền tài, kết thêm thù oán, thật không thể hiểu nổi ấy là tâm địa gì?

Nhận khách làm con[208]

Tại vùng Hải Vệ thuộc trấn Thái Thương ở Côn Sơn có người tên Khương Quân Bật, mở một cửa hàng bán gạo.Có người khách tên Mã Thuần Khê mang hơn trăm lượng bạc ký gửi vào để chia lãi. Trong 2 năm đầu tiên, việc bán ra thu vào đều trôi chảy không phát sinh vấn đề gì. Đến năm thứ ba thì Quân Bật nói dối là gạo bán thiếu không đòi được nợ nên lỗ lã, rõ ràng có ý lừa gạt không trả lại số tiền họ Mã đã ký gửi.Mã Thuần Khê buồn bực uất ức đến nỗi sinh bệnh, một thời gian sau thì qua đời.

Khương Quân Bật vào lúc ấy chưa có con.Không bao lâu, vợ Quân Bật có thai.Đến khi gần sinh nở, có người láng giềng bỗng thấy Mã Thuần Khê đến

---

[207] Tức là năm 1675.

[208] Chuyện này do người láng giềng của Khương Quân Bật trực tiếp kể lại. (Chú giải của soạn giả)

nhà Khương Quân Bật, sau hỏi ra mới mới biết Thuần Khê đã chết.Chỉ lát sau đã thấy bà mụ đỡ từ cửa phòng bước ra vui mừng nói: “Sinh được con trai rồi!”

Lời bàn

Chuyện này xảy ra từ những năm trước niên hiệu Khang Hy.[209]

Không ganh tỵ với người có tài năng kỹ xảo

Giảng rộng

Tài sản là thứ có thể cướp đoạt, nên mới có người dùng mưu mô để cướp đoạt, nhưng đối với tài năng kỹ xảo của người khác thì không thể dùng mưu mô mà cướp lấy được, chỉ có thể sinh lòng ganh ghét, tỵ hiềm mà thôi. Ngẫm kỹ lại thì ganh ghét người có tài năngnào được lợi ích gì cho mình đâu?Chỉ tự mình làm tăng thêm phiền não mà thôi.

Tài năng kỹ xảo có thể phân ra làm hai loại.Một loại mang lại lợi ích cho cuộc đời và một loại chẳng ích gì cho đời cả. Đối với những tài năng kỹ xảo mang lại lợi ích cho đời, nên kính phục mà học làm theo.Đối với những tài năng kỹ xảo chẳng ích gì cho đời, ta nên khởi tâm thương xót mà khuyên răn. Cho nên không chỉ là không nên ganh tỵ, mà thật ra là chẳng có trường hợp nào để dùng đến sự ganh tỵ cả.

Mười đứa con khuyết tật[210]

Triều Tống có quan đại phu Tưởng Viện, sinh được 10 đứa con. Đứa thứ nhất gù lưng, đứa thứ hai chân thọt, đứa thứ ba thân hình co quắp, đứa thứ tư què cả hai chân, đứa thứ năm điên loạn, đứa thứ sáu si độn, đứa thứ bảy tai điếc, đứa thứ tám mắt mù, đứa thứ chín câm không nói được, đứa thứ mười chết trong lao ngục.

Công Minh Tử Cao thấy vậy hỏi rằng: “Đại phu đã từng làm những gì mà chiêu cảm tai họa đến mức này?”Tưởng Viện đáp: “Tôi cả đời chẳng làm điều gì xấu ác, chỉ hay ganh tỵ.Thấy người tài ba hơn thì tôi ghét, được người nịnh hót thì tôi vui, nghe điều tốt lành của người khác thì sinh nghi ngờ, nghe điều xấu ác

---

[209] Tức là trước năm 1662.

[210] Trích từ sách Thiên thiện lục (遷善錄). (Chú giải của soạn giả)

của người khác thì tin ngay, thấy người khác có được điều gì thì buồn bực như mình bị mất, thấy người khác bị mất cái gì thì vui nhưmình được vậy."

Tử Cao than rằng: "Đại phu mà còn giữ mãi tâm tánh như thế, sợ rằng phải chịu đến đại họa tuyệt diệt cả dòng họchứ không chỉ như thế này thôi đâu!"

Tưởng Viện nghe như thế hoảng hốt lo sợ. Tử Cao liền nói: "Trời tuy cao nhưng xét việc rất gần, nếu có thể bỏ điều xấu trước đây mà từ nay sửa đổi thì sẽ chuyển hoạ thành phước, kết quả đến không lâu."

Tưởng Viện từ đó tu tâm sửa tánh, thay đổi hoàn toàn ngược hẳn với những tâm niệm nhỏ nhen trước đây. Chẳng mấy năm sau, những khuyết tật của các con dần dần được khỏi.

Lời bàn

Một lời của Thạch Kỳ,quẻ bói hóa thành tốt đẹp,[211] ba câu của Tống Cảnh,điềm dữ hỏa tinh lánh xa.[212]Đây chính sự minh chứng cho ảnh hưởng tác động mà sách Thượng thư gọi là: "Thuận đạo lý ắt hưởng quả lành, nghịch đạo lý ắt gặp tai ương."

Những kẻ học Nho mà sai lầm cố chấp lại ra sức hủy báng thuyết nhân quả,ấy là muốn đem cái tâm nguyện khó nhọc khuyến hóa người đời của các bậc thánh hiền mà quy cả về chỗ mặc nhiên không bàn đến, ai ai cũng hài lòng như thế mà

---

[211] Theo sách Lễ ký, thiên Đàn cung, vào đời Xuân Thu chiến quốc, quan đại phu nước Vệ là Thạch Đài Trọng chết mà không có con trai dòng đích. Sáu người con dòng thứ nhờ người bốc quẻ để quyết định ai là người chính thức nối chức đại phu của cha. Người bốc quẻ khuyên rằng: "Nên tắm gội sạch sẽ đeo ngọc vào sẽ bói được quẻ tốt." Có 5 người nghe lời ấy đều tắm gội rồi đeo ngọc trước khi bói quẻ, chỉ riêng Thạch Kỳ nói rằng: "Có ai lại đang để tang cha mà đeo ngọc trang sức được sao?" Nói rồi quyết không đeo ngọc. Kết quả chính Thạch Kỳ lại bói được quẻ tốt nhất. Người nước Vệ đều cho rằng việc bói mu rùa quả nhiên chọn được người hiền.

[212] Vào thời Xuân Thu chiến quốc, có một năm ở địa phận nước Tống xuất hiện hỏa tinh trên trời, báo hiệu điềm xấu cho đất nước. Tống Cảnh công lo buồn lắm. Quan coi việc thiên văn là Tử Vi tâu lên rằng: "Tôi có thể làm cho tai họa này hướng đến một mình quan Thừa tướng." Cảnh công nói: "Thừa tướng là đại thần tâm phúc, như tay chân của ta, sao có thể làm như vậy được?" Tử Vi lại nói: "Vậy tôi có thể chuyển tai họa đến cho dân thường." Cảnh công nói: "Chỗ dựa của bậc quân chủ chính là dân thường. Sao có thể làm như thế được?" Tử Vi lại nói: "Vậy tôi có thể chuyển đổi tai họa này thành nạn mất mùa trong năm nay." Cảnh công nói: "Mùa màng nếu thất bát, nhân dân cùng khổ, ta còn dựa vào đâu để làm bậc quân vương? Không thể làm như thế được." Tử Vi liền chúc mừng, nói rằng: "Trời tuy cao nhưng có thể lắng nghe hết thảy những lời nói trong nhân gian. Nay bệ hạ có thể nói ra được ba câu nhân từ thương xót dân lành, nhất định hỏa tinh rồi sẽ ra khỏi địa phận nước Tống."

tự cho là đúng. Đâu biết rằng chính bọn nhà Nho như thế chẳng bao giờ có thể vào được đạo lớn của vua Nghiêu vua Thuấn.

Không tư tình tà niệm với vợ người

Giảng rộng

Người đời thường chẳng yêu ai hơn yêu vợ mình, mà cũng chẳng căm ghét ai hơn ghét kẻ dan díu với vợ mình.Tự thân mình cũng chẳng yêu ai hơn vợ, cũng chẳng căm ghét ai hơn kẻ dan díu với vợ mình.Chỉ một câu: "Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác"[213] có thể ghi nhớ làm theo suốt đời. Đặt mình vào vị trí của người để quán xét thì tự nhiên sẽ có sự tỉnh giác mạnh mẽ.

Dâm dục là cửa ngỏ của mọi điều ác. Xưa nay những bậc anh tài hào kiệt do tham dâm mà phạm vào tội lỗi, trái nghịch phép vua, đánh mất tính mạng, tuyệt diệt dòng họ... thật nhiều không kể xiết. Người đời ai cũng có thể thấy ra cái hại của sự dâm dục, nhưng lại không kiềm chế vượt qua được, đều do lửa ái dục nung đốt quá mạnh trong lòng. Đang lúc lửa dục bốc cao, ví như có người lấy đạo đức chính nghĩa mà nêu khuôn phép, lấy việc quỷ thần thường ở bên cạnh dò xét mà răn nhắc cho kinh sợ, lấy chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng mà đe dọa, kẻ tham dâm cũng phớt lờ đi tất cả, chỉ thấy sự khoái lạc trước mắt mà thôi, không cần biết đến những khổ đau cay đắng của ngày sau.

Khi còn tuổi trẻ, tôi cũng từng phạm vào căn bệnh ấy, nay vẫn thường đớn đau tự trách, nên viết ra tập sách "Dục hải hồi cuồng" (欲海回狂) để khuyên răn nhắc nhở người đời, trong đó phần lớn trích dẫn từ Kinh điển, chỉ nhấn mạnh vào hai chữ "bất tịnh" làm điều cốt yếu. Chỉ cần quán sát phân tích thật kỹ hai căn của người nam và người nữ, ắt sẽ thấy ngay là vô cùng ô uế, bất tịnh, từ đó có thể dứt sạch nguồn gốc ái dục, đoạn trừ dòng giống ma dâm, cho dù có người đẹp như Tây Thi đứng ngay trước mặt cũng nhìn thấy chỉ như con khỉ ghẻ lở mà thôi, làm sao có thể sinh tâm luyến ái?

---

[213] Khổng tử nói: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân." (Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác.)

Sách Cảm ứng thiên (感應篇) nói rằng: “Vì thấy sắc đẹp của người kia nên khởi tâm tham ái, muốn chiếm hữu.” Thế nên khi nhìn thấy hình sắc ấy mà đã cho là xinh đẹp, ắt phần nhiều phải khởi tâm tham muốn chiếm hữu cho riêng mình. Nếu có thể quán xét thấy rõ hình sắc ấy là bất tịnh, là xấu xa ô uế, ắt tâm dâm dục tự nhiên không thể khởi sinh, làm sao có sự tham muốn?

Trưng dẫn sự tích

Mỹ nữ không có gì đẹp[214]

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người bà-la-môn sinh được đứa con gái đoan trang xinh đẹp vô cùng.Ông ta lấy làm tự hào, nên treo một bảng cáo thị trước nhà nói rằng, nếu ai có thể chỉ ra được chỗ xấu của con gái ông thì sẽ được thưởng bằng vàng. Trong vòng 90 ngày, không thấy có ai đến chỉ trích cả.

Bấy giờ, người bà-la-môn kia liền dẫn đứa con gái đến chỗ đức Phật.Đức Phật liền chê rằng: “Cô gái này quá xấu,chẳng có gì đẹp.”Ngài A-nan bạch Phật: “Cô gái đẹp thế này,vì sao Phật nói là quá xấu?”

Đức Phật liền dạy: “Mắt không bị huyễn hoặc bởi hình sắc giả tạm,ấy gọi là mắt đẹp;tai không nghe những tiếng tà mị xấu ác,ấy gọi là tai đẹp; lưỡi không tham muốn vị ngon, ấy gọi là lưỡi đẹp; thân không ưa thích những thứ lụa là mềm mại, ấy gọi là thân đẹp; tay không trộm cắp tài sản người khác, ấy gọi là tay đẹp. Cô gái này hiệnnay mắt thì đam mê hình sắc, tai thích nghe tiếng thị phi, mũi tham muốn hương thơm, thân ưa thích lụa là, tay muốn lấy tài sản người khác, chỉ sơ lược kể ra như vậyđã thấy không có gì là đẹp cả.”

Lời bàn

Ý nghĩa trong chuyện này chính là quý trọng đạo đức mà xem thường sắc đẹp.Quý trọng đạo đức ắt sẽ như hậu phi Khương Nguyên,[215]xem trọng sắc đẹp

---

[214] Trích từ kinh Tạp thí dụ (雜譬喻經). (Chú giải của soạn giả) Kinh Tạp thí dụ (雜譬喻經) hiện có 3 bản dịch trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, bản thứ nhất được xếp vào tập 4, kinh số 204, có 1 quyển, do ngài Chi Lâu Ca Sấm dịch vào đời Hậu Hán, bản thứ hai được xếp vào tập 4, kinh số 205, có 2 quyển, mất tên người dịch, bản thứ ba được xếp vào tập 4, kinh số 207, 1 quyển, do ngài Đạo Lược soạn tập. Tuy nhiên, câu chuyện này thật ra là trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Đoạn trích này nằm trong quyển 75, bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 848, tờ b, với câu mở đầu là “又雜譬喻經云” (Hựu Tạp thí dụ kinh vân - Kinh Tạp thí dụ lại có nói rằng). An Sỹ toàn thư đã dẫn chú căn cứ vào câu này chứ không phải trích từ chính văn kinh.

ắt sẽ như Đát Kỷ, Bao Tự.[216] Chính sự phân biệt giữa tà mị với đoan chínhsẽ lập tức quyết định sự hưng vong của đất nước, sự thiện ác của mỗi người.

Con người như cái túi da[217]

Xưa, ở nước Câu-thiểm-di[218] có người tên là Ma-nhân-đề, sinh được một đứa con gái đoan trang xinh đẹp, liền đưa đến chỗ đức Phật, tự nguyện cho con mình theo Phật nâng khăn sửa túi.[219] Đức Phật liền hỏi: "Ông cho rằng con gái ông thật xinh đẹp lắm sao?" Ma-nhân-đề đáp: "Đúng vậy, con tôi thật rất đẹp, nhìn kỹ từ đầu xuống chân không có chỗ nào là không đẹp cả."

Đức Phật dạy: "Thật sai lầm thay cái nhìn bằng mắt thịt. Nay ta nhìn con gái ông từ đầu xuống chân, chẳng thấy có chỗ nào đẹp cả. Ông nhìn thấy trên đầu là tóc, nhưng tóc ấy cùng loại với lông, cũng không khác gì lông nơi đuôi ngựa. Bên dưới tóc là hộp sọ, nhưng sọ ấy tức là xương, nếu so với xương trong đầu lợn đã giết mổ ra, thật cũng không khác. Trong sọ là não, hình dạng nhão nhoẹt chẳng khác chất bùn, nhưng lại có mùi hôi tanh khó ngửi, như đổ tràn trên đất thì ai ai cũng ghê sợ không dám giẫm đạp lên. Cặp mắt đó lại giống như hố

---

[215] Khương Nguyên là hậu phi của vua Đế Khốc thời cổ đại Trung Hoa, được cho là rất đoan trang, hiền thục, nhân từ.

[216] Đát Kỷ là ái phi của Trụ vương, Bao Tự là ái phi của U vương nhà Chu. Cả 2 người đều là nguyên nhân dẫn đến họa mất nước.

[217] Trích từ kinh Xuất diệu (出曜经). (Chú giải của soạn giả) Kinh Xuất diệu (出曜經) được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 212, tổng cộng 30 quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Dao Tần. Tuy nhiên, câu chuyện này thật ra được An Sỹ toàn thư trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trên), quyển 21, bắt đầu từ dòng thứ 19, trang 444, tờ a. Phần trích này có đoạn mở đầu trước đó ghi là: 如出曜經云(Như Xuất diệu kinh vân – Như trong kinh Xuất diệu có nói rằng). An Sỹ toàn thư đã dẫn chú căn cứ vào câu này chứ không phải trích từ chính văn kinh.

[218] Câu-thiểm-di là tên phiên âm từ Phạn ngữ Kauśāmbī, là một quốc gia thời cổ đại thuộc miền trung Ấn Độ, vị trí ngày nay nằm về phía tây bắc của thành phố Allahabad, cách khoảng hơn 40 dặm.

[219] Đoạn trích này lược bỏ kinh văn khá nhiều nên thành hơi khó hiểu. Theo kinh văn thì ông Ma-nhân-đề thấy con gái mình xinh đẹp không ai bằng nên rất tự hào, đặt tên là Vô Tỉ (nghĩa là không ai sánh bằng). Có vị quốc vương nước lân cận sang cầu hôn, ông từ chối và nói rằng: "Phải là người có hình dung tướng mạo xinh đẹp tương đương với con ta thì ta mới gả." Khi đức Phật hoằng hóa ngang qua nước Câu-thiểm-di, Ma-nhân-đề vừa được thấy Phật tướng hảo quang minh thì hết sức vui mừng, nghĩ rằng: "Người này chính thật xứng đáng làm chồng con ta." Liền về bảo vợ chuẩn bị trang điểm cho con gái để đưa đến gặp Phật. Khi hai người cùng đưa con đến chỗ Phật đang thuyết pháp, người vợ nhìn thấy đức Phật liền nói với chồng: "Vị này là bậc phi phàm, ắt không có tâm dâm dục, chúng ta không nên nói ra chuyện này mà tự chuốc lấy sự xấu hổ." Nói rồi lại đem nhiều lý lẽ giải thích cho chồng, nhưng người chồng không nghe, nói: "Đó không phải việc bà có thể biết được. Nếu bà không thích chuyện này, có thể tự quay về, một mình tôi sẽ đưa con đến gặp Phật." Rồi ông nhất định đưa con đến trước Phật, thưa rằng: "Đại nhân, ngài đi giáo hóa khắp nơi mệt nhọc, không người chăm sóc. Nay tôi nguyện dâng đứa con gái này theo nâng khăn sửa túi cho ngài."

nước, thường chảy ra nước mắt. Trong mũi đầy nước mũi, trong miệng là đờm dãi... Bên trong gan thận phèo phổi hết thảy đều tanh hôi. Trong ruột già, bàng quang thì chứa đầy phẩn dơ, nước tiểu. Chân tay chẳng qua là những đốt xương, gân tủy bọc trong lớp da, phải dựa vào hơi thở vào ra mà cử động, khác nào như người máy bằng gỗ, cử động được là nhờ máy móc bên trong, nếu máy móc ngừng hoạt động ắt toàn thân đều tan rã, từng chi tiết bị tháo rời, chân tay vất ra bừa bãi... Con người mà ta nhìn thấy bất quá cũng chỉ là như vậy, có chỗ nào là đẹp?”

Lời bàn

Dơ nhớp thay thân xác thịt này! Bên trong xác thịt lại là nơi tụ tập các loại trùng cực nhỏ. Trong kinh dạy rằng: “Con người từ sau khi ra khỏi bào thai, thân thể tự nhiên sinh ra các loại trùngcực nhỏ, vì quá nhỏ nên mắt thường không thể nhìn thấy được.Tất cả có 80 chủng loại. Trong số đó, mắt thường chỉ có thể nhìn thấy được duy nhất loài ký sinh trong ruột mà thôi.Khi con người ăn uống, thức ăn vừa vào miệng thì những loài ký sinh này rất vui mừng, nằm trong ruột mà chờ. Thức ăn tiêu hóa rồi, nước tiểu đi vào bàng quang, cặn bã đi vào ruột già, những sự dơ nhớp khó có thể nói hết.”

Than ôi, đường đường một đấng nam nhi, nay lại khởi lòng ham muốn cái chỗ dơ nhớp khó nói hết như thế, lại dốc lòng dốc ý để mong cầu, sinh ra đủ cách luyến lưu, thật không thể nói được như thế là tâm địa gì?

Kinh Đại bảo tích[220]dạy rằng: “Bồ Tát quán sát thấy chúng sinh say mê ham thích chuyện dâm dục, liền khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Những chúng sinh ấy đều từng có thời gian nằm trong thai mẹ, rồi chui qua nữ căn mà sinh ra, sao không biết xấu hổ lại còn cùng nhau làm những việc như thế?’”

Than ôi! Kẻ buông thả không nghĩ đến còn có thể làm được, người suy xét cặn kẽ ắt phải thấy quả thật đáng xấu hổ lắm thay!

---

[220] Đại Bảo Tích Kinh (大寶積經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 11, kinh số 310, tổng cộng có 120 quyển, do ngài Bồ-đề-lưu-chí dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Đường. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 236, tờ b, quyển 41.

Nam căn dơ nhớp[221]

Trong kinh dạy rằng,toàn thân người nam có 404 đường mạch liên quan đến sự dâm dục, tất cả đều xuất phát từ mắt rồi phân tán xuống ruột, cho đến vị trí phía dưới sinh tạng, phía trên thục tạng, cùng với các mạch của phổi, tì, thận... nằm ở hai bên, thảy đều chứa đầy chất mủ màu xanh như tinh dịch của loài heo rừng, nhưng hôi thối không thể nói hết. Các đường mạch ấy chạy xuống đến chỗ dương vật thì chia làm ba nhánh như đường gân trên tàu lá chuối, cộng cả thảy có 1.200 đường mạch nhỏ, trong mỗi một đường mạch ấy đều sinh ra những phong trùng nhỏ li ti, hình dạng như sợi lông. Bên trong những phong trùng li ti này[222] lại sinh ra các cân sắc trùng, số lượng nhiều đến 78.000, vây quanh thành vòng tròn.

Khi mắt người nam vừa nhìn thấy hình sắc gợi dục, tâm tham dục khởi lên. Tâm dục vừa khởi lên, 404 đường mạch nói trên đều nhất thời bị khích động, 80 nhóm trùng đều đồng thời há miệng,[223] chảy nước mắt ra. Nước mắt của chúng màu xanh trắng, hóa thành tinh dịch theo nam căn mà tiết ra ngoài.

Lời bàn

Phật dạy vua Ưu-điền:[224]"Ở đời có những kẻ đam mê nữ sắc, thường mơ tưởng sắc đẹp phụ nữ,do đó mà bị tham dục sai khiến, giống như tôi tớ luôn sợ sệt chủ

---

[221] Trích từ Thiền bí yếu kinh (禪祕要經). (Chú giải của soạn giả) Tên kinh đầy đủ là Thiền bí yếu pháp kinh (禪祕要法經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 15, kinh số 613, tổng cộng có 3 quyển, do nhóm của ngài Cưu-ma-la-thập dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Diêu Tần. Tuy nhiên, câu chuyện này thật ra được An Sỹ toàn thư trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trên), quyển 67, bắt đầu từ dòng thứ 14, trang 793, tờ b. Phần trích này có đoạn mở đầu ghi là: 如禪祕要經云(Như Thiền bí yếu kinh vân – Như trong kinh Thiền bí yếu có nói rằng). An Sỹ toàn thư đã dẫn chú căn cứ vào câu này chứ không phải trích từ chính văn kinh, do đó mà ngay cả tên kinh cũng không đầy đủ.

[222] An Sỹ toàn thư chép đoạn này là: 風蟲之外，有筋色蟲 (phong trùng chi ngoại hữu cân sắc trùng – bên ngoài các phong trùng có những cân sắc trùng), nhưng tham khảo đoạn này trong Pháp uyển châu lâm chép là: 諸蟲中生筋色蟲 (chư trùng trung sinh cân sắc trùng – bên trong các (phong) trùng sinh ra những cân sắc trùng). Chúng tôi căn cứ Pháp uyển châu lâm là văn bản được trích dẫn để chỉnh sửa lại khi Việt dịch.

[223] An Sỹ toàn thư chép là 八萬戶蟲一時張口 (bát vạn hộ trùng nhất thời trương khẩu– tám vạn nhóm trùng đều đồng thời há miệng). Tất cả các bản thuộc Càn Long tạng, Vĩnh Lạc bắc tạng... đều chép tương tự, nhưng bản thuộc Đại Chánh tạng chép là: 八十戶蟲一時張口 (bát thập hộ trùng nhất thời trương khẩu– tám mươi nhóm trùng đều đồng thời há miệng). Xét thấy chỉnh sửa này hợp lý hơn nên chúng tôi đã chỉnh sửa theo đó khi Việt dịch.

[224] Phần này được trích tiếp từ Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trên), thuộc quyển 21, bắt đầu từ dòng thứ 27, trang 444, tờ c. Câu chuyện ông Ma-nhân-đề ở trên được tiếp nối khi ông này mang cô con gái Vô Tỷ gả cho vua nước Câu-thiểm-di là Ưu-điền. Vua mừng lắm, hết sức cưng chiều. Dần dần, cô này khởi tâm ghen ghét với hoàng hậu, liền gièm pha xúi giục vua sai người dùng cung tên bắn vào hoàng hậu. Hoàng hậu vốn đã quy y học đạo với đức Phật, chứng đắc thánh quả Tu-đà-hoàn

nhân. Những người ấy vì ham muốn nữ sắc nên không thấy được sự ô uế từ nơi chín lỗ trên thân người,[225]chỉ luôn chú tâm vào sự dâm dục,ưa mến đờm dãi dơ nhớp, thích thú cùng máu mủ hôi tanh, xem chúng quý báu như châu ngọc, ngọt ngào nhưđường mật, nên gọi đó là những kẻ nô lệ của dâm dục."

Nữ căn dơ nhớp[226]

Trong kinh cũng có dạy rằng: "Nếu chúng sanh nào do lửa dục bùng phátmà đêm ngày tơ tưởng chuyện dâm dục,phải biết đó là tình huống cực kỳ nguy cấp, cần phải gấp rút đối trị tâm tham dục ấy.Phương pháp đối trị làáp dụng việc quán xét tử cung[227] của người nữ. Tử cung nằm phía dưới sinh tạng, phía trên thục tạng, có 99 lớp màng cực mỏng như bào thai con lợn chết, bên trong lại chứa đầy chất nước hôi hám, có hình như ruột ngựa, phía trên cong tròn, phía dưới hơi nhọn lại như hình quả lê, gắn vào âm đạo, bên trong có đến 1.900 nếp nhỏ li ti, giống như những đường chỉ nhỏ trên tàu lá chuối, có 80 nhóm trùng vây quanh.[228] Mỗi khi con người uống nước vào, phân tán ra khắp 404 đường mạch, các nhóm trùng này được ăn vào liền nôn ra chất mủ hôi hám có màu như máu. Lại có giống trùng cực nhỏ thường thích thú dạo chơi bên trong tử cung, sinh sản tích tụ trong một tháng thì không còn đủ chỗ dung chứa, nên có chu kỳ kinh nguyệt để thải chúng ra."

Lời bàn

Những người tà dâm thường ưa thích ngắm nhìn sắc đẹp phụ nữ. Tôi thật tiếc cho những người ấy không có được cái nhìn cho rõ ràng, chính xác. Nếu như có

---

nên không hề khởi tâm sân hận, an nhiên chờ bắn. Nào ngờ bao nhiêu mũi tên bắn ra đều bay quanh bà 3 vòng rồi trở về rơi trước mặt vua. Vua Ưu-điền kinh sợ, biết mình có lỗi, liền thân hành đến chỗ đức Phật cầu xin sám hối. Nhân đó, đức Phật mới thuyết dạy cho vua Ưu-điền những lời trong đoạn này.

[225] Chín lỗ trên thân người, bao gồm 2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, 1 lỗ miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện.

[226] Trích từ kinh Thiền bí yếu (禪秘要經). (Chú giải của soạn giả) Thật ra là cùng nguồn trích dẫn như câu chuyện trên, tức là lấy từ Pháp uyển châu lâm, thuộc quyển 67. Phần này bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 793, tờ b.

[227] Nguyên bản dùng tử tạng (子髒), là tên khác của tử cung (子宮), chỉ một bộ phận thuộc cơ quan sinh dục nữ, nằm giữa bàng quang và trực tràng có hình quả lê dốc ngược.Phần trên lồi to gọi là đáy tử cung, phần dưới nhỏ dài gọi là cổ tử cung. Cổ tử cung thò vào âm đạo, còn đáy tử cung được kết nối với một hoặc cả hai ống dẫn trứng.

[228] Tương tự như một phần trên, ở đây những bản kinh thuộc các đời Tống, Nguyên, Minh đều khắc là 八萬– bát vạn, nhưng Đại Chánh tạng chép là: 八十 - bát thập. Xét thấy chỉnh sửa này hợp lý hơn nên chúng tôi đã chỉnh sửa theo đó khi Việt dịch.

thể nhìn thật rõ ràng, chính xác, tất nhiên sẽ thấy được tận cùng sự ô uế nhơ nhớp, ắt không còn khởi tâm ham muốn nhìn ngắm nữa.

Trưng dẫn kinh điển để sách tấn tu tập[229]

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:[230]“Nếu như có người trong bốn chúng đệ tử Phật,[231]mặc áo hổ thẹn, uống thuốc hổ thẹn, cầu được giải thoát thì nên theo học pháp môn này, cũng nhưđược uống vào chất nước cam lộ mầu nhiệm.

“Trước hết hãy quán tưởng rằng, hết thảy các loài trùng sống ở vùng phía trước tử cung cho đến bên trong nữ căn, cũng như trong khắp thân thể người nam, trong lúc giao hợp đều há miệngvểnh tai, trợn mắt nôn ra chất mủ tanh hôi. Trong lúc quán tưởng, luôn giữ hơi thở điều hòa an tĩnh, tỉnh giác theo dõi hơi thở ra vào, chú tâm quán chiếu mỗi mỗi hình ảnh đều rõ rệt, sáng tỏ như nhìn vào những đường chỉ trong lòng bàn tay. Cho đến lúc dù nhắm mắt hay mở mắt cũng đều có thể nhìn thấy rõ ràng tất cả thì xem như phép quán này được thành tựu, lửa dục tự nhiên dứt hẳn. Khi ấy cho dù có chư thiên, thiên nữ hiện ra trước mắt cũng chỉ nhìn thấy như người cùi hủi. Đối với thân thể của chính mình hay của người khác, cho đến của tất cả chúng sinh trong khắp cõi Dục giới này, cũng đều quán thấy như vậy.

“Nếu người nào đã uống được loại thuốc ‘quán tưởng’này, đó chính là bậc đại trượng phu, là thầy dạy khắp hai cõi trời người, không còn bị dòng sông ân ái cuốn trôi phiêu dạt. Nên biết rằng những người như thế, tuy trong lúc còn chưa vượt ra khỏi vòng sinh tử luân hồinhưng thân thể đã thơm tho tinh khiết như

---

[229] Cũng trích từ kinh Thiền bí yếu (禪秘要經). (Chú giải của soạn giả) Thật ra là cùng nguồn trích dẫn như trên, tức là lấy từ Pháp uyển châu lâm, thuộc quyển 67. Phần này bắt đầu từ dòng thứ 15, trang 793, tờ c.

[230] An Sỹ toàn thư chép là: 佛告阿難(Phật cáo A-nan - Đức Phật bảo ngài A-nan), nhưng sách Pháp uyển châu lâm, ở phần này chép là 佛告舍利弗 (Phật cáo Xá-lợi-phất – Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất. Chúng tôi theo Pháp uyển châu lâm là văn bản được trích dẫn để chỉnh sửa lại.

[231] Bốn chúng đệ tử Phật (Tứ chúng): chỉ chung tất cả đệ tử Phật, bao gồm 2 chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, 2 chúng tại gia là ưu-bà-tắc (cư sĩ nam) và ưu-bà-di (cư-sĩ nữ).

hoa ưu-bát-la, là bậc hương tượng[232] mạnh mẽ trong cõi người, cho dù lực sĩcủa Long vương hay vị trời Đại Tự Tại đều không bằng được.”

Lời bàn

Sau khi thành tựu phép quán tưởng này, lại tiếp tục áp dụng thêm 9 điều quán tưởng nữa thì tâm dâm dục sẽ tự nhiên nguội lạnh tiêu tan.Nội dung 9 điều quán tưởng bao gồm như sau:

1. Quán tưởng hình ảnh thân thể người mới chết, hình dung chỉ thấy toàn thân buông xuôi nằm ngửa, khí lạnh thấu xương.

2.Quán tưởng hình ảnh máu bầm, hình dung chỉ thấy bên dưới da thịt toàn thân đều dần dần biến thành chất máu bầm màu xanh đen.

3. Quán tưởng hình ảnh máu mủ tanh hôi, hình dung chỉ thấy toàn bộ lục phủ ngũ tạng đều tiêu nát, hóa thành chất máu mủ kinh tởm.

4. Quán tưởng hình ảnh rỉ máu, hình dung chỉ thấy từ mắt, tai, mũi, miệng trên thân thể đều nhất thời chảy ra máu đỏ hết sức tanh hôi.

5. Quán tưởng hình ảnh các loài trùng trong thân thể, hình dung chỉ thấy trong toàn thân nơi nào cũng có các loài trùng chui rúc, hôi thối không thể nói hết.

6. Quán tưởng gân cốt, hình dung chỉ thấy da thịt trong thân thể tự nhiên tiêu tán hết, chỉ còn trơ lại những dây gân ràng rịt quanh bộ xương.

7. Quán tưởng xương cốt rã rời, hình dung chỉ thấy tất cả dây gân ràng rịt lại tiếp tục tiêu tán mất, chỉ còn lại bộ xương, dần dần rệu rã tách rời, nằm la liệt trên mặt đất.

8. Quán tưởng thân thể bị thiêu đốt, hình dung chỉ thấy toàn thân đều bị lửa dữ thiêu đốt, dần dần biến dạng thật đáng sợ rồi tiêu tan hết.

---

[232] Hương tượng: chỉ con voi đực đang thời kỳ sung sức nhất, có sức mạnh gấp 10 lần những con voi bình thường. Ở đây hàm ý người dập tắt được lửa dục chính là tự thắng được chính mình, có thể xem là người mạnh mẽ nhất, nên câu tiếp theo lại so sánh với lực sỹ của Long vương hay vị trời Đại Tự Tại, đều là những vị có sức dũng mãnh vô cùng.

9. Quán tưởng xương khô, hình dung chỉ thấy thân thể chết rồi, nắng mưa dầu dãi còn trơ lại một bộ xương khô.

Khi áp dụng phép quán này, hình dung thân thể trong tương lai chắc chắn rồi sẽ không khác với những hình ảnh đã quán tưởng, thử hỏi lòng dâm dục có thể nào không nguội lạnh được sao?

Mười tội lỗi phải chịu bởi tà dâm

1. Thường lo lắng bị người giết hại.

2. Vợ chồng không được sống hòa thuận thương yêu nhau.

3. Điều xấu ác tăng thêm, việc hiền thiện suy giảm.

4. Vợ con rồi sẽ trở thành mẹ góa, con côi.

5. Sản nghiệp mỗi ngày một hao tổn, tiêu tán.

6. Khi có việc xấu ác xảy ra, rất dễ bị người khác nghi ngờ là thủ phạm.

7.Bạn bè,người thân đều chê cười, quở trách.

8. Kết thêm nhiều oán thù với người khác.

9. Sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục.

10. Vợ nhà không giữ được trinh tiết.

Năm phước đức của người không tà dâm

1. Được người người ngợi khen xưng tán.

2. Không phải lo sợ pháp luật trừng trị.

3. Thân được an ổn.

4. Sau khi chết sinh lên cõi trời.

5. Cuối cùng sẽ được chứng đắc đạo quả.

Người không tà dâm sẽ được 5 vị thiện thần đi theo bảo vệ. Thứ nhất là thần Trinh khiết, thứ hai là thần Vô dục, thứ ba là thần Tịnh khiết, thứ tư là thần Vô nhiễm, thứ năm là thần Đãng địch.[233]

Không xúi giục người trong việc tranh tụng

Giảng rộng

Tranh với *tụng*mang ý nghĩa khác biệt nhau.*Tranh*có nghĩa là chỉ dùng lời lẽ tranh biện phải trái, còn tụng có nghĩa là đã dùng đến đơn từ, đưa nhau ra trước cửa quan mà đối chất, nhờ đến sự phân xử. Từ xưa đến nay, người giỏi đấu đá ắt phải có lúc chết vì đấu đá, người ưa kiện tụng ắt phải có lúc thảm bại trong việc kiện tụng. Một lần sơ suất ắt gia sản phải khánh tận, như con thiêu thân lao đầu vào lửa, dù muốn hối hận cũng không còn kịp nữa.

Cứu xét nguyên nhân kiện tụng, đại khái không ngoài hai việc:nếu không vì tranh giành ruộng vườn nhà cửa, tài sản tiền bạc, ắt phải là do đấu đá xung đột. Những người tranh giành tài sản, tất nhiên ai cũng tham tiếc tiền bạc, nhưng lại không biết rằng một khi đã vướng vào chuyện thưa kiện ra cửa quan, ắt không khỏi phải tiêu tốn cho đến hết sạch tiền của. Những người vì chuyện đấu đá xung đột, tất nhiên ai cũng xem trọng thể diện, nhưng lại không biết rằng một khi đã ra trước cửa quan, chấp nhận cho người khác phán xử, ắt không thể nào giữ được thể diện.

Người thua kiện tất nhiên đã phải bưu đầu sứt trán, nhưng kẻ thắng kiện ắt cũng không khỏi một phen kinh hồn bạt vía. Đến khi tan nhà nát cửa, mới thấy hối tiếc sao ban đầu không nhẫn nhục dung thứ cho sự ngang ngược của người kia. Sao bằng trước khi sự việc xảy ra có thể bình tĩnh ngồi lại cùng đối phương bàn thảo đủ điều tình lý, cùng trao đổi tìm cách giải quyết mà không cần phải dựa vào sự thưa kiện?

---

[233] Có thể hiểu 5 vị thần này như 5 phẩm tính hiền thiện, tốt đẹp mà người không tà dâm sẽ nuôi dưỡng được. Trinh khiết là phẩm tính thủy chung trong trắng; Vô dục là phẩm tính không tham cầu, biết đủ; Tịnh khiết là phẩm tính thanh tịnh, trong sạch; Vô nhiễm là phẩm tính giữ mình không ô nhiễm; Đãng địch là phẩm tính giản dị mà cởi mở. Với sự bảo vệ của 5 phẩm tính này, chúng ta sẽ luôn được sống trong sự an lạc thân tâm.

Người có thể nhẫn nhục, khoan dung tha thứ, ấy chính là bậc trí; còn xúi giục người khác trong việc tranh tụng, ắt không phải người hiền lương. Nếu không vì muốn trục lợi từ sự tranh chấp giữa đôi bên, ắt cũng là kẻ muốn dùng việc công để báo thù riêng, mượn đao giết người. Đến khi gió lặng sóng yên mới thấy rõ dã tâm xui nguyên giục bị của kẻ kia, há lại chẳng lấy làm tiếc cho mình đã làm một kẻ tiểu nhân, tự làm thương tổn âm đức?

Trưng dẫn sự tích

Nhiều đời không thưa kiện[234]

Đời Bắc Tống,[235]có Lôi Phu là người huyện Nghi Phong thuộc tỉnh Giang Tây, bẩm tính vốn nhân từ, xưa nay chưa ngỗ ngược xung đột với ai. Kể từ đời tiên tổ của ông,[236]đời đời lấy sự trung hậu mà truyền lại cho cháu con, tính đến đời Lôi Phuđã qua mười một đời chưa từng xảy ra việc thưa kiện người khác.

Về sau Lôi Phu thi đỗ Tiến sĩ, làm quan thanh liêm, sau lên đến chức Thái sưdạy thái tử học.Người người đều tin rằng đó là nhờ tổ tiên ông đã tích lũy nhiều điều thiện.

Lời bàn

Nếu chưa thể rộng lòng khoan dung tha thứ cho người, thì trước hết cũng phải rèn luyện sự nhẫn nại.Nhờ kiên trì giữ được sự nhẫn nại lâu ngày, tự nhiên tâm tánh rộng mở, có thể trở nên khoan dung độ lượng.

Xưa có người tên Tạ Cầu, rất ghét việc kiện tụng.Láng giềng lấn ranh đất của ông, có người khuyên ông nên kiện lên quan, Tạ Cầu cười nói: “Ông ta chỉ chiếm được đất, đâu có thể chiếm được trời?”Sau cũng chẳng thèm tranh chấp.Những kẻ tâm lượng nhỏ nhen làm sao hiểu nổi lời nói đó?

---

[234] Trích từ sách Sư cổ biên (師古編). (Chú giải của soạn giả)

[235] An Sỹ toàn thư chép là đời Đường, bị nhầm, vì Lôi Phu sống vào đời Bắc Tống, tiên tổ của ông là Lôi Hoành mới sống vào đời Đường.

[236] Căn cứ theo sách Nhân phả (人譜) có ghi chép lại thì tiên tổ của Lôi Phu chính là ông Lôi Hoành, sống vào đời nhà Đường.

Sáng suốt tránh được tai họa[237]

Tại một thôn nọ, thuộc huyện Hòa Châu, tỉnh An Huy, có người kia nuôi đến trăm con ngỗng.Một hôm, ngỗng sang ăn lúa nhà hàng xóm, bị đập chết một lúc đến hơn năm mươi con. Vợ người nuôi ngỗng thấy thế ban đầu tức giận lắm, nhưng sau bình tâm nghĩ lại rằng: "Ví như mang sự việc này kiện lên quan, thế lực nhà mình không chắc thắng kiện; nếu muốnthắng kiện, ắt phải bỏ ra phí tổn rất nhiều. Hơn nữa chồng mình lại đang say rượu, nếu nghe biết chuyện này nhất định sẽ gây sự ẩu đả, tai họa khó lường hết được, chi bằng ta hãy nhẫn nhịn cho qua."Liền bảo người nhà mang xác ngỗng giấu hết đi, không cho người chồng biết.

Sáng sớm hôm sau, người hàng xóm giết ngỗng bỗng tự nhiên lăn ra chết. Người chồng sau khi tỉnh rượu mới biết chuyện,liền nói với vợ: "Nếu hôm qua tôi sớm biết việc ngỗng bị chết, trong lúc say rượu chắc không khỏi sang nhà họ gây sự đánh nhau, ắt hôm nay phải chuốc lấy tai họa tan cửa nát nhà rồi."

Lời bàn

Người ta trong lúc hết sức giận dữ, nếu có thểlùi lại một bước để bình tâm suy nghĩ thì bảo toàn được thân thể, gia đình, tính mạng, cho đến tiêu trừ được phiền não oan gia. Xem như sự nhẫn nhịn của vợ người nuôi ngỗng kia, chẳng phải bảo toàn được rất nhiều đó sao? Ngày trước, Phạm Văn Chính Công từng có thơ khuyên đời rằng:

心中忿怒不如休，

何須經縣又經州？

縱然費盡千般計，

贏得貓來輸去牛。

Tâm trung phẫn nộ bất như hưu,
Hà tu kinh huyện hựu kinh châu?
Túng nhiên phí tận thiên ban kế,
Doanh đắc miêu lai thâu khứ ngưu.

Dịch nghĩa:

---

[237] Trích từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

Trong lòng giận dữ, tốt nhất nên tự kiềm chế,
Đâu cần phải thưa kiện lên huyện, lên châu?
Ví như gộp hết trăm ngàn thứ phí tổn,
Hóa ra lấy được con mèo lại thua mất cả con trâu!

Dịch thơ:

Lửa giận bùng lên phải dập ngay,
Kiện thưa phủ, huyện có gì hay?
Ví bằng thắng kiện, bao tổn phí,
Mất cả con trâu, được lưỡi cày!

Quý tử phải chết yểu[238]

Hà Ứng Nguyên là thư lại ở phủ Tô Châu, sinh được một đứa con trai đặt tên là Thân.Năm Thân được 4 tuổi, bà vú nuôi đưa về thăm nhà ông ngoại.Trên đường đi ngang qua núi Lăng Gia, lúc trời gần sáng bỗng thấy có một đoàn người ngựa đèn đuốc kéo đến.Khi gặp Hà Thân, họ tỏ vẻ kinh sợ tránh sang bên và nói: “Hà thiếu gia ở đây sao?Chúng ta nên tránh đi thôi.”Nói xong,tất cả đều theo đường khác mà đi.

Bà vú nuôi về nhà kể lại sự việc, Hà Ứng Nguyên cho rằng đứa con này ắt sau thành người hiển quý. Nhưng rồi khi Hà Thân được 17 tuổi bỗng mù cả hai mắt, Ứng Nguyên buồn giận lắm, nghe nói ở Trực Đường có vị đạo sĩ có thể cầu triệu thần linh, bèn tìm đến hỏi.Thần ứng hiện cho biết: “Lẽ ra con ông thi đỗ khoa này, chỉ vì lúc ông làm thư lại đã nhận hối lộ của người ta, ngụy tạo chứng cứ hãm hại nhiều người vô tội phải bị tù ngục, vì thế nên trời bắt ông phải tuyệt tự. Đứa con này sẽ thác sanh vào nhà khác có phúc đức.”

Quả nhiên, không bao lâu sau thì Hà Thân chết.

Lời bàn

Do đời trước từng có nhân duyên với nhau mới sinh ra làm con cháu.Trong số những người có nhân duyên, lại cũng có kẻ hiền người ngu, hết thảy đều do con người tự chuốc lấy mà thôi. Than ôi, chỉ vì gian tham ngụy tạo chứng cứ mà giết chết đi một đứa con có tiền đồ hiển quý rỡ ràng, thật đáng thương thay!

---

[238] Trích từ sách Cảm ứng thiên (感應篇). (Chú giải của soạn giả)

Không hủy hoại đường danh lợi của người khác

Giảng rộng

*Danh*là phần tiêu biểu đầy đủ cho thân phận, sự nghiệp của mỗi một cá nhân; *lợi*là nguồn tài vật giúp người ta có được cơm áo cũng như mọi thứ cần dùng trong sinh hoạt đời sống. Danh lợi của mỗi người đều khó khăn mới gầy dựng được, nhưng hủy hoại đi thì rất dễ dàng nhanh chóng. Nếu có lúc muốn hủy hoại đường danh lợi của người khác, nên nghĩ lại những khó khăn vất vả mà họ đã phải trải qua để có thể gầy dựng được, như thế liệu có nỡ lòng hủy hoại đi chăng?

Như kẻ ngược gió tung tro bụi, lẽ thường sẽ tự làm dơ bẩn thân mình; ngửa mặt lên trời phun nước bọt, ắt phải rơi trở xuống dơ mặt mình; những việc ấy cũng đều là lẽ tất nhiên. Cho nên, phá hoại danh tiếng của người ắt không khỏi tự làm tổn hại phẩm giá nhân cách của chính mình, mà phá hoại nguồn lợi của người cũng chính là âm thầm làm tiêu tan phúc đức duyên lành của chính mình.

Trưng dẫn sự tích

Vào trường thi đòi nợ cũ[239]

Vào triều Thanh, ở huyện Hợp Phì thuộc tỉnh An Huy có người họ Hứa, vốn là dòng dõi danh giá.Người anh của ông từng được bổ làm quan Học chính ở một tỉnh nọ, có viên học sĩ trong tỉnh ấy mang 200 lượng bạc đến nhờ họ Hứa nói giúp với anh đề bạt phẩm trật cho được lên ngạch thứ ba.Ông nhận tiền, đồng ý sẽnói giúp,nhưng rồi sau đó vì nhiều việc quá lại quên đi, chẳng nói gì về việc ấy cả. Đến khi sắp xếp ngạch trật, ông học sĩ này xếp tận dưới hàng thứ sáu. Ông ta tự nghĩ thấy mình bị mất cả danh lẫn lợi nên uất ức quá treo cổ tự vẫn.Người vợ ông ta cũng đau buồn quá mà thành bệnh rồi chết.

Đến năm Canh Ngọ thuộc niên hiệu Khang Hy,[240]họ Hứa vào trường thi, bỗng thấy viên học sĩ đã chết kia đứng ngay trong phòng dành cho thí sinh.Họ Hứa ngay lúc ấy liền hôn mê không còn biết gì nữa, tự đi đến lấy những sợi chỉ hồng

---

[239] Câu chuyện này những người trong trường thi đều tận mắt chứng kiến. (Chú giải của soạn giả)

[240] Tức là năm 1690.

trên bàn quan giám khảo, nối từng sợi một lại cho dài ra rồi buộc vào cổ mình, tự đến treo mình lên chỗ cửa phòng.Quanh cổ chỉ quấn mỗi một sợi chỉ nhỏ, nhưng hai chân vẫn rời lên khỏi mặt đất cả thước,[241] lưỡi cũng theo đó mà lè ra thật dài.Quân canh lập tức bẩm báo lên quan giám khảo, lúc bấy giờ chính là quan Tổng hiến Truyền Công.Ông liền ra lệnh cho quân canh gấp rút cứu xuống. Khi ấy, họ Hứa bỗng trở nên cuồng loạn, nói lảm nhảm như ma quỉ, rồi kể rõ đầu đuôi câu chuyện năm trước đã nhận tiền nhưng không lo xong việc. Kể chuyện rồi, lại chờ khi cửa vừa mở đã hối hả chạy như bay về chỗ trọ. Không lâu sau,họ Hứa treo cổ tự vẫn trong phòng trọ.

Lời bàn

Một sợi chỉ nhỏ mà treo được thân người lên, chẳng phải là hết sức vô lý sao? Nhưng chuyện của họ Hứa thì chính mắt bao nhiêu người trong trường thi khi ấy đều nhìn thấy. Cho nên có thể thấy rằng, khi nghiệp quả đã chín mùi, sự báo ứng thật không thể dùng lý lẽ suy diễn để hiểu hết.

Lại suy cho cùng, đến lúc khởi sinh ba tai kiếp của giai đoạn kiếp mạt, cành lá của cây cỏ đều hóa như dao sắc nhọn, người chạm vào liền bị thương tích, nhưng không ai tránh khỏi được kiếp nạn đó. Như khi đức Thế Tôn chịu nạn giáo gỗ đâm chân, cây gỗ ấy chỉ dài một thước mà có thể xuyên qua hòn đá xanh lớn, lại đi theo đức Phật từ nơi này sang nơi khác, chẳng phải càng đáng tin chắc hơn sao?[242]

Không làm tan vỡ chuyện hôn nhân của người

Giảng rộng

Trong ý nghĩa của hai chữ *hôn nhân*(婚姻) thì người con trai lập thành gia thất gọi là *hôn* (婚), con gái xuất giá theo chồng gọi là *nhân* (姻). Chữ *hôn* (婚)vốn

---

[241] Thước cổ của Trung Hoa, bằng khoảng 33 cm.

[242] Chuyện này được ghi chép trong kinh Phật thuyết Hưng khởi hạnh (佛說興起行經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc tập 4, kinh số 197, tổng cộng có 2 quyển, do ngài Khương Mạnh Tường dịch vào đời Hậu Hán. Chuyện bắt đầu từ dòng thứ 13, trang 168, tờ a, phần Phật thuyết mộc sang thích cước nhân duyên kinh – đệ lục (佛說木槍刺脚因緣經第六).

lấy theo nghĩa *hôn* (昏) là đêm tối, vì xưa kia quy định phần chính trong lễ này là lễ hợp cẩn chỉ được tiến hành khi đêm xuống, không thực hiện lúc ban ngày,đó là hàm ý có sự hổ thẹn. Chữ *nhân* (姻)thì lấy theo nghĩa *nhân nhân* (因人), tức là dựa vào người, ý nói người con gái một khi đã theo chồng phải hết lòng giữ sự hòa hợp, dựa vào chồng mà giữ theo đạo đức luân lý, lại cũng dựa vào chồng mà phó thác sự vinh nhục sướng khổ của cả một đời mình, đó là hàm ý người vợ luôn tùy thuộc theo chồng.

Hôn nhân là sự kết hợp tốt đẹp giữa hai dòng họ, trước là kế thừa sự nghiệp của tổ tiên dòng tộc, sau là gầy dựng mở mang cho con cháu đời sau, hiện tại thì nối kết hòa hợp với thân tộc đôi bên,quả thật là một nhân duyên không nhỏ.

Nói chung thì việc hôn nhân vốn được định đoạt từ nhân duyên kiếp trước,chẳng những là riêng bản thân ta không chủ động được, mà cho đến cả cha mẹ hai bên cũng không có khả năng chủ động quyết định. Nếu là do nhân duyên lành đưa đến thì những tâm niệm hòa hợp tốt đẹp sẽ không ngừng không dứt.Nếu là do nhân duyên xấu ác đưa đến thì oán tình độc hại sẽ còn kéo dài mãi chưa hết chưa thôi.

Vì thế nên chuyện hôn nhân không phải dùng sức người mà có thể phá hoại được.Ví như người khởi tâm muốn phá hoại, nếu không phải kẻ nuôi lòng thù hận, ắt cũng là do sự ghen ghét. Bất kể là khi khởi tâm mà chưa phá hoại được, hay khi đã phá hoại được rồi, thìtội ấy cũng đều xem như đã thành.

Cố ý phá hoại việc hôn nhân của người tất nhiên là không nên. Nhưng ngay cả việc gán ghép người khác cho thành chồng vợ với nhau cũng không thể không thận trọng.Ví như tuổi tác chênh lệch quá xa ắt không thể sống cùng nhau đến răng long đầu bạc; hoặc cũng không nên xem thường những yếu tố như sang hèn cách biệt, không môn đăng hộ đối. Cho đến những chuyện như gia cảnh giàu nghèo, hình dung xấu đẹpđều không ra ngoài sự cân nhắc.

Trưng dẫn sự tích

Biết lỗi sửa lỗi[243]

Quan Thị lang Tôn công, trước đây vốn tên là Hồng.Khi còn trẻ có một người bạn cùng theo học ở trường Thái học xa nhà. Hai người có giao ước là khi thư nhà gửi đến thì đều đưa cho nhau xem.Một hôm,người bạn được thư nhànhưng giấu không cho Tôn Hồng xem. Sau Tôn Hồng biết được, gạn hỏi, người bạn mới nói: "Trong thư ngẫu nhiên có chỗ không hay,sợ làm anh thối chí."Tôn Hồng vẫn cố đòi xem cho kỳ được,cuối cùng người bạn phải đưa ra lá thư của cha mình.Trong thưviết rằng: "Đêm qua cha nằm mơthấy đến một dinh quan, mơ màng thấy mình được xem qua sổ ghi tên những người thi đỗ.Trong đó thấy có tên con với Tôn Hồng, nhưng tên Tôn Hồng thấy ghi xuống phía dưới, lại có hàng chữ đỏ chú rằng: 'Ngày tháng năm ấy...đã viết giúp một người tên ấy...lá đơn ly hôn, do đó bị trời phạt, tước bỏ tên trong sổ.'"

Tôn Hồng đọc thư tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên,người bạn liền hỏi:"Có việc nhưthế chăng?" Tôn Hồng đáp: "Chuyện ấy đã lâu rồi, lúc tôi đang ở tại châu nọ..., có gặp hai ông bà đã lớn tuổi, đang quát mắng nhau, muốn ly hônnhưng không có ai viết đơn giúp. Nhân đó họnhờ tôi viết đơn, thật tôi hoàn toàn không có ý xấu."Người bạn an ủi: "Chuyện mộng mị chẳng lấy gì làm đích xác, không cần phải lưu tâm.Huống chi tài học nhưanh thì lẽ nào thi lại không đỗ."

Đến khoa thi, người bạn học ấy thi đỗ, Tôn Hồng quả nhiên bị đánh rớt.Từ đó mới biết giấc mộng ngày trước không phải hư huyễn.Thấy Tôn Hồng nhân việc ấy mà trong lòng không vui, người bạn liền nói: "Thôi anh đừng buồn nữa, đợi khi tôi về quê sẽ thay anh đến khuyên giải hai ông bà kia tái hợp như cũ, được không?"Nói rồi liền hỏi kỹ tên họ, nơi ở của hai ông bà kia,sau đó tìm đến tận nơi, thấy hai ông bà vẫn chưa hợp lại, bèn đem chuyện của Tôn Hồng kể hết cho hai người nghe, lại bày tiệc rượu khuyên hai người tái hợp như xưa.Việc thành tựu, liền gửi thư báo cho Tôn Hồng. Tôn Hồng hết sức cảm kích vui mừng.

---

[243] Trích từ sách Tôn Thị lang ký sự (孫侍郎記事). (Chú giải của soạn giả)

Về sau, Tôn Hồng được miễn kỳ thi ở tỉnh vì là học sinh nội trú của trường Thái học, dần dần lại được thăng tiến quan cao lộc hậu, nhiều lần nhậm chức ở các quận huyện lớn.Những nơi ông đến, khi gặp gia đình nào đang muốn ly hôn, ông đều cố sức hòa giải, nhờ đó mà bảo vệ được hạnh phúc cho rất nhiều gia đình.

Lời bàn

Năm cuối triều Nam Tống,[244] ở Lâm Xuyên có người họ Vương, vợ là Lương thị bị giặc Nguyên bắt đi, cưỡng lại mà chết.Trải qua nhiều năm, người chồng định tái hôn nhưng cứ luôn gặp việc trắc trở không thành.Một đêm mộng thấy người vợ hiện về nói: "Tôi đã thác sanh vào nhà ấy, nay được mười tuổi, bảy năm nữa sẽ làm vợ anh." Hôm sau liền cho người đến tìm theo lời trong mộng, quả nhiên tìm được, bèn đợi sau bảy năm mang lễ vật đến xin cưới, chỉ một lần là được ngay. Cho nên, nhân duyên vợ chồng đâu thể xem nhẹ mà phá hoại?

Ly gián hôn nhân phải chịu quả báo[245]

Đời nhà Thanh, niên hiệu Thuận Trị, vào năm Mậu Tuất[246] có mở khoa thi Hội. Vào lúc điểm danh, bỗng phát hiện trong ống đựng bút của một thí sinh người ở Hiếu Liêm[247] có bản thảo lá đơn ly hôn.Quan giám khảo xem qua giận lắm, sai dùng trượng phạt đánh rồi cùm lại nhốt vào ngục, đồng thời lập tức tước bỏ tư cách cử nhân.[248]

Về sau tìm hiểu nguyên nhân mới biết, thí sinh người Hiếu Liêm này vốn có một người bạn đồng học, có gian ý muốn cưới vợ của một người bạn khác về làm thiếp. Anh chàng người Hiếu Liêm liền vì người bạn kia nghĩ kế, trước hết đặt điều nói xấu người vợ, khiến anh chồng giận ghét muốn bỏ vợ. Tiếp theo nhân lúc vợ chồng ly gián, liền mai mối chuyện hôn sự với người kia, lại vì

[244] Tức là năm 1279.

[245] Trích từ sách Khuyến trừng lục (勸懲錄). (Chú giải của soạn giả)

[246] Tức là năm 1658.

[247] Thuộc huyện Thương Nam, tỉnh Triết Giang.

[248] Người đi thi Hội đều đã đỗ thi Hương, tức là cử nhân.

người này mà viết giúp đơn ly hôn. Nhưng rốt lại anh ta cũng không hiểu vì sao lại mê muội để bản thảo lá thư ấy vào trong ống đựng bút.

Lời bàn

Mưu kế của anh chàng này quả là thâm độc vô cùng! Nên biết, trong luật trời thì phá hoại chuyện hôn nhân của người khác được xem là điều ác độc nhất.Chẳng những là sau khi đã thành vợ chồng không được dễ dãi nói đến chuyện ly dị, mà ngay cả khi chưa kết hôn, nếu sự việc đã định đoạtrồi cũng không được làm cho thay đổi.

Tại quê tôi ở Côn Sơn có một gia đình vốn trước đây là danh gia vọng tộc, chỉ sinh được mỗi một đứa con gái. Từ khi lâm vào cảnh sa sút bần cùng, mọi chi phí sinh hoạt ăn uống trong nhà đều phải dựa vào sự cung cấp của một người nô bộc cũ. Trải qua nhiều năm tháng như vậy, người chủ lấy làm cảm kích tấm lòng của người nô bộc cũ, liền mang khế ước bán thân của người này trước đây ra trả lại, đồng thời dùng lễ cung kính đối đãi như bằng hữu.

Người nô bộc cũ ấy có một đứa con trai rất thông minh, tuấn tú, người chủ muốn kết làm thông gia. Nô bộc cố hết sức chối từ, không dám, sau người chủ ép quá nên đành phải nghe theo, cho hai trẻ kết thành vợ chồng, sống với nhau hết sức tương đắc.

Không bao lâu, cả hai vợ chồng người chủ đều qua đời, người nô bộc cũ liền bảo bọc nuôi dưỡng cả con dâu. Qua năm sau, có người trong tộc họ của người chủ cũ viện cớ hai bên gia đình sang hèn cách biệt không thể kết thông gia, nên cố tìm đủ cách sách nhiễu không ngừng, cuối cùng lại kiện lên quan. Quan xử hai bên ly dị, người nô bộc cũ cuối cùng do việc ấy mà tan nhà nát cửa. Người trong tộc họ của chủ cũ lại không có khả năng nuôi dưỡng cô con gái, đến nỗi cuối cùng đói khổ uất ức mà chết. Cô gái ấy chết không bao lâu thì thác nhập vào người trong tộc họ của chủ cũ, kể lể hết đầu đuôi sự việc. Những kẻ đồng mưu trong việc này có bao nhiêu người sau đó đều mắc phải bệnh nặng, nối nhau mà chết cả.

Không vì thù oán riêng làm cho anh em người khác bất hòa

Giảng rộng

Anh em trong một nhà, tuy hình thể phân biệt khác nhau, nhưng khí chất tương đồng vì cùng một cha mẹ sinh ra.Tuy tuổi tác khác nhau, nhưng đều do cha mẹ ân cần sinh dưỡng.Anh em nếu không hòa thuận là có tội với cha mẹ.Vì thế, nếu

làm cho anh em người khác bất hòa, tức là khiến cho họ phải có tội với cha mẹ họ.

Với anh em cùng cha khác mẹ, tuy phân dòng chánh thứ, nhưng với ta vẫn cùng một cha, như chân tay tương thuộc, nếu không hòa thuận với nhau, ấy là bạc đãi cốt nhục của mình.Vì thế, nếu khiến cho anh em cùng cha khác mẹ của người khác bất hòa, tức là khiến cho họ bạc đãi cốt nhục.

Anh em bà con trong dòng họ, tuy phân biệt thân sơ, nhưng cũng đều nhờ vào âm đức tổ tông che chở vun bồi, nếu không hòa thuận với nhau thì rõ ràng là bất kính với tổ tiên.Vì thế, nếu khiến cho anh em bà con của người khác bất hòa, tức là khiến cho họ bất kính với tổ tiên.

Cho nên phải biết rằng, việc báo thù riêng là hết sức nhỏ nhặt, mà cái hại về sau của sự bất hòa lại hết sức to lớn. Nếu người nào thực sự hiếu kính cha mẹ, đối xử tốt với anh em, thì mới có thể đem sự thương yêu anh em của mình mà suy ra để hiểu được tình anh em của người khác, vậy sao có thể nhẫn tâm vì chuyện báo thù riêng mà khiến cho người khác không tốt với em, bất kính với anh?

Trưng dẫn sự tích

Thành hoàng quở trách[249]

Vào triều Thanh, vùng Gia Định,[250] có hai anh em nhà họ Trương,khi phân chia gia sản cha mẹ để lại, người anh lẽ ra phải trả cho em mười mấy lượng bạc, nhưng anh ta lại dựng chuyện chỉ hươu chỉ nai, cố ý không muốn trả. Người em nghèo,tính tình chất phác, không cãi lại được anh, liền đến nhờ ông chú phân xử,vì ông là người trước kia đã đứng ra phân chia gia sản.Ông chú thấy người anh giàu có, có thể nhờ cậy được, nên quay sang bênh vực cho anh.Người em trong lòng hết sức giận tức. Đến mùa hè năm Đinh Sửu niên hiệu Khang Hy[251]liền viết một bản văn sớ kể lể hết sự tình, mang đến khấn rồi đốt ở miếu Thành hoàng trong làng.Đốt xong, đợi năm ngày mà không thấy chút cảm ứng

---

[249] Chuyện này do chính người trong cuộc chứng kiến kể lại.

[250] Ngày nay thuộc Thượng Hải.

[251] Tức là năm 1697.

gì, lại đốt tiếp một bản văn sớ nữa. Qua hôm sau, người chú bỗng lăn ra chết, người anh cũng chết.Rồi cuối cùng người em cũng chết luôn.

Sau khi chết, cả ba người đều thấy mình bị dẫn đến miếu Thành hoàng. Thần nói: "Ba người các ngươi thật chưa chết, nhưng ta triệu cả ba đến đây là vì có sớ kiện,phải thẩm xét cho rõ sự việc." Rồi thần hướng về người anh, nói: "Ngươi quả thật chưa trả mười lăm lượng bảy tiền cho em, sao còn mưu gian cậy thế?Phạt ngươi 30 trượng."Lại nói với người em: "Việc này sao không tố cáo với quan ở dương gian, lại xem thường kinh động đến âm phủ?Phạt ngươi 25 trượng."Lại trách mắng người chú:"Ngươi là chú sao không phân xét công bằng,lại xu nịnh người giàu, khinh dễ kẻ nghèo, khiến cho hai cháu phải thưa kiện đến đây, phạt ngươi 10 trượng."

Xử việc xong, cho cả ba về.Ba người tỉnh lại, hóa ra đã chết hơn nửa ngày, người nào cũng than nơi bắp đùi đau đớn lắm, lại nhìn vào mông đều thấy thịt tím bầm.Cả ba người đều nằm liệt hơn mười ngày mới dậy nổi.

Lời bàn

Người chú họ Trương vốn không có thù riêng với cháu, chỉ là muốn hùa theo điều lợi mà thôi.Đâu biết rằng hết thảy mọi việc ở dương gian, nơi âm phủ đều có sổ sách ghi lại rõ ràng, không sai sót?Cho nên dương thế còn có chuyện oan ức,nhưng âm tytuyệt không phán xử sai lầm.Trên dương thế còn có ảnh hưởng của tình cảm khi xét xử, nhưng âm tychỉ theo đúng luật mà làm.Việc hỏi tội nơi dương thế, bất quá chỉ phán xét theo những việc trong đời này, nhưng âm ty luận tội thì cân nhắc hết thảy mọi việc trong nhiều đời trước. Người gặp việc oan ức,nếu hiểu rõ được nhân duyên đời trước ắt sự uất ức sẽ tự tiêu tan.

Tôi nhớ vào năm Nhâm Tuất,[252]ở trấn Nam Tường cũng thuộc vùng Gia Định, trong gia đình của Lục Chấn Cầuphát sinh một chuyện thật hết sức ly kỳ. Cứ theo lời người nhà ấy thì ma quỷ cõi âm khi đi lại cũng phải có điệp văn,[253]lại không được phép đi qua các bến sông.

---

[252] Tức là năm 1706.

[253] Điệp văn: tờ giấy có sự xác thực của cấp thẩm quyền, dùng để đi lại ở những vùng nhất định,ngày nay gọi là giấy thông hành.

Năm ấy, người cháu dâu của Lục Chấn Cầu bị bệnh, bỗng có một con quỷ nhập vào, tự nói ra rằng: “Tôi vốn là người ở huyện Vụ Nguyên, Huy Châu, ở bờ sông phía bắc bán trứng cá, bị một nhà buôn kia thiếu nợ quá nhiều không trả, mất sạch cả vốn lẫn lãi,do đó uất ức mà chết.Tôi chết rồi liền mang sự việc khiếu nại nơi âm ty.Quan âm ty nói việc này không có gì phải khiếu tố cả,liền đưa cho tôi xem một bản ghi chép, trong đó có đủ những khoản mà kiếp trước tôi đã nợ người kia.Tôi biết được rồi thì không còn giận tức nữa.Vị quan âm ty liền cấp cho tôi một điệp văn, bảo quay trở về nhà.Nhưng lúc đi ngang qua đây thì bị đứa tớ gái của ông tạt nước trúng làm dơ bẩn điệp văn, nên không thể về nhà được nữa.Xin mau mau đền lại điệp văn cho tôi.”

Lục Chấn Cầu nói: “Điệp văn là của cõi âm, tôi biết làm sao thay thế được, nên quay lại nơi đã cấp mà xin cấp lạimới được.”

Quỷ nói: “Tôi đi đến đây rồi, phía trước là thành quách, phía sau là trạm quan canh giữ, dù muốn trở lại cũng không được.”

Lục Chấn Cầu liền hỏi: “Như vậy biết phải làm sao?”

Quỷ nói: “Trong vùng này có người tên họ ấy, ở làng ấy... có thể giúp được việc này.”

Chấn Cầu sai người đi tìm theo lời quỷ nói, quả nhiên có người tên ấy, ở làng ấy, liền mời đến nhà. Người ấy là một cụ già.Chấn Cầu đem hết sự việc kể cho cụ nghe, nhưng cụ già không biết cách cấp điệp văn, nên chỉ cho tìm đến nhờ một đạo sĩ.Liền bày lễ vật hoa quả cúng tế, rồi nhờ đạo sĩ viết lại điệp văn. Quỷcó được điệp văn rồi mừng lắm, hết sức cảm tạ,lại dặn người nhà phải nhanh chóng mời thầy trị bệnh cho cô cháu dâu. Lúc quỷ đã đi rồi, bỗng quay lại nói: “Nhà ông có hai con chó đang ngủ trước cửa, không ra được. Xin ông đưa tôi ra.” Lục Chấn Cầu liền đưa theo ra cửa, quỷ liền xuất ra đi mất.Người cháu dâu của Chấn Cầu sau đó dần dần khỏi bệnh.

Ai dám nói là âm dương hai đường khác biệt, lý lẽ khác nhau?

Không vì lợi nhỏ khiến cha con người khác thành xung khắc

Giảng rộng

Đạo cha con vốn nặng hơn cả tình anh em. Anh em trong gia đình bất hòa xích mích là việc xấu trái với đạo đức, nhưng cha con mà đối nghịch chia lìa nhau là dứt mất cả đạo trời. Thử hình dung ví như có người ngoài vì mưu lợi ích riêng

mà xúi giục cho cha con ta chia lìa, cốt nhục xung khắc thì sao? Thương thay cha mẹ,ngoái nhìn con cháu mà cảm thương; nheo nhóc cháu con, ngưỡng vọng cha ông cùng đau khổ; liệu có nhẫn tâm làm thế được chăng? Lại dựa theo lý lẽ nào mà làm thế được?

Cho nên, các bậc hiền thánh xưa nay đều dạy rằng, quý trọng cha ông của mình nên phải biết quý trọng các bậc cha ông người khác; thương yêu con em của mình nên phải biết thương yêu con em người khác. Bởi vậy, phải làm sao cho nhà nhà đều hiếu kính mẹ cha, nơi nơi các bậc phụ lão đều được sống lâu hưởng phước, thì tấm lòng hiếu dưỡng cha mẹ của riêng ta mới được trọn vẹn, mà tâm nguyện dạy dỗ con cái của riêng ta mới được an ổn. Nếu không được vậy, xét kỹ lại bản thân ta không khỏi trở thành kẻ bất hiếu với cha mẹ, thiếu trách nhiệm với con cháu.

Nói đến sự bất hòa cũng có rất nhiều nguyên nhân. Nếu không do lời qua tiếng lại, ắt cũng vì liên quan đến tiền bạc của cải; nếu không do cha mẹ trước sau có sự thiên vị không công bằng với con cái, ắt cũng vì anh em hai dòng đích thứ, sinh ra thiên lệch bên khinh bên trọng... Tuy nhiên, xét đến căn nguyên tận cùng ắt cũng không ra ngoài một chữ "lợi" trong lời dạy của Đế quân.

Sở dĩ nói là "lợi nhỏ", không nhất thiết là chỉ những điều vụn vặt nhỏ nhen, mà ý muốn nói ngay cả đem so những thứ như nhà cửa ruộng vườn với sự bất hòa giữa cha con, ắt phải thấy rằng hết thảy những giá trị vật chất ấy đều là nhỏ nhặt. Nếu bám chấp nơi từ ngữ mà không hiểu được ý nghĩa sâu xa của lời văn như thế, e rằng không khỏi làm trái với lời răn dạy của Đế quân.

Trưng dẫn sự tích

Dụ dỗ con người khác, chịu quả báo tan nhà nát cửa[254]

Có một người giàu có tên là Từ Trì, ở kế bên nhà Từ Bát.Nhìn thấy nhà Từ Bát phòng ốc rộng lớn đẹp đẽ,Từ Trì liền khởi dã tâm muốn tìm phương kế để chiếm đoạt làm của mình.Nhưng Từ Bát hoàn toàn không có ý định bán nhà.Từ

[254] Trích từ sách Đan quế tịch (丹桂籍). (Chú giải của soạn giả)

Trì liền lập mưu dụ dỗ đứa con của Từ Bát vào đường cờ bạc, dần dầnđam mê hư hỏng, phá nát gia sản, cuối cùng khiến Từ Bát đành phải bán nhà cho Từ Trì.

Từ Bát trong lòng căm hận lắm, do đó mà cha con bất hòa. Từ Bát buồn giận mà chết.Không bao lâu sau,Từ Trì có 3 đứa con, 5 đứa cháu đều bị bệnh nặng.Từ Trì nằm mộng thấy ông nội hiện về nói: “Tai họa sắp đến rồi.Con còn nhớ không, sau khi con mua được nhà ít lâu thì Từ Bát chết.Ông ấy đã kiện con ở âm ty rồi.”

Từ Trì tỉnh dậy sợ lắm, liền đến cúng tế cầu đảo ở miếu Thành hoàng.Lúc mới vào miếu, bỗng thấy một người ăn mày lộ vẻ kinh ngạc lắm, liền gạn hỏi nguyên do.Người kia đáp rằng: “Hôm qua tôi tình cờ nằm ngủ trước điện thờ, thấy có một người tay cầm đơn kiện, nói là kiện Từ Trì dụ dỗ con ông ta hư hỏng phá hết gia sản. Thật không ngờ là chính ông là Từ Trì lại đến đây cúng tế cầu đảo, vì thế nên lấy làm kinh ngạc.”

Từ Trì nghe vậy lại càng thêm sợ, chưa qua hết năm ấy thì bệnh liệt giường rồi chết.

Lời bàn

Vì thèm muốn nhà cửa người khác mà bày mưu lập kế, phá hoại tình cảm cha con, khiến cho cốt nhục chia lìa, làm cho họ phải tan nhà nát cửa mới thôi, quả thật là tâm niệm hiểm độc.

Trước đây có quan Thượng thư họ Triệu người Giang Hữu,nhà ở gần với một vị Tỉnh nguyên[255] họ Thường.Họ Thường có khu vườn phong cảnh tuyệt đẹp, Triệu Thượng thư có ý muốn dùng quyền thế chiếm lấy.Họ Thường ngầm biết, bèn làm một bài thơ rồi gửi đến cho Triệu Thượng thư, kèm theo cả giấy tờ bằng khoán của khu vườn. Nội dung bài thơnhư sau:

Mênh mông trời đất vốn có phần,
Cơ mưu xảo trá chẳng dễ phân.
Biển dâu thay đổi nào ai biết?
Gió mát trăng thanh đã bao lần.
Vườn lan ngày cũ nay quên Tấn,

[255] Tỉnh nguyên (省元), cũng gọi là Tỉnh khôi (魁), là một danh xưng từ đời Tống dùng chỉ vị Tiến sĩ đỗ đầu khoa thi do Lễ bộ tổ chức. Do Lễ bộ thuộc Thượng thư tỉnh (尚書省) nên người đỗ đầu gọi là tỉnh nguyên.

Cửa động đào hoa đón khách Tần.
Vườn kia là chủ, thân là khách,
Hỏi ngài còn được mấy lăm xuân?

Triệu Thượng thư xem thư rồi liền gửi trả lại giấy tờ bằng khoán, không dám nhận. Nếu so với Từ Trì có thể nóilà ông này đã sớm thức tỉnh, hiểu được vấn đề, chuyển họa thành phúc.

Không dựa vào quyền thế làm nhục kẻ hiền lương

Giảng rộng

Khi đang có quyền thế, tất nhiênrất dễ trở nên hiển hách, nhưng rồi lại cũng rất dễ mất đi. Đang lúc thanh thế lẫy lừng, ắt kẻ hầu người hạ chen nhau trong nhà, những kẻ xu phụ nịnh hót không thiếu, dù có tùy tiện nói ra điều gì mọi người cũng răm rắp nghe theo.Đến khi thất thế sa cơ, những kẻ gần gũi xu phụ đều quay mặt đi, những người từng chịu ơn giờ như kẻ thù, bấy giờ dẫu có đem hết tâm can mà nói, người ta cũng phớt lờ như chẳng nghe. Cùng là một con người ấy, nhưng lúc thì vồn vã nhiệt tình, khi lại lơ là lạnh nhạt, lẽ đời xưa nay vẫn thường như thế.

Cho nên phải biết rằng, khi trong tay mình đang có quyền thế còn không nên ỷ vào, huống chi lại dựa nơi quyền thế của người khác?Huống chi lại dựa vào đó để làm nhục kẻ hiền lương?

Làm nhục người hiền lương là có tội, lại cậy quyền thế để làm nhục người hiền lương, ấy là tội chồng thêm tội. Người sang cả có quyền thế, kẻ giàu có cũng có quyền thế;người làm quan có quyền thế, những thư lại giúp việc quan cũng có quyền thế.Những quyền thế ấy tuy khác nhau, nhưng cái tâm niệm của người muốn dựa vào ắt là giống nhau. Khi đã nghĩ rằng mình có thể dựa vào quyền thế, tự nhiên liền có ý muốn làm nhục người khác.

Nói đến *"hiền lương"* thì *hiền* là hiền lành nhân hậu, vốn là phẩm tính ngược lại của xấu ác; còn *lương* là lương thiện trong sạch, để phân biệt với sự gian giảo xảo trá đáng khinh. Cả *hiền* và *lương* đều là những phẩm tính không nên làm nhục, thậm chí khi gặp người hiền lương thật không nên khởi lên ý niệm làm nhục. Cho nên, nếu dựa vào quyền thế để làm nhục người hiền lương thì tội lỗi ấy đem so với việc làm nhục những kẻ khác là nặng hơn rất nhiều.

Trưng dẫn sự tích

Muốn được thăng chứcmà ám hại người[256]

Vào thời Nam Bắc triều, đời nhà Lương, có người họ Hoành ở Khúc A,[257]cực kỳ giàu có, thường đi Tương Châu buôn gỗ.Trải qua mấy năm buôn bán, có mua được mấy súc gỗ lớn, dài đến hơn 50 trượng, quả thật rất hiếm có. Bấy giờ,Lương Võ đế[258] muốn xây dựng chùa Hoàng Cơ phía trên lăng của Văn Hoàng đế[259]nên tìm mua gỗ quý.Ngay lúc ấy thì gỗ của họ Hoành lại đang được chở đến Nam Tân.Quan hiệu úy Nam Tân là Mạnh Thiếu Khanh, vì muốn triều đình ban chiếu đề bạt trọng dụng mình, nên nghĩ ra kế lập công bằng cách khám xét lục soát quần áo, đồ vật mang theo của họ Hoành, rồi vu cáo đó là đồ ăn cắp, lại nói rằng gỗ của họ Hoành lớn dài vượt quá quy chế xưa nay, không phải loại gỗ buôn bán nên tịch thu tất cả nhập vào kho, nộp lên Võ đế để dùng xây chùa, còn xử họ Hoành tội chết.

Đến ngày bị hành hình, họ Hoành dặn vợ con đặt vào quan tài mình đầy đủ các thứ giấy vàng, bút mực. Họ Hoành lại bảo viết tên họ đầy đủ của Mạnh Thiếu Khanh lên hàng chục mảnh giấy rồi nuốt cả vào bụng.

Họ Hoành bị xử chết chưa quá một tháng thì Thiếu Khanh bỗng nhiên nhìn thấy ông ta hiện đến đòi mạng. Ban đầu còn chống cự trốn tránh, sau chỉ thấy luôn miệng cầu xin tha mạng, cuối cùng thổ huyết mà chết. Tất cả những người có liên quan chính yếu đến vụ án như quan cai ngục, quan văn thảo án, người tâm phúc của Thiếu Khanh... chỉ trong mấy tháng đều theo nhau bỏ mạng. Chùa Hoàng Cơ xây dựng vừa xong bỗng tự nhiên phát hỏa cháy rụi, ngay cả những phần gỗ chôn dưới đất cũng hóa thành tro, không còn lại gì cả.

---

[256] Trích từ sách Minh tường ký (冥祥記). (Chú giải của soạn giả)

[257] Nay là huyện Đan Dương thuộc tỉnh Giang Tô.

[258] Lương Võ đế tên thật là Tiêu Diễn (蕭衍), tự Thúc Đạt (叔達), tiểu tự Luyện Nhi (練兒), là hoàng đế mở đầu triều Lương. Ông trị vì từ năm 502 đến năm 549.

[259] Cha của Lương Võ đế là Tiêu Thuận Chi (蕭順之) vốn chưa từng làm vua, nhưng khi Lương Võ đế lên ngôi đã truy tôn ông ta là Văn Hoàng đế.

Lời bàn

Thật đáng buồn thay! Phước đức của chúng sinh thời suy mạt dần dần giảm thiểu,sản vật trong tự nhiên cũng ngày càng kém cỏi hơn. Từ đời nhà Lương đến nay,[260]bất quá cũng chỉ hơn ngàn năm, thế mà nay thử vào tận núi sâu rừng già cố tìm một cây gỗ chừng hơn 20 trượng đã không thể được, huống chi những cây đại thọ cao đến hơn 50 trượng? Nói chung, con người càng nghèo khổ thì cây rừng càng nhanh chóng bị chặt phá nghiêm trọng, huống chi lại thêm yếu tố đất đai ngày càng bạc màu, kém độ màu mỡ hơn. Trong khoảng đời Tùy Đường trở về trước,bông lúa phần nhiều đều dài được hơn một thước,[261]rau quả đều có vị ngon ngọt, hoa cỏ đều tỏa ngát hương thơm, nhưng đến nay thì mọi thứ đều dần dần kém đi không được như xưa. Than ôi! Những lý lẽ sự kiện rõ ràng như thế, chỉ tiếc là vẫn còn rất nhiều người không nhận biết, xin nói ra đây để nhắc nhở, họa may có người tin nhận được chăng?

Bắt chó làm chứng[262]

Liễu Thăng, tự Bình Chi, người làng Mão Kim, bất tài nhưng chẳng biết do đâu lạm nhận được một chức quan nhỏ,ỷ thế hiếp người bất chấp đạo lý, bản tính lại tham lam ác độc, chỉ tìm mọi cách để kiếm cho được nhiều tiền, dù đối với người thân cũng không chút lưu tình. Huyện lệnh vùng ấy là Ân Thuật Khánh cũng tham lam ác độc, cả hai cùng cấu kết với nhau làm đủ việc xấu ác, kiếm được tiền thì chia chác cùng nhau.Những người bị bọn chúng làm hại, ai ai cũng đau đớn than khóc,khấn vái tố cáo lên thần linh.

Chưa được nửa năm thì Liễu Thăng bỗng bất ngờ ngã lăn ra chết thảm.Vào lúc chết, mắt tai mũi miệng đều chảy máu tươi. Chỉ mấy hôm sau, Ân Thuật Khánh cũng bệnh nặng rồi chết.Trong khi chờ nhập liệm, thân thể bỗng hóa đầy giòi bọ. Cùng ngày, người nô bộc già của Liễu Thăng với con chó trong nhà cũng lăn ra chết. Qua một đêm, người nô bộc già bất chợt ngồi dậy, nói với vợ: “Tôi đi đến âm phủ rồi,nhìn thấy Diêm vương ngồi trên điện, có quan binh đứng chầu,hiệu lệnh rất nghiêm, dưới thềm thấy áp giải hai người đến, chính là ông

[260] Tức là tính đến thời đại của tiên sinh Chu An Sỹ (1656-1739).

[261] Thước cổ, tức khoảng 33 cm.

[262] Trích từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

chủ với Ân Thuật Khánh, đều bị đánh khảo bằng roi vọt dữ dội lắm, đến nỗi tôi không nỡ nhìn.Diêm vương lại sai mang đến đưa cho tôi một mảnh giấy, trong đó ghi số tiền trước đây tôi đã thay ông chủ đi nhận của người ta, còn con chó đen vốn thường theo tôi mỗi lần đi nhận tiền, nên cho bắt cả tôi và con chó đến để làm chứng.Chốc lát sau, trên điện có tiếng hô: 'Liễu Thăng, Ân Thuật Khánh, đày cả vào địa ngục, tội này mãi mãi không được ân xá.'Diêm vương lại đặc biệt tha tôi trở về dương gian, là có ý muốn tôi kể lại mọi việc cho người đời được biết."

Lời bàn

Họ Ân cầm quyền huyện lệnh, gieo rắc tội ác khắp nơi, tàn hại muôn người, huống chi lại thêm họ Liễu dưới tay, giúp kẻ tàn độc làm chuyện bạo ngược?Quả báo vào địa ngục tất nhiên không thể nào tránh được.

Chịu nhục mà chết[263]

Khâu Mạnh Hoalà người trấn Giác Trựcở Côn Sơn, có đứa cháu gọi bằng cậu tên là Trâu Thọ, thường gây chuyện bất hòa trong nhà với ông.Khâu Mạnh Hoa nói: "Thằng này phải dùng phép quan mà trị, hoặc bắt nó phải chịu nhụcthì mới biết hối lỗi."

Nghĩ vậy rồi liền sai con trai là Thánh Thờicầm danh thiếp của ông đến đưa cho quan phủ, cậy can thiệp vào. Quan phủ sai người cùng đi với Thánh Thời, bắt Triệu Thọ đến trước công đường, phạt dùng trượng đánh.

Trâu Thọ với Thánh Thời là anh em cô cậu, nay thấy Thánh Thời dựa quyền thế cửa quan làm nhục mìnhnên căm hận lắm, đến nỗi sau đó phát bệnh cuồng điên, rồi cuối cùng tự treo cổ chết.

Trải qua ba năm, Thánh Thời ngã bệnh, dùng đủ trăm thứ thuốc thang cũng chẳng thấy công hiệu gì. Một hôm bỗng nhiên bị Trâu Thọ nhập vào xác, kể rõ lại chuyện cũ, lại nói là muốn dùng dao đâm Thánh Thời.Cha mẹ vội đến xem,liền thấy phía dưới cạnh sườn quả thật có vết thương như dao đâm.Khâu Mạnh Hoa liền dùng lời an ủi Trâu Thọ rằng: "Cháu đã chết rồi, không thể sống lại nữa, hay để cậu mợ lập đàn sám hối cầu siêu cho cháu."Hồn Trâu Thọ nói:

---

[263] Chuyện này do Đàm công thuật lại chi tiết.

“Chuyện đã đưa đến Đông Nhạc, cháu cũng không làm gì được nữa.Ngay hôm nay sẽ tra hỏi, tất nhiên anh ta phải cùng đi với cháu đến đó thôi.”Quả nhiên, chưa qua hết ngày hôm đó thì Thánh Thời đã chết.

Lời bàn

Thánh Thời chết vào ngày 23 tháng 8 năm Bính Týthuộc niên hiệu Khang Hy triều Thanh.[264]Về sau tôi có tìm gặp những bạn bè thân hữu của anh ta để gạn hỏi chi tiết,họ đều kể lại không khác với lời kể của Đàm công trên đây.

Không ỷ giàu sang khinh rẻ người cùng khốn

Giảng rộng

Giàu sang phú quý hay nghèo khổ khốn cùng đều có nhân duyên, tuy có sự khác biệt chẳng giống nhau, nhưng thảy đều là do những gì tự thân mỗi người đã làm trong đời trước.Nhưng xét theo cảnh ngộ trong hiện tại thì sự khổ vui của kẻ nghèo người giàu rõ ràng là cách biệt nhau một trời một vực.

Người được sống cảnh giàu sang phú quý nên thường giữ tâm trung hậu, thường lo nghĩ đề phòng những lúc nguy cấp, luôn kính cẩn giữ mình thận trọng theo đạo lý, làm việc gì cũng phải biết thương tưởng nghĩ đến những người nghèo khổ cùng khốn, như vậy mới có thể tăng thêm phúc đức của chính mình.

Ngược lại, nếu thấy người lâm vào hoàn cảnh khốn cùng không có khả năng tự bảo vệ, dễ dàng khinh bạc, liền nhân đó mà đè nén áp bức, xua đuổi, làm nhục hay ngược đãi, hoặc dùng mưu mô gian xảo để bắt phải làm theo ý mình, hoặc dùng cách cho vay nặng lãi để bóc lột, ắt phải chịu quả báo về sau như thế nào có thể dễ dàng biết được, không cần phải nói.

Nên biết, tiền tài sản nghiệp đều là những thứ đến đi không nhất định, ngày nay vườn hoang vắng vẻ, năm sau đã thành chốn lầu ca nhộn nhịp, nên có ai dám chắc rằng kẻ giàu sang không có lúc trở thành trắng tay cùng khốn? Chi bằng sớm biết giữ theo điều nhân hậu, chẳng phải tốt hơn nhiều sao? Người giàu sang phú quý vốn luôn muốn được giữ mãi cảnh giàu sang phú quý, chỉ tiếc là

[264] Tức là năm 1696.

thường ngược lại cứ gieo nhân cùng khốn. Tai họa ấy vốn xuất phát từ chỗ không biết đến nhân quả, quên đi tự tánh xưa nay của chính mình.

Kinh Thí dụ[265]dạy rằng: “Người có trí nghĩ đến tiền tài vật chất, biết là không thể giữ lâu.Vínhư một ngôi nhà bị cháy, người sáng suốt rõ biết sức tàn phá của lửa, nên từ khi lửa chưa bốc lên đã kịp gấp rút mang hết tài sản ra khỏi nhà.Vì thế, tuy nhà bị cháy rụi nhưng tài sản được bảo toàn trọn vẹn, sau đó xây dựng lại nhà cửa, mở mang cơ nghiệp. Người có trí gieo trồng phúc đức, siêng tu bố thí cũng giống như vậy...[266] Người ngu si khi thấy nhà cháy chỉ biết tham tiếc ngôi nhà, loay hoay tìm cách cứu lửa, không lường biết được sức tàn phá của lửa, nên chẳng những nhà đã không cứu được, mà tài sản cũng không còn gì.Người tham lam keo lận không biết tu hạnh bố thí cũng giống nhưvậy...”

Cho nên biết rằng, không khinh rẻ người cùng khốn cũng chính là khéo biết giữ gìn sự giàu có của chính mình.

Trưng dẫn sự việc

Không chèn ép người nghèo[267]

Huyện Ma Thành thuộc tỉnh Hồ Bắccó một vị quannọ, tích lũy tài sản được cả ngàn lượng bạc, chuẩn bị để chuộc lại ruộng đất đã bán trước đó 20 năm.

Đứa con trai trong nhà vừa được 12 tuổi, biết chuyện ấyliền thưa hỏi cha: “Những người mua ruộng của nhà mình trước đây, tổng cộng có bao nhiêu gia đình?”Người cha nói: “Khoảng hơn hai mươi nhà.”Đứa con lại hỏi:“Các nhà ấy mua ruộng của mình rồi, sửa sang gầy dựng tốn kém hết bao nhiêu?”Người cha liền tính hết các loại phí tổn rồi cho con biết.

Khi ấy, đứa con mới khoan thai nói: “Như vậy, nếu mình chuộc lại theo giá bán trước kia thì các gia đình ấy đều phải chịu thiệt thòi nhiều lắm.[268]Ví như nhà

---

[265] Thật ra đoạn này trích nguyên văn từ Chúng Kinh tuyển tạp thí dụ (眾經撰雜譬喻), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 208, tổng cộng có 2 quyển, do ngài Đạo Lược tuyển soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Dao Tần. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 10, trang 531, tờ b, thuộc quyển 1.

[266] Chỗ này soạn giả có lược bỏ một đoạn văn kinh.

[267] Trích từ sách Cảm ứng thiên chú chứng (感應篇註證). (Chú giải của soạn giả)

mình có chuộc lại được ruộng, ắt cũng bị thương tổn âm đức.Huống chi nhà mình có tiền thì lo gì không có ruộng, đâu cần phải tranh lấy số ruộng đang nuôi sống hơn hai mươi gia đình ấy?Hơn nữa,các nhà nghèo ấy mua được ruộng rất khó khăn, còn nhà mình muốn mua ruộng lại dễ dàng.Ví nhưhọ nhận lại tiền của mình theo giá trước đây, nay đi mua ruộng thì chỉ còn được phân nửa diện tích, chưa nói đến việc nhà nghèo khổ cầm được tiền vào tay thì đâu dễ không bị hao hụt ít nhiều?"

Người cha suy nghĩ hồi lâu rồi nói: "Những gì con nói rất hợp lý, nhưng có 18 mẫu ruộng gần phần mộ ông bà thì nhất định phải chuộc lại để dùng vào việc cúng tế và tảo mộ, ngoài ra thôi không chuộc nữa."

Đứa con lại nói: "Nếu nhất định phải thế thì nên theo giá hiện nay mà mua, không nhất thiết phải nói là chuộc lại."

Người cha làm theo lời con.Do đó, những người có ruộng hết sức cảm kích ân huệ ấy, thường đến miếu thờ Mãnh Tướng trong làng để cầu thần gia hộ cho ân nhân.

Khi người con ấy được 18 tuổi, thi cử liên tiếp đỗ đạt nên được đề bạt làm đến chức Thái thú Nghiêm Châu.Một hôm,anh đang cưỡi ngựa qua cầuthì con ngựa bỗng trở chứng lồng lên nhảy vọt xuống sông.Ngay lúc nguy cấp ấy, bỗng thấy vị Mãnh Tướng hiện ra trên không trung, đưa tay đỡ lấy anh, đặt ngồi xuống ngay ngắn bên thành cầu.Khi ấy mới biết việc người dân lâu nay cầu khấn cho anh quả thật có cảm ứng.

Về sau, người này sống thọ đến hơn 80 tuổi.

Lời bàn

Theo khế ước mà chuộc lại ruộnglà hoàn toàn đúng lý chính đáng,lại có vẻ như không gây tổn hại cho người khác. Nhưng một đứa trẻ mới chừng ấy tuổi mà có thể suy xét thấy được những điều tiềm ẩn bên trong sự việc, thật đáng được cả thần và người kính trọng, được dồi dào phước đức và tuổi thọ.

---

[268] Theo đây mà suy luận thì có thể biết là trong khế ước mua bán trước đây hẳn có điều khoản thỏa thuận là người bán ruộng sau này có thể chuộc lại theo giá đã bán. Cũng chính vì thế nên vị quan này mới chuẩn bị tiền bạc để chuộc lại.

Khơi dậy lòng trắc ẩn[269]

Mai công là người ở Tương Châu, thuộc tỉnh Hồ Nam, trước đây từng làm huyện lệnh Cố An.Một hôm, có viên quan nội giám mang đến biếu Mai công cái giò lợn, nhờ đòi giúp một món nợ. Mai công cho nấu chín giò lợn, mời quan nội giám đến cùng uống rượu rồi cho gọi người thiếu nợ kia đến trách mắng.Người kia biện bạch rằng bởi nhà nghèo khổ quá.Mai công quát: "Thiếu nợ người quyền quý lại dám đem cảnh nghèo ra để khất sao? Phải trả ngay hôm nay, nếu chậm trễ ta phạt trượng đến chết."

Người thiếu nợ khóc mà lui ra, quan nội giám có vẻ hơi động lòng trắc ẩn, Mai công liền gọi người kia lại, buồn bã nói: "Thật lòng ta cũng biết anh nghèo lắm, nhưng cũng đành vậy chứ không còn cách nào khác.Thôi anh về gấp rút bán vợ bán con đi, rồi đem tiền đến đây trả cho quan.Chỉ có điều,ta thân làm quan phụ mẫu, như cha mẹ của dân, thật không nỡ khiến gia đình anh phải cốt nhục ly tán, thôi ta chậm cho anh một ngày, anh về vĩnh biệt vợ con đi, xem như trong kiếp này không còn được gặp nhau nữa."

Mai công nói đến đây thì người thiếu nợ đau lòng quá khóc rống lên.Mai công cũng khóc, quan nội giám cũng bật khóc, liền thôi không đòi nợ nữa, sau lại hủy luôn giấy nợ.

Về sau Mai công làm quan đến chức Thị lang, đường công danh càng thêm vinh hiển.

Lời bàn

Mai công không uốn mình làm theo như ý muốn nhờ vả của quan nội giám,nhưng cũng không làm tổn thương tình cảm với ông ta, lại có thể khiến cho một tấm lòng tham lam âm thầm đổi thay chuyển hóa, chìa khóa cốt yếu để làm được tất cả những điều đó chính là ở chỗ khơi dậy lòng trắc ẩn trong lương tri con người.

---

[269] Trích từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

Thân cận người hiền thiện, xa lánh kẻ xấu ác

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: *"Gặp người người hiền thiện phải thân cận, gần gũi, vì có thể giúp ta tăng thêm đức tốt của tâm, hạnh lành của thân. Gặp người xấu ác phải xa lánh ngay, vì chỉ trong chớp mắt có thể mang đến cho ta tai họa khôn lường."* Người hiền thiện với kẻ xấu ác, hai đường tốt xấu phân chia rõ ràng;bàn về khí vị thì khác nào như cỏ huân thơm ngát với cỏ du hôi hám;bàn về phẩm loại thì giống như chim phụng cao quý với chim cú đáng ghét. Cho nên mới nói rằng: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng."* Đó là lý lẽ rất tự nhiên.

Thân cận, gần gũi người hiền thiện thì đức hạnh cao quý trong sáng của họ sẽ có tác dụng hun đúc, vun bồi cho bản thân ta. Xa lánh, tránh né kẻ xấu ác thì những tai ương do kẻ ấy gây ra sẽ không dựa vào đâu để có sự dây dưa liên hệ mà gây họa cho ta. Từ hàng thiên tử cho đến dân thường, từ xưa nay ai cũng xem việc gần người hiền, xa kẻ ác là quan trọng thiết yếu bậc nhất. Ấy là vì qua suy xét luôn thấy rằng những tác động, ảnh hưởng của hoàn cảnh chung quanh thường âm thầm làm thay đổi tính nết, tình cảm con người. Người hiền thiện không phải lúc nào cũng làm việc thiện, nhưng trong mọi lúc suy nghĩ, nói năng, hành động, nếu nhận ra điều xấu ác thì lập tức xa lìa. Người xấu ác không phải lúc nào cũng làm việc ác, nhưng trong mọi lúc nói suy nghĩ, nói năng, hành động, nếu nhận ra điều thiện liền tự nhiên tránh đi. Lấy ví dụ như tôi muốn làm một việc thiện, giúp một người nghèo, cứu một sinh mạng, người hiền thiện nếu thấy biết như vậy ắt tìm mọi cách tán thành, hỗ trợ, vì cho rằng việc làm ấy chắc chắn sẽ có phước lành, nhưng người xấu ác thấy vậy lại sẽ tìm đủ cách ngăn trở, vì cho đó là chuyện viển vông vô ích.

Người khuyên răn đã tận tâm hết lời răn nhắc, có lẽ nào người được nghe lại không hết sức nỗ lực làm theo? Theo chỗ tôi biết, có rất nhiều người nhờ hoàn cảnh chung quanh tốt đẹp mà được thay đổi tốt hơn. Bà mẹ của Mạnh tử vì dạy con mà dời nhà đến 3 lần, vì sợ con học quen theo chuyện xấu ác. Bậc thánh hiền còn như thế, huống chi những kẻ tầm thường?

Mà cũng không chỉ riêng trong loài người, cho đến muôn loài cũng đều như vậy. Thuở xưa, ở nước Hoa Thị có một con voi trắng, sức mạnh có thể tiêu diệt kẻ thù địch. Khi người trong nước phạm tội chết, vua liền ra lệnh bỏ vào chuồng cho voi đạp chết. Về sau, chuồng voi bị cháy nên người ta chuyển nó về nơi ở mới, gần một ngôi chùa. Voi được nghe vị tỳ-kheo trong chùa tụng kinh Pháp

cú, đến câu "Làm thiện được sinh cõi trời, làm ác phải xuống địa ngục" thì lộ vẻ kinh sợ, dường như có chỗ nhận hiểu. Từ đó khi người ta mang tội nhân đến thì voi không đạp chết nữa, chỉ đưa vòi ngửi, thè lưỡi liếm mà thôi. Vua biết chuyện ấy, liền đưa voi đến ở gần lò mổ. Voi thường ngày nhìn thấy cảnh giết hại, tâm xấu ác lại hừng hực bốc lên như xưa.

Cho nên, ảnh hưởng của những điều thấy nghe chẳng phải là quan trọng lắm sao? Gặp được người hiền thiện, chẳng những là tự thân mình nên thân cận gần gũi, mà còn phải khuyên dạy con em mình cũng nên thân cận gần gũi. Lại không chỉ dạy con em mình thân cận gần gũi, mà đối với tất cả những người thân thiếthoặc quen biết, mỗi khi có dịp trò chuyện đều nên khuyên họ thân cận gần gũi người hiền thiện ấy. Ngược lại, nếu thấy kẻ xấu ác, chẳng những tự mình phải tránh né, xa lánh, mà còn phải khuyên con em mình xa lánh. Lại không chỉ dạy con em mình xa lánh, mà đối với tất cả những người thân thiết hoặc quen biết, nếu có dịp nói ra một lời trung thực thì đều nên khuyên họ phải tránh xa kẻ ấy.

Vì sao vậy? Vì hai đường thiện ác không theo cùng hướng, không thể cùng đi. Nếu không được thân cận gần gũi người quân tử, ắt sẽ phải gần gũi kẻ tiểu nhân. Người hiền thiện rất dễ bị lôi cuốn vào đường xấu ác, nhưng người xấu ác lại rất khó chuyển hóa đi theo đường thiện. Tôi thường thấy những người dân quê xóm nhỏ suốt ngày tụ tập, nói năng bừa bãi; có kẻ thì rượu chè say sưa hung hãn, dẫn đến chỗ tan nhà nát cửa, thân mạng cũng không còn; có kẻ thì ưa dùng sức mạnh, gây gổ đấu đá, lại cũng dẫn đến tan nhà mất mạng; lại có kẻ đắm chìm trong cờ bạc, mê say gái làng chơi, lại cũng tan nhà nát cửa, thân mạng không còn. Xét kỹ những việc tự rước tai ương, gây bao họa hại như thế, nguyên nhân ban đầu cũng chỉ khởi sinh bất quá là từ vài ba tên đồng lòng hợp ý, trong một lúc cao hứng làm ra những việc xấu ác, rồi những người khác dần dần bắt chước làm theo, hoàn toàn không ngờ được là tai họa về sau lại có thể nặng nề ghê gớm đến như thế. Ví như có thể đem tấm lòng nhiệt thành thân cận gần gũi những kẻ vô loại ấy mà đổi thành thân cận gần gũi người hiền thiện; có thể sử dụng những tiền bạc tổn phí để kết giao với đám đầu trâu mặt ngựa ấy để kết giao với những bậc quân tử đức hạnh cao thượng, thì hẳn là đã có thể tu tập được thiện nghiệp, vun bồi thêm đức hạnh, chuyển họa thành phúc, mà sự lợi lạc dài lâu cũng không chỉ dừng lại ở đó.

Vì đâu nên nỗi rơi vào những tình trạng không lối thoát như trên? Ấy là bởi cha mẹ, vợ con đều là những người thân thích thương yêu nhất của họ, nhưng đã

không thận trọng trong việc giữ gìn bảo vệ, để cho họ gần gũi tiếp xúc với đám vô loại hư hỏng, thật đau xót đáng thương thay! Để việc đã xảy ra rồi mới hối tiếc, sao bằng hết sức thận trọng xa lánh ngay từ đầu?

Trưng dẫn sự tích

Mười lần mang lễ cầu học[270]

Đời Bắc Tống có người tên Mã Thân, tự là Thời Trung, tuổi còn trẻ đã đỗ tiến sĩ.Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh đời Tống Huy Tông,[271]quan Thượng thư Tả thừa là Phạm Trí Hư cấm hẳn việc truyền bá học thuật Nguyên Hữu.[272]Những người thuộc Tân đảng của Phạm Trí Hư được bổ nhiệm làm quan học sứ các nơi,luôn tra xét gắt gao chuyện này.Những nhà Nho uyên bác theo học với họ Trình[273]đều sợ mà giải tán cả.

Bấy giờ,Mã Thân được bộ Lạibổ nhiệm về làm quan Pháp tào[274] ở Tây kinh,[275]lập tức đến xin theo học, nhưng Trình tiên sinh sợ làm liên lụy đến Mã Thân nên dứt khoát từ chối. Mã Thân kiên trì mười lần mang lễ vật đến, lễ lạy ngày càng cung kính hơn, lại nói: "Nếu Thân này được nghe đạo thì chết cũng không hối tiếc, huống hồ chưa hẳn đã phải chết."

Từ đó kiên trì lui tới tham học với Trình tiên sinh đến ba năm, bất kể khi nào vừa rảnh được việc công, dù gặp mưa gió cũng không ngần ngại, đều tìm đến chỗ Tiên sinh để học. Bạn đồng liêu có nhiều lời chê bai công kích, Mã Thân

---

[270] Xem trong Bản truyện (本傳). (Chú giải của soạn giả)

[271] Tức là từ năm 1102 đến năm 1106.

[272] Theo Tống sử, phần Huy Tông – Bản kỷ, thì Nguyên Hữu là niên hiệu đời Tống Triết Tông, học thuyết của Tam Tô (Tô Tuân, Tô Thức và Tô Triệt) và Nhị Trình (Trình Hạo và Trình Di) được phái Cựu đảng lúc bấy giờ phát triển mạnh, nên người đời gọi là học thuật Nguyên Hữu. Do có sự công kích lẫn nhau giữa Cựu đảng và Tân đảng, nên sang đời Tống Huy Tông, Tân đảng nắm được ưu thế liền cấm chỉ việc lưu hành học thuật Nguyên Hữu.

[273]Trình Hạo sinh năm 1032, mất năm 1085.Trình Di sinh năm 1033 mất năm 1107. Vì thế, tuy nguyên tác không nói rõ nhưng có thể biết là trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102 - 1106) thì chỉ có Trình Di còn sống, còn Trình Hạo đã qua đời trước đó.

[274] Pháp tào là một chức quan phụ trách mọi việc liên quan đến pháp luật, tức là quan tư pháp.

[275] Tức Lạc Dương. Hai anh em Trình Hạo và Trình Di vốn là người Lạc Dương.

đều gác ngoài tai không quan tâm đến.Nhờ đó học hỏi được ở Trình tiên sinh rất nhiều.

Lời bàn
Thời bấy giờ có nhiều học thuyết khác nhau, tranh luận không thôi khiến người ta thường sinh tâm nghi hoặc. Bạn đồng liêu đều lo sợ ông gây họa liên lụy đến họ, Mã Thân liền có ý muốn bỏ quan chức để theo học với Trình tiên sinh. Người biết chuyện đều thán phục ngợi khen ông là người có chí khí mạnh mẽ trong việc cầu học, tương lai chắc chắn đức hạnh cũng như sự nghiệp đều sẽ nhờ đó mà phát triển.

Gặp việc ác không thèm so đo[276]

Huyện Thái Thương, tỉnh Giang Tô, có quan Hàn lâm Học sĩ là Vương Hiến Doãn, tên húy là Cát Vũ. Vào mùa thu năm Nhâm Tý thuộc niên hiệu Khang Hy,[277] Hiến Doãn vừa thi đỗ Cử nhân, vượt đường xa trở về nhà, đi trong đêm gần đến cổng làng thì bỗng gặp một gã say rượu giữ lại, quát hỏi: “Mày là thằng nào?” Lại cầm dao muốn chém xuống. Hiến Doãn nghiêm mặt nói: “Ta họ Vương, vừa thi đỗ Cử nhân khoa này.” Gã say rượu liền nói: “Ta chính là đang muốn giết tên họ Vương vừa đỗ Cử nhân.” Nói rồi lập tức ra sức tấn công, may nhờ khi ấy có nhiều người trong làng kịp đến ngăn cản.

Hiến Doãn về nhà cũng không kể lại chuyện này với ai cả. Sáng hôm sau, gã say tỉnh rượu, nghe người khác kể lại chuyện đêm qua thì kinh hồn hoảng vía, tin chắc việc này thế nào cũng đến tai quan phủ, sẽ bị trừng phạt nặng nề theo pháp luật. Gã ta liền nhờ một số người làng cùng đưa đến trước cửa nhà Hiến Doãn xin nhận tội. Tiên sinh đóng cửa không tiếp, nói rằng đêm qua mình cũng không bị thương tổn gì. Gã kia chẳng biết nói sao, hoang mang thất vọng ra về.

Lời bàn
Người có đức hạnh ắt có thể khoan dung tha thứ, vì sự tu tập hàm dưỡng đã đạt đến mức tinh thuần tốt đẹp.Người có phúc lớn mới có thể nhẫn nhịn, vì có tấm lòng rộng mở bao dung. Thử hình dung Vương Hiến Doãn khi ấy là một người

---

[276] Chuyện này do Lâu Đông Đường Tốn Hoa đích thân kể lại. (Chú giải của soạn giả)

[277] Tức là năm 1672.

tuổi trẻ vừa đắc chí, bỗng gặp phải một tên bạo ngược tấn công vào lúc đêm tối trên đường về nhà, thế mà chẳng những không thèm tính toán so đo với hắn, cho đến cũng không cần kể lại việc này với người trong gia đình, như thế thì đâu chỉ là thấy kẻ xấu ác liền tránh xa, mà là thậm chí trong lòng không khởi lên cái ý niệm tránh xa đó nữa.

Chết vì bạn ác[278]

Trấn Phủ Lýở Côn Sơncó người tên Mã Kế, tự thị mình giỏi võ nghệ, lắm công phu, liền kết nghĩa huynh đệ với mấy tên nữa, cùng tụ tập suốt ngày nhậu nhẹt gây sự. Gần đó có một nhà buôn rất giàu, có hai đứa con cũng sai lầm gia nhập vào bọn Mã Kế.

Một hôm, Mã Kế thấy có người khách buôn tên Chung Thông đến trấn này thu tiền, nhiều đến mấy trăm lượng bạc, có ý muốn cướp lấy, liền rủ hết bọn đồng đảng cùng đi,trong số đó thì hai đứa con nhà buôn kia cũng đi theo nhưng không biết chuyện gì cả.Bọn chúng đợi thuyền vừa qua gò Liên Hoaliền đuổi theo, giữ thuyền lại rồi cướp sạch hết tiền của.

Khi người khách buôn Chung Thông vừa lên được trên bờ liền to tiếng hô hoán, gọi mọi người bắt cướp. Dân làng sống gần bờ sông nghe tiếng gọi cùng kéo đến, bốn phía cùng vây đuổi, lại vừa lúc gặp thuyền tuần tra bắt cướp trên sông vừa đi ngang, cùng hợp sức đuổi bắt không sót tên nào cả.

Bọn Mã Kế sau đó đều lần lượt chết trong lao ngục, còn lại mấy tên Trần Quý, Cố Tổ, Chu Nhị thì bị mang ra chém bêu đầu răn chúng vào tháng 7 niên hiệu Khang Hy thứ 11.[279] Hai đứa con của nhà buôn kia rơi vào cảnh tình ngay lý gian, không biện bạch gì được, cuối cùng bị xử tội tử hình.

Lời bàn

Lại có một người được người khác tặng cho chiếc áo, không ngờ đó là đồ ăn trộm.Sau bị người mất áo bắt đưa lên quan, cuối cùng phải chết trong ngục.Cho nên, nhìn thấy những kẻ xấu ác phải biết kinh sợ mà tránh xa đi.

---

[278] Chuyện này người ở Côn Sơn quê tôi đều biết. (Chú giải của soạn giả)

[279] Tức là năm 1672.

Không truyền rộng điều ác, thường tán dương điều thiện

Giảng rộng

Kẻ gian hiểm luôn đem hết sức lực của mình ra mà ngày đêm cố làm việc ác, đó là thực chất của cái ác. Làm việc ác rồi thì phải tìm mọi cách giấu giếm che đậy, chỉ sợ người khác biết được, đó là tiếng tăm của cái ác. Những việc xấu ác nếu như không ẩn giấu đi thì thế gian này ắt sẽ nối nhau truyền rộng, nhiều đến mức không còn chỗ để dung chứa.

Các bậc hiền triết ngày xưa dạy rằng: "Nghe nói đến lỗi lầm của người khác như nghe tên họ cha mẹ mình, chỉ có thể nghe nhưng miệng không được lặp lại." Thật vĩ đại thay! Quả đúng là luận thuyết của bậc quân tử nhân hậu. Những kẻ tầm thường nhỏ nhen thường rất thích nghe nói lỗi của người khác, lại quen thói rêu rao truyền rộng đến nhiều người khác nữa, luôn nói rằng đó là những điều hết sức chắc chắn, xác thực, thậm chí còn tô điểm vẽ vời thêm, khiến cho người khác phải tán hoại thanh danh. Những kẻ ấy nếu nhưkhông gặp tai họa ngay trước mắt do người trừng phạt hoặc bị luật trời tru diệt trong chốnâm ty thì quả là hiếm thấy!

Những điều xấu ác tinh tế nhỏ nhặt tất nhiên không được truyền rộng,mà điều xấu ác trong việc lớn lao lại càng không được truyền rộng.Những điều xấu ác ở nam giới cũng không được truyền rộng,mà những xấu ác nơi người phụ nữ lại càng không được truyền rộng.Những điều xấu ác của tự thân mình thì tất nhiên không thể truyền rộng,mà những xấu ác của tổ tiên dòng họ lại càng không thể truyền rộng. Nói chung, tiếng tăm lan truyền của những điều xấu ác càng lớn lao, thì công đức của việc không truyền rộng lại càng lớn lao. Những kẻ không lưu tâm đến việc gìn giữ không truyền rộng việc xấu ác,thảy đều không có được cái phúc của sự không truyền rộng việc ác.

Khổng tử khi luận về những lợi ích của niềm vui có dạy: "Vui nói đến việc thiện của người khác."*"Nói đến"* có nghĩa là truyền rộng cho người khác biết, tức là tán dương việc thiện ấy. Con người thật khó nói ra được điều thiện, khó làm được việc thiện. Nếu thấy được một điều hiền thiện đức hạnh,ta nên ngợi khen truyền rộng ra, ắt là người làm được việc thiện ấy sẽ càng tinh tấn hơn trong việc làm thiện, như vậy tức là ta đã cùng làm việc thiện với người.

Cho nên, việc thiện ở bậc thánh hiền ắt có thể thúc đẩy, phát triển phong tục tốt đẹp; việc thiện ở trong xóm làng ắt có thể cảnh tỉnh cải hóa kẻ ương ngạnh ngu si. Chỗ cốt yếu để có thể đạt được kết quả như vậy chính là nhờ có sự ngợi khen

xưng tán, không để tâm thiện của người khác bị che lấp quên lãng không ai biết đến.

“Điều thiện” trong lời dạy của Đế quân có ý nghĩa rất rộng, bao gồm từ lời nói đến việc làm, dù nhỏ nhặt hay lớn lao, cho đến hết thảy những điều mắt thấy tai nghe khắp chốn xa gần, từ xưa đến nay.

Việc *“tán dương”* cũng mang ý nghĩa rất rộng, bao gồm cả việc dùng lời nói hay giấy bút để ngợi khen tán thán điều thiện; hoặc khuyến khích người khác ngợi khen tán thán điều thiện; hoặc tự mình làm, hoặc dạy bảo người khác làm việc ngợi khen tán thán điều thiện.

Trưng dẫn sự tích

Khẩu nghiệp đời trước[280]

Khi đức Phật đang thuyết pháp tại tinh xá Kỳ Hoàn, có 60 vị Bồ Tát vừa mới phát tâm Bồ-đề, cùng tìm đến chỗ Phật, đảnh lễ năm vóc cùng sát đất,[281] rồi nước mắt tuôn như mưa, mỗi người đều muốn thưa hỏi về nghiệp duyên đời trước của mình.

Đức Phật dạy: “Vào thời đức Phật Câu-lưu-tôn[282] ra đời, tất cả các ông đều xuất gia học đạo, nhưng không bao lâu thì tâm đạo dần dần thối thất. Thời bấy giờ có một vị thí chủ đức tin sâu vững, hết sức cung kính cúng dường hai vị pháp sư. Khi ấy, các ông lại sinh tâm ganh ty, liền đến chỗ vị thí chủ kia mà nói lỗi của hai pháp sư, khiến người thí chủ kia dần dần khởi tâm khinh dể, xem thường hai vị pháp sư, tự dứt mất căn lành. Do nhân duyên xấu ác đó mà các ông đều đã bị

---

[280] Trích từ kinh Phát giác tịnh tâm (發覺淨心經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 12, kinh số 327, tổng cộng có 2 quyển, do ngài Xà-na-quật-đa dịch vào đời Tùy. Tuy nhiên, đoạn trích này thật ra là được trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn) quyển 58, bắt đầu từ dòng thứ 27, trang 726, tờ b, mở đầu bằng câu: 如發覺淨心經云- Như Phát giác tịnh tâm kinh vân (Như trong kinh Phát giác tịnh tâm có nói rằng). Như vậy, An Sỹ toàn thư đã căn cứ câu này để dẫn chú chứ không trích trực tiếp từ kinh văn. Chúng tôi cũng đã tham khảo Kinh văn trong Phát giác tịnh tâm kinh, quyển 1, bắt đầu từ dòng thứ 10, trang 43, tờ c, và thấy kinh văn trình bày chi tiết hơn nhưng nội dung đại lược không khác nhiều.

[281] Năm vóc chỉ năm phần của thân thể, tức là đầu và hai khuỷu tay, hai đầu gối. Người lễ lạy hết sức cung kính thì năm vóc đều mọp xuống sát đất (五體投地 - ngũ thể đầu địa).

[282] Tức là vị Phật đầu tiên trong số 1.000 vị Phật của Hiền kiếp.

đọa vào đủ bốn loại địa ngục,[283] trải qua hàng vạn năm, sau đó mới được sinh làm người, nhưng trong 500 kiếp thường phải chịu cảnh mù lòa, ngu si không trí tuệ, bị người khác khinh miệt. Trong tương lai, các ông sau khi chết rồi,vào khoảng 500 năm mà Chánh pháp suy diệt, lại sẽ phải sinh ra ở những cõi nước xấu ác đầy dẫy những người xấu ác, làm người hèn kém hạ tiện ở đó, thường bị người khác phỉ báng, tự mình quên mất bản tâm. Trải qua hết 500 năm ấy rồi mới dứt trừ được hết thảy nghiệp chướng, được sinh về cõi nước của đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc, được đức Phật A-di-đà thọ ký cho việc về sau chứng quả Bồ-đề."

Lời bàn

Các tội lỗi như hủy báng Tam bảo, bác bỏ nhân quả, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, đều thuộc về tội nặng nhất, đó là vìnhững tội này làm dứt mất căn lành, che lấp trí tuệ của người khác.

Người thế tục khi thấy kẻ khác thiết trai cúng dường chư Tăng Ni, nói ra những lời ngăn cản, thường là có hai nguyên do: Một là bẩm tính cay nghiệt, chỉ biết lấy việc chê trách chế nhạo người khác mà cho là giỏi giang, tài cán; hai là mê muội không biết có chuyện kiếp trước đời sau, nên không biết rằng ngôi Tam bảo là ruộng phước lớn của thế gian.

Dư báo của khẩu nghiệp[284]

Ở nước Kế Tân[285] có vị A-la-hán tên là Ly Việt,vào trong núi sâu tu tập thiền định.Một hôm, có kẻ mất trâu đi tìm, theo dấu vết mà đến chỗ đó. Gặp lúc ngài Ly Việt đang nấu cỏ để nhuộm y, bỗng tấm y biến thành da trâu, nước nhuộm

[283] Theo Kinh văn thì bốn loại địa ngục mà các vị này đã từng trải qua là: 1. Địa ngục A-tỳ, nơi tội nhân bị hành hạ không lúc nào gián đoạn nên gọi là vô gián; 2. Địa ngục Đẳng hoạt, nơi tội nhân không thể chết, tuy bị hành hạ quá mức khổ sở nhưng một khi vừa chết đi sẽ lập tức sống lại để tiếp tục chịu tội, do đó mà gọi là đẳng hoạt; 3. Địa ngục Hắc thằng, nơi tội nhân bị buộc bằng những dây xích màu đen, rồi bị băm vằm, cưa xẻ thân thể ra thành nhiều mảnh; 4. Địa ngục Tiêu nhiệt, nơi tội nhân bị lửa sinh ra từ chính thân thể của mình thiêu đốt nóng bức khổ sở vô cùng.

[284] Trích từ kinh Tạp bảo tạng (雜寶藏經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 203, tổng cộng có 10 quyển, do các ngài Kiết-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ nhất, trang 457, tờ b, thuộc quyển 2. Tuy nhiên, thật ra An Sỹ toàn thư đã không trích trực tiếp từ đây, mà trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn), quyển 57, bắt đầu từ dòng thứ 26, trang 718, tờ a, mở đầu bằng câu: 又雜寶藏經云– Hựu Tạp bảo tạng kinh vân (Lại như trong kinh Tạp bảo tạng có nói rằng.)

[285] Một quốc gia thời cổ thuộc miền tây bắc Ấn Độ, nay thuộc vùng Kashmir.

biến thành máu trâu, cỏ nấu biến thành thịt trâu, bình bát đang ôm biến thành đầu trâu. Người chủ mất trâu thấy vậy liền bắt ngài đưa lên quan địa phương, tống giam vào ngục, ở trong ngục 12 năm phải lo việc nuôi ngựa và dọn phân ngựa.

Khi nghiệp duyên sắp hết, đệ tử của ngài Ly Việt từ xa dùng thần nhãn nhìn thấy thầy mình bị giam trong ngục ở nước Kế Tân,[286] liền đến nói với vua nước ấy. Vua nghe xong nói rằng, trong ngục nếu có vị tăng nàoxin ra khỏi ngục. Ngài Ly Việt vừa nghe thì râu tóc tự rụng, toàn thân bay vọt lên giữa hư không, hiện đủ 18 phép biến hóa.[287]Đức vua nhìn thấy lấy làm xấu hổ, quỳ xin sám hối tội đã giam cầm A-la-hán.

Ngài Ly Việt liền dạy rằng: "Vua không có tội, đó là do nghiệp duyên đời trước của ta. Trong đời quá khứ, ta có lần bị mất trâu, nhân đó mà nghi ngờ vu oan cho một vị A-la-hán, mắng chửi vị ấy suốt một ngày đêm.Do tội ấy mà đã phải đọa vào ba đường ác, gánh chịu vô số khổ não. Đến nay tai ương vẫn còn chưa dứt, nên tuy đã chứng quả A-la-hán mà vẫn bị vu oan, báng bổ."

Lời bàn

A-la-hán là bậc tu hành đã dứt được sự tái sinh, thoát khỏi luân hồi, vậy mà vẫn không thoát được dư báo của nghiệp, đó là vì kẻ oan gia đối nghịch của họ vẫn còn đó. Tuy nhiên, cần phải biết rằng nghiệp quả mà vị A-la-hán lãnh chịu hoàn toàn không giống với nghiệp quả mà người đời lãnh chịu.Cũng như đồ đựng thức ăn của chưthiên tuy giống nhau, nhưng thức ăn có sự tinh khiết hay thô xấu khác nhau, lại cũng giống nhưvoi, ngựa với thỏ, ba con thú cùng bơi qua một

---

[286] Phần trích này có lược bỏ một đoạn, theo kinh văn thì ngài Ly Việt có đến 500 người đệ tử chứng quả A-la-hán, nhưng trong suốt thời gian trước đó họ sử dụng thần nhãn để tìm kiếm ngài mà đều không thể thấy được. Đó là do nghiệp duyên che chướng mà thành, khiến ngài phải chịu đủ quả báo xấu trong 12 năm. Chỉ đến khi nghiệp duyên sắp hết họ mới có thể nhìn thấy được ngài.

[287] Đoạn này do lược bỏ kinh văn nên thành hơi tối nghĩa. Theo kinh văn thì vua sai người vào ngục để thả ngài Ly Việt ra, nhưng họ không thể tìm được ngài, vì khi ấy ngài không mang hình tướng của một vị tăng mà là một người chăn ngựa quần áo rách rưới, để râu tóc dài. Những người này liền báo lại với đức vua như vậy. Vua không biết phải làm sao. Vị đệ tử của ngài Ly Việt liền nói: "Chỉ cần bệ hạ nói ra lời phóng thích, thầy tôi tự khắc có thể ra khỏi ngục." Vua nghe lời liền ở tại cung điện lên tiếng nói: "Trong ngục nếu có vị tỳ-kheo nào, xin tùy ý ra khỏi ngục." Ngay khi ấy, ngài Ly Việt liền hóa hình trở lại thành một vị tăng A-la-hán trang nghiêm, từ trong ngục bay ra bên ngoài, hóa thân lên hư không, hiện đủ 18 phép thần biến.

dòng sông,nhưng cảm nhận của mỗi con về độ sâu của dòng sông đều khác nhau.Vì thế nên không thể luận giải sự việc theo cùng một cách như nhau được.

Quả báo của lời nói thêu dệt[288]

Huyện Nghi Hưng thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Phan Thư Thăng, tên húy là Tông Lạc, vào mùa thu năm Giáp Tý trong khoảng niên hiệu Khang Hy,[289]một hôm nằm mộng thấy mình đi đến điện Quan đế,gặp lúc đang chuẩn bị phát quyển thi. Khi xướng tênvị thủ khoa, người bên cạnh liền đá nhẹ vào chân ông, đến tên người đỗ thứ hai thì chính làtên ông, rồi đến người đỗ thứ ba, thứ năm... đều không thấy ai đến.Lại thấy trên tường treo một tấm bảng vàng, ghi tên người đỗ thủ khoa có hai chữ “Vi Tiếp” nhưng không thấy ghi họ gì. Trong chốc lát bỗng thấy có một người mặt đỏ cầm mũ khôi nguyên đến đội lên đầu mình.

Phan Thư Thăng tỉnh dậy lấy làm ngờ vực lắm. Đến lúc niêm yết bảng, quả nhiên Phan Thư Thăng đỗ thủ khoa đúng như trong mộng.Nhân đó Thư Thăng liền thử dò hỏi xem có ai là người mang tên “Vi Tiếp”. Không bao lâu sau liền tìm ra được người ấy chính tên là Phó Lộc Dã, người huyện Lâu ở Giang Tô, liền tìm đến thăm viếng. Nhân đó mới biết họ Phó là người vốn nổi tiếng giỏi văn chương từ lâu,quan chủ khảo đã định chấm đỗ đầu.Qua hai trường thi, họ Phó đều đứng đầu, kết quả chấm bài hết sức tốt đẹp, nhưng không biết sao đến trường thi thứ ba thì quyển thi của họ Phó bị thất lạc không tìm thấy, vì thế mà bị đánh rớt.

Họ Phó vốn có tài ăn nói, bình sinh vẫn thường nhiều lời thêu dệt hoa mỹ, lại thích nói những chuyện khiếm khuyết của người khác, nên phải chịu quả báo như thế. Sau khi yết bảng rồi, quan chủ khảo vì yêu thích văn chương của họ Phó nên có đặc biệt cho mời đến gặp mặt.

Từ đó về sau,họ Phó ôm hận trong lòng ấm ức không nguôi, chẳng bao lâu thành bệnh cổ trướng mà chết.

---

[288] Chuyện này do Trầm Vĩnh Tư kể lại. (Chú giải của soạn giả)

[289] Tức là năm 1684.

Lời bàn

Khẩu nghiệp của những người viết văn chỉ riêng có việc nói thêu dệt là thường gặp nhất.Những tâm sự đau lòng của người khác, họ lại có thể bóp méo thành chuyện thị phi đàm tiếu, khiến người truyền nói càng thích thú bao nhiêu thì nạn nhân càng đớn đau ôm hận sâu xa bấy nhiêu. Thường thấy những nhà văn có tài trí nhưng lại nghèo cùng khốn khổ,vất vả khó nhọc, thậm chí cuộc sống không bằng được hạng bình dân buôn gánh bán bưng, không kiếm nổi miếng cơm manh áo cho đầy đủ. Thực trạng ấy há có thể lại không do nhân duyên từ đời trước? Nếu có thể nuôi dưỡng tâm nhân hậu, thường ôm lòng lo nghĩ đến việc tán dương điều thiện, không truyền rộng điều ác, thì bốn nghiệp xấu của miệng[290]dù không muốn giảm bớt cũng tự nhiên được giảm bớt.

Miệng nói đúng thật thì lòng không được nghĩ quấy

Giảng rộng

Miệng là cửa ngõ vào ra của thân.Thức ăn đưa vào miệng,nhờ đó nuôi dưỡng thân xác.Lời nói phát ra từ miệng,nhờ đó biểu đạt những gì nuôi dưỡng trong tâm ý. Lời nói ra phải phù hợp với những gì suy nghĩ trong lòng, thì mới có thể khiến cho người khác phân biệt đúng sai, phải trái.Nếu không được như vậy, ắt chỉ là hạng xảo trá, gian ngụy khó lường. Kẻ chuyên dùng cơ mưu xảo trá với người, lời nói còn chưa lập được chút công đức gì thì trước đó đã tạo ra biết bao lầm lỗi.Người đời thất bại do lời nói quả thật không ít.

Miệng không thể suy xét, chỉ tâm mới có khả năng suy xét.Miệng do tâm sai khiến, nên nói ra lời dối trá là miệng, nhưngchủ ý nói ra lời dối trá để lừa gạt người kháclại chính là tâm. Con người khi giao tiếp mà trong lòng ngoài miệng chẳng được như nhau thì không phải lỗi của miệng, mà chính tại tâm.Chỉ cần giữ tâm trong sáng minh bạch thì lời nói tự nhiên sẽ không còn gian xảo trí trá.Người quân tử muốn tu sửa tự thân cần phải thấy được đâu là nguyên nhân căn bản.

[290] Bốn nghiệp xấu của miệng bao gồm: 1. Nói dối, 2. Nói thêu dệt, 3. Nói hai lưỡi, 4. Nói lời độc ác.

Trưng dẫn sự tích

Thề độc phải chịu quả báo tàn khốc[291]

Vào thời đức Phật còn tại thế, có vị tỳ-kheo ni tên là Vi Diệu,sau khi chứng đắc quả A-la-hánliền tự nói ra với ni chúng những quả báo thiện ác của chính mình trong đời trước.

Tỳ-kheo-ni Vi Diệu kể lại rằng: “Vào đời quá khứ, ta từng làm vợ của một vị trưởng giả rất giàu có.Ông này chưa có con nối dõi, nhân có người tiểu thiếp sinh được đứa con trai nên ta ghen tị mà lén lút giết chết đứa trẻ.Người thiếp ấy oán hận lắm, mắng nhiếc rất nhiều câu khó nghe. Khi ấy ta liền tự phát lời thề độc rằng: ‘Nếu quả thật tôi giết con của cô thì chồng tôi sẽ bị rắn cắn, con tôi sinh ra sẽ bị nước trôi,bị sói ăn thịt, tự tôi sẽ ăn thịt con mình, thân tôi sẽ bị chôn sống, cha mẹ người nhà đều sẽ bị lửa lớn thiêu chết.’

“Do nghiệp ác đó, sau khi chết ta bị đọa vào địa ngục chịu vô số những khổ não đau đớn.Sau khi chịu tội ở địa ngục xong, trong đời này ta được sinh làm con gái một vị Phạm chí.[292]Khi ấy, ta mang thai sắp đến ngày sinh nở, liền cùng chồng đi về nhà cha mẹ.Giữa đường chợt đau bụng sắp sinh,phải dừng lại sinh trong đêm dưới một gốc cây, bỗng có một con rắn độc cắn chết chồng ta.Ta đau buồn khóc lóc, đợi trời vừa sángthì tay dắt đứa con lớn, tay bồng đứa con nhỏ, gạt nước mắt mà tiếp tục lên đường. Phía trước bỗng gặp một con sông chắn ngang, không có thuyền bè qua lại, ta liền để đứa con lớn ở bờ sông bên này, bế đứa con nhỏ bơi qua sông trước, đặt con trên bờ rồi mới quay lại đón đứa con lớn.Con ta nhìn thấy mẹ thì từ bờ sông chạy ngay ra, không ngờ liền bị nước cuốn trôi đi mất.Ta không cứu được đứa con lớn, quay lại chỗ đứa con nhỏ thì nó đã bị sói ăn thịt mất rồi, chỉ còn thấy máu thịt còn lênh láng nơi ấy.Đau buồn thống thiết vì cốt nhục chia lìa, ruột gan ta như đứt đoạn, chết đi sống lại.

---

[291] Trích từ kinh Hiền ngu nhân duyên (賢愚因緣經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này có tên là Hiền ngu kinh (賢愚經) được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 202, tổng cộng có 13 quyển, do nhóm của ngài Huệ Giác dịch vào đời Nguyên Ngụy. Tuy nhiên, An Sỹ toàn thư đã không trích dẫn trực tiếp từ kinh này mà trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn), quyển 58, bắt đầu từ dòng thứ 16, trang 725, tờ a, mở đầu bằng câu: 又賢愚經云- Hựu Hiền ngu kinh vân (Lại trong kinh Hiền ngu có nói rằng).

[292] Phạm chí là danh xưng chỉ một người bà-la-môn phát tâm tu tập giữ hạnh thanh tịnh để cầu sinh về cõi trời Phạm thiên.

“Ta tiếp tục đi về nhà thì gặp một vị Phạm chí là người quen thân với cha mẹ ta, liền kể hết những nỗi khổ của mình rồi hỏi thăm sức khỏe cha mẹ. Vị ấy liền nói: ‘Cách đây mấy hôm nhà bị cháy, hai ông bà cùng tất cả người nhà đều chết cả.’ Nhân đó, ông liền đưa ta về nhà, nuôi dưỡng như con gái.[293]

Về sau ta lại tái hôn với một người khác, mang thai đến khi sắp sinh nở thìvừa gặp lúc chồng ta đi uống rượu về, không ai mở cửa nên tự phá cửa vào.Đang lúc say rượu điên cuồng, chồng ta liền trói ta lại rồi đánh đập tàn độc, lại nấu thịt đứa con mới sinh bắt ta phải ăn.Ta quá sợ phải cố nuốt vào một miếng, đau xé tâm can. Sau việc đó, ta bỏ chồng trốn chạy đi thật xa. Đến nước Ba-la-nại, dừng nghỉ dưới gốc câythì gặp một người vừa chết vợ, liềncùng ông ta kết làm vợ chồng. Vừa được mấy hôm, người chồng này bỗng lăn ra chết.Theo luật của nước ấy, nếu vợ chồng vẫn còn đang sống với nhau thì khi chồng chết,vợ phải chôn theo.Thế là ta bị chôn sống theo chồng. May thay lúc đó có một bọn trộm cắp kéo đến đào mộ để lấy của cải, ta nhờ đó mà được cứu ra còn sống.

“Khi ấy ta tự suy nghĩ, không biết mình đời trước đã tạo tội gì mà chỉ trong một thời gian ngắn đã phải liên tục gặp những tai họa khủng khiếp đến như thế. Khi nghe biết đức Phật Thích-ca đang ở nơi tinh xá KỳHoàn,ta liền tìm đến chỗ Phật,cầu xin được xuất gia.Vì trong quá khứ ta đã có lần cúng dường thức ăn cho một vị Phật Bích-chi, lại nhân đó có phát nguyện tu hành,nên nhờ nhân duyên ấy mà đời này được gặp Phật, cuối cùng tu tập chứng đắc quả A-la-hán.”

Lời bàn

Thật bi thảm lắm thay,chỉ trong một thời gian ngắn mà liên tiếp gặp những tai hoạ lạ kỳ như thế!Lại cũng vui thích lắm thay, được gặp Phật,xuất gia, cuối cùng chứng đắc quả A-la-hán!Nghiệp quả bi thảm ấy chính là vì miệng nói ra không đúng như trong lòng nghĩ, phát lời thề độc để mong người khác nghĩ mình là ngay thẳng.Còn quả lành vui thích ấy là nhờ cúng dường thức ăn cho Phật Bích-chi lại phát nguyện cầu đạo xuất thế. Cho nên nói rằng: “Họa phúc đều do chính mình tạo ra đó thôi.”

---

[293] Căn cứ các dòng thứ 13 và 14, trang 725, tờ b của quyển 58, sách Pháp uyển châu lâm để bổ sung chi tiết này. An Sỹ toàn thư lược bỏ nên làm cho tình tiết câu chuyện ở đây không liền mạch.

Mù một mắt cho đúng lời thề[294]

Tống Khâm Tông[295]bị giặc Kim bắt lên phương bắc. Không lâu sau, hai nước ký kết hòa ước, Khâm Tông bị giữ lại. Hoàng hậu Hiển Nhân[296] sắp về nam, vua cầm tay khóc mà nói: "Nếu con được về nam, chỉ mong được phong làm chủ cung Thái Ất là đủ rồi, chẳng dám cầu gì hơn."[297]Hoàng hậu liền thề với vua: "Nếu ta về rồi mà sau này không đón con thì mắt ta sẽ bị mù."

Đến khi hoàng hậu về cung rồi, Tống Cao Tông[298]lại hoàn toàn không có ý tìm cách đón Khâm Tông về cung. Hoàng hậu buồn lòng nhưng lại lặng thinh không dám mạnh dạn nói ra.

Chẳng bao lâu sau hoàng hậu liền bị mù mắt, thầy thuốc khắp nơi không ai chữa khỏi.Về sau có một đạo sĩ vào cung, dùng kim vàng khêu vào mắt trái liền sáng.Hoàng hậu mừng lắm, xin chữa luôn mắt bên phải. Đạo sĩ nói: "Hoàng hậu nhìn một mắt thôi, còn một mắt phải giữ cho đúng lời thề."

Hoàng hậu nghe nói kinh sợ, liền đứng dậy cảm tạthì đạo sĩ đã đi mất rồi.

Lời bàn

Xem nhẹ lời hứa ắt sẽ bị người oán trách, xem nhẹ lời thề ắt phải bị trời trách phạt. Hoàng hậu Hiển Nhân không giữ được như lời, không phải phụ lời hứa, mà vì tình thếép buộc. Nhưng ví như lúc ấy hoàng hậu đau đớn khóc lóc trước mặt Tống Cao Tông để thỉnh cầu, cho dù ý vua nhất quyết không thay đổi, thì hoàng hậu cũng có thể xem như không phụ lời thề. Chỉ là bà ta không làm được như thế, nên việc chịu mù một mắt cho đúng lời thề biết đâu lại chẳng là đã xét cái tình của bà rồi mới trách tội như vậy.

---

[294] Trích từ sách Tống giám (宋鑒). (Chú giải của soạn giả)

[295] Tống Khâm Tông là hoàng đế cuối cùng của triều Bắc Tống, bị quân Kim bắt trong chiến tranh cùng với vua cha là Tống Huy Tông, về sau cả 2 vua đều chết trong lúc vẫn còn bị quân Kim cầm giữ.

[296] Là hoàng hậu của Tống Huy Tông, mẹ của Tống Khâm Tông.

[297] Vua Khâm Tông nói câu này có ý nhắn gửi với vua mới là Tống Cao Tông, em trai ông, rằng ông không có ý giành lại ngôi vua. Tuy nhiên, đây vẫn có thể là nguyên nhân khiến Tống Cao Tông bỏ mặc ông ở phương bắc mà không tìm cách đón về.

[298] Tống Cao Tông là hoàng đế đầu tiên của triều Nam Tống, do Bắc Tống đã thất bại trong chiến tranh với quân Kim nên cuối cùng phải dời đô về phía nam. Ông là em thứ chín của Tống Khâm Tông.

Phát quang đường sá, dọn sạch lối đi

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: *“Phát quang gai góc lùm bụi chướng ngại đường sá, dọn sạch đá gạch ngăn giữa lối đi.”*Gai góc chướng ngại trên đường sẽ vướng víu y phục của người, nếu được phát quang sẽ thuận lợi cho việc đi lại. Đá gạch ngăn lối điất sẽ gây thương tích nơi chân người, nếu dọn sạch sẽ thuận lợi cho khách bộ hành.Nếu lưu tâm thì có thể thấy rằng mỗi bước chân đi của khách bộ hành đều được sự giúp đỡ lợi lạc. Hơn nữa, đối với người sáng mắt đi lại ban ngày thì việc dọn đường không kể là công lớn, nhưng những khi chiều tà đêm tối, hoặc đối với người mù mắt thì công đức của việc dọn đường là rất lớn.Vì thế, chớ nên xem thường việc thiện nhỏ mà không làm.

Từ nơi tâm nguyện trừ bỏ chướng ngại trên đường sá mà suy rộng ra, cho đến những bọn đầu trộm đuôi cướp, cường hào ác bá, gian thần lộng quyền,quan lại tham nhũng, cho đến những kẻ cậy thế làm càn, hà hiếp người hiền lương nơi thôn xóm... hết thảy cũng đều cần phải đem hết sức lực ra mà trừ bỏ dẹp sạch.

Khi việc trừ bỏ dọn dẹp được nhân rộng khắp nơi, thì những cỏ hoang rậm rạp chướng ngại đường đi nơi thôn dã, những cây cối hỗn loạn che lấp bờ sông, những cây gỗ nằm bừa bãi nơi bến thuyền, những tảng đá lớn ven sông khiến thuyền bè dễ đâm vào hư hỏng, những lưới rớ giăng bắt cá tômtrong phạm vi bến cảng làm ngăn trở tàu thuyền, tất nhiên đều phải tìm đủ mọi phương cách để trừ bỏ dọn dẹp, không để gây hại nữa.

Gai góc, đá gạch là những chướng ngại nhìn thấy trước mắt, khiến cho người đời không thể đi lại thuận lợi, ấyđều là do trong tâm người còn nhiều tâm niệm chướng ngại, nên mới khởi sinh những hoàn cảnh không thuận lợi bên ngoài.Chính vì thế nên một khi đã sinh vào cõi đời xấu ác có năm sự ô trược[299] thì phần nhiều đều gặp phải những chướng ngại như thế.

[299] Cõi đời xấu ác có năm sự ô trược (ngũ trược ác thế), chính là cõi Ta-bà hiện nay, vì chúng sinh phải lãnh chịu nhiều nghiệp xấu ác đã tạo, với năm sự ô trược là kiếp trược, kiến trược, chúng sinh trược, mạng trược và phiền não trược.

Tôi từng được đọc qua kinh Khởi thế nhân bản[300]thấy nói rằng, khi có vị Kim luân Thánh vương[301] ra đời, giữa biển tự nhiên xuất hiện các lối đi bằng vàng,có thể theo đó đi khắp thiên hạ.Sau khi vua băng hà bảy ngày thì các lối đi ấy tự nhiên biến mất.Đó là do phước báo nghiệp lực của vị luân vương ấy mà hiện ra như vậy.

Lại thấy trong kinh Đại bi[302]có dạy rằng: "Đức NhưLai bước đi trên đường có thể khiến cho chỗ đất cao tự hạ thấp, chỗ đất thấp tự nâng cao, hết thảy rừng rậm, hố hầm, ngói đá, những thứ dơ bẩn, đều tự nhiên dẹp sạch, tất cả cây rừng, hương hoa đều nghiêng mình hướng theo Phật. Sau khi đức NhưLai đi qua rồi,mọi thứ đều trở lại như cũ."

Như thế có thể thấy rằng, tất cả các cảnh giới đều do tâm tạo thành. Người đời nay sinh vào giữa nơi đầy gai góc, ngói đá;ta vì khởi tâm lo sợ những gai góc ngói đá ấy làm hại đến người, nên mới thay họ mà trừ bỏ, dẹp sạch, đó chính là gieo nhân lành được về nơi cõi nước thanh tịnh của chư Phật, đâu chỉ là phước báu trong hai cõi trời người!

Trưng dẫn sự tích

Nhổ gai được vàng[303]

Vùng Lâm Xuyên thuộc tỉnh Giang Tây có một người dân quê tên Chu Sĩ Nguyên, một hôm đi vào núi hái lá chè rừng, bị gai góc vướng áo, bước tới ngã nhào lại bị gai đâm vào người, máu chảy ra không ngừng.Nhân lúc đó liền nghĩ đến những người trong thôn như mình đều phải đi qua con đường này, e rằng

---

[300] Tức Khởi thế nhân bản kinh (起世因本經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 1, kinh số 25, tổng cộng có 10 quyển, do ngài Đạt-ma-cấp-đa dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Tùy.

[301] Cũng tức là Chuyển luân Thánh vương, là vị vua có năng lực thống nhất trị vì khắp bốn cõi thiên hạ. Chuyển luân Thánh vương chia làm 4 bậc, phân biệt tùy theo bánh xe báu hiện ra khi vị ấy ra đời. Bánh xe bằng vàng là Kim luân Thánh vương, bánh xe bằng bạc là Ngân luân Thánh vương, bánh xe bằng đồng là Đồng luân thánh vương, và bánh xe bằng sắt là Thiết luân Thánh vương. Tuy cả 4 vị này đều cai quản khắp thiên hạ, nhưng phước đức có khác nhau, trong đó Kim luân Thánh vương là vị có phước lực cao nhất.

[302] Tức Đại bi kinh (大悲經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 12, kinh số 380, tổng cộng có 5 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch từ Phạn văn sang Hán văn. Tuy nhiên, ở đây An Sỹ toàn thư đã trích lại từ Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn), quyển 16, bắt đầu từ dòng thứ 29, trang 403, tờ a.

[303] Trích từ sách Âm chất văn chú chứng (陰騭文註證). (Chú giải của soạn giả)

cũng không tránh khỏi bị thương tích vì gai góc.Sĩ Nguyên nghĩ như vậy rồi liền gắng chịu đau, ngồi xuống dùng hết sức nhổ bật cây gai lên.Ngay khi ấy nhìn thấy phía dưới gốc cây có ánh sáng lấp lánh, nhìn kỹ hóa ra là một thỏi vàng.

Sĩ Nguyên dùng vàng ấy làm vốn buôn bán, ba năm sau trở thành một nhà giàu có.

Lời bàn

Khắp thế gian này, hết thảy những loại cỏ độc cây hại, có thể gây tổn hại thương tích cho người, mỗi khi gặp đều nên trừ bỏ hết đi, không được vun bồi.

Mộng thấy người tặng quế[304]

Vào triều Nguyên, có người tên Chu Đức, nhà nghèo nhưng rất thích làm việc thiện. Mỗi khi trên đường đi gặp những thứ dơ nhớp, tạp vật, ngói đá... làm trở ngại người đi đường,Chu Đức liền ra tay dọn sạch. Gặp những người khuyết tật như què, chột... ông nhất định sẽ giúp đỡ, dìu dắt. Hết thảy mọi việc thiện, ông đều cố hết sức làm không hề chán mệt.

Một hôm,Chu Đức nằm mộng thấy có cụ già bẻ một cành hoa quế đưa tặng cho ông rồi nói: “Ban cho ông một đứa con quý để bù đắp công lao của ông.”

Sau quả nhiên sanh được một đứa con trai, hai mươi tuổi đã được đỗ đạt.

Lời bàn

Ai chưa từng vất vả mệt nhọc với những chướng ngại trên đường đi thì chưa thể hiểu được công lao của người dọn dẹp. Tôi còn nhớ vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 47,[305]vùng Giang Tô bị trận lụt lớn, người đói thiếu đầy đường.Có người mua được một thuyền gạo tấm, đi đến cửa Sa Hà thuộc Trường Châu, không biết dưới lòng sông có hòn đá ngầm lớn, nên thuyền buồm thuận gió đi nhanh đâm ngay vào đó, thuyền lập tức bị vỡ, gạo tấm chìm hết xuống sông, người trên thuyền cũng chìm theo.Lúc ấy là giữa mùa đông, lạnh quá nên nhiều người đuối chết.

---

[304] Cũng trích từ sách Âm chất văn chú chứng (陰騭文註證). (Chú giải của soạn giả)

[305] Tức là năm 1708.

Hôm sau mới thuê được một thuyền nhỏ,lặn vớt số gạo tấm lên nhưng chỉ còn chưa được một nửa.Hai người cùng buôn chuyến gạo tấm ấy đều phá sản. Thế mới biếtcông lao của việc trừ dẹp những đá ngầm ngăn cản thuyền trên sông quả thật rất lớn.

Đường sá gập gềnh đã lâu năm thì góp sức tu sửa, san phẳng

Đã gọi là đường ắt phải có vô số người qua lại.Đường sá gập ghềnh, ắt phải có vô số người không được thuận tiện khi qua lại. Một ngày chưa tu sửa là một ngày người đi lại phải chịu bất tiện;trong nhiều năm không tu sửa thì suốt những năm ấy người đi lại phải chịu bất tiện. Nếu ngày nay có thể tu sửa, san phẳng, thì từ nay về sau, cho đến nhiều năm sau, mỗi ngày đều thuận tiện cho vô số người đi lại.

Trong vô số người đó, lại có những người được đi lại thuận tiện vào ngày mưa to gió lớn, lại có những người đi lại mang vác hành lí nặng nề cũng được thuận tiện, lại có những người vào lúc chiều hôm đêm tối cũng được đi lại thuận tiện. Trong chỗ âm thầm mà xóa bỏ đi bao nỗi kinh hoàng cho vô số người già, trẻ con;lại cũng trong chỗ âm thầm mà giảm bớt đi bao lần té ngã cho vô số kẻ mù lòa, công lao như vậy chẳng phải là lớn lao lắm sao?

Nói “đường sá gập ghềnh”là chỉ nói riêng về đường bộ, nếu theo ý này mà suy rộng rathì những sông ngòi bị tắc nghẽn, những khe suối chảy vòng vèo, thảy đều trở ngại cho ghe thuyền khi di chuyển, cũng đều có thể xem là “đường gập ghềnh”. Cách tu sửa trong những trường hợp này là làm sao để thuận tiện cho việc đi lại, nghĩ cách nạo vét, khơi thông dòng chảy, sửa sang những chỗ khó đi, giúp cho người đời sau được vĩnh viễn hưởng nhờ ân huệ đó.Làm được như vậy chính là góp sức tu sửa, san phẳng“đường sá gập ghềnh”đã lâu năm.

Trưng dẫn sự tích

Con đê dài bảy mươi dặm[306]

Vùng Côn Sơn thuộc tỉnh Giang Tô có con đê Chí Hòachạy dài từ trung tâm huyện lỵ về hướng tây đến tận Lâu Môn, độ dài khoảng chừng 70 dặm, thông

---

[306] Trích từ sách Côn Sơn huyền chí (崑山縣誌). (Chú giải của soạn giả)

với hồ rộng,trước đây vốn là cả một vùng bùn đất, không có đường đi lại, thật là một mốilo rất lớn của người dân.

Từ thời Tấn, Đường,việc nâng sửa bồi đắp đều không có kết quả.Trong khoảng niên hiệu Hoàng Hữu triều Tống,[307] có người vẽ bản thiết kế dâng lên triều đình, kiến nghị thực hiện, nhưng không có kết quả. Đến niên hiệu Chí Hòa năm thứ hai,[308]quan Chủ bạ Côn Sơn lúc bấy giờ là Khâu Dữ Quyền lại dâng sớ lên triều đình, trình bày năm điều lợi ích của việc đắp con đê này, hết sức thuyết phục thỉnh cầu triều đình cho khởi công thực hiện.Tiếp theo đó, quan Tri huyện là Tiền Công Kỷ cũng dâng biểu thỉnh cầu cùng một nội dung, nên cuối cùng triều đình mới chuẩn y việc khởi công xây dựng. Từ đó liền huy động rất nhiều nhân công phu dịch, khai mương đắp đất, không bao lâu đã hoàn thành con đê, liền dùng niên hiệu mà đặt thành tên, gọi là đê Chí Hòa.Nhờ đó mà khai thông được đến 52 bến cảng trên sông, những chỗ có đường nước lớn đều làm cầu phía trên, rất thuận tiện cho người đi lại, cho đến nay người dân vẫn còn được thừa hưởng ân huệ đó.

Lời bàn

Năm điều lợi ích được quan Chủ bạ nêu ra là: Thứ nhất, tiện cho thuyền bè đi lại;thứ hai, mở mang thêm ruộng đất;thứ ba, có thể miễn trừ thuế má; thứ tư, chấm dứt nạn trộm cướp; thứ năm, ngăn cấm được bọn gian thương.

Một công trình lớn lao sử dụng nhiều nhân công phu dịch như thế, lại được khai sáng từ những vị quan nhỏ chỉ ở cấp huyện, cuối cùng để lại cho hậu thế những lợi ích vô cùng lớn lao. Theo đó mà xét, chắc chắn phải khởi sinh từ một tấm lòng quan tâm đến nỗi khổ của dân, nào phải vì mong cầu quan cao lộc hậu?

Nấu thiếc đúc đập[309]

Ở Côn Sơn có người tên Trương Hư Giang, tên húy là Hiến Thần, trong khoảng niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh,[310]giữ chức quan Đài đạo ở huyện Ninh Thiệu,

[307] Tức là từ năm 1049 đến năm 1054, đời Tống Nhân Tông.

[308] Tức là năm 1055, cũng vào đời Tống Nhân Tông.

[309] Trích từ sách Thanh hà gia thừa (清河家乘). (Chú giải của soạn giả)

[310] Tức là từ năm 1522 đến năm 1566.

tỉnh Triết Giang. Vừa đến nhậm chức, ông đã cương quyết từ chối tất cả mọi thứ phẩm vật tiền tài biếu xén, làm một vị quan thanh liêm hoàn toàn trong sạch, không một chút nhiễm bẩn. Ông thường nói: “Dù chỉ uống một chén nước sông Triết Giang, ta cũng mong cho con cháu sau này lại được làm quan nơi đây.”

Về sau, quả nhiên cháu nội ông là Trương Thái Phù, tên húy là Lỗ Duy, được làm Tri phủ Thiệu Hưng. Bấy giờ,cách bên ngoài thành phủ khoảng năm, sáu mươi dặm có đập nước Tinh Tú, giữ vai trò rất quan trọng trong việc chống hạn của toàn phủ. Nguyên đập nước này trước đây do Chu Mãi Thần khởi công xây dựng từ triều Hán.Vùng này giáp với biển lớn, đập có đến 28 cửa thoát nước, chu vi dài rộng khoảng ba, bốn dặm, thế nước lại hết sức mạnh nên rất khó tu sửa. Trước đây có Thái thú Tiền huy động dân phu tu sửa, vừa xong chỉ qua được một ngày thì sụp lở hết sạch. Sau đó nhiều lần tu sửa nhưng lần nào cũng bị hư hoại, nhân dân hết sức khổ sở.

Trương Thái Phù xem xét địa hình nơi ấy, thấy rằng xây bằng đá thì không thể chịu đựng lâu dài,liền cho nấu chảy chì với thiếc đổ lên, làm cho cầu đá với đập nước liên kết thành một khối, giảm bớt được chi phí đến hàng vạn lượng bạc.Cho đến nay đập nước này vẫn sừng sững nguyên vẹn.Nhân dân Thiệu Hưng nhớ ơn lập đền thờ ông tại đó. Về sau Trương Thái Phù lại được thăng chức làm quan Đài đạo huyện Ninh Thiệu, sau đó nữa lên chức Bố chánh sứ, tiếp lại được thăng đến chức Tổng Tào của bảy tỉnh. Nói chung, trải qua các chức quan đều không xa rời Triết Giang, người đời đều cho rằng đó là phước báo của Trương Hư Giang làm quan liêm chính.

Lời bàn

Thân phụ của tiên sinh Hư Giang là ông Nam Lộc, tổ tiên nhiều đời trước đó vốn là một học trò của danh sĩ Phương Hiếu Nho,[311]do liên lụy đến vụ án của thầy[312] mà phải dời đến ở Đường Phố thuộc Trường Châu,từ đó con cháu sinh

---

[311]Phương Hiếu Nho sinh năm 1357, mất năm 1402, tên tự là HyTrực,Hy Cổ, hiệu là Tốn Chí, là một bậc thầy nổi tiếng, được người đời tôn xưng là Câu Thành Tiên sinh.

[312] Phương Hiếu Nho văn chương lừng lẫy, uyên bác vô cùng, nên khi Yên vương Chu Lệ tranh ngôi hoàng đế với cháu là Chu Doãn Văn thành công, lên ngôi là Minh Thành Tổ, liền triệu Phương Hiếu Nho vào cung để viết chiếu lên ngôi. Hiếu Nho nhất định không viết. Vua dọa sẽ giết sạch 9 họ, Hiếu Nho khẳng khái đáp: Dù giết hết 10 họ cũng không viết. Vua sai người

sống bằng nghề nông, đối với người ngoài không bao giờ dám trao đổi chuyện văn chương sách vở.

Một hôm, ông Nam Lộc nhân lúc đi ra ngoài bắt gặp bên lề đường có một cái túi, nhấc lên thấy rất nặng,ước chừng có khoảng ba, bốn trăm lượng bạc trong đó.Ông không dám mở ra nhìn, lại mang thuyền đến neo bên bờ sông tại chỗ đó suốt ba ngày đêm để chờ,vì sợ người mất của trở lại tìm không thấy. Đến ngày thứ ba mới thấy một người hớt ha hớt hãi đi tìm đến đó, gạn hỏi biết đích xác là chủ nhân liền trả lại.

Đến khi tuổi đã xế chiều mới sinh được tiên sinh Hư Giang, mẹ là Quản phu nhân mang thai đến 16 tháng mới sinh.Thuở nhỏ tiên sinh rất thông minh, kinh thư chỉ đọc qua một lần là thuộc, vừa 20 tuổi đã đỗ đầu khoa thi Hội vào niên hiệu Gia Tĩnh.Con cháu nhiều đời nối nhau đỗ đạt không dứt.

Sông rộng nhiều người thường qua lại thì ra công bắc cầu

Giảng rộng

Đất đai vì có sông ngòi nên phân cắt thành đôi bờ nam bắc, đông tây, khiến người đi đường chỉ biết nhìn ra trời nước mênh mông mà than thở, bỗng dưng được có người giúp xây cầu vượt sông, khác nào nhưđang chỗ bế tắc bỗng mở ra được một con đường, dù không có thuyền bè vẫn qua được sông rộng.Công lao của người bắc cầu chẳng phải là lớn lắm sao?

Thật ra cũng không chỉ là ý nghĩa giúp cho muôn vạn người qua lại.Bắc cầu là giúp đưa người vượt qua sông suối. Bố thí tạo phúc là giúp đưa người vượt qua cảnh bần cùng.Bỏ ác làm thiện là giúp đưa người vượt qua hoạn nạn.Siêng năng học hỏi là giúp đưa người vượt qua sự ngu si.Tu hành học đạo là giúp đưa người vượt qua sinh tử. Trong kinh điển gọi sáu ba-la-mật là sáu độ,chính là mang ý nghĩa sáu phương pháp giúp đưa người vượt qua sinh tử.

ép đưa bút vào tận tay, Hiếu Nho liền phóng bút viết 4 chữ: “Giặc Yên cướp ngôi.” Vua nổi giận sai phanh thây giữa chợ, giết sạch 9 họ, lại tìm giết thêm môn nhân học trò, xem như cho đủ 10 họ. Vì thế mà học trò của ông cũng phải đi trốn, không dám để lộ thân phận.

Trưng dẫn sự tích

Thần biển hẹn ngày xây cầu[313]

Sông Lạc Dương ở Tuyền Châu thuộc tỉnh Phúc Kiến,khúc sông gần giáp biển trước đây có phà đưa người qua lại, mỗi khi gặp sóng gió, người chết chìm không biết bao nhiêu mà kể.

Trong khoảng niên hiệu Đại Trung đời Bắc Tống,[314] có một chiếc thuyền khi sang sông gặp gió bão sắp lật thì bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: "Đừng làm thương tổn Thái học sĩ."Ngay khi ấy sóng gió tức thời lặng yên, cả thuyền không ai tổn hại gì.Mọi người hỏi nhau thì trên thuyền không có ai họ Thái cả, chỉ có một bà có chồng họ Thái, đang mang thai được mấy tháng.Bà này suy nghĩ tự lấy làm lạ, liền phát nguyện rằng: "Nếu đứa bé này về sau quả thật được là Học sĩ,nguyện xây một cây cầu nơi đây để giúp người qua sông."

Quả nhiên rồi bà sinh con trai, về sau chính là Trung định công[315]Thái Tương. Khi ông thi đỗ Trạng nguyên, về nhậm chức ở Tuyền Châu, người mẹ liền thúc giục ông xây cầu.Thái Tương suy nghĩ thấy độ sâu của nước khó đo được, mà thủy triều về đêm thường dâng lên, không biết làm sao khởi công.Do vậy dần dà trải qua hơn một năm chưa làm được gì. Người mẹ lại hết sức thúc giục.Thái Tương liền thảo một bản văn nói về việc muốn làm cầu, cho vào phong thư gửi thần biển,sai một tên quân mang đi.Tên quân ấy uống một bữa rượu say túy lúy rồi mang phong thư ném xuống biển, sau đó say rượu nằm ngủ vùi bên bờ biển. Đến lúc tỉnh dậy, bỗng phát hiện có một phong thư lạ bên mình, liền lập tức mangvề trình lên Thái Tương.

Thái Tương mở ra xem trong thư chỉ thấy duy nhất một chữ *thố* (醋), nét mực vẫn cònnhư mới viết chưa bao lâu.Ông ngạc nhiên nói: "Phải chăng thần bảo ta khởi công vào giờ dậu ngày hai mươi mốt[316]sắp tới đây?"

---

[313] Trích từ sách Vạn an kiều ký (萬安橋記). (Chú giải của soạn giả)

[314] Tức là từ năm 1008 đến năm 1016.

[315] An Sỹ toàn thư chép là Trung định công (忠定公), nhưng căn cứ theo Tống sử thì vị này là Trung huệ công (忠惠公).

[316] Trong chữ thố (醋) khi phân tích ra có đủ những chữ: giờ dậu (酉) ngày (日) hai mươi mốt (二十一).

Liền gấp rút chuẩn bị mọi việc. Đến ngày giờ ấy, quả nhiên thủy triều xuống rất nhiều,bùn cát dưới sông nhô cao lên đến hơn một trượng, nước triều không chạm đến. Liên tiếp như vậy trong 8 ngày, liền khởi công xây dựng được cầu. Cầu dài 360 trượng, rộng 15 thước,[317]chi phí hết 1.400 vạn quan tiền, nhân đó đặt tên là cầu Vạn An.

Lời bàn

Bấy giờ,đốc thúc việc xây cầu còn có các ông Lư Thật, Vương Tích, Hứa Trung, Tôn Thiện, Đại sư Nghĩa Ba...cả thảy 15 người. Chỉ nhắc đến một mình Thái Tương, vì ông là người chủ xướng.

Tăng thêm tuổi thọ[318]

Trình Di Bá, vừa được 29 tuổi, một hôm nằm mộng thấy người cha đã chết hiện về nói rằng: "Mạng con sẽ dứt trong năm này, có thể nhờ Giác Hải cứu cho."Di Bá tỉnh dậy hoang mang không hiểu.

Đến ngày kia bỗng gặp một vị tăng từ đất Thục[319] đến, rất giỏi thuật xem tướng, liền thưa hỏi tên họ, vị ấy xưng là Giác Hải.Di Bá lại xin hỏi về tuổi thọ, liền nói:"Mạng số ông ngắn lắm, e là không được đến năm sau." Di Bá hết sức khẩn cầu cứu mạng, sư bèn lấy một chén nước,thổi vào đó một hơi rồi đưa cho Di Bá uống, dặn rằng: "Đêm nay nếu mộng thấy điềm lành hãy cho ta biết."

Đêm ấy,Di Bá nằm mộng thấy mình đi đến một phủ quan, phía hành lang bên trái thấy có một số nam nữ áo mão chỉnh tề cùng đứng, dáng vẻ vui mừng,lại thấy nơi hành lang bên phải cũng có một số người đang đứng, nhưng đều bị gông cùm xiềng xích, khóc lóc thảm thiết.Khi ấy, có người đứng bên cạnh Di Bá nói: "Bên hành lang trái là những người xây cầu sửa đường,bên hành lang phải là những kẻ phá đường hoại cầu.Muốn cầu sống lâu hưởng phúc, có thể tự chọn lấy." Di Bá liền phát nguyện đem hết sức mình tu sửa cầu đường. Về sau gặp lại Giác Hải, sư nói: "Tuổi thọ đã dài thêm."

Di Bá sống thọ đến 92 tuổi, con cháu năm đời đều được phồn vinh thịnh vượng.

---

[317] Thước cổ bằng khoảng 33 cm, mỗi trượng bằng 10 thước. Như vậy cây cầu này rộng khoảng 5 mét và dài gần 1.200 mét.

[318] Trích từ sách Thiện dư đường bút thừa (善餘堂筆乘). (Chú giải của soạn giả)

[319] Tức vùng Tứ Xuyên.

Lời bàn
Xây cầu với phá cầu là hai hạng người phân biệt rõ ràng, quả báo lành dữ cũng là hai đường khác biệt.Nếu cho rằng không có nhân quả, nhất định phải gặp tai họa nặng nề.

Xây cầu được phúc[320]

Ở Côn Sơncó người tên Chu Quý Phu, nhà giàu có lại rất hoan hỷ ra sức làm việc thiện, đến tuổi trung niên vẫn chưa có con.

Về sau dời nhà đến Tô quận, gặp được một dị nhân bảo rằng: "Số ông không con.Nếu muốn có con, nên xây dựng 300 cây cầu thì có thể được."

Quý Phu thưa: "Tôi thật không đủ sức, biết làm thế nào?"Người kia nói: "Việc xây cầu không kể lớn nhỏ, cũng không nhất thiết là xây mới, chỉ cần sửa sang chỗ hư hỏng cũng được tính vào số đó."

Quý Phu vui mừng làm theo như vậy, chỗ nào cần xây mới thì xây, chỗ nào cần sửa sang thì sửa, không chút nề hà khó khăn. Đến khi được đủ số 300, Quý Phu đã 60 tuổi, nhưng vẫn liên tiếp sinh được ba đứa con trai, sau trưởng thành đều là những bậc danh nho.Trong số đó có một người là con rể của Thái tiên sinh.

Ông sống đến 84 tuổi, mất vào năm thứ 49 niên hiệu Khang Hy.[321]

Lời bàn
Xây dựng hoặc sửa chữa một cây cầu có thể giúp cho việc đi lại của vô số người, huống chi nhiều đến số ba trăm?Thế nên tự nhiên mạng số được chuyển từ không con thành có con, nhưng như thế hẳn cũng còn chưa hết phước báo.

Phá cầu bị khiển trách[322]

Ở phủ Giang Ninh thuộc tỉnh Giang Tô có hồ Tần Hoài nằm ngay phía trước trường thi của phủ, xưa nay chưa có cầu bắc ngang, người qua lại đều phải dùng thuyền. Năm Giáp Thìn thuộc niên hiệu Khang Hy,[323] cómột nhà buôn lớn đi

---

[320] Chuyện này người ở Côn Sơn quê tôi đều biết. (Chú giải của soạn giả)

[321] Tức là năm 1710.

[322] Chuyện này người ở Kim Lăng thường kể cho nhau nghe. (Chú giải của soạn giả)

[323] Tức là năm 1664.

qua đó, gặp lúc trong người không mang theo tiền lẻ, không có tiền trả. Người chủ thuyền theo đòi rất gắt,nhà buôn ấy vì tức giận mà nói rằng: “Ví như xây một cây cầu ở chỗ này, đối với tôi cũng là chuyện dễ dàng, lẽ nào lại tham tiếc với ông một đồng tiền lẻ. Quả thật là tôiquên mang theo đó thôi.” Nhưng người chủ thuyền vẫn không chịu bỏ qua, to tiếng la lối, khiến người trong phố tụ tập đến xem rất đông, ai nấy đều nghe được câu nói của nhà buôn về việc xây cầu.

Nhà buôn ấy nhân đó liền bỏ ra 2.000 lượng bạc để mua vật liệu đá, gỗ làm cầu.Về phần nhân công thì có một vị tăng đứng ra vận động mọi người góp sức.Vị tăng ấy còn đến ở luôn nơi công trường để coi sóc, đôn đốc công việc, hết sức khó nhọc.Qua năm sau thì cầu xây xong.

Đến khoa thi mùa thu năm Bính Ngọ,[324]toàn phủ Giang Ninh không có ai thi đỗ, nhiều người quy lỗi do việc xây cầu. Nho sinh trong phủ kéo nhau trình việc này lên quan phủ, nhân đó liền ra lệnh phá dở cây cầu. Vị tăng đã lo việc xây cầu buồn giận lắm, nhảy xuống hồ mà chết. Không bao lâu sau, tên nho sinh đã đề xướng việc phá cầu bỗng nhìn thấy vị tăng ấy hiện đến trách mắng kể tội, ngay lập tức thổ huyết mà chết.

Lời bàn

Không có người thi đỗ trong khoa ấy, chẳng qua chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, chắc gì đã có liên hệ đến cây cầu? Lại cứ cho là do việc xây cầu gây trở ngại đường khoa bảng, vậy thử hỏi những người thi đỗ trong khoa ấy lại có gì khác mà vẫn được thi đỗ? Đối với những người đọc sách, học đạo thánh hiền, noi theo người xưa, mỗi một việc làm ắt đều phải vì muốn giúp người cứu vật. Việc hỏng thi quả nhiên đáng hận, nhưng thà vậy còn hơn là đỗ đạt vinh hiển rồi chỉ lo cung phụng vợ con, mở mang ruộng vườn nhà cửa cho riêng mình, kết giao quan lại, cậy thế hiếp người, khiến cho người hiền lương nhìn thấy phải sợ như cọp sói. Như vậy thì việc cầu có nên phá hay không hẳn vẫn có thể từ từ cân nhắc, đâu cần phải gấp rút đến như thế?

---

[324] Tức là năm 1666.

Lấy tình thương ngỏ lời dạy bảo, sửa lỗi cho người

Giảng rộng

Hết thảy con người trong cõi trời đất này, đều từ bào thai sinh ra giống như ta.Người khác có bất kỳ chỗ nào không đúng, ấy cũng chính là tự thân ta có chỗ khiếm khuyết. Vì thế, đối với kẻ làm con,ta phải mong cho họ làm người con hiếu;đối với kẻ làm bề tôi, mong cho họ làm bậc tôi trung;đối với kẻ làm anh em một nhà, mong cho họ có sự thương yêu, tử tế;đối với kẻ ngang ngạnh, mong cho họ được mềm mỏng ôn hòa; đối với kẻ tham lận keo kiệt, mong cho họ biết bố thí, chia sẻ cùng người khác;đối với những kẻ hoang đàng hư hỏng, đấu đá, cờ bạc, mong cho mỗi người đều biết noi theo bổn phận của mình, khiêm cung hòa nhã, biết tự giữ mình.

Ví như có người chịu nghe theo lời khuyên của ta, ắt phải hết lòng hết dạ mà giảng giải, dẫn dắt họ đi vào đường thiện.Nếu dùng lời không đủ nói hết, nên dùng đến văn chương trước thuật, cũng dùng để lưu lại đời sau.Dùng tình thương dạy bảo được như thế, quả thật lớn lao lắm thay!

Trưng dẫn sự tích

Học thuyết “tự lập vận mạng”[325]

Tiên sinh Viên Liễu Phàm,[326]tên húy là Hoàng, trước đây có tên tự là Học Hải. Thuở nhỏ có gặp một người họ Khổng ở Vân Nam, vốn được chân truyền phép Hoàng cực số của Thiệu Ung.[327]Ông này đoán số Viên Liễu Phàm rồi khuyên rằng năm sau đó nên ghi tên vào trường học, lại đoán sau này khi đi thi ở các kỳ huyện, phủ và tỉnh sẽ có kết quả thứ hạng mỗi nơi như thế nào. Cả ba kỳ thi ấy về sau quả nhiên đều ứng nghiệm như lời. Họ Khổng lại đoán vận hạn suốt đời cho Viên Liễu Phàm, nói rằng vào năm ấy sẽ nhận được học bổng,[328] năm ấy sẽ

---

[325] Từ chuyện tiên sinh Viên Liễu Phàm ghi chép điều thiện, điều lỗi để tu sửa. (Viên Liễu Phàm công quá cách -袁了凡功過格)(Chú giải của soạn giả)

[326] Tiên sinh Viên Liễu Phàm sinh năm 1533, mất năm 1606, là tác giả sách Liễu Phàm tứ huấn.

[327] Tức Thiệu Khang Tiết, sinh năm 1011, mất năm 1077, là một học giả uyên bác, nghiên cứu Chu Dịch lâu năm, có để lại nhiều tác phẩm như Mai hoa dịch số, Hoàng cực kinh thế, Quan vật nội thiên, Ngư tiều vấn đối, Nhượng Sơn tập, Tử Bá Ôn biệt truyện...

[328] Ngày xưa gọi là lẫm sinh, tức là các nho sinh được nhận sự chu cấp từ công quỹ để lo việc ăn học.

được chọn cống sinh,[329] năm ấy sẽ được chọn làm quan huyện lệnh ở phủ ấy, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, giữ chức được hai năm rưỡi[330] thì từ quan về quê, đến năm 53 tuổi, vào ngày 14 tháng 8 sẽ chết vào giờ sửu, đáng tiếc là không con nối dõi. Viên Liễu Phàm liền ghi chép lại tất cả những lời dự đoán ấy, sau trải qua các kỳ thi đều thấy đúng như lời.

Sau đó, Viên Liễu Phàm có dịp đến Nam Ung, tham bái thiền sư Vân Cốc ở núi Thê Hà, cùng ngồi an tĩnh đối diện với thiền sư suốt ba ngày đêm không hề nhắm mắt. Thiền sư nói: “Người đời sở dĩ không thể trở nên bậc thánh, đều chỉ do vọng niệm trói buộc. Ông có thể ngồi yên trong ba ngày đêm không khởi sinh vọng niệmlà nhờ đâu vậy?” Liễu Phàm thưa: “Trước đây có Khổng tiên sinh đoán vận mệnh cho tôi, mọi việc đều đúng, nhân đó tôi thấy rằng những việc sống chết, vinh nhục của con người ta đều đã có định số, dù muốn thay đổi cũng không thể được, nên chẳng nghĩ đến làm gì.”Thiền sư Vân Cốc bật cười nói: “Ta vốn tưởng ông là bậc hào kiệt xuất chúng, nào ngờ cũng chỉ là một kẻ tầm thường. Ông nên biết, xưa nay những bậc đại hiền thiện thì số mạng không thể trói buộc, mà những kẻ đại gian ác thì số mạng cũng không thể trói buộc. Từ 20 năm nay, ông bị những lời bói toán của người kia quy định đặt để, không có được một chút tự mình chuyển đổi, há chẳng phải là tầm thường lắm sao?”

Viên Liễu Phàm liền thưa hỏi: “Vậy ra vận số có thể tránh được sao?” Thiền sư đáp: “Số mệnh là do chính mình tạo ra, phước báo do chính mình cầu mà được. Trong sách vở của Nho gia có nhiều chỗ dạy rõ điều đó. Kinh Phật lại có nói: ‘Cầu công danh ắt được công danh, cầu sống lâu ắt được sống lâu, cầu con trai, con gái, ắt có con trai, con gái...’ Lẽ nào đức Phật lại nói dối để lừa gạt người đời sao? Từ nay về sau ông nên thường ngày làm việc tích đức, mọi việc đều nên khởi tâm bao dung tha thứ. Hết thảy những việc đã làm trước đây, xem như chết từ hôm qua. Hết thảy những việc từ nay về sau, xem như mới được sinh ra hôm nay. Đó chính là ý nghĩa của việc làm sống lại thân này. Sách Thượng thư, thiên Thái giáp có nói: ‘Tai họa do trời giáng xuống còn có thể tránh né, tai họa do chính mình tạo ra thì không còn đường sống.’ Khổng tiên sinh đoán rằng ông

---

[329] Cống sinh: nho sinh giỏi, được chọn lên kinh đô theo học để chuẩn bị cho kỳ thi tại kinh đô.

[330] An Sỹ toàn thư chép là hai năm rưỡi (二年半), nhưng theo sách Liễu Phàm tứ huấn (了凡四訓) thì là ba năm rưỡi (三年半).

không đỗ đại khoa, không có con nối dõi, ấy là tai họa trời giáng xuống. Nay ông nỗ lực làm thiện, rộng tích âm đức, đó là tự mình tạo phúc. Kinh Dịch nói rằng: 'Bậc quân tử hướng về điều lành, tránh đi điều dữ.' Nếu nói mệnh trời là không thay đổi, vậy điều lành làm sao có thể hướng về, điều dữ làm sao có thể tránh đi? Lại cũng trong Kinh Dịch, quẻ Khôn, ngay nơi phần ý nghĩa mở đầu đã nói rằng: 'Nhà làm việc thiện ắt có niềm vui, nhà làm việc ác ắt gặp tai ương.'Nay ông đã có thể tin hiểu được chưa?"

Nhân đó liền lấy ra một bản sách Công quá cách, đưa cho xem. Liễu Phàm liền lễ bái nhận lấy. Sau đó, Viên Liễu Phàm liền tự thảo một bản sớ văn, lược kể hết thảy những việc sai lầm của mình từ trước đến nay, đối trước bàn Phật chí thành lễ bái cầu xin sám hối, phát nguyện làm đủ 3.000 việc thiện để cầu thi đỗ. Thiền sư Vân Cốc lại dạy ông trì tụng thần chú Chuẩn Đề, sau một thời gian ắt có linh nghiệm. Từ đó tiên sinh mới đổi tên tự Học Hải thành Liễu Phàm, có ý là không muốn rơi vào những khuôn khổ tầm thường của người phàm tục nữa.

Năm sau, Liễu Phàm tham gia kỳ khảo thí của bộ Lễ, Khổng tiên sinh trước đã đoán rằng ông khoa này đỗ hạng nhì,[331] nhưng kết quả ông đỗ đầu, xem ra lời tiên đoán đã không còn ứng nghiệm. Đến mùa thu năm ấy lại tiếp tục đỗ cử nhân. Từ đó mỗi ngày đều nỗ lực tu sửa đức hạnh, gia tăng công phu hành trì miên mật, mỗi khi một mình ở nơi vắng vẻ không người vẫn thường luôn tự xét, không để có chỗ ám muội đắc tội với trời đất quỷ thần. Kể từ năm Kỷ Tỵ[332] phát nguyện làm 3.000 việc thiện, đến năm Kỷ Mão[333] vừa tròn 10 năm mới hoàn tất đủ số.

Bấy giờ, tiên sinh lại phát nguyện làm việc thiện, cầu sinh con trai, cũng nguyện làm đủ số 3.000 việc thiện như trước, lại nhờ người trong nhà hỗ trợ cho mình, khi làm được một điều thiện liền ghi thêm số vào, khi có điều lầm lỗi lập tức trừ bớt đi. Đến khi niệm lành dần thuần thục, con số 3.000 cũng vừa gần đủ thì hạ sinh trưởng nam.

---

[331] Chỗ này An Sỹ toàn thư chép là đệ nhị (第二), nhưng cứ theo sách Liễu Phàm tứ huấn thì lại chép là đệ tam (第三).

[332] Tức là năm 1569.

[333] Tức là năm 1579.

Đến năm Quý Mùi,[334] ngày 13 tháng 9 lại phát nguyện làm 10.000 điều thiện, cầu đỗ tiến sĩ. Sang năm Bính Tuất[335] quả nhiên thi đỗ tiến sĩ, được bổ nhiệm làm tri huyện Bảo Để. Khi ấy, mỗi ngày gặp việc thiện đều làm, mỗi đêm đều thắp hương khấn cáo. Đang khi lo lắng hằng ngày không có đủ việc thiện để làm, thật khó đủ số 10.000 như đã nguyện, thì một đêm bỗng nằm mộng thấy có vị thần hiện đến nói: "Chỉ riêng việc ông giảm thuế ruộng cho dân, xem như con số 10.000 điều thiện đã hoàn thành rồi."

Liễu Phàm liền nhớ lại quả đúng có việc ấy. Nguyên là khi mới về nhậm chức ở huyện Bảo Để, thấy mỗi mẫu ruộng phải nộp thuế đến 2 phân 3 ly 7 hào,[336] Liễu Phàm cho là quá cao, liền thay dân xin với triều đình giảm số thuế phải nộp xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào. Tuy nhiên, Liễu Phàm trong lòng vẫn còn nghi hoặc, không tin rằng chỉ một việc ấy mà có thể được xem như cả 10.000 điều thiện. Gặp lúc có thiền sư Huyễn Dư từ núi Ngũ Đài đến, Liễu Phàm liền kể lại giấc mộng. Thiền sư nói: "Nếu tâm thiện chân thành chí thiết, dù làm một việc thiện cũng có thể bằng như vạn điều thiện. Huống chi giảm thuế cho cả một huyện, có cả vạn người được hưởng phúc ấy." Tiên sinh nghe vậy rất mừng, liền dùng tiền lương bổng của mình gửi nhờ thiền sư về núi Ngũ Đài thay mình thiết lễ trai tăng cúng dường một vạn vị tăng để hồi hướng công đức.

Khổng tiên sinh từng đoán rằng Liễu Phàm chỉ sống đến 53 tuổi, nhưng về sau tiên sinh thực sự sống khỏe đến hơn 80, con cháu đều đỗ đạt thành danh, nối nhau không dứt.

Lời bàn

Đối với nhà Nho thì thuyết "tự lập số mạng"bắt đầu từ Mạnh tử, nhưng có thể tự thân ra sức thực hành, trải qua mỗi mỗi sự việc đều ứng nghiệm,ắt duy nhất chỉ có một người là tiên sinh Liễu Phàm mà thôi. Nhưng tiên sinh có thể chuyển hóa thay đổi hoàn toàn, phát lòng tin sâu vững không nghi ngờ, thực hành một cách mạnh mẽ quả quyết, việc ấy lại chỉ nhờ nơi sự khuyến hóa của một mình

[334] Tức là năm 1583.

[335] Tức là năm 1586.

[336] Đơn vị tiền tệ khi ấy lấy tiền làm đơn vị. Cứ mỗi một tiền có 10 phân, mỗi một phân có 10 ly, mỗi một ly lại có 10 hào.

thiền sư Vân Cốc mà thôi. Ai dám nói rằng trong cửa Không của nhà Phật lại không thể làm sángtỏ những chỗ uyên áo, tinh tế của Khổng Mạnh?

Người đời thấy ai nỗ lực làm việc thiện liền chê bai rằng: "Làm việc thiện cần phải vô tâm, nếu có mảy may chấp trước thì sanh ra ý tưởng mong cầu phước báo."Cách lập luận ấy chưa hẳn đã là không có chỗ cao minh, nhưng phần nhiều lại ngăn trở ý chíhướng thiện mạnh mẽ của người khác. Ví như người nông dân quanh năm cần cù lao động, lại bảo: "Ông không nên mong cầu lúc thu hoạch", hoặc như người học trò mười năm khó nhọc, lại bảo: "Anh đừng nghĩ đến công danh", liệu họ có vui vẻ nghe theo được chăng?

Trừ bỏ sự độc hại trong Chiến quốc sách

Trong lúc 7 nước tranh nhau vào thời Chiến quốc, nước nào cũng bị cuốn vào sự đọ sức đấu trí, toàn dùng cơ mưu xảo trá. Kẻ tiểu nhân xem qua Chiến quốc sách thì ngợi khen tán thưởng, cho rằng trong ấy toàn là mưu hay kế giỏi. Người quân tử nhìn đến sách này chỉ thấy lòng cảm khái than thở, vì hiểu được rằng những cách hành xử trong ấy đều là đáng thương xót lắm. Ví như nước uống có độc, tuy có thể tạm thời giúp giảm cơn khát, nhưng rồi chất độc phát tác không sao trị được.

Vào triều Thanh, tiên sinh Lục Giá Thư ở Bình Hồ, Triết Giang, mang Chiến quốc sách ra đọc lại, tuyển chọn cắt bỏ những đoạn nói về các mưu mô tham lam dối trá, chỉ để lại phần hiền thiện trong đó, được khoảng 10 thiên, đặt tên là "Quốc sách khử độc".

Tiên sinh quả là người đọc sách có con mắt phân biệt chân chánh, không bị người xưa lừa dối.

Lời bàn

Đã biết rằng trong Chiến quốc sách có sự độc hại, thì có thể biết rằng những sách từ thời Tần Hán về sau cũng không khỏi có sự độc hại. Chỉ có điều là sự độc hại không giống như nhau, nên người có mắtnhìn sáng suốt cần phải tĩnh tâm quán sát.Những người trước thuật, giảng rộng ý nghĩa của sách như tiên sinh thì rất nhiều, nhưng đa số họ đều noi theo lối cũ, lặp lại người xưa, lại không khỏi pha trộn với cái nhìn theo thói tục vào đó.

Tôi đã được đọc qua sách của tiên sinh, lại cũng vận dụng theo phương pháp của tiên sinh đọc Chiến quốc sách, thật không dám xem thường đưa ra những lời luận nghị chê bai. Sách là tài sản chung của thiên hạ xưa nay, đạo là nguyên

lý tự nhiên sẵn có trong bản tánh của mỗi chúng ta. Từ lòng yêu kính tiên sinh, thật không dám xu nịnh, chỉ noi làm theo tiên sinh mà thôi.

Quyên góp tiền bạc giúp người thành tựu những điều tốt đẹp

Giảng rộng

Thành tựu điều tốt đẹp cho người chính là tâm nguyện của người quân tử. Nhưng muốn thành tựu ắt cần có tiền bạc. Nếu không có ai đứng ra quyên góp tiền bạc thì những việc tốt đẹp cho người sẽ rất khó thành tựu.

Có rất nhiều việc tốt đẹp ta có thể làm mà không cần đến tiền bạc, nhưng những việc nhất thiết cần đến tiền bạc cũng không ít.Chẳng hạn như cưới hỏi, tang ma, trị bệnh, cứu nguy... cho đến bao nhiêu việc cứu người giúp đời cũng đều phải nhờ có tiền bạc để lo liệu.

Bất kể là ta một mình đứng ra thành tựu điều tốt đẹp cho người, hay cùng một người khác thành tựu việc ấy, hoặc chỉ góp một phần nhỏ trong công việc, hoặc ta đề xướng rồi được mọi người hưởng ứng mà thành tựu, thậm chí có người khác đứng ra khởi xướng, ta cũng vui mừng ngợi khen mà xúc tiến thành tựu việc ấy. Chuyện quyên góp trong mỗi trường hợp đều không giống nhau, nhưng tâm nguyện muốn thành tựu điều tốt đẹp cho người vẫn là như nhau.

Phân tích chi ly ý nghĩa của chữ “tốt đẹp” trong lời dạy của Đế quân, ắt phải lấy việc tu thiện tu phúc, làm lợi ích cho đời là tốt nhất, mà những việc chỉ thành tựu cho một người, một nhà hẳn phải xem là kém hơn.

Còn như những việc tổ chức lễ hội rước thần, treo đèn diễn kịch, mở phòng trà, quán rượu, xây dựng miếu thần trên bộ dưới sông, thảy đều là nguyên nhân của những sự dâm loạn, trộm cướp, giết hại, đấu đá... chỉ chuốc lấy nghiệp quả xấu ác, hoàn toàn không phải là những việc tốt đẹp, cần phân biệt rõ như thế.

Trưng dẫn sự tích

Làm thiện không mệt mỏi[337]

Đời nhà Minh, có người tên Trương Chấn Chi, tên tự là Trọng Khởi, vốn người Thái Kinh, Thái Thương, tỉnh Giang Tô, trước đây làm Tri phủ Cát An, thuộc Giang Tây. Bấy giờ, có người giữ chức huyện thừa[338] ở Cát An là Trương Đại Du, tuổi đã xế chiều mới có người thiếp sinh được con trai.Đứa con vừa lên ba, Đại Du và người thiếp đều nối nhau lâm bệnh qua đời.Đứa con ấy phải lưu lạc nhờ một nhà dânthường nuôi dưỡng.Chấn Chi nghe biết chuyện liền thu xếp cho một người thiếp của mình đến lo việc đưa đứa bé ấy về lại nhà họ Trương.

Có người họ Thẩm làm Trưởng huyện lệnh,[339] cả nhà lần lượt chết hết, Chấn Chi đứng ra thay người nhà lo việc nhập quan đưa về quê an táng.Cả nhà chỉ còn lưu lại được một đứa cháu mồ côi, Chấn Chi liền ủy thác cho một viên quan Hữu ty nuôi dưỡng.

Huyện lệnh Thiên Đài qua đời trong lúc đang làm quan, không đưa về quê được, gia đình lưu ngụ ở Hàng Châu, có đứa cháu gái tuổi vừa mới lớn lọt vào tay kẻ gian,phải làm gái lầu xanh.Chấn Chi nghe chuyện rơi nước mắt, liền chuộc về rồi chọn nơi tử tế lo việc gả chồng.

Những trường hợp Chấn Chi bỏ tiền bạc ra giúp người tương tự như thế rất nhiều, không thể kể hết. Con trai ông là Trương Tế Dương,sau thành bậc danh sĩ một thời. Con cháu ông đời sau đều đặc biệt hưng thịnh.

Lời bàn

Cứu giúp người nghèo đói, hoặc giúp người về quê, đó là thành tựu sự tốt đẹp cho người ngay trong đời sống; giúp người khác duy trì dòng tộc, cứu người thoát khỏi hoạn nạn,đó là thành tựu sự tốt đẹp cho người lâu dài về sau.

---

[337] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

[338] Huyện thừa là chức quan trợ giúp việc hành chính cho huyện lệnh.

[339] Theo quy định từ đời Hán, quan Huyện lệnh ở một huyện nhỏ có số hộ dân dưới một vạn thì gọi là Trưởng huyện lệnh.

Làm việc gì cũng noi theo đạo trời

Giảng rộng

Ý nghĩa của hai chữ "đạo trời"ở đây là ngược lại với tham dục của con người. Đạo trời là quy tắc, chuẩn mực của mọi việc làm, cũng như thợ mộc có thước tròn, thước vuông, người bắn tên có bia làm đích ngắm...

Noi theo đạo trời là đúng, bỏ đi là sai; noi theo đạo trời là góp sức được vào việc chung, bỏ đi là ích kỷ riêng tư; noi theo đạo trời là thẳng suốt đi lên thành người cao thượng;bỏ đi là phăng phăng tuột dốc làm kẻ tiểu nhân; noi theo đạo trời ắt có lòng nhân từ khoan dung tha thứ, tự nhiên có sự giúp dật, bảo vệ, thường luôn được hưởng phúc;bỏ đi thì tâm tính khắc nghiệt, lạnh nhạt vô cảm, thường gặp nhiều điều xấu ác, tai họa theo nhau giáng xuống. Xem thế thì đủ biết, chỗ được mất thật cách xa nhau một trời một vực.

Câu này với câu văn tiếp theo[340] có ý nghĩa hỗ tương, hàm chứa lẫn nhau. Chẳng hạn như nói *"làm việc"*, nhưng tất nhiên cũng bao gồm cả ý *"nói ra"*, mà việc *"nói ra thuận lòng người"* tất nhiên cũng đã bao hàm cả ý *"noi theo đạo trời"* trong đó.

Trưng dẫn sự việc

Không bỏ khi vợ mắc bệnh phong[341]

Tỉnh Phúc Kiến có người tên Phúc Thanh Văn, là con trai của Thiệu Tổ,định việc kết hôn với con gái Sài Công.Vừa dạm hỏi xongthì người con gái ấy bỗng mắc bệnh phong. Thiệu Tổ thấy bệnh ấy hiểm nghèo nên muốn đổi ý, người vợ giận lắm, nói: "Mình sinh con ra nên dạy cho nó thuận theo đạo trời, thì tự nhiên được bền lâu.Bằng như làm việc trái với lễ nghĩa, tai họa chắc chắn sẽ đến ngay."

Do đó nên vẫn tiến hành việc cưới xin. Sau khi con gái họ Sài về làm dâu, năm sau Phúc Thanh Văn thi đỗ, vợ anh cũng dần dần khỏi bệnh, sinh được ba đứa con trai sau đều vinh hiển.

---

[340] Tức là câu: "Nói ra lời nào cũng thuận với lòng người".

[341] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

Lời bàn
Từ xưa đến nay, những người cưới vợ mù, vợ bệnh, phần nhiều tự thân đều được sang quý, sinh con vinh hiển.Thật không phải nguyên nhân gì khác, chỉ là vì tấm lòng nhân hậu có thể thay trời mà bao dung che chở cho một người, nên trời cũng ưu ái đãi ngộ cho một người để bù đắp đó thôi.

Bội ước không cưới vợ[342]

Vào triều Thanh, tại huyện Lâu thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Cố Nguyên Cát, ban đầu làm một viên thư lại, chăm chỉ học tập, tay không buông sách. Sau đi thi đỗ đầu, học trò theo học ngày càng đông.Nhưng cứ mỗi lần ông vào trường,liền thấy như có một phụ nữ đi theo kế bên, khiến cho ý tứ văn từ rối loạn.

Xét nguyên nhân thì từ thuở mới lớn, Nguyên Cát có dạm hỏi một cô gái, sau thấy xuất thân nghèo khó nên cuối cùng bỏ không cưới.Nhân việc này, cô gái uất ức mà chết.

Đến khi tuổi già, Nguyên Cát bỗng phát điên,thường tự đánh vào dương vật của mình, người nhà phải theo sát ngăn cản.Nhưng chỉ cần lơi lỏng một chút là ông lại đánh vào mạnh hơn.

Một hôm ông tự đi lên một cây cầu, nhìn xuống dòng nước sông trong vắt, cảm thán nói rằng: “Nơi này có thể chôn ta được rồi.”Nói xong tự nhảy xuống sông mà chết.Hôm ấy là ngày mồng một tháng sáu,thuộc niên hiệu Khang Hy.

Lời bàn
Vì chê người ta nghèo khó mà không cưới nên trời sẽ bắt sống trong nghèo khó suốt đời.Vì vậy, có được văn tài đến như thế mà cuối cùng không thể thành tựu được gì, cuối cùng phải chôn xác trong bụng cá sông!

---

[342] Chuyện này do Trầm Vĩnh Tư kể lại. (Chú giải của soạn giả)

Mẹ con cùng bị sét đánh[343]

Vào niên hiệu Khang Hy, năm Ất Hợi,[344] quận Tô bị trận lụt lớn.Tại một thôn nọ có người phụ nữ đang mang thai, chồng bệnh nằm đói chẳng có gì ăn, bà liền bế đứa con ba tuổi vào thành vay gạo.Vay được 4 đấu gạo mang về, gặp mưa lớn trên đường, sức lực cạn kiệt nhưng vẫn còn cách nhà khoảng một dặm, không thể vừa bế con vừa mang gạo đi nổi.Bỗng thấy trước cửa nhà gần đó có một đứa trẻ, liền gửi mấy đấu gạo lại đó cho nó, hẹn đưa con về nhà rồi trở lại lấy.

Đứa trẻ kia cùng bàn với mẹ rồi đem gạo giấu đi mất. Người mẹ bế con về rồi quay lại thì không lấy được gạo, vì sợ chồng không dám vào nhà,trong bụng lại quá đói, cuối cùng treo cổ mà chết bên cạnh nhà. Người chồng đang bệnh không có ai chăm sóc, không bao lâu cũng chết.[345]

Năm sau, khoảng tháng 6 thì nhà cướp gạo kia dời đến ở nơi hẻm Dưỡng Dục trong quận lỵ, bỗng bị ma nhập tự nói rằng: “Ta đã kiện ngươi nơi ấy, thiên lôi cũng xem xét chấp thuận rồi.”

Chưa đến ba ngày sau, trời nổi sấm chớp, lôi hai mẹ con nhà kia ra giữa sân đánh chết.Bà mẹ lúc chết vẫn còn ôm chặt con.Hôm ấy là ngày mồng ba tháng bảy năm Bính Týthuộc niên hiệu Khang Hy.[346]

Lời bàn

Theo cách hiểu của phái hậu Nho[347]thì chuyện hai mẹ con nhà kia chẳng qua do hai khí âm dương tương khắc, tình cờ phát ra sấm sét đánh trúng mà thôi.Người đời nếu tin theo như vậy ắt trong lòng thản nhiên, không hề sợ sệt trước những việc nhân quả báo ứng hiện tiền như thế.

---

[343] Chuyện này tất cả người trong quận Tô đều biết. (Chú giải của soạn giả)

[344] Tức là năm 1695.

[345] Nguyên bản không thấy nói đến đứa con 3 tuổi, nhưng trong hoàn cảnh này chắc chắn cũng phải chết theo cha mẹ.

[346] Tức là năm 1696.

[347] Chỉ các nhà Nho về sau, đặc biệt là sau khi phát triển các học thuyết của Nhị Trình (Trình Hạo và Trình Di), Chu tử.

Tham dâm phụ lời ủy thác[348]

Huyện Thái Thương tỉnh Giang Tô có một nho sinh tên Vương Tĩnh Hầu, là người khiêm tốn, thường kính trọng người khác. Một hôm bỗng bị sét đánh chết.Mọi người đều kinh sợ cho là chuyện kỳ lạ.Có người đồng cốt thỉnh được tiên nhập, mọi người liền đem việc này ra hỏi, tiên mượn lời đồng cốt nói: "Tên này vào hồi ngày, tháng, năm ấy... lúc đến Tô Châu dự kỳ thi phủ, ở trọ một nhà dân gần cầu Ẩm Mã.Khi ấy, người chủ nhà bị khép tội đang giam trong ngục, người vợ thấy hắn ta ra dáng hiền hậu khiêm tốn nên tin tưởng, mang tiền bạc ủy thác, cậy lo cho người chồng được ra khỏi ngục.Hắn thấy người vợ chủ nhà yếu đuối có thể hiếp được liền ra tay, lại cướp luôn tiền bạc, hại người vợ chủ nhà đến chết.Vì thế nên hắn phải chịu quả báo như vậy."

Lời bàn

Tội lỗi giấu kín chẳng ai biết như thế nàythì luật pháp quốc gia không trừng trị được. Nếu không có lẽ tội phúc báo ứng, ắt kẻ tiểu nhân sẽ luôn hí hửng mà làm tiểu nhân.Cho nên, việc truyền rộng thuyết nhân quả ra chính là âm thầm hỗ trợ cho việc trị nước bằng pháp luật, lại cũng giúp vào cho đạo lý chân chánh, công lao ấy quả thật không phải ít.

Nói ra lời nào cũng thuận với lòng người

Giảng rộng

Lời nói và việc làm là hai phương diện chủ yếu để người quân tử dựa vào mà lập thân.Làm việc noi theo đạo trời thì ít khi phải hối tiếc vì việc đã làm.Nói ra thuận với lòng người thì ít khi phải bị người oán trách vì lời nói.

Khổng tử nói: "Người có đức hạnh mới nói ra được những lời tốt đẹp, nhưng người nói ra lời tốt đẹp chưa hẳn đã có đức hạnh." Lại nói: "Người nhân đức luôn có sự thận trọng, chọn lựa kỹ trước khi nói ra." Lại nói: "Chưa đến lúc cần nói mà vội vã nói là hấp tấp;có người thưa hỏi, đến lúc cần nói mà không nói rõ ràng là người gian trá giấu giếm;không quan sát kỹ vẻ mặt, phản ứng của người nghe mà chỉ thao thao nói, ấy là mù quáng."

---

[348] Chuyện này do Trầm Vĩnh Tư kể lại. (Chú giải của soạn giả)

Cho nên phải biết rằng, nói năng cho phải đạo thật cũng muôn ngàn khó khăn. Từ xưa đến nay, những bậc đạo cao đức dày ắt không khinh suất trong lời nói, người khéo quán sát đến chỗ biến hóa tinh vi kín đáo của sự vật cũng không khinh suất trong lời nói, người biết khiêm cung tự giữ mình cũng không khinh suất trong lời nói.

Những kẻ khinh suất trong lời nói, đa phần đều do tâm ý nông nổi, hấp tấp, gặp việc thì vui mừng bày tỏ ra mặt, cho nên có nói ra điều gì cũng chỉ là lời cửa miệng, trong lòng chưa từng có sự chín chắn suy đi xét lại.Ví như có vì thế mà đắc tội với đời, khiến người khác cười chê,họ cũng không hề suy nghĩ lại,nói gì đến việc dành thời gian để cân nhắc trước xem có nên hay không nên nói?

Nói "lòng người"ở đây là muốn chỉ đến lòng công bằng, chân chánh hết mực,là tấm lòng mà Tô Đông Pha đã nói đến trong *Tư trị luận* (思治論) rằng: "Không nói ra mà ai ai cũng giống như nhau." Lòng người như thế nếu ở nơi đâu thì chính là đạo trời ở đấy, nên phải thuận theo.Nhưng nói "thuận theo" ở đây không có nghĩa là xu nịnh, mà có nghĩa là nên thận trọng trước khi nói, quan sát phản ứng của người nghe, chân chất thẳng thắn không lừa dối, nói ra phải trọn vẹn rõ ràng, có sự suy xét cẩn thận,bảo ban phải khiêm cung hòa ái, lại càng phải cẩn trọng. Những lúc quá vui mừng, quá giận dữ hoặc quá say sưa, ắt phải có những lời luận bàn thái quá, tốt hơn là nên ngậm miệng không nói để ngăn ngừa sự sai trái, lầm lỗi.

Các bậc tiền bối dạy rằng: "Những người ta gặp trong tiệc tùng xã giaohoặc nơi đông người giao tiếpthường có nhân phẩm tốt xấu khác nhau, hoặc có người phẩm hạnh khiếm khuyết, hoặc có người hình dung xấu xí, hoặc có người tuy hiện nay hiển đạt tôn quý nhưng xuất thân gia thế hàn vi, hoặc có người trước đây gia thế hết sức phồn vinh thịnh vượng, nhưng giờ đây con cháu chẳng được mấy người...Từ đó suy ra, sẽ thấy có rất nhiều điều không nên nói, cần phải lần lượt cân nhắc hết thảy,không được chạm vào những chỗ riêng tư kín đáo, hoặc những điều người khác không muốn nói đến, khiến họ phải hổ thẹn, giận dữ. Nếu không thể nào biết hết để tránh thì tuyệt đối không được luận bàn sằng bậy chuyện thế sự, hoặc trực tiếp gọi tên họ của người khác, để tránh phạm vào húy kỵ tên họ các bậc cha anh, bởi những điều ấy thường mang đến tai họa ngoài ý muốn.

Trước đây có một người, trong buổi tụ họp rất đông người, chợt nghe có kẻ đề cập đến một người có tên tuổi, anh ta liền nói rằng mình với người đó rất thân

nhau. Không ngờ chỉ một lát sau, người ấy tình cờ ghé đến. Anh ta chắp tay vái chào, không biết là ai, rồi quay sang hỏi người bên cạnh:“Ông ấy là ai vậy?”Người bên cạnh trả lời: “Là người mà ông vừa nói là rất thân với ông đó.” Mọi người quanh đó đều quay nhìn anh ta cười nhạo. Than ôi! Những ai hay khinh suất trong lời nói nên nhớ lấy chuyện này mà tự răn nhắc mình.

Trưng dẫn sự tích

Lỗ công sai người đối đápvới Tiết hầu[349]

Đằng hầu và Tiết hầu cùng đến triều kiến vua nước Lỗ,[350]hai bên tranh nhau vị thứtrước sau. Tiết hầu nói: “Ta được phong trước.” Đằng hầu liền nói: “Ta là quan Thái bốc nhà Chu,cùng họ với thiên tử,[351]Tiết hầu mang họ dân thường, ta không thể đứng sau.”

Lỗ Ẩn công liền sai Vũ Phụ thay mình đến chỗ Tiết hầu nói: “Ngài với Đằng hầu đã hạ mình đến đây thăm vua nước Lỗ tôi, người nhà Chu có câu rằng: ‘Trên núi sẵn có cây gỗ, nhưng người thợ mộc khi dùng phải đo đạc theo chỗ mình cần; khách đến nhà tuy đều sẵn có lễ nghi, nhưng chủ nhà phải có sự chọn lựa.’Thiên tử nhà Chu với chư hầu đã có sự minh định, nếu khác họ với thiên tử thì đều phải đứng sau.Vua nước Lỗ tôi nếu có đến triều kiến vua nước Tiết, tự nhiên cũng không dám tranh với các vị.Nếu quả ngài đã có lòng hạ cố đến thăm vua nước Lỗ tôi, xin vui lòng để cho vua nước Đằng đứng trước.”

Vua nước Tiết liền đồng ý để cho vua nước Đằng đứng trước.

Lời bàn

Lời lẽ của vua nước Tiết rõ ràng là quá bộc trựcthẳng thừng, mà lời của vua nước Đằng cũng quá cứng rắn, ra vẻ chèn ép người. Chỉ có lời của Vũ Phụ nói thay vua Lỗ là khiêm cung hòa nhã, mềm mỏng linh hoạt mà cảm động lòng người.

---

[349] Trích từ sách Tả truyện (左傳). (Chú giải của soạn giả)

[350] Việc này xảy ra vào năm 712 trước Công nguyên, vào đời Lỗ Ẩn công.

[351] Đằng hầu mang họ Cơ, cùng họ với vua nhà Chu, vì chính là con cháu nhà Chu được phong tước hầu.

Phân tích chi ly thì lời của Vũ Phụ có thể phân chia thành sáu ý để xem xét. Hai câu đầu nói rõ về việc hai vua chư hầu đến nước Lỗ triều kiến.Tiếp theo liền đưa ra lý lẽ nhẹ nhàng mềm mỏng, nêu việc trên núi sẵn có cây gỗ là ý thứ nhất (1), lại thêm việc khách đến nhà sẵn có lễ nghi là ý thứ hai (2), vận dụng rất hay phương pháp mượn khách để nói tiếp đến chủ. Không nói rằng khách không có lễ nghi, mà ngược lại nói khách sẵn có lễ nghi, thật giống như Tử Sản không nói chỗ cả hai đều sai, mà nói chỗ cả hai đều đúng. Thật khéo chọn ngôn từ lắm thay!

Sau đó nêu lên sự minh định của nhà Chu (3) rằng khác họ với thiên tử phải đứng sau (4), là đã có ý muốn nhường Đằng hầu lên trước. Lại trước khi muốn nói vua nước Tiết hạ mình thăm vua nước Lỗ (5), thì lại đưa ra tình huống ví như vua nước Lỗ đến triều kiến vua nước Tiết (6). Cách nói như thế thật là khiêm tốn hòa nhã, khiến người nghe tự nhiên thấy vui lòng. Chỗ này thật giống như khi Tần Mục Công nói chuyện với sứ nước Tấn, không nói mình bắt Tấn hầu về nước Tần, mà nói:'Ta muốn được cùng đi với Tấn hầu về phía tây, cũng chỉ là để thực hiện giấc mơ của nước Tấn mà thôi." Như vậy chẳng phải là khéo chọn ngôn từ lắm sao? Những việc như vậy đều là nói ra thuận với lòng người, hoàn toàn không phải những cách nói xu nịnh dùa theo ý người mà có thể so sánh được.

Giảng pháp thích hợp[352]

Thời Nam Bắc triều, đời Lưu Tống có một vị cao tăng từ Ấn Độ sang là Cầu-na-bạt-ma,[353]thuộc dòng Sát-đế-lợi,[354] là anh của vua nước KếTân.Vào tháng giêng niên hiệu Nguyên Gia thứ tám,[355]ngài đến Kiến Nghiệp.[356]Vua Văn đế mời vào diện kiến, ân cần hỏi han rồi thưa rằng:"Ta cũng thường muốn ăn chay, giữ giới không giết hại, nhưng vì còn phải lo cho dân cho nước nên không thể được, vậy biết phải làm thế nào?"

---

[352] Trích từ sách Cao tăng truyện (高僧傳). (Chú giải của soạn giả)

[353] Tên Phạn ngữ này được dịch nghĩa sang chữ Hán là Công Đức Khải (功德鎧). (Chú giải của soạn giả)

[354] Sát-đế-lợi là một trong 4 giai cấp của Ấn Độ, chính là giai cấp vua chúa cầm quyền.

[355] Tức là năm 431.

[356] Tức là Nam Kinh.

Đại sưnói: "Sự tu tập trai giới của bậc đế vương không giống với thường dân. Thường dân thân phận hèn kém, không có quyền sai sử người khác, nếu như không tự mình khắc chế, giảm bớt ham muốn thì làm sao tu thân?Nhưng đối với bậc vua chúa thì bốn bể là nhà, muôn dân là con, nói ra một lời tốt đẹp thì muôn dân vui mừng, thi hành một chính sách hiền thiệnthì người người hưởng ứng;trọng người hiền,dùng người giỏi, bớt lao dịch, giảm thuế khóa thì mưa gió thuận hòa, mùa màng sung túc.Bệ hạ nếu theo cách ấy mà giữ trai giới, thì sự trì trai ấy thật vĩ đại biết bao;nếu theo cách ấy mà giữ giới không giết hại, thì còn có công đức nào hơn? Đâu nhất thiết là phải đợi nhịn ăn được nửa ngày[357]hay cứu mạng cho một con chim rồi mới có thể cứu giúp rộng khắp muôn dân?"

Văn đế nghe xong hết mực tán thán, nói rằng: "Người thế tục đắm chìm mê muội trong những lý luận xa vời, kẻ xuất gia lại thường trì trệ cố chấp nơi giáo điều thiển cận. Theo như lời đại sư mới thật sự là khai mở trí tuệ giúp người tỏ ngộ, thấu hiểu sáng suốt mọi việc, có thể cứu độ khắp cả trời người." Sau đó liền cung thỉnh Đại sư trụ lại chùa Kỳ Hoàn nơi kinh thành.

Đến khi đại sư viên tịch, trong khoảng giữa đỉnh đầu bỗng thấy có hình trạng lạ, mường tượng uốn khúc như con rồng, từ đỉnh đầu xuất ra bay thẳng lên trời, có cả ngàn người tận mắt chứng kiến.

Lời bàn

Những lời Đại sư nóira cũng đều là lập luận của nhà Nho, nhưng lại hàm chứa giáo lý nhà Phật trong đó.Như thế mới thật là nói ra thuận với lòng người.

Khéo can ngăn[358]

Vào triều Minh, quan Thượng thư bộ Hộ là Vương Hữu Hiền, là người huyện Ninh Hương, tỉnh Sơn Tây.Ông từng bỏ tiền cưới về một người thiếp, vợ ông vì quá ghen nên đẩy người thiếp này vào hoàn cảnh rất khốn đốn. Khi Vương Hữu Hiền bận việc quan phải đi xa, bà vợ liền lén nhốt người thiếp vào một căn phòng trên lầu, đói quá sắp chết. Ông có đứa con trai tên Vương Dục Tuấn, chỉ mới mấy tuổi đầu, lúc ấy biết chuyện liền nói với mẹ: "Nếu dì ấy mà chết đói,

---

[357] Ý đại sư muốn nói đến việc giữ theo Bát quan trai giới, theo đó người thọ giới chỉ ăn vào giờ ngọ, xem như nhịn ăn nửa ngày.

[358] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

người ngoài thế nào cũng chê cười phỉ báng mẹ,chi bằng cứ mỗi ngày cho ăn một bát cháo nhỏ, để dì ấy từ từ mà chết, người ta sẽ không nói là mẹ ác độc."Bà mẹ nghe theo lời. Vương Dục Tuấn lại lén dùng một cái đãy nhỏ giấu thức ăn vào, nhân lúc mang cháo đến thì đưa cho người thiếp của cha, nhờ đó mà cô ta được sống.

Qua năm sau sinh được một đứa con trai, Vương Hữu Hiền lén đưa đến nơi khác nuôi dưỡng.Sau khi ông qua đời, Dục Tuấn hết sức thương yêu chăm sóc đứa em trai này.

Lời bàn

Khi sử dụng lời nói để giao tiếp với người khác,tất nhiên phải chọn lời nói sao cho thuận theo lòng người.Khi sử dụng lời nói để phụng sự cha mẹ,cũng không được làm trái ý cha mẹ. Tuy nhiên, Khổng tử thường nói: "Thờ cha mẹ,nếu cha mẹ có điều không tốt cũng phải khéo léo can ngăn."Khéo léo can ngăn có nghĩa là phải làm sao để cha mẹ vui vẻ nghe theo lời khuyên, mà cũng không trái ý cha mẹ. Xét như việc Vương Dục Tuấn khéo léo khuyên can mẹ,chẳng phải là hợp với lời của Khổng tử lắm sao?

Kính ngưỡng bậc thánh hiền tiên triết, đi đứng nằm ngồi thường nghĩ nhớ

Giảng rộng

Nói "tiên triết" là chỉ chung các bậc thánh hiền trong quá khứ.Được nghe lời dạy của thánh hiền thì sinh lòng ngưỡng mộ, ắt tự thân phải ra sức làm theo, giống như vẫn còn được thấy các ngài hiện diện trước mình. Nói "đi đứng nằm ngồi thường nghĩ nhớ",[359]có nghĩa là bất kỳ lúc nào cũng nhìn thấy các bậc thánh hiền như đang hiện diện trước mặt mình, nhưng không nên quá câu nệ nơi nghĩa đen của từ ngữ, mà nên hiểu là lúc nào cũng suy xét nhớ nghĩ lời dạy của các ngài để làm theo.

---

[359]Nguyên tác dùng hai chữ "canh tường" (羹牆), nghĩa là "bát canh, vách tường", lấy ý theo trong sách Hậu Hán thư có nói đến chuyện sau khi vua Nghiêu mất rồi, vua Thuấn thường nhớ nghĩ đến, mỗi khi ngồi xuống như thấy hình bóng vua Nghiêu trên vách tường, mỗi khi ăn cơm như nhìn thấy hình bóng vua Nghiêu trong bát canh. Vì thế, "canh tường" hàm ý luôn luôn nhớ nghĩ đến, dù trong lúc đi đứng nằm ngồi cũng đều tưởng nhớ.

Đạo lý của các bậc thánh hiền xưa nay, tùy theo địa phương truyền bá mà có sự linh hoạt tự nhiên nhưng không xa lìa cội gốc, nếu như quá cố chấp vào hình thứcmà trong tâm vẫn tồn tại dù chỉ một chút các ý niệm “ý, tất, cố, ngã”[360] trong lòng, ắt sẽ không khác gì Diệp công thích rồng nhưng chỉ biết đến tranh vẽ rồng chứ không biết có con rồng thật.

Năm xưa, tôi có lần gặp một người cầm trong tay quyển sách Trung dung, liền cùng ông ta bàn luận về nghĩa lý đại thể của hai chữ “trung dung”. Tôi bảo ông ấy: “Trung dung không có hình tướng, nếu cố chấp vào hình thức mà cho rằng chỉ có 33 chương trong sách này mới đúng thật là Trung dungthì đối với đạo lớn của Khổng Nhandù có nằm mơcũng không thấy được, huống chi là thực hiểu.”

Ông ấy lập tức nổi giận, nói: “Ý nghĩa ông nói đó là thiền học, chẳng phải đạo Nho của ta.” Nói xong bèn ném ngược quyển Trung dung lên bàn sách. Tôi nói: “Ông thành kẻ tiểu nhân rồi.”Ông ta hỏi vì sao, tôi nói: “Khổng tử từng nói rằng: ‘Quân tử trung dung, tiểu nhân ngược với trung dung.’Chẳng phải ông vừa ném ngược quyển Trung dung lên bàn đó sao?” Người kia lập tức cãi lại: “Khổng tử nói ‘tiểu nhân ngược với trung dung’, sao có thể chấp cho đó là quyển trung dung trong tay tôi?”Tôi liền cười lớn nói: “Tôi nói trung dung không có hình tướng, chính là như ý ông vừa nói đó.” Ông ta im lặng suy nghĩ hồi lâu, liền tự có chỗ hiểu được.

Một hôm, có người bạn đề cập đến một câu trong sách Mạnh tử: “Nếu tin hoàn toàn vào sách, chẳng bằng không đọc sách.”[361] Tôi nói: “Câu này người thường không dám tùy tiện nói ra, nhưng Mạnh tử nói thì quả đúng không sai.” Người kia vừa nghe có vẻ không hài lòng, tôi chỉ cười không nói gì thêm. Qua một lúc lâu, người ấy bỗng hiểu ra, nói: “Ông quả là người khéo đọc sách Mạnh tử. Tôi đã bị ông giễu cợt rồi.”

Các bậc tiên hiền như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, Văn vương, Vũ vương, Chu Công, Khổng tử, Nhan Hồi... đều là những bậc thánh hiền thời

---

[360] Một số nhà Nho cho rằng Khổng Tử chủ trương vô ý (chỉ ý nghĩ), vô tất (sự thiên lệch), vô cố (sự cố chấp) và vô ngã (bám chấp vào bản ngã). Ở đây tiên sinh An Sỹ có vẻ như đã sử dụng các khái niệm này của Nho gia theo cách hiểu của giáo lý nhà Phật.

[361] Nguyên văn câu này là: “Tận tín thư bất như vô thư.” (盡信書不如無書)

cổ đại, nhưng giá trị văn hiến quý báu của các ngài vẫn còn lưu lại đến nay. Trong những lúc có chút thời gian rỗi rãnh, tôi vẫn thường thả hồn quay về ngàn năm trước, tìm tòi sưu tập rồi đọc qua trước thuật của rất nhiều người, sau đó suy ngẫm trầm tư, rồi lại tham khảo qua lập luận của các bậc hiền nho ngày trước. Nếu như trong ấy có những lời thích hợp với mình, ắt thường ghi nhớ trong lòng hoặc lặng lẽ ngâm nga một mình, tự nhiên để hết tinh thần vào đó. Thỉnh thoảng lại gặp một đôi câu xét thấy chưa thực sự thông suốt, liền viết ra thành tập, đặt lại vấn đề để hy vọng có thể làm sáng tỏ hơn nữa những lời dạy của các bậc thánh hiền ngày trước, khiến cho những học thuyết ấy được vĩnh viễn lưu hành trong đời. Nhân đó mà trong khoảng 30 năm qua đã hình thành một tập sách đặt tên là "Chất Khổng thuyết", nêu một số vấn đề cần làm rõ trong học thuyết Khổng tử, vẫn dùng để tự mình suy ngẫm lấy đó làm vui, cũng không dám nói là như được thấy các bậc tiên triết trước mắt, chỉ là muốn làm sáng tỏ cái học của thánh hiền để không phụ lời giáo huấn của các ngài. Dưới đây xin trích một số vấn đề trong sách Chất Khổng thuyết, mong được chia sẻ với những người cùng chí hướng.

Trích "Chất Khổng thuyết"

Bàn về việc "họ Khổng ba đời bỏ vợ"

Thật quá đáng lắm thay!Những kẻ học Nho thiển cận không hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, vu báng điều xấu xa cho gia đình bậc thánh.Đức Khổng tử lấy lễ pháp giáo hóa người đời, trước vẫn xem việc dạy dỗ vợ con trong nhà là căn bản,[362] đức độ chưa hẳn đã kém Văn vương xưa kia. Ví như vợ ngài không được hiền đức sánh kịp Hậu phi của Văn vương, ắt cũng đâu tệ hại đến nỗi phải bị chồng xô đuổi? Một đời bỏ vợ cũng đã là chuyện ghê gớm lắm, huống chi lại đến ba đời đều bỏ vợ! Xét như đạo vợ chồng, theo đạo lý nhà Nho là chuyện hệ trọng, nếu phạm lỗi nhỏ mà bị chồng xô đuổi, ắt gia pháp họ Khổng chẳng thể bỏ qua mà không trách phạt, bằng như phạm lỗi quá lớn đến nỗi phải bị trục xuất ra khỏi gia đình, ắt phải là điều bất hạnh cho họ Khổng biết bao! Huống chi đức Khổng tử là bậc thầy mẫu mực của muôn đời, nếu như vợ ngài lại đức hạnh kém cỏi đến nỗi bị trục xuất, ắt phải tổn thương rất lớn đến thanh danh gia đình.

---

[362] Nguyên bản dùng "hình ư chi hóa" (刑於之化) là trích từ bài Tư tề, thiên Đại nhã trong kinh Thi, đại ý nói rằng trước phải dùng lễ pháp đối đãi, cư xử với vợ nhà cho tốt, sau đó đến anh em thân tộc, rộng ra mới có thể trị nước, an dân.

Thế rồi đến người con dâu của bà cũng bị trục xuất, cho đến cháu dâu lại cũng bị trục xuất, như thế thì họ Khổng có còn ra thể thống gì nữa?

Một hôm, tôi mang sách Lễ ký, thiên Đàn cung ra đọc thật kỹ và suy ngẫm, đến câu "Không phải vợ chính của ông Cấp,[363] ắt không phải mẹ của ông Bạch"[364] bỗng kinh ngạc hiểu ra, nghĩ rằng: "Đã không phải vợ chính, tất nhiên là vợ kế. Như vậy trong sách dùng chữ "xuất mẫu" (出母) hóa ra không phải chỉ "người mẹ bị trục xuất", mà là để chỉ "người mẹ đã sinh ra mình", cũng giống như nói "sinh mẫu" (生母), như vậy tức là để chỉ người mẹ ruột. Nói "không để tang xuất mẫu" là ý nói không chịu tang mẹ ruột ba năm. Ấy vì Tử Tư là con dòng thứ, Bá Ngư[365] từng bảo Tử Tư để tang mẹ ruột của mình 3 năm, Tử Tư không tiện nói với cha như vậy là sai lễ, liền nói: "Từ xưa tổ tiên gia tộc chúng ta chưa từng sai với lễ tắc quy định. Nếu có quy định chịu đại tang ắt phải làm theo."[366] Từ đó về sau, lễ nghi trong gia đình họ Khổng quy định những người con dòng thứ không để tang 3 năm cho mẹ ruột của mình, sau thành tục lệ vĩnh viễn như thế. Cho nên, trong sách Lễ ký chép rằng: "Họ Khổng có quy định [con dòng thứ] không để tang mẹ ruột là bắt đầu từ ông Tử Tư." Thật rõ ràng sáng tỏ vô cùng. Thiên Đàn cung của sách Lễ ký đã dùng chữ xuất (出) để thay cho chữ sinh (生), có thể nói là rất hay lạ, trang nhã mà không rơi vào khuôn sáo.

Các nhà Nho đời sau tự mình không hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, sao lại khiến cho bậc phu nhân muôn đời kính ngưỡng phải chịu tiếng xấu ác? Xét như các quan đại phu ngày nay thôi, nếu như vợ họ chưa từng bị trục xuất, xô đuổi, mà bị người ta đồn đãi rằng bị trục xuất, hẳn phải lấy đó làm mối hận muôn đời. Người quân tử có lòng nhân đức, nếu nghe biết việc như thế ắt phải thay người mà minh oan, làm rõ sự việc để giải tỏa mối hận ấy. Huống chi việc này lại xảy

---

[363] Khổng Cấp là tên thật của Tử Tư, cháu nội đức Khổng tử.

[364] Nguyên văn câu này là: "Bất vi Cấp dã thê giả, thị bất vi Bạch dã mẫu." (不為伋也妻者，是不為白也母。)

[365] Bá Ngư là con trai Khổng tử, tức là cha của Tử Tư.

[366] Tử Tư nói như vậy là ý muốn nhắc cha mình rằng theo lễ nghi không có quy định chịu đại tang đối với người mẹ là vợ thứ, không phải chánh thất.

ra với vị phu nhân của một bậc đại thánh nhân, khiến cho đến ba đời con dâu trong nhà đều phải ôm mối hận ngàn đời như vậy? Cho nên, việc này cần phải được cải chính, giải thích cho mọi người đều rõ, làm sáng tỏ chỗ sai lầm từ trước đến nay.

Lời bàn

Người xưa bỏ vợ, phần lớn trường hợp chỉ vì những lỗi lầm nhỏ, không phải lúc nào cũng là do đánh mất đạo đức lễ nghĩa. Như xem trong sách *Khổng tử gia ngữ* (孔子家語) thấy Tăng tử bỏ vợ chỉ vì chưng quả lê không chín. Lại xem trong sách *Mạnh tử ngoại thư* (孟子外書), thấy chép việc Mạnh tử định bỏ vợ chỉ vì nhìn thấy bà ngồi xoạc chân khó coi.Ông đem việc này thưa với mẹ, bà mẹ trách Mạnh tử thất lễ, Mạnh tử nghe lời mẹ, liền tự trách, thôi không bỏ vợ.

Xem qua đó thì có thể biết, bài văn này là vì những kẻ hậu Nho thiển cận hiểu sai mà phương tiện nói ra, vì mối oan chưa được rửa sạch của ba đời phu nhân nhà họ Khổng mà nói ra, cho nên chỗ dụng tâm thật hết sức tốt đẹp, khó nhọc. Chỉ có điều là người đọc cần phải thận trọng đừng để cố chấp nơi từ ngữ mà hiểu sai ý tứ, lại ngộ nhận rằng ba đời họ Khổng đã khai sinh ra thói xấu cưới thêm vợ lẽ. Đó là điều nhất thiết phải phân biện cho rõ.

Bàn về quan niệm “ngoài đạo trung thứ không có lẽ suốt thông”[367]

Đức Khổng tử nói rằng: “Đạo của ta chỉ một điều suốt thông tất cả.” Đó chính là đạo lý căn bản một đời của Khổng tử, cũng là chỗ đạo lý căn bản được truyền lại qua bao đời thánh hiền kể từ vua Nghiêu, vua Thuấn, Văn vương, Vũ vương, Chu công... Nhan Hồi từ chỗ “học rộng khắp văn chương, tóm gọn theo lễ nghĩa” mà sau mới hiểu ra được lời dạy “một điều suốt thông” của thầy, cho nên mới bùi ngùi mà cảm thán.[368]Ngoài Nhan Hồi ra, những người được truyền thụ chỗ thấu suốt này bất quá chỉ có được Tăng tử với Tử Cống mà thôi.

---

[367] Nguyên văn là “trung thứ chi ngoại vô nhất quán” (忠恕之外無一貫).

[368] Theo sách Luận ngữ (論語) thì Mạnh tử đã nói về đạo của thầy mình (Khổng tử) là: “Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu.” -仰之彌高，鑽之彌堅，瞻之在前，忽焉在後. – Ngẩng trông càng thấy cao, thử thách càng thấy cứng, thoạt thấy phía trước, bỗng hiện phía sau.

Nguyên lý "một điều suốt thông" của Khổng tử hàm ý đâu đâu cũng là đạo. Vì thế mà khi ngài đứng nơi ven sông trên thượng nguồn đã từng cảm thán: "Chảy mãi như thế này sao!" Khi ngài dạy cho môn đệ thường nói: "Ta chẳng có điều gì không dạy cho các ông." Thật ra, đức Khổng tử nói câu "một điều suốt thông" lại chính vì muốn chỉ rõ ngay trước mắt cho những kẻ đã bước ra đường lại không biết lối đi, đã ăn món ngon lại không biết mùi vị. Môn đệ thảy đều không hiểu được ý nghĩa ấy, nên mới đưa ra câu hỏi: "Thế là thế nào?" Tăng tử là người đã trực nhận, lại cũng dùng phương pháp chỉ thẳng ngay trước mắt mà dạy cho những người kia rằng: "Đạo của thầy ta, chỉ hai chữ trung thứ là gồm đủ."[369]

Ví như có người đặt câu hỏi rằng: "Biển giống như thế nào?" Có người khác liền mang một chén nước biển đưa cho người ấy, nói rằng: "Đây chính là nước biển." Nếu như lại cho rằng ngoài chén nước biển ấy không còn có biển lớn mênh mông, thì quả thật chỉ là người ngu si nói chuyện sằng bậy. Ngày nay có những học giả cứ mở miệng là nói: "Ngoài đạo trung thứ, không có lẽ suốt thông nào cả." Như vậy có khác gì với kẻ ngu si vừa nói trên?

Bàn về câu "Ung[370]dã khả sử nam diện"

Mấy chữ *"khả sử nam diện"* (可使南面 - có thể quay mặt về hướng nam) được sách *Tứ thư chương cú tập chú*(四書章句集註) giải thích là "vị thế của bậc nhân quân".Dựa theo đó mà xưa nay vẫn cho rằng, vì Trọng Cung là người khoan dung độ lượng, chân thật mà cẩn trọng, có được khí độ của bậc quân vương, nên đức Khổng tử mới nhận xét như thế.[371]

---

[369] Nguyên văn trong Luận ngữ (論語): Khổng tử nói: "Trò Sâm này, đạo của ta chỉ một điều suốt thông tất cả." Tăng tử đáp: "Dạ." Khổng tử đi ra ngoài. Môn nhân đều không hiểu, hỏi Tăng tử: "Thế là thế nào?" Tăng tử đáp: "Đạo của thầy ta, chỉ hai chữ trung thứ là gồm đủ." - 子曰：參乎！吾道一以貫之。曾子曰：唯。子出。門人問曰：何謂也？曾子曰：夫子之道，忠恕而已矣。(Tử viết: Sâm hồ! Ngô đạo nhất dĩ quán chi. Tăng tử viết：Duy. Tử xuất. Môn nhân vấn viết：Hà vị dã? Tăng tử viết: Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ.)

[370] Ung là tên của Trọng Cung, một môn đệ của Khổng tử.

[371] Nguyên văn trong sách Luận ngữ: 子曰：雍也可使南面。 - Tử viết: Ung dã, khả sử nam diện. (Trò Ung có thể làm người quay mặt về hướng nam.)

Nhưng xét lại tự thấy cách hiểu như vậy có chỗ chưa thỏa đáng.“Nhân quân” là danh hiệu để xưng bậc thiên tử của chư hầu. Trọng Cung tuyhiền đức nhưng vai vế vẫn là hàng đệ tử của Khổng tử.Một người luôn hết mực “tôn quân” như Khổng tử, lẽ nào lại đặt đệ tử mình lên vị trí bậc thiên tử của chư hầu? Lại thử hỏi,nếu thế thì phải đặt thiên tử nhà Chu vớivua nước Lỗ là Lỗ Định công ở vào địa vị nào?

Xét rằng từ xưa đến nay, bất kỳ ai đã được bổ làm quan chức dù lớn hay nhỏ, đã được một thân vinh hiển, ắt người nào cũng cần phải quay mặt về nam để soi xét việc của dân. Cho nên, bất kỳ quan viên chức sắc nào dự vào hàng cầm quyền cai trị dân thì đều “có thểquay mặt về hướng nam” cả.

Bàn về câu “chấp tiên chi sĩ”[372]

Trong cách dùng ngày xưa, hai chữ *sĩ*(士) và *sự*(事) có thể thay thế cho nhau.

Trong sách Chu thư, thiên Khang cáo có câu: “Kiến sĩ ư Chu”(見士於周) lại có nghĩa là “Thấy sự việc ở nước Chu”.Theo lẽ ấy mà xét thì cụm từ *“chấp tiên chi sĩ”* (執鞭之士) ắt phải được hiểu là “việc cầm roi đánh xe” chứ không phải là “kẻ sĩ cầm roi đánh xe”.

Nếu như hiểu chữ *sĩ* trong cụm từ đó là kẻ sĩ, tức người quân tử, thì như đức Khổng tử đã có dạy rất rõ rằng: “Ở ẩn tại nhà không đáng là kẻ sĩ.”[373] Ở ẩn tại nhà mình, không đóng góp tài trí cho nhân quần xã hội, còn “không đáng là kẻ sĩ”, huống hồ lại đi cầm roi đánh xe hầu hạ người khác?

---

[372] Trong sách Luận ngữ (論語) có đoạn: “Tử viết: Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi. Như bất khả cầu, tùng ngô sở hảo. - 子曰：富而可求也，雖執鞭之士，吾亦為之。如不可求，從吾所好。 (Khổng tử nói: Giàu sang phú quý nếu có thể cầu mà được, dẫu là việc cầm roi đánh xe hầu người khác ta cũng làm. Nếu như không thể cầu được, thôi hãy làm theo những gì ta thích.) Ở đây muốn bàn về cách hiểu chữ sĩ (士) trong câu này.

[373] Nguyên văn lời Khổng tử: “Sĩ nhi hoài cư bất túc vi sĩ.” - 士而懷居不足為士。

Bàn về câu "vật hữu bản mạt"[374]

Sách *Tứ thư chương cú tập chú* (四書章句集註) chú giải rằng "đoạn này nối tiếp ý của câu văn trước đó". Vì thế nên xưa nay vẫn hiểu rằng, trong câu "vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy" (物有本末，事有終始) thì "vật hữu bản mạt" (vật có gốc, ngọn) được xem là phần đầu, "sự hữu chung thủy" (sự việc có đầu, cuối) được xem là phần sau, cả hai tạo thành một đoạn nối tiếp theo văn trước đó.

Tuy nhiên, xét thật kỹ càng thông suốt văn mạch toàn chương, thì thấy đoạn này không phải nối tiếp phần trước nó, mà thật ra là được viết để khởi đầu cho đoạn tiếp theo. Hiểu theo cách này thì chữ vật (物) được dùng để chỉ phần nội dung trong câu tiếp theo bên dưới,[375] bao gồm: *"thân, tâm, ý, tri, gia, quốc, thiên hạ"*; mà chữ sự (事) tức là các việc *"cách, trí, thành, chính, tu, tề, trị, bình"*. Chữ vật (物) với chữ sự (事) được hiểu phối hợp theo cách này thì tất cả ý tứ đều phù hợp, mà lại càng làm tăng thêm ý nghĩa rõ ràng mạnh mẽ hơn.

Nếu lấy *quốc* (đất nước) so với thiên hạ, thì đất nước phải là gốc, mà thiên hạ là ngọn; lấy *gia* (nhà) so với *quốc* (đất nước), thì nhà phải là gốc, mà đất nước là ngọn; cứ thế mà xét, cho đến các khái niệm *thân, tâm, ý, tri* cũng đều tương tự như vậy. Như thế, có thể thấy hai chữ "bản, mạt" (gốc, ngọn)đã biến hóa vô cùng linh hoạt, kỳ diệu.

Nếu lấy *trị* (治) so với *bình* (平) mà xét, thì *trị* phải là đầu, mà *bình* là cuối; lấy *tề* (齊) so với *trị* (治) mà xét, thì *tề* phải là đầu, mà *trị* là cuối; cứ thế mà xét,

---

[374] Sách Đại học (大學) có một tiết là: "Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ." -"物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣。"

[375] Nguyên văn đoạn được bàn đến ở đây là: "Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri; trí tri tại cách vật.Vật cách nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình."- 欲治其國者；先齊其家；欲齊其家者，先修其身；欲修其身者，先正其心；欲正其心者，先誠其意；欲誠其意者，先致其知；致知在格物。物格而後知至，知至而後意誠，意誠而後心正，心正而後身修，身修而後家齊，家齊而後國治，國治而後天下平。

cho đến các khái niệm *cách, trí, thành, chính* cũng đều tương tự như vậy. Như thế, có thể thấy hai chữ “thủy, chung” (đầu, cuối) đã biến hóa vô cùng linh hoạt, kỳ diệu.

Những khái niệm “bản, mạt, thủy, chung” (gốc, ngọn, đầu, cuối) đã được vận dụng linh hoạt như thế, tất nhiên các khái niệm “tiên, hậu” (trước, sau) cũng sẽ linh hoạt như thế, cho đến khái niệm “cận đạo” (gần với đạo) cũng sẽ linh hoạt như thế.

Cho nên, đoạn văn này thật ra sử dụng bút pháp hư ảo, không tự có thật nghĩa, chỉ để dẫn khởi cho 8 đề mục thực nghĩa bên dưới.[376] Vì thế mà trực tiếp trước đó là hai đoạn mở đầu với *“cổ chi dục minh minh đức”* (古之欲明明德), và liền theo sau là hai câu *“tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ”* (知所先後，則近道矣).

Nếu như cho rằng “vật hữu bản mạt” với “sự hữu chung thủy” là 2 phần của một đoạn văn nối tiếp ý văn trước đó, thì sự phối hợp ý nghĩa xét ra rất nhiều chỗ khiên cưỡng. Xét như đoạn văn trước đó mở đầu bằng “tri chỉ nhi hậu hữu định” (知止而後有定), thật ra đã là nối tiếp câu trước đó nữa với ý cuối câu là “chỉ ư chí thiện” (止於至善), cho nên “vật hữu bản mạt” đương nhiên không thể có sự nối tiếp tương ứng với đoạn trước nó.

Huống chi hai đoạn “vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy” lại rõ ràng có ý đề khởi mạnh mẽ chứ không phải ý nối tiếp. Như hiểu ngược lại theo ý tứ của đoạn văn trên, thì “tâm định” làm sao có thể gọi là “sự”, chỗ được an ổn cũng làm sao có thể gọi là “sự”? Hiểu như thế thì một chữ “sự” tự nó đã không có nghĩa thỏa đáng, tất nhiên hai chữ “tiên hậu” theo sau cũng không thỏa đáng, mà đến “tắc cận đạo hỹ” lại càng không thỏa đáng.

---

[376] Tức là 8 cặp đề mục “thân, tâm, ý, tri, gia, quốc, thiên hạ” và “cách, trí, thành, chính, tu, tề, trị, bình”, được sắp xếp tương ứng với nhau.

Cách hiểu sai lệch này tuy không liên quan đến tông chỉ lớn lao, nhưng nếu như có thể ít nhiều làm sáng tỏ hơn kinh sách của thánh hiền thì cũng nên nói rõ ra để mọi người đều biết.

Bàn về việc thêm chương "Cách vật trí tri" vào sách Đại học

Chu Hy khi đọc cổ bản của sách Đại học (大學), cho rằng tiếp theo chương "Thính tụng" (聽訟) thứ tư đã bị mất đi chương thứ năm là "Cách vật trí tri" (格物致知).Do đó, ông sử dụng ý tưởng của Trình tử rồi tự mình viết bổ sung chương ấy, xếp vào trong sách "Hiền truyện". Bấy giờ, những người học Nho tranh cãi rất nhiều, không cùng một ý. Nhiều người cho rằng, các vị hậu Nho tuy là hiền đức cũng không có lý nào lại tự mình viết thêm vào kinh sách của thánh nhân.

Khổng tử viết kinh Xuân thu, có những sự mất mát, thiếu sót, đại loại như đến đoạn nói về Hoàn Công năm thứ 14,sau hai chữ "hạ ngũ" (夏五) bị mất một chữ, hoặc phần nói về Trang Công năm thứ 24, sau hai chữ "quách công" (郭公) bị mất một đoạn... vì sao không vận dụng kiến thức của mình để viết bổ sung vào cho hoàn chỉnh, mà cuối cùng vẫn để những chỗ ấy là tồn nghi? Là vì có sự thận trọng. Huống chi phần bổ sung của Chu tử là người thuộc thời đại gần đây, cách hành văn hoàn toàn không giống với phong cách được sử dụng trước đây trong kinh sách của thánh nhân, lại chưa hẳn đã không bị rơi vào chỗ "biết một mà chẳng biết hai".

Theo chỗ suy luận của tôi thì thật ra chương sách này không hề bị mất, mà phần giải thích ý nghĩa "cách vật trí tri" thật ra là nằm trong chương "Thính tụng" (聽訟). Xét như lý lẽ của sự vật trong thiên hạ vốn là không cùng tận, tiến vào một cảnh giới, ắt lại hiện ra thêm một cảnh giới khác nữa. Lấy như trong việc xét xử tranh tụng mà nói, mọi người đều cho rằng nếu đạt được đến chỗ phân tích cặn kẽ sự việc, phán quyết công bằng thích đáng, ắt đã là cùng cực. Thế nhưng nào biết rằng, vượt trên sự cùng cực đó còn có cấp độ cao hơn của sự "không tranh tụng", quả thật vượt xa rất nhiều.

Người thấu suốt được cấu trúc vận hành của sự vật, ắt nhận biết được lý lẽ trong thiên hạ, từng bước từng bước thấu hiểu đến chỗ cao tột nhất, thì những việc như "*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*" đều không còn khó nữa. Vì thế chỉ

mượn một việc "tranh tụng" làm ví dụ đơn cử, từ đó suy ra cho đến mọi sự mọi việc trong thiên hạ cũng cùng một nguyên lý ấy,thật ra hoàn toàn không nhằm giải thích về ý nghĩa "bản mạt".

Chương này vốn nhấn mạnh vào chữ *tri* (知) trong "cách vật trí tri", không phải nhấn mạnh vào chữ bản (本) trong "bản mạt". Chu Hy khi đọc chương này lại chú ý đến chữ "bản" mà quên mất rằng chương này chú trọng chữ "tri", vì thế mới cho rằng chương này giải thích ý nghĩa "bản mạt", từ đó tiếp tục suy ra rằng chương giải thích về "cách vật trí tri" đã bị mất!

Xét như toàn bộ các chương giải thích của Tăng tử trong sách Đại học, thật không ngoài 3 cương lĩnh, 8 đề mục[377] đã nêu ở đầu sách. Vậy riêng khái niệm "bản mạt" vốn không phải cương lĩnh, cũng chưa đủ là đề mục, vì sao lại có một chương giải thích riêng? Lại nếu như "bản mạt" đã được giải thích, tại sao "chung thủy" lại không được giải thích? Nay phân tích thật kỹ và suy ngẫm về cách hành văn trong các sách truyện thánh hiền thì tự nhiên thấy rõ. Như chương "Thành ý" (誠其意) được dùng làm chương đầu tiên của phần giải thích 8 đề mục, nên mở đầu là "Sở vị thành kỳ ý giả" (所謂誠其意者), lấy cách viết này áp dụng cho cả 4 chương tiếp theo sau, đều giống như vậy.[378] Nếu như phía trước chương giải thích về "thành ý" lại đặt thêm một chương *"sở vị trí tri tại cách vật"* thì hóa ra văn pháp hoàn toàn rối loạn, không còn tương hợp nhất quán nữa.

Hiện nay hai phần kinh, truyện trong sách Đại học vẫn còn đủ, sao người đọc sách không tĩnh tâm xét lại một lần thử xem? Đến như hai câu cuối cùng "thử vị tri bản" (此謂知本) và "thử vị tri chi chí dã" (此謂知之至也) đều là những câu

---

[377] Về 8 đề mục đã nói trong phần trước, còn 3 cương lĩnh là: "minh minh đức (明明德), thân dân (親民) và chỉ ư chí thiện (止於至善)".

[378] Như chương Tu thân (修身) mở đầu bằng câu "Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả"; chương Tề gia (齊家) mở dầu bằng câu "Sở vị tề kỳ gia tại tu kỳ thân giả"; chương Trị quốc (治國) mở đầu bằng câu "Sở vị trị quốc tất tiên tề kỳ gia giả."; chương "Bình thiên hạ" (平天下) mở đầu bằng câu "Sở vị bình thiên hạ tại trị kỳ quốc giả."

cảm thán kết ý, khiến cho người đọc hốt nhiên bừng tỉnh, lãnh hội được ý tứ, nhất định không thể xem là dư thừa.

Bàn về cụm từ "phục Nghiêu chi phục"

Chữ *phục* (服) chính là được dùng với nghĩa như chữ *sự* (事). Trong sách *Thượng thư* (尚書), thiên *Trọng hủy chi cáo* (仲虺之誥) có câu *"toản vũ cựu phục"* (纘禹舊服) và thiên *Bàn Canh thượng* (盘庚上) có câu *"dĩ thường cựu phục"* (以常舊服), thảy đều dùng chữ *sự* (事) để giải thích nghĩa của chữ *phục* (服).

Trong sách Mạnh tử (孟死), thiên Cáo tử hạ (告子下), cụm từ "phục Nghiêu chi phục" (服堯之服) chính là muốn nói "sự Nghiêu chi sự" (事堯之事), nghĩa là "làm theo việc của vua Nghiêu". Đoạn văn tiếp theo có 2 câu *"tụng Nghiêu chi ngôn, hành Nghiêu chi hạnh"* (誦堯之言，行堯之行), nghĩa là "đọc tụng những lời của vua Nghiêu, làm theo công hạnh của vua Nghiêu", chính là để giải thích cho cụm từ "phục Nghiêu chi phục". Có thể tham khảo thêm chữ "*động*" (動) trong sách Trung dung, ở câu *"quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo"* (君子動而世為天下道), để thấy chữ *động* (hành động) ở đây chính là bao hàm cả *ngôn* (nói) và *hành* (làm) của câu giải thích trong sách Mạnh tử.

Hiện nay trong sách Mạnh tử tập chú (孟子集注),ở đoạn Mạnh tử trả lời các câu hỏi của Tào Giao, phần chú giải lại nói rằng *"y phục, lời nói, hành động đều không theo lễ nghĩa, nên mới lấy những việc ấy mà bảo"*. Cứ theo đây mà hiểu thì rõ ràng chữ *phục* (服) được hiểu là y phục. Thế nhưng,nếu nói về y phục thì thời vua Nghiêu vốn được chế tác phân thành 12 kiểu loại,[379]dành cho các tầng lớp có địa vị khác nhau trong xã hội, Tào Giao bất quá cũng chỉ là em

---

[379] Mười hai kiểu loại y phục này được chế tác dựa theo các ý tưởng "nhật, nguyệt, tinh thần, sơn, long, hoa trùng, tảo, hỏa, phấn, mễ, phủ, phất".

của Tào Quân, lấy tư cách gì để mặc y phục giống như vua Nghiêu? Bằng như nói rằng không phải mặc y phục giống vua Nghiêu, nhưng là mặc theo y phục được chế tác vào thời vua Nghiêu, thì y phục qua từng thời đại vốn đều có sự thay đổi khác nhau, lại như Khổng tử từng nói: "Sinh vào thời nay mà quay lại theo nếp thời xưa ắt phải chuốc họa vào thân."[380] Tào Giao sinh vào cuối đời Chu, lại bảo ông ta phải mặc theo y phục của 1.800 năm trước, chẳng phải quái đản lắm sao? Lại xét như vua Kiệt tuy là bạo ngược vô đạo, nhưng y phục của ông ta dùng chắc chắn vẫn là y phục của bậc thiên tử, quyết không thể nào lại nói rằng: "Ta là ông vua vô đạo, phải chế tác riêng loại y phục vô đạo cho ta dùng, lưu lại cho hậu thế." Tào Giao sao có thể phỏng chế theo y phục lưu lại của thời xưa để mặc?

Cho nên, chỉ có thể giải thích chữ *phục* (服) là được dùng thay chữ *sự* (事) thì ý nghĩa mới phù hợp.

Lời bàn

Kinh thư là sách vở văn chương của thánh hiền, lý lẽ đúng thật là lý lẽ được thiên hạ từ xưa đến nay đều công nhận là đúng. Đã là lý lẽ cần được thiên hạ công nhận, thì người trong thiên hạ đều có quyền phân tích bàn luận. Sở dĩ người xưa trước tác thư tịch thảy đều có câu "đợi người quân tử đời sau", đó là vì trong lòng hết sức mong muốn người đời sau có thể vượt hơn người đi trước, hoàn toàn không muốn rằng càng về sau mỗi đời lại mỗi kém cỏi hơn. Nếu như nói rằng, vì đã có những cách giải thích cố định của người đi trước, nên người sau dù có phát minh điều gì cũng không được nói ra, thế tức là chỉ một nhà Nho đi trước cũng đã đủ để bịt miệng khắp cả thiên hạ đời sau rồi, lẽ nào lại như thế được sao?

---

[380] Nguyên văn:"生乎今之世，返古之道，如此者，災及其身者也。 - Sinh hồ kim chi thế, phản cổ chi đạo, như thử dã, tai cập kỳ thân giả dã.

Cẩn thận giữ gìn phẩm hạnh,lúc một mình suy xét không hổ thẹn với lòng

Giảng rộng

Sự khác biệt giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân xét cho cùng cũng chỉ là ở chỗ dựa vào chính mình hay sống dựa vào người khác mà thôi.[381] Nếu như người có ý chí dựa vào chính mình, nhưng trong những lúc ở nơi vắng vẻ không người lại không thể giữ tâm nghiêm khắc ngăn phòng, sợ sệt cảnh giác, thì dù có sự nỗ lực dựa vào chính mình nhưng vẫn không khỏi có lúc sơ sót lỗi lầm. Người xưa nói: “Đi một mình không thẹn với bóng, nằm một mình không thẹn với chăn.”[382] Khi có thể đạt đến chỗ không thẹn với bóng, với chăn như thế, tức là đã đạt được sự thận trọng giữ mình đến mức cùng cực.

Câu văn này nói lên sự hiện thực hóa câu trước đó, tức là: *“Kính ngưỡng bậc thánh hiền tiên triết, đi đứng nằm ngồi vẫn thường nghĩ nhớ.”* Vì từ chỗ kính ngưỡng, thường nghĩ nhớ như vậy nên mới có thể thực hành giữ gìn phẩm hạnh, đạt đến chỗ không có gì phải hổ thẹn với lòng.

Câu văn này cũng lại nói lên sự chuẩn bị nền móng căn bản cho câu tiếp theo, tức là: *“Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo.”* Vì từ chỗ giữ gìn phẩm hạnh được hoàn toàn trong sáng, mới có thể tránh xa được tất cả các thói hư tật xấu và thành tựu được hết thảy các hạnh lành.

Trong văn nói việc thận trọng *“lúc ở một mình suy xét”*, không có nghĩa là chỉ thận trọng giữ mình trong lúc không có ai quanh mình, mà nên biết rằng cả những thời gian *trước* và *sau* đó cũng đều phải có công phu hành trì. Trong thời gian *trước* lúc ở một mình, phải chuyên cần nỗ lực trong sự học hỏi rộng khắp, thẩm xét rõ ràng, suy ngẫm thận trọngvà phân tích sáng suốt. Trong thời gian

---

[381] Nguyên văn: 君子小人之分，不過為己為人之別。 (Quân tử tiểu nhân chi phân, bất quá vi kỷ vi nhân chi biệt.) Sách “Luận ngữ toàn giải” trích lời Dương tử nói: ”Đại nhân chi học vi đạo, tiểu nhân chi học vi lợi. Tắc vi đạo dĩ mĩ kì thân giả, vi kỉ giả dã; vi lợi dĩ vi cầm độc giả, vi nhân giả dã.” - 大人之學為道，小人之學為利。則為道以美其身者，為己者也；為利以為禽犢者，為人者也。(Cái học của bậc đại nhân là vì đạo, cái học của kẻ tiểu nhân là vì lợi. Vì đạo thì làm đẹp cho thân mình, tức là dựa vào chính mình; vì lợi thì như loài cầm thú, tức là dựa vào người khác.) Lại trích lời Phạm Diệp giải thích: “Vi kỷ giả, nhân tâm dĩ hội đạo. Vi nhân giả, bằng dự dĩ hiển vật.” - 為己者因心以會道，為人者憑譽以顯物。(Người dựa vào chính mình, do nơi tâm mà hiểu đạo. Người dựa vào người khác, cầu nơi tiếng khen để rõ sự vật.) Như vậy, ở đây “vi kỷ” có nghĩa là biết dựa vào nỗ lực của chính bản thân mình để tu tập hoàn thiện, chứ không có nghĩa là ích kỷ.

[382] Nguyên văn là: “Độc hành bất quý ảnh, độc ngọa bất quý khâm.” (独行不愧影，独卧不愧衾。)

sau lúc ở một mình,phải nỗ lực thực hành tất cả những gì đã học hiểu và suy ngẫm được.

Câu văn này kết hợp với câu văn trước đó thành một dụng ý cực kỳ sâu sắc, công phu thực hiện hết sức tinh tế ẩn mật, rõ ràng là Đế quân tự nói ra những sở đắc của chính mình, không phải chỗ người phàm tục có thể biết được.

Thời gian hay khung cảnh "một mình suy xét" thì ai ai cũng có, nhưng hoàn toàn không giống nhau. Kẻ tham danh có chỗ "một mình suy xét" của sự tham danh, người hám lợi có chỗ "một mình suy xét" của sự hám lợi. Hết thảy đều do chìm trong biển nghiệp mênh mang, không rõ biết được sự giác ngộ, chẳng khác nào như rồng không thấy đá, cá không thấy nước;như con người không thấy được những hạt bụi quá nhỏ, như người sống không thấy được ma quỷ, đó đều là những lẽ tự nhiên cả.

Nếu như trong trạng huống tự nhiên "không thấy" đó, vào những lúc đêm khuya thanh vắng có thể một mình tĩnh lặng suy xét, tự vấn chính mình: Đối với cha mẹ, anh chị em hiện nay, mình đã có lúc nào hết lòng hiếu thuận, đối đãi tử tế chưa? Đối với người trong thân tộc, bằng hữu, thật sự đã có bao giờ mình đối đãi chân thành với họ chưa? Trong giao tiếp ứng xử có gì sai lầm, không tốt chăng? Trong chuyện tiền bạc, quả thật mình có thể thấy điều lợi kịp nghĩ đến nhân nghĩa, không nhận những đồng tiền phi nghĩa từ người khác hay chăng? Trong những lúc đi đứng nằm ngồi, có thường nghĩ nhớ đến công ơn cha mẹ, một lòng muốn báo đáp chăng? Mỗi ngày từ sáng đến tối, có bao giờ được một vài lần phát khởi những ý niệm tốt đẹp cứu người giúp đời chăng? Đối với nữ sắc có thật không thèm muốn ưa nhìn chăng? Thấy người được thành tựu, có thật không sinh lòng ghen ghét đố kỵ chăng? Những lúc sống trong hoàn cảnh thuận lợi, có thật sự giữ mình khiêm hạ, không kiêu căng xa xỉ chăng? Có thật không lấn lướt ngược đãi những người cô thế yếu ớt không nơi nương tựa chăng?Mỗi ngày đến bữa ăn có thường nhớ nghĩ công lao khó nhọc của những người nông dân cần khổ hay chăng? Có người nghèo khó đến xin, có thật khởi tâm thương xót chia sẻ ít nhiều cho họ mà không chán ghét chăng?Cứ như vậy lần lượt tự kiểm điểm lại, ắt là trong chỗ "một mình tự xét" như thế không khỏi nhận ra những điều khiến mình hết sức ray rứt hối hận, làm sao có thể xem thường mà tự tha thứ cho mình được?

Trưng dẫn sự tích

Thích thú thấy người khác săn bắn[383]

Đời Bắc Tống, tỉnh Hà Nam có người tên Trình Hạo,[384] tên tự là Bá Thuần, học giả đương thời đều tôn xưng là tiên sinh Minh Đạo. Thuở nhỏ Trình Hạo rất thích săn bắn, về sau được gặp tiên sinh Chu Đôn Di ở Liêm Khê[385] thì quyết định dứt trừ thói tật ấy, tự nói rằng mình đã dứt sạch không còn chút hứng thú gì với việc ấy cả.

Tiên sinh Liêm Khê dạy: "Sao có thể nói dễ dàng như vậy?Chẳng qua tâm niệm cũ của ông đang tạm thời tiềm ẩn chưa bộc phát đó thôi. Một ngày nào đó nó phát lộ ra, ắt sẽ lại giống như trước thôi."

Trải qua đến 12 năm, một hôm Trình Hạo tình cờ nhìn thấy người khác săn bắn, quả nhiên khởi tâm thích thú. Lúc ấy mới biết lời dạy của tiên sinh Liêm Khê là đúng.

Lời bàn

Từ bỏ sự giết hại và làm việc phóng sinh, đó là cách dễ nhất để bỏ ác làm thiện. Từ bỏ việc săn bắn là hình thức giới sát phóng sinh rõ ràng dễ thấy nhất. Tiên sinh Minh Đạo là một bậc hiền đức, lại trải qua đến 12 năm học đạo, vậy mà cái căn gốc của tâm giết hại vẫn còn chưa dứt sạch. Thế nên đối với những bậc cao tăng giới luật tinh nghiêm, thiên thần đều kính lễ cũng là chuyện đương nhiên.

Về sau, tiên sinh Minh Đạo từng đến Nam Kinh làm quan, thấy người làng thường dùng keo dính bôi lên cây sào để bẫy bắt chim, tiên sinh liền cho bẻ gãy hết những cây sào ấy, rồi hạ lệnh cấm hẳn luôn việc đó. Đến lúc ấy thì tâm giết hại ngày xưa đã thực sự được đoạn trừ. Cho nên có thể thấy rằng công phu "thận trọng tự mình suy xét" thật không dễ dàng chút nào, đâu chỉ riêng là

---

[383] Trích từ sách Tánh lý tông chỉ (性理宗旨). (Chú giải của soạn giả)

[384] Trình Hạo (1032-1085) cùng với em là Trình Di (1033-1107) đã phát triển học thuyết của Chu Đôn Di. Họ Chu và họ Trình đã có những đóng góp đáng kể vào học thuyết cũng như tư tưởng của Nho giáo.

[385] Chu Đôn Di thường được gọi là tiên sinh Liêm Khê (濂溪), là nhà Nho nổi tiếng vào đời Tống, sinh năm 1017 và mất năm 1073.

những cái khó như mười năm đọc sách chưa dứt được sự kiêu căng, mười năm đọc sách chưa dứt được lòng tham muốn công danh?

Hốt khởi niệm tà[386]

Xưa có vị thiền sư nghiên cứu học hỏi về lẽ thiền, công phu tu tập có nhiều tiến bộ, muốn cầu được hòa thượng ân sư truyền pháp.Hòa thượng không đồng ý, khiến ông cũng có chút oán trách.

Sau khi hòa thượng viên tịch, trải qua đến 20 năm sau, vị tăng ấy một hôm tình cờ trong lúc đi dọc theo bờ sông, bỗng nhìn thấy từ xa ở phía bờ bên kia có một người con gái đang rửa chân, trong lòng hốt nhiên khởi lên tà niệm, thấy đôi chân người con gái kia có làn da trắng đẹp quá! Ngay lúc ấy bỗng thấy hòa thượng ân sư hiện ra bên cạnh, nghiêm khắc gặn hỏi: “Tâm niệm vừa rồi của ông có thể nhận truyền y bát tổ sư được chăng?” Vị tăng hết sức hổ thẹn, quỳ lạy cầu xin sám hối.

Lời bàn

Nói theo người thế tục thì tâm niệm ấy bất quá chỉ là một lỗi hết sức nhỏ nhặt. Nhưng nếu luận theo giới luật của người xuất gia thì tâm niệm ấy đã là phạm giới rồi. Khắp trong sáu tầng trời thuộc cõi Dục, chúng sinh không giống như ở cõi người, được hưởng phước báo càng lớn thì tâm tham dục càng giảm đi. Đến như trên cõi trời Hóa lạc thì chúng sinh khác giới tính bất quá chỉ nhìn nhau thôiđã đủ thỏa mãn lòng dục, không cần nói năng đùa cợt. Lại cao hơn thế nữa, đến cõi trời Tha hóa tự tại thì nam nữ chỉ cần được nghe âm thanh, hay ngửi mùi hương của nhau cũng đủ để thỏa mãn lòng dục, không cần phải đưa mắt nhìn nhau nữa. Thật chẳng giống như người thế gian đắm chìm trong tham dục luyến ái, đến nỗi ham muốn không hề biết mệt mỏi!

Phát nguyện không ăn thịt trâu[387]

Vào triều Thanh, tại huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô có một viên thư lại họ Vương. Vào năm Đinh Dậu thuộc niên hiệu Thuận Trị,[388] vì chuyện ghi chép lương tiền có sai sót nên bị giam rồi chết trong ngục Bắc Đô.

---

[386] Trích từ Cao tăng truyện (高僧傳). (Chú giải của soạn giả)

[387] Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

Đến tháng tư niên hiệu Khang Hy năm thứ hai,[389] có con trai của Kim Thái là Hán Quang, người Tô Châu, từ kinh thành đi thuyền về quê. Thuyền vừa đi qua bến Trương Gia bỗng nghe có tiếng người gọi: "Tôi là người họ Vương ở Vô Tích, xin được đi nhờ thuyền." Hán Quang đồng ý, cho thuyền ghé vào, nhưng chẳng thấy ai cả. Thuyền ra đi, lại nghe có tiếng gọi như trước. Hán Quang lên tiếng hỏi, liền nghe tiếng họ Vương đáp thật rằng: "Tôi là quỷ chết oan, thuyền ông đậu xa bờ quá nên tôi không lên được." Người trên thuyền nghe như vậy đều kinh hãi. Quỷ họ Vương liền nói: "Không sao đâu, cho tôi ngồi ở mạn thuyền là được."

Hán Quang cho ghé thuyền lại vào sát bờ, liền nghe như có người nhảy lên thuyền. Thuyền vừa đi chưa bao lâu, chợt lại nghe tiếng quỷ kêu lên. Hán Quang hỏi việc gì, quỷ đáp: "Tôi bỏ quên cái túi nhỏ trên bờ sông rồi. Trong đó có sổ ghi chép lương tiền các khoản, về nhà có người tra hỏi, cần phải lấy đó làm bằng chứng. Xin cho tôi trở lại để lấy." Hán Quang liền chiều ý.

Sau đó thuyền đi tiếp được 3 ngày, lúc trời sắp tối bỗng nghe quỷ nói: "Xin tạm dừng thuyền, trên bờ chỗ kia có đàn phổ trai, tôi muốn đến dự." Hán Quang không hiểu, hỏi: "Phổ trai là gì?" Quỷ đáp: "Người đời thường gọi là thí thực, tức là bố thí thức ăn." Hán Quang liền ghé thuyền cho quỷ đi. Vừa đi được chốc lát đã trở lại ngay, nói: "Bồ Tát Quán Âm làm chủ đàn, không có phần cơm cho tôi, vì ngày trước tôi thích ăn thịt trâu. Mỗi khi Bồ Tát chủ đàn, tất cả những người ham thích thịt trâu đều không được vào ăn." Hán Quang nghe như thế kinh hãi nói: "Có chuyện như vậy thật sao? Tôi vốn thường ăn thịt trâu, từ nay xin bỏ." Chốc lát sau, nghe tiếng quỷ khóc lớn. Hán Quang hỏi việc gì, quỷ đáp: "Vì ông phát tâm giữ giới không ăn thịt trâu, nên thần chứng giới đàn từ cõi trời sắp đến, tôi không thể ở đây được nữa." Hán Quang liền hỏi: "Vậy ông làm sao về nhà?" Quỷ đáp: "Tôi phải chờ thuyền khác thôi." Hán Quang dừng thuyền, quỷ lẳng lặng rời đi.

---

[388] Tức là năm 1657.

[389] Tức là năm 1663.

Lời bàn

Hán Quang mở lời kiêng ăn thịt trâu, vừa nói ra thì thần chứng giới đàn đã đến, có thể thấy rằng mỗi khi khởi tâm động niệm thì trời đất đều biết, ghi rõ thiện ác, mảy may không sai lệch.

Xưa,danh tướng Thích Kế Quang[390]mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang.Có một con quỷ báo mộng với ông, xin được tụng cho một quyển kinh để cầu siêu. Lúc Kế Quang đang tụng kinh, có con hầu gái mang trà đến, ông bèn khoát tay ý nói "không dùng".Đêm đó mộng thấy quỷ hiện về nói: "Ông tụng kinh hay lắm, nhưng vì có thừa ra hai chữ 'không dùng'nên nguyện lực không thành tựu, tôi chưa thể được siêu thoát."

Hôm sau, Kế Quang chí thành tụng kinh, không khởi niệm gì khác.Đêm đó mộng thấy con con quỷ ấy hiện đến cảm tạ, nói rằng nhờ công đức tụng kinh đã được siêu thoát.

Ấy là vì quỷ thần phần nhiều đều có khả năng biết được ý nghĩ con người, nên mỗi khi khởi tâm động niệm, quỷ thần đều rõ biết con người đang nghĩ việc gì. Người đời hiện nay từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, những ý niệm tội lỗi như giết hại, trộm cắp, dâm dục, dối trá, cho đến mười nghiệp ác, năm tội nghịch... nhiều không xiết kể, làm sao có thể không bị trời đất trừng phạt, quỷ thần giận dữ? Cho nên, những lúc "một mình tự xét" không thể không hết sức thận trọng.

Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo

Giảng rộng

Hai câu này thâu tóm cấu trúc của toàn bài văn. "Việc ác" là chỉ chung tất cả những việc trong bài đã bàn đến như dâm dục, giết hại, phá hoại... "Việc lành" là chỉ chung tất cả những việc cũng đã đề cập trong bài văn như trung, hiếu, kính, tín.... Nói "quyết không làm" là lời nghiêm cấm, nói "xin vâng theo" là ý khuyến khích.

[390] Thích Kế Quang, sinh năm 1528, mất năm 1588, là danh tướng thời Minh, từng có công chống giặc Nhật Bản quấy nhiễu vùng duyên hải.

Hai câu này ngài A-nan cũng từng nói ra, có thể xem trong kinh Tăng nhất A-hàm.[391]Nhưng Đế quân có y cứ theo kinh này hay không thì chưa thể biết được.

Từ thuở nhi đồng, trẻ em đã được cho học thuộc lòng "Đại học chi đạo" (大學之道),[392] đến bậc hiền nho như Tăng tử cũng giảng thuyết "Đại học chi đạo".[393] Cùng là 4 chữ ấy, nhưng sự nhận hiểu ý nghĩa thì tùy theo trình độ mà có những mức độ sâu cạn khác nhau, thậm chí cách biệt nhau một trời một vực. Đối với hai câu khuyên người "bỏ ác, làm lành" trong bài văn này cũng vậy, tùy theo trình độ mà sự nhận hiểu có khác nhau.

Xưa kia, Bồ Tát Thiện Tín trải qua nhiều đời sinh ra đều không được gặp Phật pháp nên hết lòng đi tìm cầu Chánh pháp. Một hôm bỗng nghe giữa không trung có tiếng nói: "Từ đây đi về phương đông một vạn do-tuần sẽ gặp một nước kia, có người con gái sinh trong nhà hèn kém, dung mạo xấu xí.Cô ấy có nhớ phỏng được một nửa bài kệ mà trước đây đức Phật đã thuyết dạy. Nhưng giữa đường đi phải vượt qua một đầm lầy rộng vuông vức khoảng vạn dặm, giẫm chân lên là lún chìm mất."

Thiện Tín nghe như vậy vô cùng phấn khởi, quyết lòng tìm đến nơi, liền tìm cách vượt qua được vùng đầm lầy, gặp được người con gái ấy, cung kính lễ bái như được gặp Phật, ngợi khen xưng tán cầu được nghe pháp Phật. Người con gái ấy đáp: "Chánh pháp nhiệm mầu của chư Phật quả thật vô lượng vô biên, nhưng chỗ tôi được nghe chỉ có nửa bài kệ thôi." Thiện Tín lễ bái cầu xin được nghe nửa bài kệ ấy. Cô gái liền đọc: "Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo."

---

[391] Kinh Tăng Nhất A Hàm (壹阿含經) được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 2, kinh số 125, tổng cộng có 51 quyển, do ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào đời Đông Tấn. Hai câu được dẫn chú này nằm ở quyển 1, dòng thứ 13, trang 551, tờ a.

[392] Đây nói đến phần Kinh trong sách Đại học, mở đầu bằng câu: "Đại học chi đạo, tại minh minh đức..." Cả phần này chỉ khoảng một trang giấy, cách giáo dục ở Trung Hoa ngày xưa là bắt tất cả trẻ em đều phải học thuộc lòng, dù chúng chưa hiểu gì.

[393] Phần giảng thuyết của Tăng tử được ghi lại thành phần Truyện trong sách Đại học, chia thành nhiều chương, giảng giải từng câu trong phần Kinh.

Thiện Tín nghe xong câu ấy, thân tâm liền thanh tịnh, suy ngẫm về nghĩa lý của hai câu ấy, thấu suốt được yếu chỉ, lập tức chứng đắc thần thông, bay trên không trung quay về nước, rộng truyền nửa bài kệ ấy ra khắp nơi, hàng phục hết ma chướng.

Như vậy có thể thấy, trong phạm vi hai câu ấy thôi, người thiển cận hiểu theo cách thiển cận, người sâu sắc hiểu thấu đến chỗ uyên áo, không chỉ đơn thuần là "bỏ ác làm lành" như trong lời nói thông thường.

Trưng dẫn sự tích

Nhân duyên mù mắt[394]

Ngày xưa, vua A-dục có một hậu phi là phu nhân Liên Hoa, sinh được vương tử hết sức khôi ngô tuấn tú, có đôi mắt đẹp như mắt chim câu-na-la, nhân đó đặt tên là Câu-na-la, vua hết sức thương yêu. Một hôm hai mẹ con Câu-na-la cùng đến chùa Kê Đầu Mạt gặp tôn giả Dạ-xa.Ngài quán sát biết được do nhân đời trước nên hoàng tử sẽ bị mù mắt,liền giảng thuyết cho nghe về tướng vô thường của mắt.

Bấy giờ, hoàng hậu của vua A-dục rất yêu thích dung mạo khôi ngô của vương tử Câu-na-la nên cố cưỡng ép chuyện dâm tà, nhưng vương tử nhất quyết không chịu.Hoàng hậu do đó ôm lòng oán hận, muốn móc mắt vương tử cho hả giận. Nhân lúc vua A-dục bị bệnh, vương tử Câu-na-la lại đang thảo phạt nước Kiền-đà-la ở phương bắc, hoàng hậu liền giả sắc thư của vua, sai người móc mắt vương tử. Vương tử khi ấy cực kỳ đau đớn, nhưng nhớ lại lời dạy của Tôn giả Dạ-xa về tướng vô thường của mắt, liền khởi tâm chán bỏ mắt thịt ô uế, phát tâm cầu mắt tuệ thanh tịnh.Ngay khi đó,vương tử liền chứng quả Tư-đà-hàm.

Về sau,vương tử trở về kinh đô. Vua A-dục không biết âm mưu của hoàng hậu, khi gặp lại con bỗng thấy hai mắt bị mù, hình dung tiều tụy, áo quần lam lũ.Vua đau lòng bật khóc,gạn hỏi cớ sự.Vương tử thưa: "Việc này là theo ý của phụ vương, sắc thư vẫn còn đó." Vua nổi giận,sai người truy xét mới biết sắc thưdo hoàng hậu giả làm ra, lập tức ra lệnh xử tội chết.Vương tử hết sức khuyên can

---

[394] Trích từ Kinh A-dục vương (阿育王經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 50, kinh số 2043, tổng cộng 10 quyển, do ngài Tăng-già-bà-la dịch vào đời Lương.

nhưng vua nhất quyết không nghe, hạ lệnh chất củi tẩm dầu thiêu chết hoàng hậu.

Khi ấy có một tỳ-kheo thưa hỏi ngài Ưu-ba-cúc-đa về nhân duyên sự việc này, ngài nói: "Ngày xưa,vương tử là một thợ săn ở nước Ba-la-nại, săn được rất nhiều nai trong núi, vì sợ chúng chạy trốn nên móc mắt hết, sau đó mới lần lượt giết thịt. Từ đó đến nay, trải mấy trăm đời vẫn thường chịu quả báo bị móc mắt. Ngoài ra, sau khi đức Phật Câu-lưu-tôn nhập Niết-bàn vào thời quá khứ, vương tử này đã tu tạo chùa tháp, tượng Phật, lại phát nguyện rằng: 'Trong đời vị lai, xin cho con được nhưđức Phật này.' Do công đức tu tạo chùa tháp,tượng Phật, nên thường được sinh vào nhà tôn quý,và nhờ đã phát nguyện nên nay được chứng quả Tư-đà-hàm."

Lời bàn

Về sau, vua A-dục nghe danh đại sư Yến Sa là một vị A-la-hán ở chùa Bồ-đề, liền đưa vương tử Câu-na-la đến đó, phát tâm xây dựng lại tự viện và cúng dường Tam bảo, thỉnh cầu đại sư từ bi cứu chữa cho đôi mắt vương tử. Đại sư liền dạy vua ban chiếu cho dân trong nước ngày hôm sau đến chùa Bồ-đề để nghe thuyết pháp, lại dặn mỗi người đều mang theo đồ đựng nước mắt.

Hôm sau, chư tăng cùng đông đảo nhân dân tụ hội, Đại sư thăng tòa thuyết giảng giáo pháp Mười hai nhân duyên, ai ai cũng cảm động rơi lệ.Đại sư dạy mọi người hứng nước mắt, đựng tất cả vào một chậu bằng vàng, rồingài phát nguyện trước đại chúng rằng: "Những điều vừa thuyết giảng nếu đúng với Chánh pháp, xin dùng nước mắt của đại chúng để rửa mắt cho vương tử, khiến cho sáng lại; bằng như không đúng thì mắt vẫn mù nhưtrước."Phát nguyện xong, liền dùng nước mắt trong chậu vàng rửa mắt cho vương tử, đôi mắt ấy liền sáng lại như xưa.

Tham ăn chịu chết[395]

Vào triều Thanh, huyện Thái Thương, tỉnh Giang Tô có người tên Tiền Quân Cầu, vào năm cuối niên hiệu Thuận Trị,[396]gặp người kia bán một con ba ba, kêu

---

[395] Chuyện này do Tấn Đạm Am kể lại. (Chú giải của soạn giả)

[396] Tức là năm 1661.

giá 50 quan tiền. Quân Cầu liền trả 25 quan, định mua để thả ra.Lúc ấy có người tên Trương Bá Trọng vừa đi đến, trả giá cao hơn 5 quan, mua về để giết thịt nấu ăn. Khi nấu thịt ba ba còn chưa chín, Trương Bá Trọng bỗng nhiên thấy lạnh cóng cả người, miệng nói mê sảng rằng: "Đã có người mua tôi để thả ra, sao ông lại cố tranh mà giết tôi?"Lại gấp rút đòi mạng. Người nhà của Bá Trọng hết sức khẩn cầu tha mạng, cho mời ngay Tiền Quân Cầu đến. Quân Cầu đến nơi liền thay mặt gia đình xin tha mạng cho Bá Trọng. Khi ấy Bá Trọng mới dần tỉnh lại.

Qua việc này, Bá Trọng liền thề từ nay không ăn thịt cá nữa. Nhưng chẳng bao lâu sau, Bá Trọng gặp một người bán cá nóc lại mua về ăn. Vừa ăn xong lập tức phát bệnh, qua một ngày thì chết.

Lời bàn

Con ba ba chết không được cầu siêu thìcho dù không ăn mặn nữa, cuối cùng cũng vẫn phải chịu báo oán, chỉ là sớm hay muộn mà thôi.

Nghịch tử đánh bạc bị sét đánh[397]

Trấn Nam Tầm, huyện Hồ Châu, tỉnh Triết Giang, có người đàn bà góa nuôi một đứa con trai. Đứa con này tuy đã lập gia đình nhưng không lo làm ăn, rất mê đánh bạc.Một hôm đánh bạc thua đậm không có tiền trả, về nhà mẹ bảo mang áo đi cầm lấy tiền đưa cho nó. Bà mẹ nói: "Mẹ muốn sang nhà chị con, hãy để mẹ mặc áo sang đó rồi sẽ đưa cho con."Đứa con liền lấy thuyền đến cho mẹ đi.Bà mẹ vì tiếc chiếc áo sợ làm hư hỏng, nên định bước lên bờ rồi mới thay ra đưa cho con.Đứa con thấy mẹ không cởi áo đưa dưới thuyền, tưởng là mẹ không muốn đưa cho mình, nổi giận giằng co vật bà ra để lấy áo, cuối cùng đẩy bà chìm xuống sông chết.

Đứa con quay về nhà nó, đi được chừng một dặm thì nghe có tiếng sấm ầm ì, liền gấp rút chạy nhanh về nhà, quát vợ rằng: "Mau lấy cái chum to úp lên che tôi lại." Vợ hỏi để làm gì, anh ta không đáp. Bất đắc dĩ người vợ phải làm theo như vậy. Nhưng tiếng sấm đã nhỏ lắm rồi, cuối cùng vẫn chưa thấy sét đánh. Một lúc sau, người vợ bỗng thấy từ bên trong chum có máu chảy ra bên ngoài,

---

[397] Chuyện này do Tiên đại nhân ghi lại. (Chú giải của soạn giả)

kinh sợ liền dở chum ra xem thì thấy chồng đã mất đầu, máu tươi chảy lênh láng. Cô ta hoảng sợ quá liền kêu la gọi hàng xóm đến. Mọi người đều cho là cô đã mưu hại chồng rồi nói dối, liền bắt lên thuyền cùng đi đến nhà bà mẹ chồng,định đưa tất cả lên quan phủ. Thuyền đi được nửa đường bỗng thấy mái chèo bị vướng vào một vật, cúi xuống xem thì thấy là một xác đàn bà vừa nổi lên, tay ôm một cái đầu người, tóc còn vướng nơi đầu mấy ngón tay. Xem kỹ lại thì hóa ra xác người chính là bà mẹ, mà đầu người trong tay bà chính là đứa con. Lúc đó mới biết bà mẹ đã bị đứa con trai hại chết, liền thả cô con dâu ra.

Lời bàn

Làm con hại mẹ, thật không bằng loài sài lang hổ báo. Xét đến nguyên nhân từ đầu của sự việc, đó là vì thiếu nợ tiền. Cho nên, tai họa gây ra bởi việc cờ bạc thật khủng khiếp. Biết đến bao giờ các quan địa phương mới trừ dứt được tệ nạn này?

Miếng thịt mất ba mạng người[398]

Triều Thanh, vào năm Tân Hợi thuộc niên hiệu Khang Hy,[399] xảy ra hạn hán nghiêm trọng. Ở vùng Tạ Lộc thuộc Côn Sơn, vào ngày rằm tháng bảy, có một cặp vợ chồng đang tát nước bỗng trời nổi sấm lớn, sét đánh chết người chồng. Nhưng người chồng xưa nay vốn hiền lành chất phácnên không ai hiểu được lý do. Người vợ thấy việc như thế thì than rằng: “Ôi, chỉ vì 18 cân thịt mà thôi!”

Mọi người nghe như thế thì gặn hỏi, bà liền kể: “Mùa đông năm trước, chồng tôi vào thành nộp thuế, neo thuyền ở bờ sông.Khi trở về bỗng thấy trên chiếc thuyền trống bên cạnh có một miếng thịt lớn, hồi lâu chẳng thấy ai đến lấy. Nhân đó liền lấy đem về thuyền rồi mang luôn về nhà, cân được 18 cân. Nguyên miếng thịt ấy là của một nhà giàu, do đứa tớ gái mang ra sông rửa, để trên thuyền rồi bỗng gặp việc khác phải đi, đến lúc quay lại thì đã mất. Bà chủ vì việc ấy mà giận quá, lỡ tay đánh chết đứa tớ gái. Ông chủ thấy việc như vậy, cho rằng sắp phải tan nhà nát cửa đến nơi nên quát mắng vợ thậm tệ. Bà vợ phẫn uất quá treo cổ tự vẫn. Nay sét đánh chết chồng tôi, nhất định là vì việc ấy.”

---

[398] Chuyện này do Tiên đại nhân ghi lại. (Chú giải của soạn giả)

[399] Tức là năm 1671.

Lời bàn

Của rơi ngoài đường, người ta vẫn thường tình cờ nhặt được liền lấy làm của mình. Gặp những trường hợp như thế này là làm liên lụy đến người khác phải mất cả mạng sống, rốt cùng đã khiến người khác phải gặp tai họa, mà tự thân mình cũng bị trừng phạt. Sao có thể tham dùng những tài sản phi nghĩa như thế? Cho nên nói rằng: "Nếu không phải vật thuộc sở hữu của mình, dù một mảy may cũng không giữ lấy."[400]

Hết lòng trị bệnh cứu người[401]

Vào triều Minh,ở Ô Trình[402]có người tên Phan Quỳ, hiệu Tựu Am. Ông tinh thông y thuật, có tâm nguyện cứu nhân độ thế. Vào một năm phát sinh bệnh dịch, những người mắc bệnh đều được ông ra sức cứu chữa, trong mười người thì ông cứu sống được đến tám, chín.Nhưng trong lúc trị bệnh, do gấp rút nên ông không kê đơn thuốc. Láng giềng có người họ Triệumang việc ấy kiện Phan Quỳ lên quan phủ.Không ngờ chưa bao lâu thì họ Triệu lâm bệnh rất nguy kịch, liền bảo đứa con: "Chỉ có ông Quỳ mới cứu được cha."Người con nói: "Mình vừa kiện ông ấy lên quan phủ, làm sao nhờ được?"Họ Triệu nói: "Tuy mình xấu với ông ấy, nhưng tâm ông ấy rất từ bi, sẽ không hại cha đâu."Người con nghe lời, mời Phan Quỳ đến xem bệnh. Ông hết lòng chữa trị, bệnh liền được khỏi.

Phan Quỳ có 3 người con trai làPhan Tương, làm huyện lệnh Quế Dương;Phan Tham, làm quan Hàn lâm biên tu;Phan Xuyên, làm quan Cung bảo Thượng thư. Bản thân Phan Quỳ cũng được phong tặng tước quan Thượng thư. Cháu nội ông là Phan Đại Phúc sau đỗ tiến sĩ vào khoa thi năm Bính Tuất.

Lời bàn

Khi đã khởi tâm khẩn thiết muốn cứu người, thì tự nhiên ý niệm báo thù trở thành nhỏ nhặt, cho đến người đã đâm đơn thưa kiện ông mà cũng có thể nhớ

[400] Câu này nguyên là lời của Tô Đông Pha: "Vật trong thiên hạ thảy đều có chủ, nếu không phải vật thuộc sở hữu của mình, dù một mảy may cũng không giữ lấy." (天地之間，物各有主。苟非吾之所有，雖一毫而莫取。 - Thiên hạ chi gian, vật các hữu chủ. Cẩu phi ngô chi sở hữu, tuy nhất hào nhi mạc thủ.)

[401] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

[402] Nay là vùng Ngô Hưng, Triết Giang.

đến ông để cầu cứu mạng, đủ thấy tâm địa của Phan Quỳ thật cảm đến người khác hết sức sâu xa như thế nào.

Chịu đói nuôi tù[403]

Triều Minh có Dương Sĩ Trừng là người làng Kính Xuyên thuộc huyện Ngân, tỉnh Triết Giang.Ban đầu Sĩ Trừng làm chức thư lại trong huyện, luôn giữ tâm nhân hậu, thi hành theo đúng pháp luật công bằng. Bấy giờ, quan huyện lệnh nghiêm khắc quá độ, từng dùng roi đánh một người tùđến nỗi máu chảy đầy sân mà vẫn chưa nguôi giận.Sĩ Trừng quỳ xuống xin tha, nói: "Trong việc tra xét cho rõ tình thật, phải khởi lòng thương xót phạm nhân, không được có ý mừng vui.Xử tội người khác mà vui còn không được, huống chi là tức giận?"[404]Quan huyện nghe ông nói đúng lý lẽ nên phải quay lại xét mình, tự nguôi cơn giận.

Nhà Sĩ Trừng nghèo lắm, nhưng có ai mang quà biếu đến đều tuyệt đối không nhận.Gặp lúc tù nhân đói thiếu, ông đều tìm mọi cách cứu giúp. Ngày kia, có một số tù nhân mới đưa đến, đang đói lắm.Trong nhà Sĩ Trừng khi ấy chỉ còn đủ gạo ăn trong ngày đó thôi.Ông hỏi những người tù kia từ đâu đến, họ nói: "Từ Hàng Châu, đã phải chịu đói mấy hôm rồi."Sĩ Trừng nghe vậy thì về nhà lấy hết gạo trong nhà, nấu cháo mang đến chia cho số tù nhân ấy.

Về sau, Sĩ Trừng sinh được một con trai là Dương Thủ Trần, làm quan thăng dần đến chức Hàn lâm Học sĩ.Sĩ Trừng cũng được phong tặng cùng tước quan như con.

Lời bàn

Tự mình chịu đói chỉ mới hôm nay, còn các tù nhân kia đã đói nhiều ngày. Nếu so sánh như thế, giữ gạo lại để tự mình được no đủ sao bằng nấu cháo cấp cho tù nhân? Tâm niệm vị tha của Sĩ Trừng như thế, nhận được phước báo về sau như thế cũng là chuyện đương nhiên vậy.

---

[403] Trích từ sách Ý hành lục (懿行錄). (Chú giải của soạn giả)

[404] Ở đây Dương Sĩ Trừng đã mượn lời Tăng tử nói về việc tra xét án tụng để khuyên quan huyện.

Vĩnh viễn không gặp điềm dữ, thường được thiện thần giúp đỡ

Giảng rộng

Hai câu này tiếp nối hai câu trước: "Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo." Vì không làm hết thảy các việc ác nên không gặp các điềm dữ. Vì làm hết thảy các việc lành nên thiện thần thường giúp đỡ. Hai câu trước là *nhân*, hai câu này là *quả*. Những việc lành dữ cũng có việc lớn việc nhỏ, cũng có những việc tạm thời, những việc dài lâu, cho nên thiện thầnhay điềm dữ cũng có lớn có nhỏ, có tạm thời, có dài lâu, như bóng theo hình, như âm thanh theo nhịp gõ, lẽ ấy nhất định phải vậy, không mảy may sai lệch. Thiện thầnhay điềm dữ cũng có ở cõi trời, cũng có ở cõi người, cũng có ở cõi quỷ, nhưng mỗi mỗi đều có chức trách, tùy theo việc thiện ác lớn nhỏ mà đưa đến quả báo tương ứng. Muốn đạt đến chỗ vĩnh viễn không gặp điềm dữ, thường được thiện thần giúp đỡ, ắt phải là người có phúc đức lớn, nghiệp đời trước còn chưa đến, may ra mới có thể đạt được, nhưng cũng thật khó lắm thay!

Trưng dẫn sự tích

Ném xuống sông không chết[405]

Vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi còn tại thế, có vị tỳ-kheo bị chứng đau đầu.Bấy giờ, tôn giả Bạc-câu-la là một người nghèo, cúng dường một quả ha-lê-lặc cho vị tỳ-kheo ấy để trị bệnh, nhờ đó mà vị tỳ-kheo được khỏi bệnh.Nhờ nhân duyên ấy, trong 91 kiếp sau đó, tôn giả dù sinh ra trong cõi trời hay cõi người cũng đều luôn được hưởng sự vui sướng khoái lạc, chưa từng bị bệnh tật.

Sau đó, tôn giả sinh vào nhà một trưởng giả bà-la-môn, mẹ mất sớm.Bà mẹ kế nhiều lần muốn giết tôn giả nhưng không sao giết được.Bà liền đẩy tôn giả xuống sông,bị một con cá lớn nuốt chửng vào bụng.Con cá ấy lại mắc lưới bị người bắt được.Khi làm thịt mổ bụng thấy có đứa trẻ vẫn còn sống, nhận ra là con ông trưởng giả bèn đưa trả về nhà.Khi tôn giả lớn lên liền xuất gia theo Phật, tu hành chứng quả A-la-hán.

---

[405] Trích từ kinh Phó pháp tạng (付法藏經). (Chú giải của soạn giả) Đúng ra đây không phải kinh, mà sách Phó pháp tạng nhơn duyên truyện (付法藏因緣傳), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 50, kinh số 2058, tổng cộng 6 quyển, do các ngài Kiết-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn.

Lời bàn
Cứu giúp một vị tăng có bệnh mà được 91 kiếp về sau không bị bệnh khổ, lại gặp tai ách bao lần cũng không chết được, chính là nhờ đã gieo trồng phước đức vào ruộng phước thù thắng của nhân gian. Ấy chẳng phải là điềm dữvĩnh viễn xa lìa, thiện thần thường giúp đỡ đó sao?

Quỷ thần âm thầm giúp đỡ[406]
Đời Bắc Tống có Lưu An Thế, tự Khí Chi, tính tình trung trực,dám nói thẳng, nhiều lần phản biện các sớ luận của Chương Đôn, dâng sớ lên hoàng đế nói rõ rằng Chương Đôn là người không thể dùng được.

Đến khi Chương Đôn được lên nắm quyền, Lưu An Thế liền bị đày ra vùng biên giới xa xôi, phải trải qua đường xa nắng nóng gay gắt, nhiều hiểm nguy, thậm chí lênh đênh trên biển đầy nguy hiểm, lại thêm bọn quan quân áp giải không chút khoan dung, ai ai cũng nghĩ rằng Lưu An Thế phen này chắc chắn phải bỏ mạng. Thế nhưng An Thế vẫn hoàn toàn vô sự, về sau sống đến 80 tuổi mà chưa từng có một ngày bị bệnh.

Bấy giờ có kẻ bỏ tiền mua được một chức quan, đoán ý của Chương Đôn muốn giết Lưu An Thế, liền xin cho mình ra tay giết ông. Chương Đôn lập tức cất nhắc tên này lên làm chức phán quan. Tên này phi ngựa gấp rút đuổi theo, chỉ còn cách Lưu An Thế chừng 30 dặm, định ngày hôm sau đuổi kịp sẽ ra tay giết. Có người báo tin cho Lưu An Thế, khiến mọi người quanh ông đều hãi hùng kinh sợ. Đêm đó, mọi người đều nghe có một tiếng chuông vang, rồi tên gian ác kia bỗng cảm thấy như có một vật gì đánh mạnh vào người, ngay khi ấy thổ huyết mà chết. Lưu An Thế do đó được bình an vô sự.

Lời bàn
Lưu An Thế là người hiền, chỉ vì xu nịnh theo ý của Chương Đôn mà muốn giết ông, tất nhiên điềm dữ phải đến với kẻ ấy, mà thiện thần vẫn thường bảo vệ người hiền thiện.

[406] Trích từ sách Tống sử (宋史). (Chú giải của soạn giả)

Giặc không dám cướp[407]

Vào triều Minh, năm đầu niên hiệu Gia Tĩnh,[408]có người họ Kim ở huyện Nghi Chân, tỉnh Giang Tô, mở một hiệu cầm đồ trong trấn.Bấy giờ giặc cướp ẩn trú trên sông Trường giang, đêm đêm thường xuyên xuất hiện cướp đoạt những nhà giàu có, gần như không một nhà nào thoát được. Duy nhất chỉ có nhà họ Kim chưa từng bị chúng động đến. Quan địa phương do đó nghi ngờ rằng họ Kim có sự thông đồng với bọn giặc cướp. Đến lúc bắt được một tên cướp liền tra hỏi xem vì sao bọn chúng không cướp nhà họ Kim, tên cướp nói: "Trước đây cũng có lần đến đó định cướp, chợt thấy phía trên nhà ấy có vô số các vị thần mặc giáp vàng, nên sợ không dám phạm đến." Quan huyện không tin, cho gọi những người ở gần nhà họ Kim lên hỏi, họ đều nói: "Nhà họ Kim đúng là rất nhân đức. Các hiệu cầm đồ khác thảy đều cân ra non, cân vào già, chỉ có nhà họ Kim là giữ đúng mực công bình. Định giá cho người lại hết sức rộng rãi, mà thời hạn chuộc lại cũng được kéo dài, không gấp rút.Nếu biết được có những người gần gũi mà già yếu, có con nhỏ hoặc nghèo khó, khi có việc phải mang đồ đến cầm liền phá lệ không lấy lãi. Nhà ấy còn có lệ mùa đông không tính lãi áo ấm, mùa hè không tính lãi áo mát, năm nào cũng vậy, cốt để người ta dễ dàng chuộc về mà dùng. Ấy là trời giúp người hiền, nên có thiện thần bảo vệ."

Quan huyện nghe như vậy rồi hết sức ngợi khen tán thán. Quan Trực chỉ[409] biết được sự việc liền đặc biệt tuyên dương khen thưởng nhà họ Kim.

Lời bàn

Hiệu cầm đồ vốn là phương tiện thuận lợi giúp người dân có thể giải quyết kịp thời những khoản tiền cấp bách. Tuy nhiên, hầu hết những người mở hiệu cầm đồ chỉ toàn là những kẻ cân vào non, cân ra già, đối với dân nghèo chẳng bao giờ có sự khoan dung châm chước, cho nên không khỏi trở thành một đám tiểu nhân hám lợi nơi phố thị. Riêng nhà họ Kim đặc biệt không rơi vào trong đám tệ hại ấy, lại còn có thể hướng đến những người nghèo khổ khó khăn mà bố thí,

---

[407] Trích từ sách Cảm ứng thiên chú chứng (感應篇註證). (Chú giải của soạn giả)

[408] Tức là năm 1022, đời Minh Thế Tông.

[409] Trực chỉ: là chức quan được triều đình giao cho việc tuần sát các địa phương, thẩm tra xử lý các vụ việc sai phạm.

cho nên các nạn lửa cháy nước trôi, trộm cướp, quan tham, người ác làm sao có thể tổn hại đến phước đức của nhà ấy?

Phước báo gần thì tự thân được hưởng

Giảng rộng

Câu này và câu tiếp theo “xa thì ảnh hưởng đến cháu con”, đều là nối tiếp câu văn trên và chuẩn bị mở ý cho câu văn dưới. Ở đây đề cập đến quả báo gần hay quả báo xa cũng đều chỉ là nói riêng về các quả báo hiền thiện, chính là những điều được câu dưới nói rộng ra là “trăm điều phúc lành, ngàn việc tốt đẹp”.

Phước báo gần không nhất thiết là chỉ cho hiện tại trong đời này, mà cho dù là đời sau hay nhiều đời sau nữa cũng vẫn gọi là phước báo gần. Vì sao vậy? Vì phước báo gần ở đây là ý muốn nói những phước báo do tự mình nhận lãnh. Những sự giàu sang phú quý hay nghèo khổ hèn hạ, ngày giờ sống chết, được tuổi thọ dài lâu hay yểu mạng, thảy đều đã có sự an bày nhất định. Nhưng sự an bày đó thật ra không phải gì khác mà chính là những kết quả tương ứng, do tự bản thân mình đã từng làm những hành vi như thế, tự bản thân mình phải nhận lãnh những quả báo tương ứng như thế. Trong văn này nói đến phước báo gần hay xa là có ý nghĩa như vậy. Đây chính là dụng ý của Đế quân muốn dạy người phải biết tự mình tạo ra nhiều phước báo.

Trưng dẫn sự tích

Công chúa tự có phước báu[410]

Vào thời đức Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc sinh được một công chúa đặt tên là Thiện Quang,đoan trang xinh đẹp, thông minh hơn người, người trong cung ai ai cũng hết lòng thương yêu kính trọng.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc bảo công chúa: “Con nhờ có cha nên mới được tất cả mọi người thương yêu kính trọng.” Công chúa liền đáp rằng: “Không phải, con tự có nghiệp lực của riêng mình mà được như vậy, không phải nhờ nơi cha.” Vua không hài lòng, vặn hỏi lại đến 3 lần, công chúa vẫn một mực đáp như vậy.

---

[410] Trích từ kinh Tạp bảo tạng (雜寶藏經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 4, kinh số 203, tổng cộng có 10 quyển, do các ngài Kiết-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Nguyên Ngụy. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 458, tờ a, quyển 1.

Vua nổi giận, liền gả công chúa cho một người nghèo khổ rồi bảo công chúa: “Để ta thử xem con tự có nghiệp lực hay không tự có nghiệp lực.”

Công chúa về nhà chồng rồi, liền hỏi chồng cha mẹ ở đâu. Người chồng nói: “Cha ta vốn là một trưởng giả giàu có nhất thành Xá-vệ.Sau khi cha mẹ ta đều theo nhau qua đời, nhà ta mới đến nỗi như thế này.” Sau đó liền đưa công chúa về sống nơi nhà cũ của gia đình mình. Một hôm bỗng đào lên được từ trong lòng đất một kho tàng lớn. Nhờ đó, chỉ trong vòng một tháng đã xây dựng được nhà cửa cung điện hết sức nguy nga, từ gia nhân hầu hạ cho đến các thứ châu báu ngọc ngà đều đầy đủ không thiếu thứ gì.

Vua Ba-tư-nặc nghe biết chuyện như vậy hết sức vui mừng, liền thân hành đến thưa hỏi đức Phật về nhân duyên đời trước của công chúa Thiện Quang. Đức Phật liền dạy: “Vào thời đức Phật Ca-diếp, có một người phụ nữ muốn chuẩn bị thức ăn cúng dường đức Như Lai, nhưng người chồng cản trở. Người vợ liền nói: ‘Tôi đã phát nguyện rồi, xin anh đừng làm tôi thối tâm.’ Người chồng liền nghe theo lời vợ, cuối cùng lo liệu hoàn mãn việc cúng dường đức Phật. Đôi vợ chồng ngày ấy, nay chính là vợ chồng công chúa. Vì người chồng ngày trước khởi tâm ngăn trở việc cúng dường Phật, nên nhiều đời sinh ra thường phải sống trong nghèo khó. Nhờ sau đó chịu nghe lời vợ thực hiện việc cúng dường, nên ngày nay được nhờ vợ mà hưởng sự giàu sang phú quý.”

Lời bàn

Vua Ba-tư-nặc lại có một người công chúa khác, do phu nhân Mạt-lợi sinh ra, dung mạo cực kỳ xấu xí, tóc như bờm ngựa. Vua lấy làm xấu hổ nên ra lệnh giữ công chúa ở trong cung riêng, không cho đi đâu, cũng không cho ai được gặp. Công chúa tự giận mình hình dung xấu xí, liền phát tâm tô tạo tượng Phật, hết lòng khẩn thiết cầu nguyện với đức Phật. Trải qua một thời gian, lòng chí thành cảm ứng được đức Phật hiện thân đến chứng minh, thân hình cô lập tức hóa ra xinh đẹp đoan chính. Đức vua thấy vậy liền gạn hỏi nguyên do, công chúa như thật trình bày.

Lại có chuyện về vị công chúa thứ tư của vua A-dục, cũng tương tự như chuyện này. Ngày nay những tượng Phật được thờ ở các chùa Bắc Sơn, Ngọc Hoa, Kinh Châu, Trường Sacùng với chùa Sùng Kính ở kinh thành, đều là do công chúa thứ tư của vua A-dục đã tô tạo ngày trước.Như thế chẳng phải là phước báo gần đó sao?

Quả báo do coi thường áo ca-sa[411]

Đời nhà Đường, vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5,[412] có người phụ nữ ở Lương Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây, nhà rất nghèo.Bà có người con xuất gia với pháp sư Tuệ Quang ở chùa An Dưỡng. Nhà nghèo không đủ áo mặc, bà mới đến phòng người con lấy áo cà-sa cũ sửa thành áo ngắn để mặc.Vừa mặc áo ấy vào, đang đứng cùng một người láng giềng bỗng thấy nóng ran dưới hai chân,dần dần lên đến ngang hông.Trong chốc lát có tiếng sấm vang rền không trung, người láng giềng bị đẩy văng ra xa đến vài trăm mét, nằm lăn ra đất bất tỉnh suốt một ngày.Bà mẹ mặc áo cà-sa đã bị sét đánh chết, thân thể cháy cong queo, trên lưng lại có dòng chữ: "Sử dụng pháp y không đúng pháp."

Người con mang xác mẹ về chôn cất, mộ lại bị sét đánh lần nữa, khiến thi hàiphơi bày dưới cây rừng, phải chịu tan rã mất.

Lời bàn

Áo cà-sa được gọi là y giải thoát,cũng gọi là y ruộng phước.Người mặc cà-sa thì ngay cả Phạm vương,Đế thích cũng không dám nhận sự lễ bái. Cho nên Long vương muốn cứu loài rồng, chỉ cầu được một mảnh cà-sa mà Kim-sí điểu vương cuối cùng không dám làm hại.Con khỉ đùa cợt mặc áo cà-sa liền sẩy chân té chết, sau được sinh lên cõi trời.

Áo cà-sa thật lợi ích vô cùng. Đức Phật dạy rằng: "Áo cà-sa của vị tỳ-kheo đã qua đời, nên treo lên cây cao, tất cả các loài hữu tình được nhìn thấy thì tội nghiệp tiêu diệt, phước báo sinh thêm.Cho nên tội xem thường áo cà-sa thì trời đất không dung tha.Người con tuy đã xuất gia cũng không thể chôn cất thi hài mẹ.

---

[411] Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có đến 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Câu chuyện này được ghi chép từ dòng thứ 13, trang 560, tờ a, quyển 35.

[412] Tức là năm 631.

Hủy phá tượng Phật phải chịu tội[413]

Triều Thanh, vào năm đầu tiên niên hiệu Khang Hy,[414] gỗ đàn hương rất có giá.Quận Tô có một hiệu buôn gỗ hương, bỏ ra 3 lượng bạc thỉnh về một pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm.Sau đó suy nghĩ tính toán rằng, nếu phá pho tượng này ra để bán gỗ vụn thì có thể được 16 lượng. Liền chuẩn bị chẻ tượng ra.Có một người thợ làm công sợ làm như vậy mang tội nên hết sức can ngăn, nhưng đứa con rể của ông chủ hiệu buôn lúc đó đến đón vợ, đang ở tại nhà cha vợ, liền chỉ mặt người làm công mà nói: "Mày chỉ là người làm công,đâu phải việc của mày.Cứ nghe lời mà làm đi."

Đêm hôm đó, người con gái của chủ hiệu buôn bỗng đau bụng không thể về nhà, phải ở lại ba hôm để trị bệnh.Qua hôm sau, trên đường phố có một đứa bé khoảng sáu tuổi đang đi theo cha, bỗng chỉ tay về phía hiệu buôn gỗ hương, hỏi cha: "Cha ơi, sao trên nóc nhà kia lại có niêm phong màu đỏ phong kín thế?" Người cha cho rằng đứa bé nói bậy nên cấm không cho nói nữa.

Đêm ấy, hiệu buôn gỗ hương bỗng tự nhiên phát hỏa, lửa thiêu duy nhất một nhà ấy thôi, cả nhà không ai sống sót.Đứa con rể của chủ hiệu định nhảy ra từ một lỗ thoát trên tầng lầu, nhưng bỗng thấy như có vật gì ngăn giữ lại, cuối cùng phải chịu chết trong lửa. Riêng người thợ làm công, ngay buổi sáng sớm hôm trước chưa xảy ra hỏa hoạn, bỗng có một hiệu buôn trầm hương khác đến khẩn thiết mời sang giúp họ hai hôm,nhờ thế mà thoát khỏi nạn này.

Lời bàn

Hủy hoại tượng Phật, làm thân Phật chảy máu, là một trong 5 tội nghịch phải đọa vào địa ngục vô gián.Vì thế, nếu thấy việc như vậy mà không khuyên can ngăn cản, ắt sẽ gặp nạn dữ vào thân, còn nếu khởi dù một chút tâm lành, liền được thiện thần bảo vệ. Chỉ do tâm niệm của đứa con rể ông chủ hiệu buôn gỗ hương và người thợ làm công kia hoàn toàn khác nhau, nên một người vốn đang muốn rời khỏi hiệu buôn ấy để về nhà, nhưng lại khiến cho không về được; một người vốn không có ý muốn rời khỏi hiệu buôn ấy, nhưng lại khiến cho phải rời

---

[413] Chuyện này người ở quận Tô đều biết. (Chú giải của soạn giả)

[414] Tức là năm 1662.

đi để tránh tai họa.Quả thật là: “Họa với phúc vốn không định sẵn, chỉ do người tự chuốc lấy mà thôi.”

Bồi thường gấp mười lần[415]

Huyện Trấn Giang thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Lăng Khải, tên tự là Tử Chánh.Vào năm QuýMão thuộc niên hiệu Khang Hy,[416]ông ta vì ghét con chó của người hàng xóm hung dữ cắn người, liền dụ nó vào một ngõ hẹprồi bít lối ra, muốn bỏ đói cho nó chết đi để dứt mối họa.Khoảng một tuần saumở chỗ bít ra xem thử, thấy con chó chưa chết mà vẫy đuôi đi ra, từ đó không cắn người nữa, nhưng đống đất trên nền gạch trong ngõ bị chó ăn hết khoảng một nửa.

Hai tháng sau, chó tự nhiên chết. Đêm ấy, Lăng Khải nằm mộng thấy mình đi đến một phủ đường, có hai người dáng vẻ tôn quý ngồi hai bên.Người áo xanh hỏi: “Làm người mà không có lòng nhân hậu thì sao?” Người áo đỏ nói: “Phải đền lại gấp mười lần.”Liền sai quân dẫn Lăng Khải đến phía sau nhà, thấy trong vườn hoa mai nở rộ, dưới gốc cây có một chậu nuôi cá vàng, trong chậu nổi lên một con cá chết.Tên quân kia chỉ vào mà nói: “Chữ ‘ngục’(獄) do từ chữ ‘khuyển’ (犬) là con chó mà ra, ông đã biết chưa? Mười năm sau sẽ ứng nghiệm.”

Lăng Khải tỉnh mộng lấy làm lạ lùng, không hiểu được gì cả. Đến tháng giêng năm QuýSửu,[417] vì chuyện của người khác mà Lăng Khải lại bị vu cáo rồi tống giam vào ngục.Khi vào trong ngục cũng thấy hoa mai vừa nở, có con cá vàng chết nổi lên trong chậu,giống hệt như những gì đã thấy trong giấc mộng. Quả nhiên phải chịu đói đến 7 ngày, chỉ còn chút hơi thở thều thào sắp chết.Lại tiếp tục bị giam trong ngục đúng 100 ngày mới được thả, quả nhiên phù hợp với lời nói “phải đền lại gấp mười lần”.

---

[415] Chuyện này do chính họ Lăng tự thuật. (Chú giải của soạn giả)

[416] Tức là năm 1663.

[417] Tức là năm 1673.

Lời bàn

Quỷ thần nói trước việc mười năm sau sẽ có người vu cáo bị giam vào ngục, điều đó cũng không phải là khó lắm. Riêng những việc như hoa mai nở, cá vàng chết mà cũng có sự ấn định sẵn, ấy mới thật là kỳ lạ. Cho nên bậc đại A-la-hán chứng đắc thần thông tất nhiên có thể biết được những việc trước sau 84.000 đại kiếp, hoặc như tuổi thọ dài ngắn của chư thiên, thế giới thành hoại lâu hay mau, hết thảy những việc ấy đều có thể ngồi yên mà tự biết rõ ràng.

Lăng Khải là người chất phác, thành thật, rất giỏi môn Hoàng cực số của Thiệu tử.Tôi với ông ấy từng gặp nhau nhiều lần, chính miệng ông đã kể lại đầu đuôi câu chuyện này cho tôi nghe.

Mộng thấy xương gà[418]

Vào triều Thanh, vùng Tứ Xuyên có người tên Dương Lâm, tên tự là Hoài Mi, vào niên hiệu Thuận Trị thứ 13,[419]vào làm trong kho lương ở Thái Thương, thuộc tỉnh Giang Tô, không lâu lại được thăng chức làm huyện lệnh Lâm An, thuộc tỉnh Triết Giang. Ông làm quan thanh liêm chính trực, chỉ có điều bản tính rất thích ăn thịt gà, trải qua đã nhiều năm.

Vào niên hiệu Khang Hynăm thứ 16,[420]Dương Lâm nằm mộng thấy mình bị bắt đến âm phủ, nhìn thấy một đống xương chất cao như núi, bên cạnh có người chỉ vào đómà nói: "Đây là xương của những con gà mà ông đã ăn.Rồi ông sẽ phải đến đây để đền tội, nhưng vì nhân duyên xấu còn chưa dứt nên đợiông ăn thêm 47 con gà nữa rồi sẽ bắt đến đây."

Dương Lâm tỉnh dậy lấy làm lạ, trong lòng cũng sợ, liền tự mình hạn chế, mỗi con gà chia ra ăn trong ba ngày.Nhưng miệng thèm không nhịn được, nên đổi thành hai ngày, rồi thì trở lại ăn như cũ.Ăn đến con thứ 45 thì bị ốm nhẹ, trải qua một đêm bệnh lại trở nặng, vừa ăn xong con gà thứ 47 thì chết, đúng nhưcon số trong giấc mộng.

---

[418] Chuyện này do người ở Lâu Đông kể lại. (Chú giải của soạn giả)

[419] Tức là năm 1656.

[420] Tức là năm 1677.

Lời bàn

Có người ngờ rằng, số gà bị ăn nếu đã định sẵn số lượng, ắt là những con gà đã ăn trước đó cũng có số lượng định sẵn, vậy sao còn có quả báo giết hại? Đó là vì không biết rằng số 47 con gà đó chỉ là âm ty dự đoán sẽ bị Dương Lâm giết hại, chứ không phải số gà ấy nhất định phải bị giết hại. Giả sử như sau khi nằm mộng mà Dương Lâm hạ được quyết tâm không giết gà nữa, thì con số đó tất nhiên không buộc được ông, mà số gà đã giết hại trước kia cũng có thể cầu nguyện cho được siêu độ.

Sự tu hành cũng giống như vậy, nếu có thể phát tâm dứt khoát đoạn trừ tập khí phiền não xấu ác thì sinh tử làm sao trói buộc được ta?

Làm quan tàn ác tự thiêu mà chết[421]

Triều Thanh, vào năm đầu tiên của niên hiệu Khang Hy,[422] quan tri huyện Côn Sơn là Lý Khai Tiên, dung mạo xấu xí mà tâm tính lại tàn ác, người trong huyện căm ghét nên gọi là ông "Lý mặt chàm".

Mỗi khi trưng thu các khoản thuế phí, đối với những người giao nộp thiếu hoặc không nộp, họ Lý nhất định sử dụng gậy lớn để đánh phạt, thường đánh người chết ngay dưới gậy, máu chảy nhuộm đỏ cả công đường.

Đến khi họ Lý bãi quan rồi, không về quê, đến sống ở Tô Châu, chỉ trong khoảng 3, 4 năm mà người nhà tự nhiên dần dần chết sạch. Còn lại duy nhất một đứa con gái, lại tư thông với người đầy tớ rồi bỏ nhà theo anh ta trốn mất. Họ Lý còn lại một thân một mình, nghèo đói không đủ ăn, lại phải tự mình vào bếp nấu nướng. Một hôm, trong lúc cúi xuống thổi lửa, chúi đầu sâu vào cửa lò bị lửa thiêu đầu mà chết.

Lời bàn

Xưa nay tuy cũng có những quan huyện tàn khốc bạo ngược, thật chưa thấy ai tàn khốc hơn ông này; nhưng ngay trong đời đã phải tức thời nhận chịu quả báo tàn khốc, cũng thật chưa thấy ai nhanh chóng hơn ông này.

---

[421] Người ở Côn Sơn đều kể cho nhau nghe chuyện này. (Chú giải của soạn giả)

[422] Tức là năm 1662.

Phước báo xa thì ảnh hưởng đến cháu con

Giảng rộng

Đem việc đời sau mà nói với người, ắt chỉ có khoảng một nửa số người chịu tin, còn một nửa thì nghi ngờ. Nhưng đem việc con cháu nối dõi mà nói thì bất luận kẻ trí người ngu, ắt là tất cả đều tin chắc cả. Người không biết rằng thật có nghiệp nhân quả báo của chính mình quả là bất hạnh, nhưng vẫn còn chút may mắn là biết đến cháu con. Nhưng cháu con có được hiền lương hay không, thật cũng không thể biết trước chuyện về sau được. Tuy nhiên, những người con cháu có phẩm hạnh tài trí hơn người vẫn thường xuất hiện rất nhiều trong những gia đình đạo đức. Kinh Thi có câu: "Nhà có đức độ thì con cháu đều được tốt đẹp hưng thịnh." Kinh Thư lại có câu: "Lấy công nghiệp với đức hạnh truyền lại cho con cháu về sau." Những lời dạy của các bậc thánh hiền đời trước rất hiển nhiên, mà đến nay thì lại càng thêm rõ rệt hơn nữa.

Sự tốt đẹp nếu đến sau mười đời hoặc năm đời, tất nhiên gọi đó là phước báo xa.Nhưng nếu như được thật nhiều con cái tài năng đức độ, đông đúc một nhà, nhìn thấy ngay trước mắt, thì đó cũng vẫn gọi là phước báo xa. Vì sao thế? Ấy là vì lấy theo tự thân mình mà nói, nếu phước báo không phải đến với tự thân mình thì đều gọi là phước báo xa.

Trưng dẫn sự tích

Đem hết lòng thành dạy dỗmuôn người[423]

Đời Bắc Tống, có người tên Đặng Chí, nhận học trò dạy tại nhà.Mỗi khi có người đưa con em đến xin học, ông đều hết sức thật lòng dạy dỗ, trước tiên là lễ nghĩa,đức hạnh, sau đó là văn chương, tài nghệ.Học trò ông có rất nhiều người thành đạt. Con cháu ông cũng nhiều người đỗ đạt vinh hiển.

Vào niên hiệu Hy Ninh năm thứ chín,[424]hoàng đế Bắc Tống là Tống Thần tông ngự đến điện Tập Anhđích thân lựa chọn tiến sĩ.Lúc bấy giờ, con traitrưởng của

[423] Trích từ Tống sử (宋史). (Chú giải của soạn giả)

[424] Tức là năm 1076.

Đặng Chí là Đặng Oản[425]đang giữ chức Hàn lâm Học sĩnên đứng cạnh hoàng thượng.Khi xướng tên những người được tuyển chọn, đến tên em trai ông là Đặng Tích, Oản bước xuống trước điện lễ tạ.Lại xướng đến tên hai đứa cháu của ông, Oản cũng bước xuống trước điện lễ tạ.Hoàng thượng thấy cảnh ấy rất hài lòng, nhìn ông cười lớn. Vương Cung Công đứng bên cạnh cũng ngợi khen rằng:"Ấy nhờ người cha là Đặng Chí đem hết lòng thành dạy dỗ muôn người nên kết quả cháu con mới được như thế!"

Lời bàn

Người khác đã gọi mình là thầy, quay mặt về hướng bắc[426]phụng sự tôn thờ mình, thì mình phải đem hết lòng thành ra mà dạy dỗ,như vậy mới không phụ lòng mong đợi của họ. Đặng Chí đã hết lòng giúp cho con em người khác được thành tựu, tất nhiên trời cũng giúp cho con cháu của ông được thành tựu, tiếp nối sinh ra những bậc tài trí đức độ. Đó cũng là lẽ đương nhiên phải vậy.

Mất con rồi lại sinh con[427]

Vào đời Bắc Tống, ở Kiền Châu[428] có người tên Vương Nhữ Bật, thường rất cẩn trọng trong lời nói và việc làm. Khi ấy, ở thôn phía đông có người tên Lưu Lương, ở thôn phía tây có Hà Sĩ Hiền, cả hai đều có ông nội trước đây là người hết sức hiền thiện, thường làm nhiều việc tích đức.Vào năm QuýMùithuộc niên hiệu Sùng Ninh,[429] hai nhà Lưu, Hà đều sinh con trai, cả hai đứa con lớn lên đều thông minh xuất chúng, hai nhà liền thỉnh Vương Nhữ Bật làm thầy dạy.

Lưu Lương với Hà Sĩ Hiền, tuy nhà giàu có nhưng đối đãi với người khác hết sức khắc nghiệt, khinh bạc, thật kém xa ông nội của họ. Đến tháng ba năm Tân Mão thuộc niên hiệu Chính Hòa,[430]một hôm Vương Nhữ Bật đang đứng trước

---

[425] Đặng Oản (鄧綰- 1026-1086), là vị quan khá nổi tiếng đời Bắc Tống, được ghi tên vào Tống sử, quyển 329. Ông còn để lại khá nhiều trước tác như Trị bình văn tập (30quyển), Hàn lâm chế tập (10quyển), Tây viên chế tập (3 quyển), Tấu nghị (20quyển), Tạp văn thi phú (50quyển)...

[426] Theo nghi lễ thời cổ đại Trung Hoa, bầy tôi đối với vua hay học trò đối với bậc thầy, khi hành lễ đều quay mặt về hướng bắc để bày tỏ sự thần phục, tôn kính.

[427] Trích từ sách Công quá cách (功過格). (Chú giải của soạn giả)

[428] Nay là Cám Châu thuộc tỉnh Giang Tây.

[429] Tức là năm 1103, thuộc đời vua Tống Huy Tông.

[430] Tức là năm 1111.

cửa bỗng thấy một đoàn người ngựa đi qua, dáng vẻ giống như quan quân. Họ đi về phía nhà Hà Sĩ Hiền, vào thẳng trong cửa rồi có người đưa ngón tay lên vẽ thành hình gì đó. Sau đó lại đi sang nhà Lưu Lương, cũng làm giống như vậy. Vương Nhữ Bật đến hỏi cả hai nhà, họ đều nói không thấy, không biết gì cả. Không bao lâu sau phát sinh nạn dịch, hai đứa con của Hà Sĩ Hiền và Lưu Lương đều chết cả.

Mùa thu năm ấy, Vương Nhữ Bật thấy mình bị bắt đưa đến minh phủ dưới âm ty, nhìn thấy Diêm vương đầu đội mũ miện ngồi quay mặt về hướng nam, gọi Vương Nhữ Bật mà hỏi: "Ông là Vương Nhữ Bật ở Kiền Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây phải không?" Ông liền đáp: "Không phải, tôi là Vương Nhữ Bật ở Kiền Châu thuộc tỉnh Giang Tây." Diêm vương liền lệnh Phán quan tra xét lại, thấy Vương Nhữ Bật này tuổi thọ còn dài, hóa ra đã bắt nhầm người. Vương Nhữ Bật nhân đó liền thưa hỏi về hai đứa con của Hà Sĩ Hiền và Lưu Lương vì sao đều chết yểu. Diêm vương đáp: "Hai đứa ấy, lẽ ra sau này sẽ là hai trụ cột phò tá triều đình, do thiên tào xét âm đức ông nội của họ rất lớn nên xứng đáng cho con cháu được hiển vinh, chỉ vì Lưu Lương với Hà Sĩ Hiền, hai người ấy tâm niệm không tốt, hành xử đối đãi hoàn toàn trái ngược với ông nội, vì thế mới thu hồi hai đứa con quý hiển. Không bao lâu nữa sẽ tước bỏ luôn toàn bộ sản nghiệp của hai nhà ấy."

Vương Nhữ Bật được sống lại, mới biết đã chết hai ngày rồi. Vương Nhữ Bật liền gọi cả hai người Lưu Lương và Hà Sĩ Hiền đến, thuật lại tường tận mọi việc. Cả hai đều rơi nước mắt hối hận, từ đó đem hết sức rộng làm việc thiện, cứu người giúp đời. Đến năm Ất Mùi,[431] cả hai nhà lại sinh được con trai, họ Lưu đặt tên là Lưu Triệu Tường, họ Hà đặt tên là Hà Ứng Nguyên, lại cũng thỉnh Vương Nhữ Bật làm thầy dạy. Đến năm Quý Sửu thuộc niên hiệu Thiệu Hưng,[432] cả hai đều đỗ tiến sĩ, được ban phong địa vị cao quý, vinh hiển.

Lời bàn

Nhờ có ông nội tích âm đức nên được ban cho quý tử, nhưng do tâm tính không tốt, đối đãi khắc nghiệt, khinh bạc với người khác mà còn bị mất con, huống hồ

---

[431] Tức là năm 1115.

[432] Tức là năm 1133.

nếu không có ông nội tu nhân tích đức thì phải gánh chịu quả báo còn đáng sợ đến mức nào nữa?

Lại ngay trong đời hiện tại đã bị báo ứng xấu mất đi quý tử, nhưng nhờ biết tu nhân tích đức nên lại sinh được quý tử, huống chi nếu người chưa bị trời khiển trách mà sớm biết tu nhân tích đức thì quả báo còn tốt đẹp đến mức nào nữa?

Thế mới biết câu "Cầu con cái sẽ được con cái" quả là đúng thật, không phải lời hư dối, chỉ có điều là cần phải biết phương cách để cầu như thế nào mà thôi.

Thần chỉ đất chôn[433]

Vùng Kiến Ninh có quan Thiếu sư là Dương Vinh, gia đình nhiều đời làm nghề đưa đò để sống.Có một năm mưa lớn kéo dài, nước sông dâng cao, ngập trôi các vùng dân cư, khiến người đuối nước theo dòng trôi xuống rất nhiều.Các thuyền khác đều tham vớt tài vật trôi sông, chỉ riêng ông cố với ông nội của Thiếu sưđem hết sức chuyên tâm cứu người, tuyệt nhiên không vớt lấy bất kỳ món đồ vật nào, người làng đều cười chê là ngu dại.

Đến khi cha của Thiếu sư sinh rathì gia đình đã dần dần khá giả lên.Một hôm có vị thần hóa thành đạo sĩ, đến nói với cha Thiếu sư rằng: "Ông nội của ông có âm đức lớn, con cháu về sau sẽ được phúquý vinh hiển, nên cải táng nơi chỗ đất này."Rồi chỉ cho một chỗ đất. Gia đình y theo đó mà cải táng. Thế đất ấy ngày nay các thầy địa lý gọi là gò bạch thố. Sau sinh ra Thiếu sư, hai mươi tuổi đã đỗđạt, địa vị lên đến hàng Tam công, ông cố và ông nội cũng được triều đình truy tặng quan tước như vậy. Con cháu về sau nhiều đời đều được phú quý hưng thịnh.

Lời bàn

Những cuộc đất chôn tốt hay xấu đều có quan hệ đến những nguyên lý nhất định, không phải con người có thể cố sức gượng ép mà cầu được. Người đời không lo tu nhân tích đức, chỉ lo cầu thầy địa lý giỏi, mong được chỉ cho chỗ đất chôn tốt lành, quan niệm như thế thật hết sức sai lầm.

---

433 Trích từ sách Thiện dư đường bút thừa (善餘堂筆乘). (Chú giải của soạn giả) Câu chuyện này cũng đã được trích dẫn ở phần "Sông rộng giúp thuyền bè đưa người qua lại", được ghi là trích từ sách Ý hành lục (懿行錄).

Nhưng nếu hoàn toàn không tin phong thủy, chẳng quan tâm đến phương hướng ngày giờ, nói rằng chỉ cần chọn chỗ ngày sau không làm đường sá, không xây thành quách là có thể an táng được, ắt có thể nhầm chôn thân nhân vào nơi cuộc đất hung sát tuyệt địa, như thế cũng là sai lầm.

Cứ xem như cuộc đất táng của nhà Thiếu sư phát khởi được sự tốt lành, ấy là có quan hệ đến việc được thần nhân mách bảo, thì thấy rằng thuyết phong thủy thật không thể không tin.

Nhưng lại xét việc ông cố, ông nội của Thiếu sư đã tu nhân tích đức như thế nên gia đình mới gặp được cuộc đất tốt lành như thế, thì biết rằng cũng không thể hoàn toàn dựa vào nơi thuyết phong thủy.

Trăm điều phúc lành cùng đến, ngàn việc tốt đẹp tụ về, đều nhờ nơi âm đức

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: *"Trăm điều phúc lành đồng thời đến, ngàn việc tốt đẹp hội tụ về, chẳng phải nhờ việc tích tạo âm đức mà được như thế đó sao?"*Một câu kết này là nêu lên hiệu quả của tất cả những việc bỏ ác làm lành đã nói ở trên, dùng để thâu tóm lại bố cục của toàn bài văn. Từ câu văn đầu nêu ra hết thảy các việc hiền thiện được thực hiện đến mức "thấu tận trời xanh", liền tương ứng với trong câu cuối này được kết quả "trăm điều phúc lành, ngàn việc tốt đẹp".

Tuy nói chung phước báo tốt đẹp là như thế, nhưng trong đó cũng không phải là không có sự phân tích chi ly từng việc. Chẳng hạn như, "thường không ngừng việc giúp người" ắt sẽ có phước báo tốt đẹp của việc giúp người, "âm thầm làm đủ mọi công đức" ắt sẽ có phước báo tốt đẹp của việc làm công đức... Việc thiện lớn lao ắt phước báo cũng lớn lao, việc thiện nhỏ nhặt ắt phước báo cũng nhỏ nhặt.Chuyện báo ứng có thể tin chắc như thủy triều sáng tối lên xuống không hề sai lệch, lại nhanh chóng như vung tay đánh trống, tức khắc có tiếng vang.

Chữ "âm đức" được dùng hai lần trong bài văn này. Lần đầu tiên nói: "rộng làm những việc âm đức, thấu tận trời xanh", đó là Đế quân lấy việc của chính tự thân mình ra để dạy dỗ, tự nói việc mình rộng làm âm đức đã cảm động thấu đến lòng trời. Lần thứ hai trong câu kết này nói rằng "trăm phúc lành, ngàn điều tốt đẹp" đều nhờ nơi âm đức, đó là Đế quân khuyến khích, cổ vũ mọi người, mong muốn tất cả chúng ta đều kính ngưỡng làm theo giống như Đế quân, ắt cũng sẽ được sự cảm ứng "thấu tận trời xanh" như vậy.

Trưng dẫn sự tích

Sống cõi người hưởng phước cõi trời[434]

Vua Tần-bà-sa-laở Ấn Độ có một quan đại thần[435] tên Thọ-đề-già, giàu có vô cùng, mọi thứ muốn dùng đều tự nhiên có đủ. Một hôm, quốc vương đang lâm triều bỗng có một cơn gió lớn nổi lên, thổi đến trước cung điện một chiếc khăn tay bằng loại vải trắng cực kỳ mịn màng xinh đẹp, không giống bất kỳ loại vải nào ở thế gian. Vua lập tức mang đưa cho tất cả các quan trong triều xem qua, ai cũng cho rằng đất nước sắp được hưng thịnhnên trời ban điềm lành. Chỉ có Thọ-đề-già lặng im không nói gì.Vua hỏi vì sao không nói, ông thưa: "Thật không dám nói dối bệ hạ, cái khăn đó là của nhà tôi dùng để lau mình, giặt phơi bên bờ hồ,tình cờ bị gió thổi đến đây."

Mấy hôm saulại có một bông hoa chín màu tuyệt đẹp,[436] lớn như bánh xe,từ đâu bay đến rơi xuống ngay trước điện của vua.Vua lại gọi đến hỏi, Thọ-đề-già thưa: "Thật không dám nói dối bệ hạ, đó là bông hoa héo ở vườn sau nhà tôi, tình cờ bị gió thổi đến đây."

Vua hết sức kinh ngạc, liền nói với Thọ-đề-già: "Ta muốn đến nhà ông thăm viếng xem chơi, định dẫn theo chừng 200.000 người, nhà ông có đủ chỗ không?"Thọ-đề-già thưa: "Xin tùy ý bệ hạ."Vua lại nói: "Ta nên đến vào ngày nào,ông có thể chuẩn bị kịp không?"Thọ-đề-già thưa: "Xin tùy bệ hạ chọn ngày, tôi không cần phải chuẩn bị. Nhà tôi có giường ghế tự nhiên xuất hiện theo ý muốn, không cần người mang ra; thức ăn tự nhiên mà có, không cần người nấu nướng;khi muốn ăn thì thức ăn tự nhiên hiện đến,khi ăn xong thì tự nhiên mất đi, không cần dọn dẹp."

---

[434] Trích từ kinh Thọ-đề-già (樹提伽經). (Chú giải của soạn giả)Tên đầy đủ của kinh này là Phật thuyết Thọ-đề-già kinh (佛說樹提伽經), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 14, có hai dị bản khác nhau mang kinh số 540a và 540b, mỗi bản đều có 1 quyển, đều ghi là do ngài Cầu-na-bạt-đà-la dịch từ Phạn ngữ sang Hán ngữ vào đời Lưu Tống. Trong bản 540a, chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 825, tờ a. Trong bản 540b thì chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 9, trang 826, tờ a. Chuyện được lược kể lại, không trích nguyên văn kinh.

[435] Cả hai bản kinh 540a và 540b đều dùng chữ "trưởng giả" (長者) để chỉ ông Thọ-đề-già. An Sỹ toàn thư chép là đại thần (大臣) có lẽ cố ý điều chỉnh cho phù hợp với nội dung trong kinh.

[436] An Sỹ toàn thư chép là "cửu sắc kim hoa" (九色金花), giống với bản kinh 540a. Tuy nhiên, bản 540b chép là "cửu sắc chi hoa" (九色之花) hợp lý hơn, vì là hoa tươi nên không phải bằng vàng (kim hoa), và đã nói có 9 màu (cửu sắc) thì cũng không thể là hoa màu vàng (kim hoa). Chúng tôi dịch theo bản kinh 540b.

Vua liền dẫn theo 200.000 người đến nhà Thọ-đề-già theo cửa phía nam đi vào.Vừa bước vào liền gặp một đứa trẻ[437]dung mạo hết sức xinh đẹp dễ thương, vua hỏi: "Đây là con cháu của ông phải không?"Thọ-đề-già đáp: "Thưa không, đó là đứa đầy tớ giữ cửa nhà tôi."Vua lại đi tiếp vào đến cửa trong, nhìn thấy một thiếu nữ[438]xinh đẹp tuyệt trần, liền hỏi: "Đây là vợ ông phải không?"Thọ-đề-già đáp: "Thưa không, đây là đứa nữ tì lo việc giữ cửa trong." Vua lại đi tiếp, vào đến trước sân nhà, thấy vách nhà bằng bạc trắng, nền đất bằng thủy tinh trong suốt, vua nhìn tưởng là nước nên không dám bước chân lên.Thọ-đề-già liền nói: "Nền thủy tinh này cứng chắc lắm, không gì có thể phá vỡ được."Liền đi trước dẫn đường cho vua bước vào, bên trong đã có giường vàng, ghế ngọc sẵn sàng.

Phu nhân của Thọ-đề-già từ bên trong rẽ qua một tấm trướng che có 120 lớp toàn bằng bảy món báu,[439] thong thả bước ra, đến thi lễ trước mặt vua, vừa ngẩng đầu lên thì tự nhiên chảy nước mắt. Vua liền hỏi Thọ-đề-già: "Phu nhân của ông vì sao nhìn thấy ta lộ vẻ không vui?"Thọ-đề-già thưa: "Không phải, chỉ vì trên thân bệ hạ có mùi khói, vợ tôi không quen nên bị chảy nước mắt đó thôi." Vua nói: "Dân thường dùng mỡ làm dầu thắp đèn, chư hầu dùng đèn bằng sáp, thiên tử như ta dùng nhựa sơn để thắp, không hề nhìn thấy khói, vậy mà trên thân ta lại có hơi khói khiến vợ ông chảy nước mắt sao?" Thọ-đề-già: "Ấy là vì nhà tôi không quen thắp đèn bằng những thứ như bệ hạ vừa nói, chỉ dùng một viên thần châu minh nguyệt treo ở giữa nhà, tự nhiên tỏa sáng, đêm cũng như ngày."

Thọ-đề-già lại đưa vua đi xem các nơi. Trước nhà có một lầu cao đến 12 tầng, rộng lớn mênh mông, dọc ngang hoành tráng, nhìn từ bên này thấu suốt bên kia. Lần lượt thăm thú các nơi trong nhà, thấm thoát đã qua một tháng mà vẫn chưa

---

[437] Cả 2 bản kinh 540a và 540b đều chép là "nhất đồng tử" (一童子), nghĩa là chỉ có một đứa trẻ thôi. Ngoài bản Đại chánh tạng, chúng tôi cũng tra cứu cả 2 bản Càn Long tạng và Vĩnh Lạc Bắc tạng, đều thấy chép tương tự, nhưng An Sỹ toàn thư chép là "tam thập đồng tử" (三十童子), không biết căn cứ vào đâu. Xét theo văn cảnh thì việc dùng đến 30 đứa trẻ để giữ cửa cũng không hợp lý, nên chúng tôi dịch theo kinh văn.

[438] Tương tự như trên, chỗ này cả 2 bản kinh 540a và 540b đều chép là "nhất đồng nữ" (一童女), nghĩa là chỉ có cô gái thôi, nhưng An Sỹ toàn thư chép là "tam thập đồng nữ" (三十童女), không biết căn cứ vào đâu. Xét theo văn cảnh thì việc dùng đến 30 cô gái để giữ cửa cũng không hợp lý, nên chúng tôi dịch theo kinh văn.

[439] Bảy món báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa-cừ, xích châu và mã não.

đi khắp. Các quan đại thần cùng tâu xin vua hồi cung, vua không thèm để ý, tiếp tục đi thăm những chỗ vườn, hồ quanh nhà, lại trải qua đến một tháng nữa. Đến khi vua hồi cung, Thọ-đề-già liền mang ra các thứ lụa là quý báu làm quà tặng cho hết thảy 200.000 người cùng đi.

Vua về cung rồi, nói với các vị đại thần rằng: "Thọ-đề-già là bầy tôi của ta, vì sao nhà cửa, vợ con, tài sản các thứ đều vượt trội hơn ta? Nay ta muốn mang 400.000 quân đến đánh lấy những tài sản ấy có được chăng?" Các đại thần đều cho là được. Vua liền cất quân đến vây kín nhiều vòng quanh nhà Thọ-đề-già. Bỗng thấy từ trong nhà có một lực sĩ mở cửa bước ra, tay cầm cây gậy bằng vàng, vung lên múa quanh một vòng, tất cả 400.000 người ngựa đều đồng loạt ngã lăn xuống đất không sao đứng dậy được.

Khi ấy, Thọ-đề-già từ trong nhà ngồi trên xe bằng gỗ quý có khảm xa cừ đi ra, hỏi mọi người rằng: "Các vị có muốn đứng dậy chăng?" Mọi người đều nói muốn. Thọ-đề-già liền vẫy tay một cái, tự nhiên tất cả người ngựa đều đứng dậy được. Vua biết không thể dùng sức mạnh để cướp đoạt, liền tự lui binh về.

Lời bàn

Sau đó, vua Tần-bà-sa-la cùng với Thọ-đề-già đi đến chỗ đức Thế Tôn,thưa hỏi về nhân duyên đời trước của Thọ-đề-già. Đức Phật dạy: "Cách đây vô số kiếp về trước, có một người khách buôn, khi đi qua một con đường núi,nhìn thấy một vị tăng đang bị bệnh, ông liền phát tâm cung kính cúng dường, lo lắng cho vị tăng ấy có chỗ ở, đồ ăn thức uống và đầy đủ tất cả mọi thứ cần dùng, không để thiếu thốn bất cứ món gì. Sau đó lại phát nguyện rằng: 'Nguyện trong đời sau tôi sẽ có được sự cung ứng mọi thứ tự nhiên như trên cõi trời, lại nguyện tôi được sớm thành quả Phật, cứu vớt tất cả chúng sinh trong ba đường dữ.'Nhờ phước lành của sự bố thí cúng dường đó mà đến đời này, tuy sống trên mặt đất nhưng được hưởng phước như ở cõi trời. Khách buôn ngày đó nay chính là ông Thọ-đề-già, vị tăng có bệnh ngày đó nay chính là ta."

Phước báo của cả nhà[440]

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Bạt-đề có một vị đại cư sĩ tên là Mân-đồ, giàu có vô cùng, mọi người trong thành nếu có bất kỳ nhu cầu gì cũng đều được ông tùy ý chu cấp cho đầy đủ.

Trong kho lúa nhà ông Mân-đồ có một cái lỗ lớn như bánh xe, lúa thóc từ trong đó tự nhiên tuôn ra. Vợ ông lấy 8 thăng gạo nấu thành cơm cho bốn bộ binh với khách đến từ bốn phương cùng ăn mà vẫn không hết. Con ông lấy một ngàn lượng vàng mang ra tùy ý phân phát cho bốn bộ binh cùng tất cả những người hành khất từ bốn phương kéo đến nhưng vẫn không hết. Vợ ông lấy một gói hương bột thơm xoa lên thân cho bốn bộ binh và người từ bốn phương đến xin nhưng vẫn không hết. Nô bộc của ông chỉ dùng một mảnh ruộng cày mà được rất nhiều lúa thóc. Con hầu của ông lấy 8 thăng lúa mang cho ngựa của bốn bộ binh cùng ăn mà vẫn không hết.

Tất cả những người trong nhà cư sĩ Mân-đồ đều tranh nhau, ai cũng cho rằng phước lực của mình là hơn. Mân-đồ liền tìm đến thưa hỏi đức Phật. Đức Phật dạy: “Nếu nói về phước lực thì tất cả người trong nhà ông đều có cả.” Rồi đức Phật kể về nhân duyên đời trước rằng:

“Xưa kia, trong thành Vương Xá có một người thợ dệt. Một hôm ông cùng vợ và con cái, nô bộc, con hầu đều sắp sửa dùng cơm thì có một vị Bích-chi Phật[441] đến khất thực. Cả nhà ai cũng muốn lấy phần ăn của mình để cúng dường, vị Bích-chi Phật liền dạy: ‘Chỉ cần mỗi người bớt một chút thức ăn thôi, như thế các người không phải chịu đói mà ta cũng được no.’ Mọi người liền vâng lời làm theo. Vị Bích-chi Phật thọ thực vừa xong liền bay lên hư không, hiện đủ

---

[440] Trích từ Tứ phần luật (四分律). (Chú giải của soạn giả) Bộ luật này được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 22, kinh số 1428, tổng cộng có 60 quyển, do các ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch từ Phạn văn sang Hán văn vào đời Dao Tần. Tuy nhiên, đoạn trích này thật ra là lấy từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), được đưa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 13, trang 879a, quyển 80, mở đầu bằng câu “Hựu Tứ phần luật cập Sa-di tắc luật vân -又四分律及彌沙塞律云” (Lại như trong Tứ phần luật và Sa-di tắc luật có nói rằng). Do câu này mà An Sỹ toàn thư đã dẫn chú là trích từ Tứ phần luật.

[441] Bích-chi Phật (辟支佛),phiên âm từ Phạn ngữ là Pratyeka-buddha, cũng gọi là Bích-chi-ca Phật, còn có các danh xưng tương đương thường gặp khác là Duyên giác Phật, Độc giác Phật. Đây là những vị ra đời vào lúc không có Phật, tự mình quán chiếu Mười hai nhân duyên mà được chứng ngộ giải thoát, do đó mà gọi là độc giác (tự giác ngộ một mình) hay duyên giác (nhờ quán nhân duyên mà giác ngộ).

các phép thần biến. Cả nhà người thợ dệt được nhìn thấy đều hết sức hoan hỷ. Sau khi qua đời, họ đều được sinh lên cõi trời. Đến nay sinh trong cõi người nhưng phước báo vẫn còn chưa hết nên được như thế.”

Lời bàn

Tục ngữ có câu: “Một người có phước, cả nhà cùng hưởng.”Tuy nói thế nhưng cần phải biết rằng, những người sống cùng trong một nhàdù có được ảnh hưởng phước báo của người kia, nhưng tự thân họ cũng đều có phước báo riêng, chỉ có điều là phước lớn hay nhỏ đều tùy thuộc vào nhân duyên đời trước của mỗi người. Cho nên con cái của những nhà sang quý ắt không có tướng mạo của kẻ ăn mày, mà con cái của những nhà hèn kém cũng không thể có được vận mệnh của hàng công khanh quan tướng. Vì sao như thế? Ấy là vì nghiệp báo tương đồng chiêu cảm lẫn nhau, nên nghiệp lực giống nhau tất nhiên sẽ cùng tụ hội về chung một nhà.

Nhiều đời khoa bảng[442]

Huyện Thái Thương thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Vương Tích Tước, tên tự là Nguyên Ngự, hiệu là Kinh Thạch, vua ban tên thụy là Văn Túc.[443]Ông bản tính khiêm tốn, nhân từ hòa ái, thường ngày luôn âm thầm làm rất nhiều việc công đức. Triều Minh, vào đời Minh Thần Tông được phong đến chức Thủ phụ.[444] Tuy được sang quý hiển vinh, ông vẫn sống chung thủy trọn đời với vợ, không nạp tiểu thiếp. Chùa chiền các nơi bất kể lớn hay nhỏ ông đều ủng hộ, viết hoành phi cúng dường. Những năm về già, ông cho rước thợ về nấu vàng, bạc chế thành mực vẽ để vẽ tranh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, rồi tự tay viết

---

[442] Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Vạn tân toản Tục tạng kinh, thuộc tập 88, kinh số 1642, tổng cộng có 4 quyển, do ngài Giới Hiển ghi chép vào đời Minh. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 13, trang 39, tờ c, thuộc quyển 3. Soạn giả đã lược kể lại chứ không trích nguyên văn từ trong sách.

[443] Vương Tích Tước là một vị quan nổi bật đời Minh Thần Tông, sau khi mất còn được vua truy tặng là Thái Bảo, cho lập đền thờ. Ông sinh năm 1534, mất năm 1614. Năm 1562 ông tham gia kỳ thi Hội, đỗ đầu, tiếp theo thi Đình đỗ thứ nhì, sau Thân Thời Hành. Ông lần lượt giữ các chức quan Hàn lâm viện biên tu, Thị giảng học sĩ,Lễ bộ hữu thị lang... Đến mùa xuân năm 1593 thì thăng đến chức Thủ phụ. Tiểu sử của ông được chép trong sách Minh sử, quyển 218. Em trai ông là Vương Đỉnh Tước cũng đỗ tiến sĩ, làm quan nhiều năm, thường làm việc thiện cứu người giúp đời, nhiều đến nỗi người dân Thái Thương cảm kích tôn xưng là Cứu Mệnh Vương Bồ Tát.

[444] Thủ phụ: chức quan đứng đầu triều chính, tương đương với Tể tướng.

bản Tâm kinh Bát-nhã lên mỗi bức, cúng dường phân phát cho rất nhiều người, bất kể số lượng.

Con trai của Vương Tích Tước là Vương Hoành, tức tiên sinh Câu Sơn, từng thi đỗ Bảng nhãn.

Cháu nội của Vương Tích Tước là Vương Thời Mẫn, tức tiên sinh Yên Khách, là người thường tu sửa đức hạnh, hết sức tin sâu Tam bảo, mỗi buổi sáng đều dậy thật sớm súc miệng rửa mặt rồi lễ lạy tụng kinh.Ông thường nói với người khác rằng: "Ta từ năm 17 tuổi đã trì kinh Kim cang mỗi ngày, cho đến nay gần 80 tuổi vẫn chưa từng bỏ sót ngày nào." Năm mất mùa đói kém, tiên sinh là người đầu tiên đề xuất việc bán gạo trong kho địa phương ra với giá thấp để bình ổn, cũng như nấu cháo cứu tế dân nghèo. Người cùng làng có ông Lục Doãn Thăng, hiệu là Hiếu Liêm, tên tự là Tử Tựu, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến một ngôi chùa lớn, có 6 người cùng gánh đậu tới. Nhìn vào chỗ đậu ấy thì thấy có đậu nành lẫn lộn với những hạt đậu ngựa rất to. Hiếu Liêm lấy làm ngạc nhiên liền lên tiếng hỏi, có vị tăng già đứng bên cạnh đáp: "Đó là những việc thiện mà ông Yên Khách trước đây đã từng làm. Cứ mỗi việc thiện lớn thì tính bằng một hạt đậu ngựa, mỗi việc thiện nhỏ là một hạt đậu nành. Tất cả đã được 600 cân."Hiếu Liêm tỉnh dậy đem việc này kể với mọi người nên ai ai cũng biết.

Tiên sinh Yên Khách sinh được 9 người con, hơn 20 người cháu, tất cả đều đỗ đạt cao, quan chức lớn. Người con thứ 8 là Vương Thiềm cũng được giữ cương vị quan trọng trong triều đình nhà Thanh,[445] tiên sinh cũng được triều đình truy tặng tước quan như con. Con cháu về sau nối đời vinh hiển không dứt.

Lời bàn

Những người có danh thơm tiếng tốt qua nhiều đời ở đất Thái Thương đều được ghi chép trong quốc sử, hoặc trong các bản gia phả tộc họ, nhiều không kể hết.

---

[445] Vương Thiềm sinh năm 1645, mất năm 1728, đỗ tiến sĩ vào năm Giáp Tuất, niên hiệu Khang Hy năm thứ 9 (1670), lần lượt giữ nhiều chức quan lớn. Đến năm 1704 thăng chức Hình bộ thượng thư, rồi lần lượt giữ các chức thượng thưCông bộ, Binh bộ, Lễ bộ.Niên hiệu Khang Hy năm thứ 51 (1712) được phong Văn uyên các Đại học sĩ, kiêm chức Lễ bộ thượng thư.

Nay chỉ xin đặc biệt trích ra đôi điều từ sách Hiện quả tùy lục do Vân Sư ghi chép,[446] đưa vào thiên cuối này để góp phần vào việc khuyến thiện.

Tạo phúc cho cả vùng Giang Nam[447]

Vùng Côn Sơn có người tên Từ Tại Xuyên, tên húy là Nhữ Long, là con trai của Từ Thân, vốn trước là quan chủ sự ở Hình bộ. Từ Tại Xuyên rất giỏi văn chương, Nghiêm Nột[448] ở Ngu Sơn[449] mời ông về làm thầy dạy học trong nhà. Trong thời gian trước đó, bọn giặc cướp Nhật Bản hung hăng bạo ngược lộng hành, khắp vùng duyên hải của hai tỉnh Giang Tô, Triết Giang đều vì chiến tranh mà bị tàn phá, dân chúng khổ sở chẳng biết dựa vào đâu mà sống. Đến năm Ất Mão thuộc niên hiệu Gia Tĩnh thứ 34,[450] hai vùng Tô Châu và Tùng Giang có đến 4 quận mất mùa đói thiếu, dân nghèo lưu lạc đầy đường. Khi ấy, các đại thần lo việc dẹp loạn chỉ nặng về chiến cuộc, không dám trình tấu lên triều đình những sự khổ sở đói kém của dân chúng. Bấy giờ, quan Cung đạm[451] của phủ Thái tử hiện đang ở nhà Nghiêm Nột. Từ Tại Xuyên khuyên họ Nghiêm nên vì dân thỉnh mệnh triều đình, Nghiêm Nột do dự chưa quyết. Tại Xuyên liền thay ông ta soạn thảo một sớ văn lưu loát đến mấy ngàn câu, văn từ hết sức chí thành khẩn thiết, để sẵn trong ống tay áo rộng, rồi đến chỗ họ Nghiêm khẩn khoản thuyết phục. Họ Nghiêm vẫn chưa đồng ý, muốn mời một thầy bói mù nổi tiếng linh nghiệm đến để quyết định việc này. Tại Xuyên liền thắp hương khấn cáo trời đất, cầu nguyện trời cao chứng giám giúp cho việc cứu dân được thành tựu, đồng thời kín đáo cho người mang tiền đến biếu thầy bói, nhờ gieo quẻ theo ý mình. Kết quả gieo được quẻ thăng, nội dung quẻ là "trời cao cùng trợ giúp, mọi sự đều tốt lành". Từ Tại Xuyên dựa theo đó liền bàn với họ Nghiêm rằng quẻ này ứng với mọi sự tốt đẹp, nếu dâng sớ lên triều

---

[446] Sách này trong Tục tạng kinh ghi rõ là do Đại sư Giới Hiển ghi chép. Đại sư từng trụ trì tại núi Vân Cư, có lẽ vì thế mà tiên sinh An Sỹ gọi ngài là Vân Sư.

[447] Chuyện này xem trong Đông Hải gia thừa (東海家乘). (Chú giải của soạn giả)

[448] Nghiêm Nột, tên tự là Mẫn Khanh, sinh năm 1511, mất năm 1584, sau khi mất được vua ban tên thụy là Văn Tĩnh. Ông đỗ tiến sĩ năm 1541, từng làm quan thăng đến các chức Lễ bộ tả thị lang, Lễ bộ hữu thị lang, Lại bộ thượng thư.

[449] Nay là huyện Thường Thục thuộc tỉnh Giang Tô.

[450] Tức là năm 1555.

[451] Chức quan lo việc cung ứng mọi nhu cầu cho Thái tử.

đình sẽ được chuẩn thuận, chẳng những muôn dân được hưởng phúc mà bản thân người dâng sớ cũng sẽ được quyền cao lộc hậu. Họ Nghiêm vui mừng lắm, liền mạnh dạn dâng sớ lên. Quả nhiên được triều đình chuẩn thuận, đồng loạt miễn thuế cho dân chúng trong toàn tỉnh Giang Nam, ngay cả số thóc đã vận chuyển về nhập kho rồi cũng cho dân được nhận đủ lại y số đã nộp. Người dân mừng vui khôn xiết, tiếng ngợi ca vang khắp xóm thôn. Không bao lâu sau, Nghiêm Nột được triệu về triều, thăng đến chức Thượng thư nắm giữ quyền chính. Từ Tại Xuyên sau đó được bổ làm huyện lệnh Giao Hà, lập được rất nhiều công trạng.

Con trưởng của Từ Tại Xuyên là Từ Ưng Sính,[452] làm quan thăng đến chức Thái bộc Thiếu khanh.

Cháu cố của Từ Ưng Sính có ba anh em là Từ Càn Học, Từ Bỉnh Nghĩa, Từ Nguyên Văn cùng nhau thi đỗ ba vị trí đầu bảng là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

Từ Càn Học làm quan Tư khấu, sinh được 5 người con là Từ Thọ Cốc,Từ Quýnh, Từ Thọ Mẫn, Từ Thọ Bình và Từ Tuấn, cả 5 người đều thi đỗ tiến sĩ, người đương thời gọi là “Ngũ tử đăng khoa”. Người nhỏ tuổi nhất là Từ Tuấn được phong đến chức Hàn lâm Học sĩ. Con cháu về sau đỗ đạt làm quan rất nhiều, thành một dòng họ khoa bảng hưng thịnh bậc nhất.

Lời bàn

Trong khoảng năm Kỷ Tỵ hoặc Canh Ngọ thuộc niên hiệu Khang Hy,[453] tiên sinh Lập Trai vào lúc sắp nhận chức Tướng quốc, ở tại nhà khởi thảo một bản sớ chương, đề nghị xét lại việc thuế má ở Tô Châu và Tùng Giang quá cao, xin được miễn giảm.

Khi ấy có một người họ Trần ra sức ngăn cản, nói rằng những khoản thu dùng cho việc quốc gia không thể nhất thời giảm đi quá nhiều, lại nói rằng những quan chức có ruộng đất ở Tô Châu sẽ ganh ghét gây ra chuyện không hay. Cuối cùng ông ta lại tự mình thay Lập Trai thảo ra một bản sớ chương, thúc giục tiên

---

[452]Từ Ưng Sính, tên tự là Bá Hoành, đỗ tiến sĩ năm 1583.

[453] Tức là trong khoảng năm 1689-1690.

sinh trình lên triều đình, đại ý trong đó nói là nên gác lại việc miễn giảm thuế. Về sau, việc miễn thuế do đó mà không được thực hiện.

Ngay trong năm đó, người họ Trần kia bỗng nhiên chết tại nhà. Lập Trai cũng bị bãi chức Tướng quốc, về làm dân thường.

Đem việc này so với việc Từ Tại Xuyên thay Nghiêm Nột thảo sớ chương, quả là khác nhau một trời một vực. Người đời khi nhắc đến chuyện này thường quy lỗi hoàn toàn cho quan Tướng quốc, cũng thật oan uổng. Người họ Trần kia vốn quê ở Gia Định, chỉ là giấu tên không nói ra thôi.

Giảng rộng bài văn Âm chất của Văn Xương Đế quân

Hết quyển hạ